

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng **CHÚ Ý**. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản, hoặc môi trường.

Các biểu tượng   trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng để vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng  được mã hóa bằng màu để thể hiện “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “chú ý” (màu hổ phách).

 **Nhãn An Toàn Tr. 104**

## Một Vài Chú Ý Về An Toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, các thông tin này không thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải tự xử lý được các tình huống.

Bạn sẽ thấy thông tin an toàn quan trọng này theo những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Nhãn An Toàn** - trên xe.
- **Cảnh Báo An Toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo  và một trong các từ sau: **NGUY HIỂM, CẢNH BÁO** hoặc **LƯU Ý**. Những tín hiệu này có nghĩa:

### **NGUY HIỂM**

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

### **CẢNH BÁO**

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

### **LƯU Ý**

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Đề Mục An Toàn** - những Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.
- **Phản Hướng Dẫn An Toàn** - Lái Xe An Toàn.
- **Hướng Dẫn Chung Khác** - cách sử dụng xe sao cho đúng và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc kỹ.

### **Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố**

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thông thường nhằm mục đích Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố. Thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi của các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

### **Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ**

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.



### **Ghi Nhận Dữ Liệu Của Xe\***

Xe này ghi lại các thông tin sau để làm dữ liệu khi Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) hoạt động.

- Hình ảnh của vật thể phía trước xe khi CMBS hoạt động
- Tình trạng hoạt động của từng chức năng của CMBS
- Hoạt động của bàn đạp ga/bàn đạp phanh
- Tốc độ xe
- Thông tin về quãng đường và tốc độ tương đối của mục tiêu được CMBS xác định khi bật.

Honda có thể lấy và sử dụng dữ liệu đó cho mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe Honda.

CMBS không ghi được hình ảnh hoặc âm thanh bên trong xe. Nếu muốn xem hoặc xóa dữ liệu (bao gồm cả hình ảnh) do CMBS ghi lại, phải có dụng cụ chuyên dụng.

Có thể tắt chức năng ghi hình ảnh CMBS, khi đó sẽ không hình ảnh nào được lưu khi bật CMBS.

### **Tiết lộ dữ liệu**

Honda sẽ không tiết lộ hoặc cung cấp dữ liệu do CMBS ghi lại cho bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi được chủ xe đồng ý
- Khi có yêu cầu của pháp luật, tòa án hoặc các yêu cầu pháp lý tương đương
- Khi dữ liệu đã được xử lý để ẩn danh phương tiện/người dùng, ví dụ như khi cần cung cấp dữ liệu đã tổng hợp cho các viện nghiên cứu

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Điều Khoản và Điều Kiện Cập Nhật Hệ Thống\*

### Điều Khoản Chung

Xe này có ứng dụng cho phép Màn Hình Âm Thanh của xe tự động tìm kiếm các bản cập nhật phần mềm của Honda dành riêng cho Màn Hình Âm Thanh và các thiết bị được kết nối (ban đầu cứ một (1) tuần một lần qua Wi-Fi hoặc bốn (4) tuần một lần qua Bộ Điều Khiển Viễn Thông (TCU)\*, các truy vấn có thể xảy ra thường xuyên hơn hoặc ít xảy ra do sự cố internet, do cố thử lại, do thao tác của người dùng, và do WAP gửi từ máy chủ hoặc do thay đổi chính sách truy vấn trên máy chủ Honda). Ứng dụng này sẽ gửi theo định kỳ một số thông tin của xe và thiết bị đến máy chủ (Số Nhận Dạng Xe VIN), Số Nhận Dạng Loại xe (MT), Số (Phụ Tùng Phần Cứng và Phần Mềm, Số Sê-ri, Phiên Bản Phần Mềm, ngôn ngữ ưu tiên, địa chỉ Giao Thức Internet (IP), Nhật Ký Giao Dịch (xem cảnh báo hoặc cập nhật, cập nhật tải xuống và cài đặt, trạng thái phần mềm), v.v.). Khi ứng dụng tìm thấy bản cập nhật từ máy chủ, màn hình sẽ hiển thị thông báo tải xuống và cài đặt bản cập nhật. Bạn có thể chọn tự động tải xuống và cài đặt các bản cập nhật này trong phần cài đặt hoặc chọn cập nhật hệ thống theo cách thủ công.

Khi Màn Hình Âm Thanh của xe tìm kiếm bản cập nhật hoặc cảnh báo từ máy chủ, máy chủ sẽ tự động cho phép bạn cập nhật thiết bị hoặc gửi bản cập nhật hoặc cảnh báo đến Màn Hình Âm Thanh. Lịch sử cài đặt các bản cập nhật hoặc cảnh báo cũng sẽ được lưu lại trên máy chủ.

### Dữ Liệu Cá Nhân

Nếu các thông tin trên được gửi đến hệ thống của Honda và hệ thống tự tìm ra thông tin cá nhân về vị trí của bạn, lưu ý rằng thông tin này sẽ được xử lý nghiêm ngặt theo đúng các quy tắc và quy định được nêu trong thông báo và luật bảo vệ dữ liệu hiện hành.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các điều khoản này có trong chính sách bảo mật của Honda và khi sử dụng các bản cập nhật hệ thống, bạn phải tuân thủ chính sách bảo mật. Chính sách bảo mật thông báo về việc Honda và bên thứ ba bất kỳ sẽ xử lý dữ liệu cá nhân do Honda thu thập được từ khách hàng hoặc khách hàng cung cấp cho Honda thông qua ứng dụng như thế nào.

Truy cập trang web của Honda để biết thêm thông tin chi tiết.

Honda thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu cá nhân của khách hàng vì những lý do dưới đây:

Bảo đảm các quyền lợi về mặt pháp lý cho Honda, như được liệt kê dưới đây, mà vẫn đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng.

- Cung cấp các bản cập nhật hệ thống và các dịch vụ liên quan đến khách hàng;
- Cải tiến và tối ưu hóa tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng;
- Giải đáp thắc mắc và khiếu nại của khách hàng; và lưu trữ hồ sơ nội bộ.

Việc bảo vệ lợi ích kinh doanh hợp pháp và quyền lợi hợp pháp của Honda bao gồm, nhưng không giới hạn, việc sử dụng gắn liền với việc tuân thủ, quy định, kiểm toán, các tuyên bố pháp lý (bao gồm việc tiết lộ thông tin liên quan đến quy trình pháp lý hoặc kiện tụng), các yêu cầu về đạo đức và các quy định tuân thủ khác.

Honda cũng sẽ chuyển đổi dữ liệu cá nhân thành dữ liệu ẩn danh và sử dụng dữ liệu đó (thường trên cơ sở thống kê tổng hợp) nhằm mục đích nghiên cứu và phân tích thị trường, cải tiến cập nhật hệ thống, phân tích xu hướng và đánh giá hiệu quả của các bản cập nhật phần mềm. Thông tin cá nhân được tổng hợp sẽ không nhận dạng cá nhân hoặc bất kỳ ai sử dụng bản cập nhật hệ thống.

Honda có thể chia sẻ dữ liệu này với tổ chức hỗ trợ trên toàn cầu của Honda hoặc các công ty con của Honda hoặc các bên thứ ba khác mà Honda liên kết nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến hỗ trợ hệ thống.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này được coi như một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho tất cả các loại xe. Bạn có thể tìm thấy các miêu tả về các thiết bị và các tính năng mà xe bạn không có.

Những hình ảnh có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này miêu tả những tính năng và thiết bị chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các loại xe. Bởi vậy, sẽ có một số tính năng mà xe bạn không có.

Thông tin và các thông số kỹ thuật có trong tài liệu có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor giữ bản quyền này và được quyền cất bỏ và thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên trái và vô lăng bên phải, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên phải.

#### **Lái Xe An Toàn** Tr. 37

Lái Xe An Toàn Tr. 38      Dây Đai An Toàn Tr. 43      Túi Khí Tr. 57

#### **Bảng Điều Khiển** Tr. 105

Đèn Báo Tr. 106      Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr.

#### **Điều Khiển** Tr. 181

Đồng Hồ Tr. 182      Khóa và Mở Khóa Cửa Tr. 186  
Vận Hành Các Công Tắc Quanh Vô Lăng Tr. 224  
Hạng Mục Tiện Ích Trong Xe Tr. 261

#### **Tính Năng** Tr. 287

Hệ Thống Âm Thanh Tr. 288      Màn Hình Âm Thanh\* Tr. 290  
Nhắc Nạp Nhiên Liệu\* Tr. 380

#### **Lái Xe** Tr. 381

Trước Khi Lái Xe Tr. 382      Kéo Rơ-moóc Tr. 386      Khi Lái Xe Tr. 389  
Camera Lùi Đa Hướng\* Tr. 519      Nạp Nhiên Liệu Tr. 521

#### **Bảo Dưỡng** Tr. 527

Trước Khi Tiến Hành Bảo Dưỡng Tr. 528      Hệ Thống Giám Sát Dầu\* Tr. 531  
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước Tr. 568  
Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu Tr. 585

#### **Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ** Tr. 597

Dụng Cụ Tr. 598      Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 600  
Không Gạt Được Cản Số Tr. 636      Quá Nhiệt Tr. 637  
Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu Tr. 655

#### **Thông Tin** Tr. 663

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 664      Số Nhận Dạng Xe Tr. 670



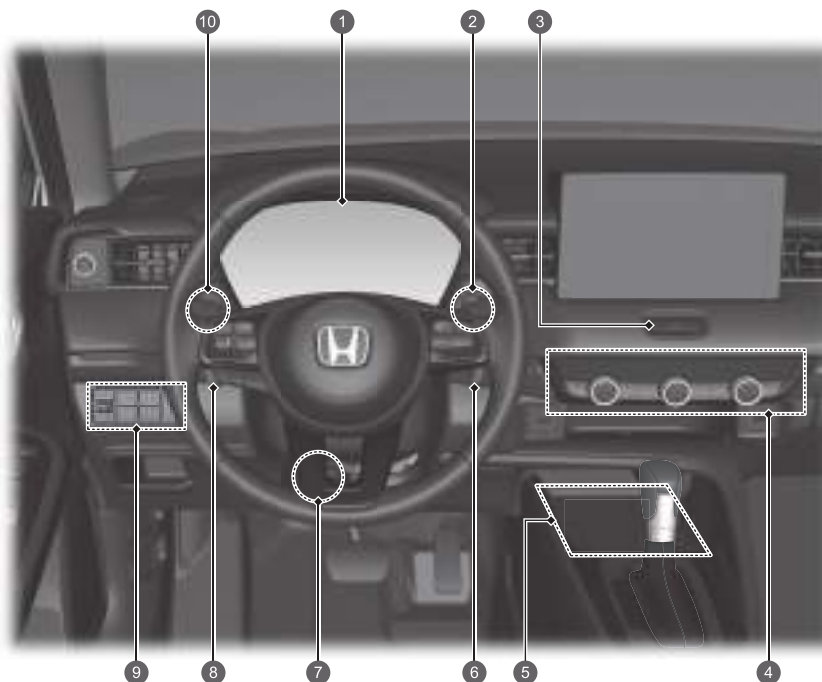
# Nội Dung

|                           |         |
|---------------------------|---------|
| Hướng Dẫn Tham Khảo Nhanh | Tr. 6   |
| Lái Xe An Toàn            | Tr. 37  |
| Bảng Điều Khiển           | Tr. 105 |
| Điều Khiển                | Tr. 181 |
| Tính Năng                 | Tr. 287 |
| Lái Xe                    | Tr. 381 |
| Bảo Dưỡng                 | Tr. 527 |
| Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ       | Tr. 597 |
| Thông Tin                 | Tr. 663 |
| Mục Lục                   | Tr. 678 |

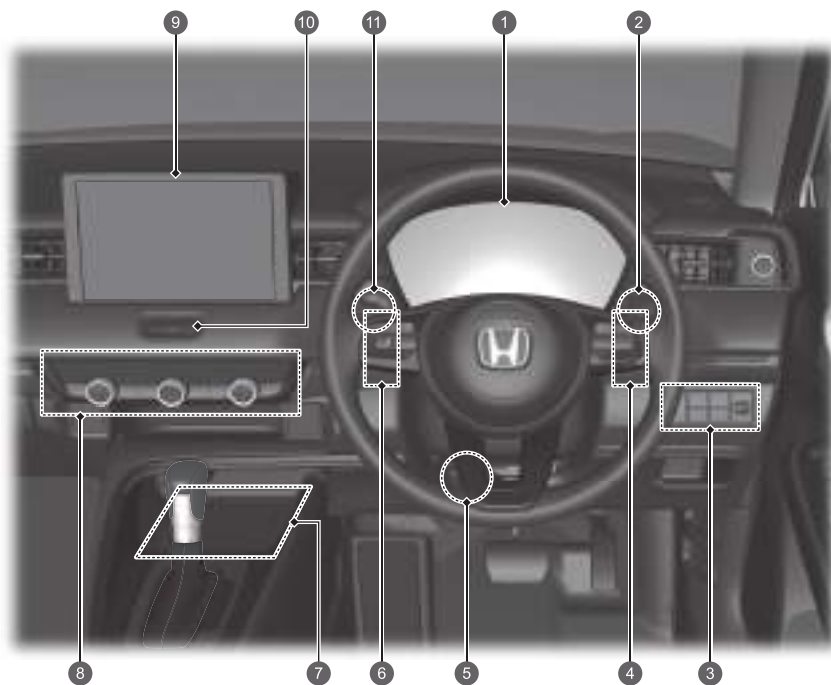
|                                                          |                                               |                                            |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------|
| An Toàn Cho Trẻ Tr. 69                                   | Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 103                      | Nhấn An Toàn Tr. 104                       |
| Cửa Hậu Tr. 205                                          | Hệ Thống An Ninh Tr. 217                      | Cửa Kính Tr. 220                           |
| Gương Tr. 244                                            | Ghế Ngồi Tr. 248                              |                                            |
| Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu Tr. 278                      |                                               |                                            |
| Thông Báo Lỗi Âm Thanh* Tr. 373                          | Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh* Tr. 374 |                                            |
| Honda Sensing* Tr. 430                                   | Phanh Tr. 502                                 | Đỗ Xe Tr. 512                              |
| Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO <sub>2</sub> Tr. 525 |                                               |                                            |
| Lịch Bảo Dưỡng Tr. 537                                   | Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-Pô Tr. 544              | Thay Bóng Đèn Tr. 562                      |
| Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 573                             | Ắc Quy Tr. 579                                | Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa Tr. 583 |
| Vệ Sinh Tr. 589                                          | Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 595                |                                            |
| Khí Năng Xe Bằng Kịch Tr. 625                            | Động Cơ Không Khởi Động Tr. 629               | Nếu Ắc Quy Chết Tr. 633                    |
| Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy Tr. 640                           | Cầu Chi Tr. 647                               | Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 654                    |
| Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio* Tr. 672                     | Tuân Thủ Quy Định* Tr. 677                    |                                            |

# Mục Lục Trực Quan

Loại Vô Lãng Bên Trái

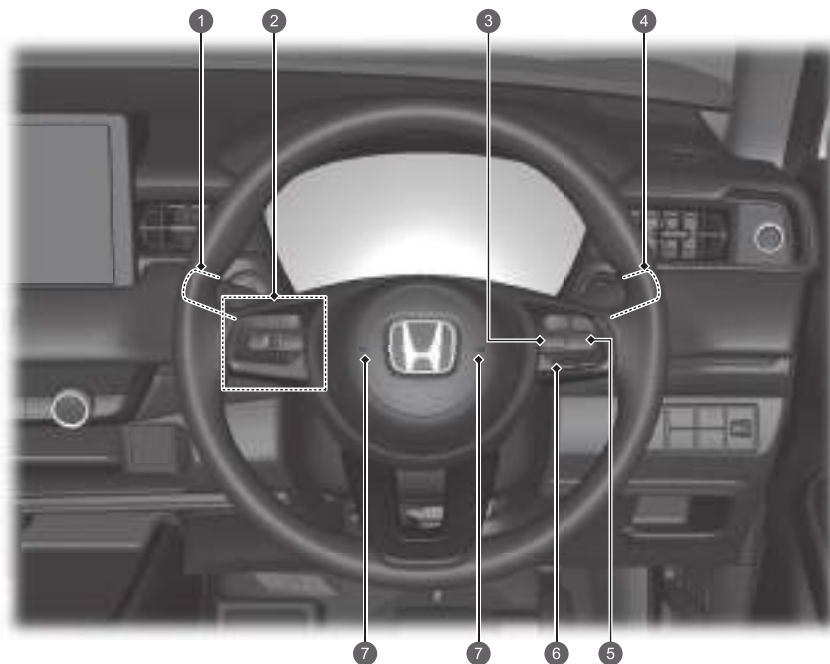


- ❶ Đèn Báo Hệ Thống ➡ Tr. 106
- Đồng Hồ Đo ➡ Tr. 126
- Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ➡ Tr. 129, 156
- ❷ Nút ENGINE START/STOP ➡ Tr. 224
- ❸ Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm
- ❹ Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu ➡ Tr. 278
- Sấy Kính Sau ➡ Tr. 241
- ❺ Sạc Không Dây\* ➡ Tr. 273
- ❻ Lấy Sang Số (Tăng số)\* ➡ Tr. 401, 405
- ❼ Điều Chỉnh Vô Lãng ➡ Tr. 243
- ❽ Lấy Sang Số (Giảm số)\* ➡ Tr. 401, 405
- ❾ Nút  (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)) ➡ Tr. 420
- Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn\* ➡ Tr. 438, 484
- Nút Hệ Thống Cảm Biến Đổ\* ➡ Tr. 515
- Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng\* ➡ Tr. 234
- Nút Cửa Hậu Điện\* ➡ Tr. 212
- ❿ Điều Chỉnh Độ Sáng ➡ Tr. 242



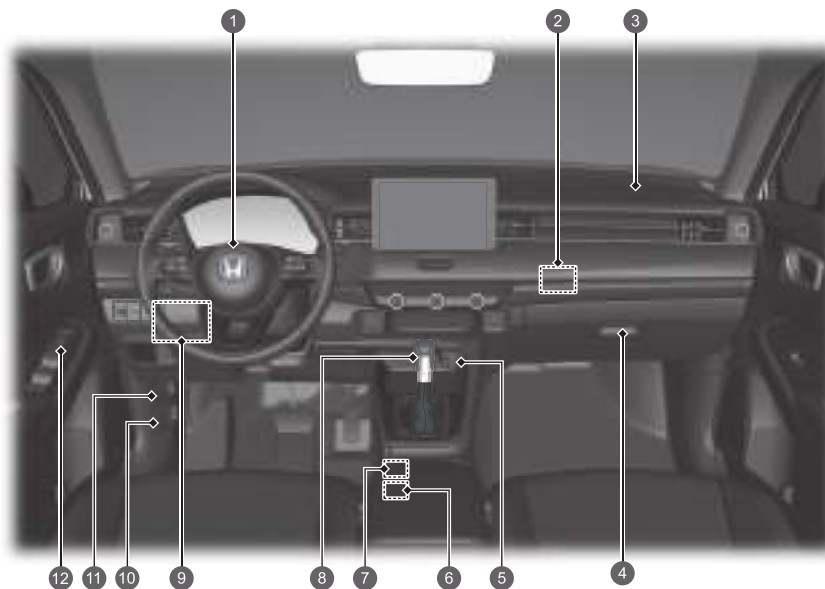
- ① Đèn Báo Hệ Thống ➡ Tr. 106
- Đồng Hồ Đo ➡ Tr. 126
- Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ➡ Tr. 129, 156
- ② Nút ENGINE START/STOP ➡ Tr. 224
- ③ Nút  (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)) ➡ Tr. 420
- Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn\* ➡ Tr. 438, 484
- Nút Hệ Thống Cảm Biến Đổ\* ➡ Tr. 515
- Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng\* ➡ Tr. 234
- Nút Cửa Hậu Điện\* ➡ Tr. 212
- ④ Lẫy Sang Số (Tăng số)\* ➡ Tr. 401, 405
- ⑤ Điều Chỉnh Vô Lãng ➡ Tr. 243
- ⑥ Lẫy Sang Số (Tăng số)\* ➡ Tr. 401, 405
- ⑦ Sạc Không Dây\* ➡ Tr. 273
- ⑧ Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu ➡ Tr. 278
- Sấy Kính Sau ➡ Tr. 241
- ⑨ Hệ Thống Âm Thanh\* ➡ Tr. 288
- Hệ Thống Định Vị\* ➡ Tr. 288
-  Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị
- ⑩ Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm
- ⑪ Điều Chỉnh Độ Sáng ➡ Tr. 242

# Mục Lục Trực Quan



- ➊ Đèn Chiếu Sáng/Xi Nhan\* ➡Tr. 227, 229  
Đèn Sương Mù Trước\* ➡Tr. 231  
Đèn Sương Mù Sau\* ➡Tr. 231  
Cần Gạt Nước/Rửa Kính\* ➡Tr. 238
- ➋ Nút Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay\* ➡Tr. 354  
Nút Màn Hình Chính) ➡Tr. 130, 294  
Vòng Lựa Chọn Bên Trái ➡Tr. 130, 294  
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\* ➡Tr. 294
- ➌ Nút ➡Tr. 431
- ➍ Cần Gạt Nước/Rửa Kính\* ➡Tr. 238  
Đèn Chiếu Sáng/Xi nhan\* ➡Tr. 227, 229  
Đèn Sương Mù Trước\* ➡Tr. 231
- ➎ Nút Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp\* ➡Tr. 446
- ➏ Nút Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)\* ➡Tr. 471  
Nút Khoảng Cách\* ➡Tr. 462
- ➐ Còi (Ấn quanh )

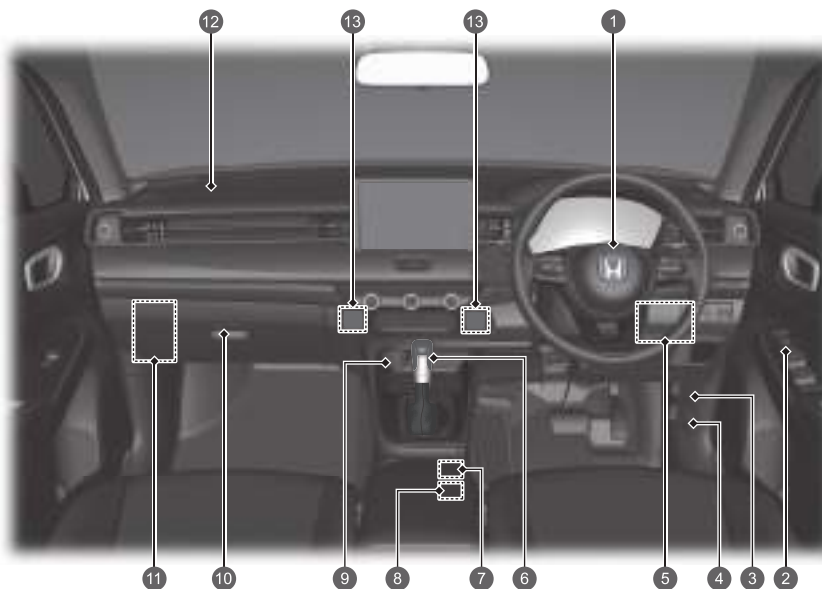




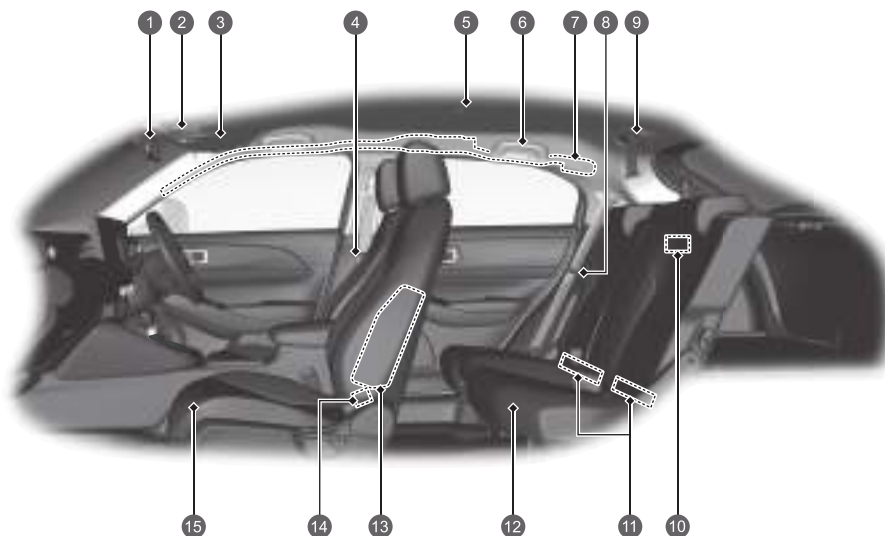
- ① Túi Khí Trước Phía Người Lái ➔Tr. 59
- ② Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Hành Khách ➔Tr. 651
- ③ Túi Khí Trước Phía Hành Khách ➔Tr. 59
- ④ Hộp Đựng Đồ ➔Tr. 264
- ⑤ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện ➔Tr. 272
- ⑥ Công Tắc Phanh Đỗ Điện ➔Tr. 502  
Nút Giữ Phanh Tự Động ➔Tr. 506
- ⑦ Công Tắc Chế Độ Lái\* ➔Tr. 414  
Nút ECON\*  
Nút Hỗ Trợ Đỗ Đèo ➔Tr. 418  
Nút TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời\* ➔Tr. 409
- ⑧ Cản Số ➔Tr. 398, 402
- ⑨ Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Người Lái ➔Tr. 649
- ⑩ Lấy Nhà Nấp Ca-pô ➔Tr. 546
- ⑪ Lấy Mờ Cửa Nạp Nhiên Liệu ➔Tr. 523
- ⑫ Điều Khiển Gương Cửa ➔Tr. 245  
Công Tắc Khóa Cửa Chính ➔Tr. 202  
Công Tắc Cửa Kính Điện ➔Tr. 221

# Mục Lục Trực Quan

Loại Vô Lãng Bên Phải



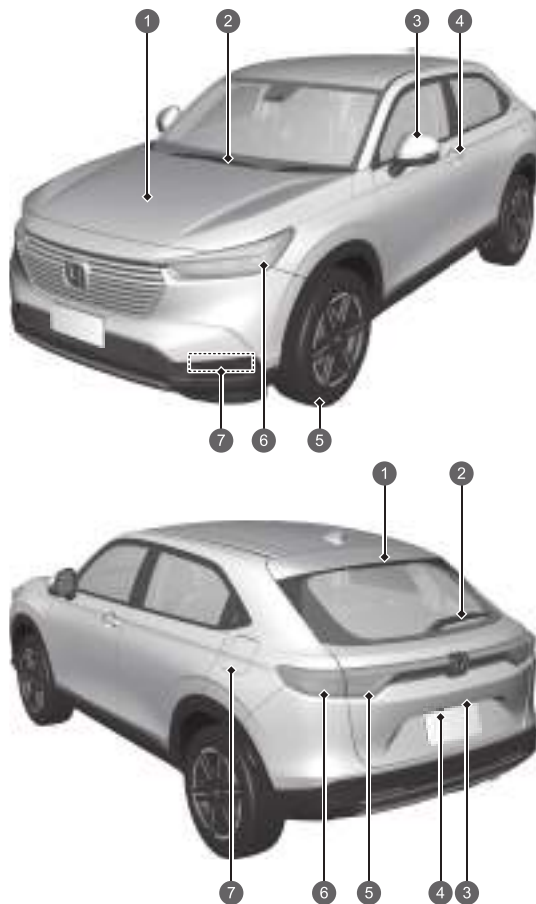
- 1 Túi Khí Trước Phía Người Lái ➡Tr. 59
- 2 Điều Khiển Gương Cửa ➡Tr. 245  
Công Tắc Khóa Cửa Chính ➡Tr. 202  
Công Tắc Cửa Kính Điện ➡Tr. 221
- 3 Lẫy Mờ Cửa Nạp Nhiên Liệu ➡Tr. 523
- 4 Lẫy Nhả Nắp Ca-pô ➡Tr. 546
- 5 Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Người Lái ➡Tr. 649
- 6 Cần Số ➡Tr. 398, 402
- 7 Công Tắc Chế Độ Lái\* ➡Tr. 414  
Nút ECON\* ➡Tr. 406  
Nút Hỗ Trợ Đỗ Đèo ➡Tr. 418  
Nút TẮT Hệ Thống Tự Động  
Dừng Động Cơ Tạm Thời\* ➡Tr. 409
- 8 Công Tắc Phanh Đỗ Điện ➡Tr. 502  
Nút Giữ Phanh Tự Động ➡Tr. 506
- 9 Ổ Cắm Điện Phụ KIỆN ➡Tr. 272
- 10 Hộp Đựng Đồ ➡Tr. 264
- 11 Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Hành Khách ➡Tr. 651
- 12 Túi Khí Trước Phía Hành Khách ➡Tr. 59
- 13 Cổng USB\* ➡Tr. 293



- 1 Gương Chiếu Hậu ➡Tr. 244
- 2 Đèn Đọc Sách ➡Tr. 262
- 3 Tầm Che nắng ➡Tr. 271  
Gương Cá Nhân
- 4 Dây Đai An Toàn ➡Tr. 43
- 5 Đèn Đọc Sách ➡Tr. 262
- 6 Tay Nắm Cửa  
Móc Treo Áo ➡Tr. 266
- 7 Túi Khí Rèm\* ➡Tr. 64
- 8 Dây Đai An Toàn (Lắp Đặt Hệ Thống  
Ghế Ngồi Trẻ Em) ➡Tr. 96  
Dây Đai An Toàn để Cố Định Hệ  
Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ➡Tr. 98
- 9 Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có  
Thể Tháo\* ➡Tr. 52
- 10 Đèn Khoang Hành Lý ➡Tr. 263
- 11 Các Điểm Móc Neo Dưới để Cố Định  
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ➡Tr. 92
- 12 Ghế Sau ➡Tr. 252
- 13 Túi Khí Bên ➡Tr. 62
- 14 Cổng USB\* ➡Tr. 289
- 15 Ghế Trước ➡Tr. 248

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Mục Lục Trực Quan

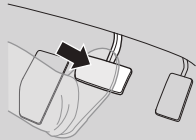
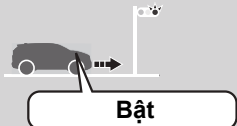
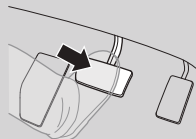
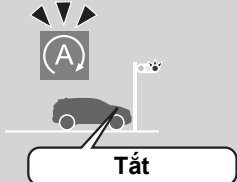
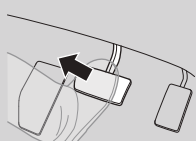
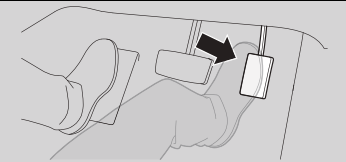
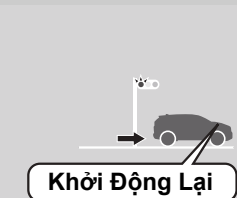


- ① Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô ➡Tr. 544
- ② Cần Gạt Nước Kính Chắn Gió ➡Tr. 238, 568
- ③ Gương Cửa Điện ➡Tr. 245  
Đèn Xi Nhan Bên ➡Tr. 229, 562
- ④ Điều Khiển Khóa/Mở Khóa Cửa ➡Tr. 189
- ⑤ Lốp Xe ➡Tr. 573, 611
- ⑥ Đèn Chiếu Sáng ➡Tr. 227, 562  
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày ➡Tr. 227, 233, 562  
Đèn Xi Nhan Trước ➡Tr. 229, 562
- ⑦ Đèn Sương Mù Trước\* ➡Tr. 231, 562

- ① Đèn Phanh Cao ➡Tr. 566
- ② Cần Gạt Nước Sau ➡Tr. 240, 571
- ③ Mở/Đóng Cửa Hậu ➡Tr. 205  
Tay Nắm Bên Ngoài Cửa Hậu ➡Tr. 206  
Đèn Biển Số Sau ➡Tr. 227, 566
- ④ Camera Lùi Đa Hướng\* ➡Tr. 519
- ⑤ Đèn Hậu ➡Tr. 227, 565  
Đèn Lùi ➡Tr. 565  
Đèn Sương Mù Sau\* ➡Tr. 231, 565
- ⑥ Đèn Phanh/Đèn Hậu ➡Tr. 227, 563  
Đèn Xi Nhan Sau ➡Tr. 229, 563
- ⑦ Cách Nạp Nhiên Liệu ➡Tr. 523

# Chức Năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời\*

Để cải thiện tiết kiệm nhiên liệu, hãy dừng và khởi động lại động cơ như hình minh họa dưới đây. Khi bật hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, đèn báo hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (xanh lục) sẽ sáng. ➔Tr. 407

| Khi                                                                                          | Hộp số vô cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Trạng thái động cơ                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Giảm Ga<br> | <div>Giữ Phanh Tự Động Tắt ➔Tr. 506</div>  <div>Giữ Phanh Tự Động Bật ➔Tr. 506</div>  <div>Nhấn bàn đạp phanh.</div>                                   |   |
| Dừng<br>    |  <div>Nhấn và giữ bàn đạp phanh.</div>  <div>Khi hệ thống giữ phanh tự động hoạt động, bạn có thể nhả bàn phanh khi đèn báo (A) (xanh lục) sáng.</div> |   |
| Khởi Động                                                                                    |  <div>Nhả bàn đạp phanh.</div>  <div>Khi hệ thống giữ phanh tự động hoạt động, hãy nhấn bàn đạp ga.</div>                                            |  |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Lái Xe An Toàn ➡ Tr. 37

## Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe ➡ Tr. 42

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra xem các ghế trước, tựa đầu, vô lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng chưa.

## Dây Đai An Toàn ➡ Tr. 43

- Thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.
- Kiểm tra xem hành khách của bạn đã thắt dây đai an toàn đúng cách chưa.



Thắt dây đai an toàn hông càng thấp càng tốt.

## Khí Xả Nguy Hiểm ➡ Tr. 103

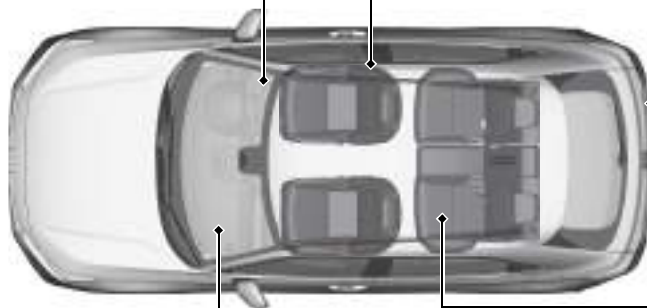
- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không được khởi động xe ở không gian hẹp, kín nơi có thể tích tụ CO.

## An Toàn Cho Trẻ ➡ Tr. 69

- Tất cả các trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.

## Túi Khí ➡ Tr. 57

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh.

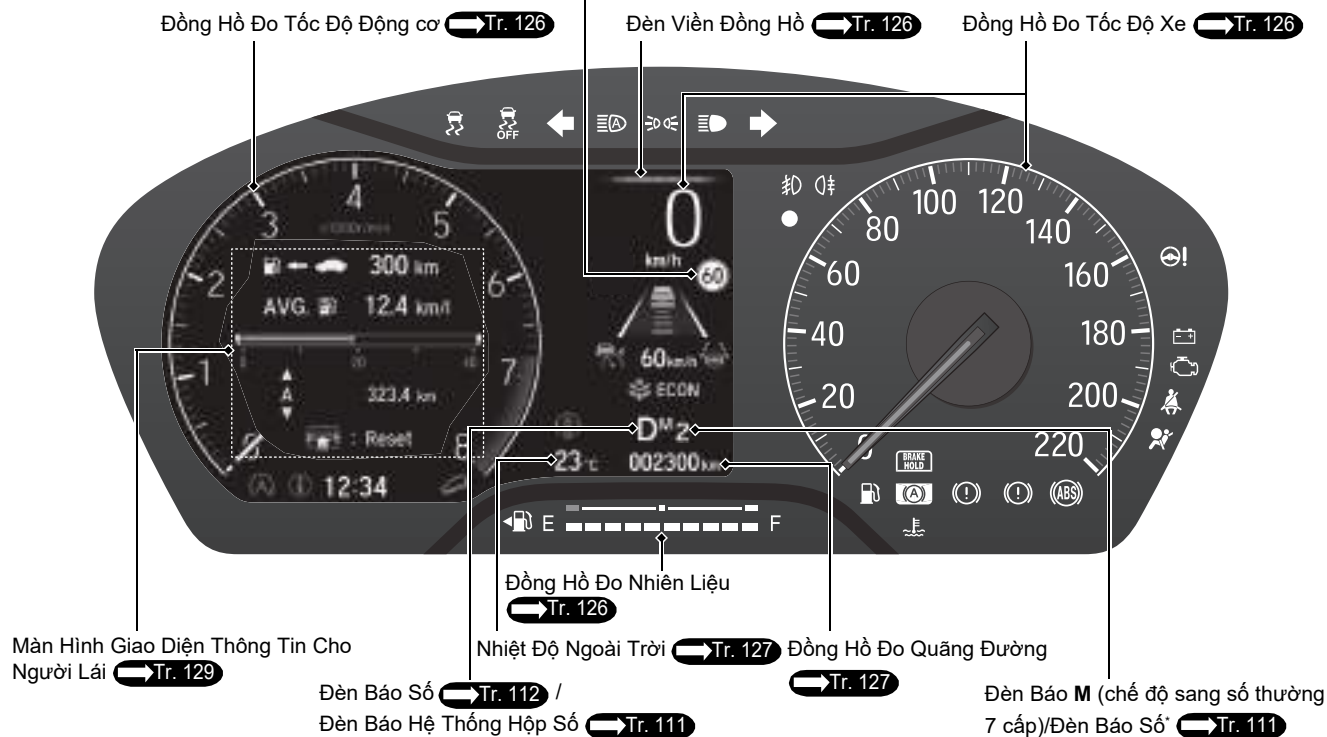


# Bảng Điều Khiển Tr. 105

Đèn Báo  Tr. 106 / Đồng Hồ Đo  Tr. 126 / Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái  Tr. 129, 156

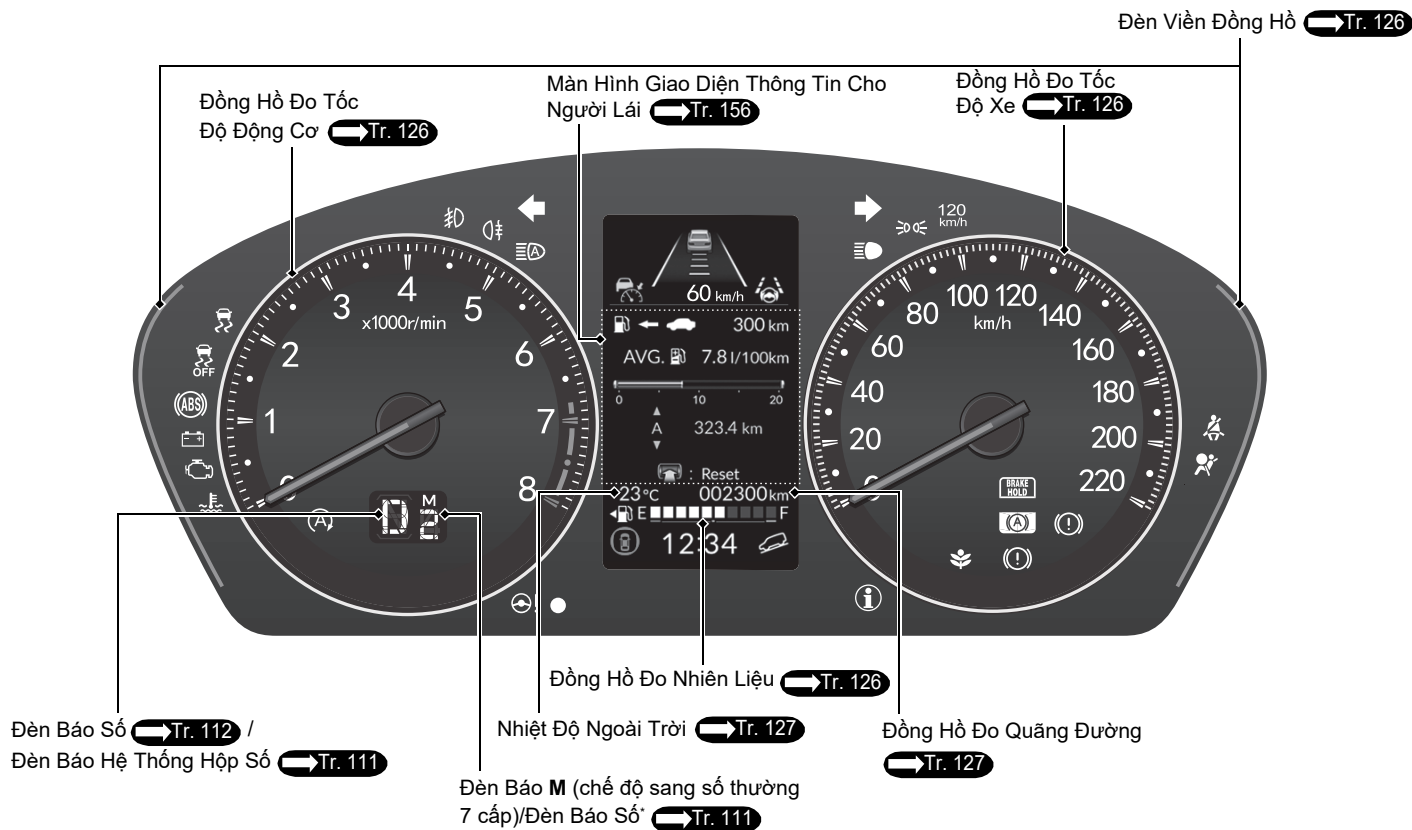
Loại xe có đồng hồ đo loại A

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*  Tr. 128



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có đồng hồ đo loại B





# Điều Khiển Tr. 181

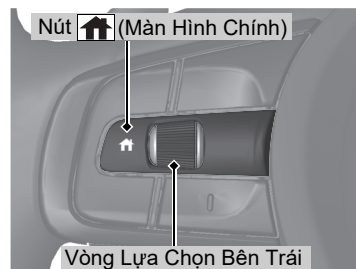
## Đồng Hồ Tr. 182

Loại xe Australia

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chọn màn hình đồng hồ.

 Tr. 304

Ngoại trừ loại xe Australia



- 1 Ấn nút  (Màn Hình Chính).
- 2 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- 3 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Setup**<sup>\*1</sup>/**Clock setup**<sup>\*2</sup> (Cài Đặt Đồng Hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- 4 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Adjustment**<sup>\*1</sup>/**Adjust clock**<sup>\*2</sup> (Điều Chỉnh Đồng Hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

- 5 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

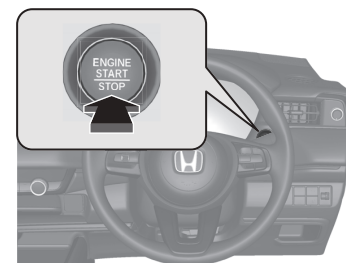
- 6 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

\* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

\* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

## Nút ENGINE START/STOP

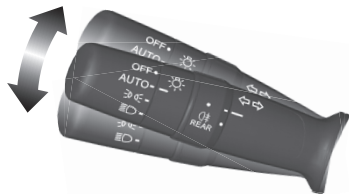
Ấn nút này để thay đổi chế độ nguồn của xe.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

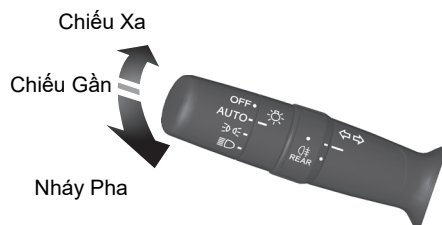
## Xi Nhan

Cần Điều Khiển Xi Nhan



## Đèn

Công Tác Điều Khiển Đèn



## Cần Gạt Nước và Rửa Kính

Cần Điều Khiển Cần Gạt Nước/Rửa Kính



\* 1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

\* 2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

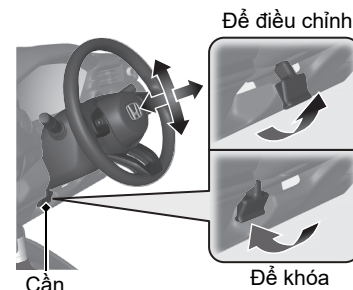
Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Luôn **TẮT** chế độ **AUTO** trong các tình huống sau để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Không có mưa

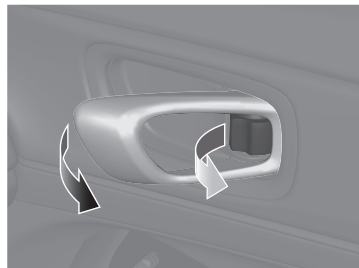
## Vô Lãng

- Để điều chỉnh, kéo cần điều chỉnh về phía bạn, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.



## Mở Khóa Cửa Người Lái và Cửa Hành Khách Trước\* từ Bên Trong ➡Tr. 200

- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái và hành khách trước\* để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.

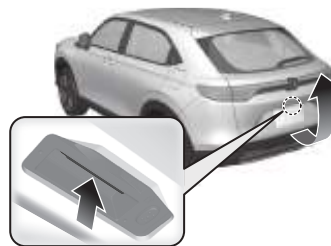


## Cửa Hậu ➡Tr. 205

- Ấn vào tay nắm bên ngoài để mở khóa và mở cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

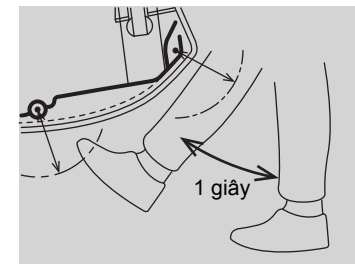
Loại xe có cửa hậu điện

- Ấn nút cửa hậu điện trên bảng điều khiển phía người lái.
- Ấn nút cửa hậu điện trên bộ truyền tín hiệu từ xa.



Loại xe có cửa hậu điện

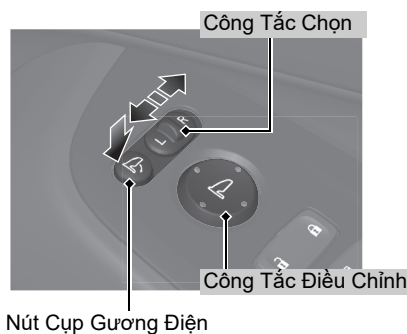
Đá chân vào bên dưới ở giữa cản sau để mở hoặc đóng cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.



## Gương Cửa Điện

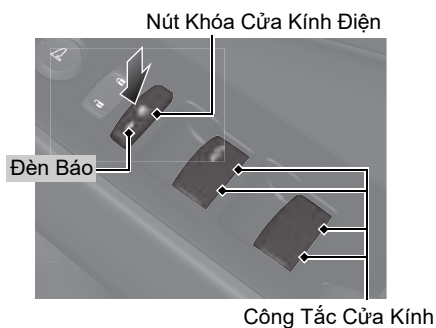
Tr. 245

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, gạt công tắc chọn đến **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp để cụp và mở các gương cửa.



## Cửa Kính Điện Tr. 220

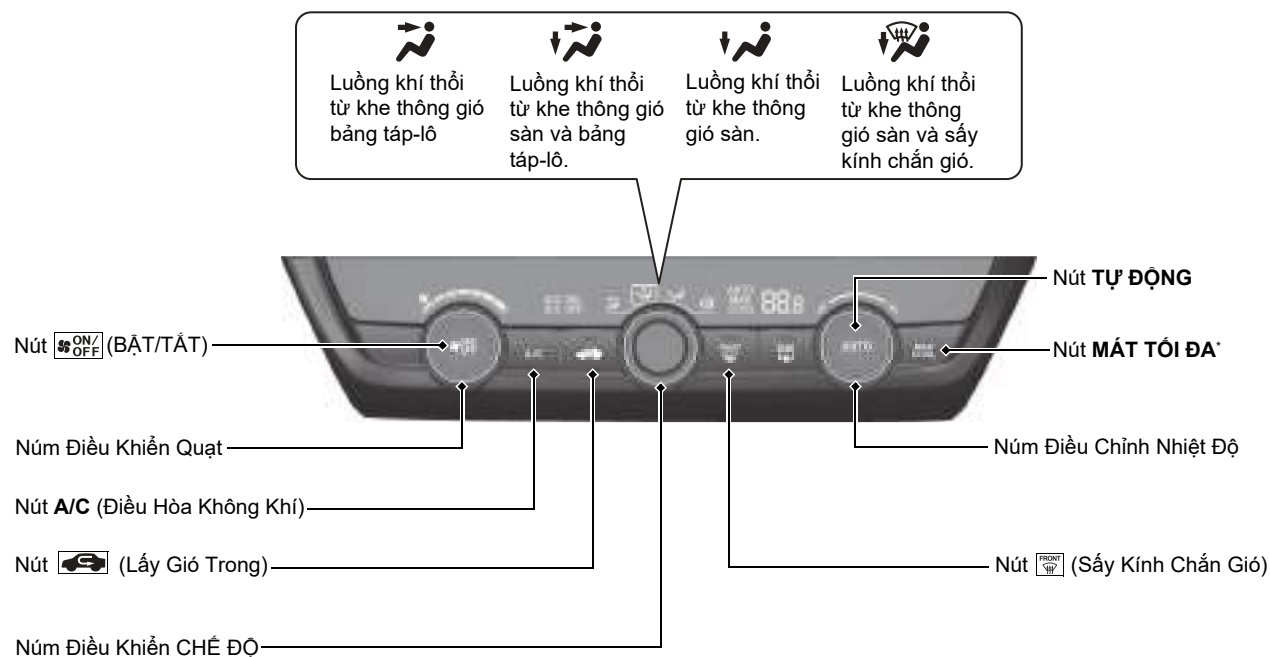
- Mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn ở BẬT.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở và đóng từng cửa kính điện hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí bật (đèn báo sáng), các công tắc cửa kính điện phía hành khách sẽ không thể hoạt động.



## Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu ➡ Tr. 278

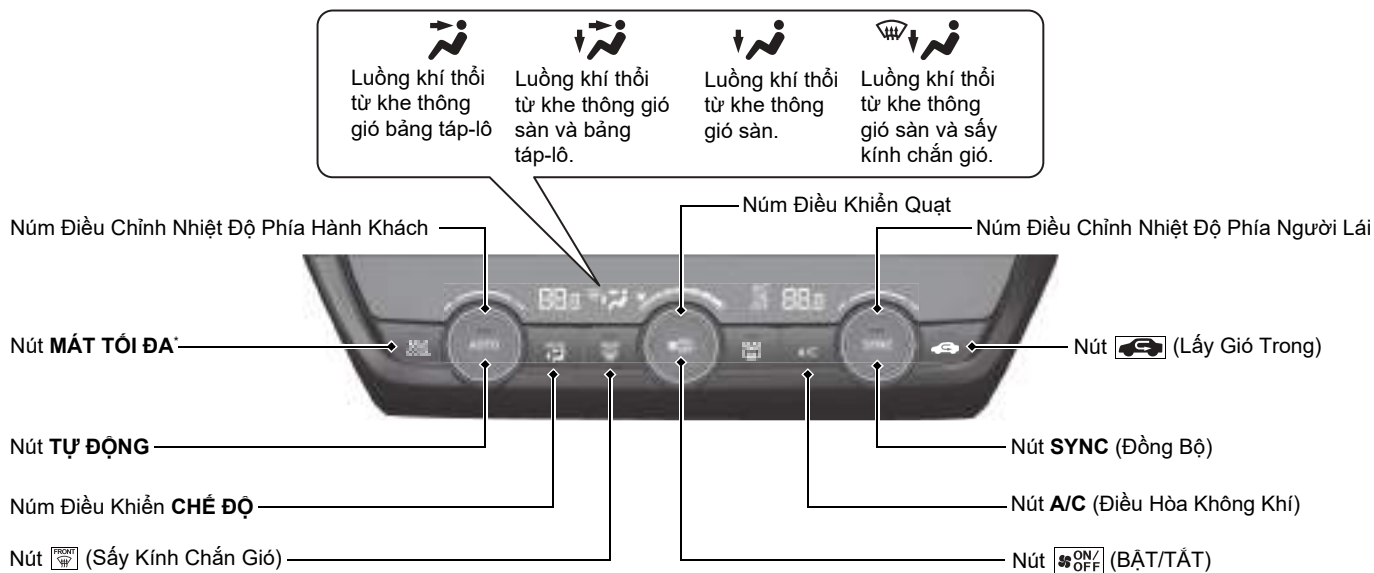
- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều khiển khí hậu.
- Ấn nút **ON/OFF** để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút **FRONT DEF** để làm tan sương kính chắn gió.

Loại xe không có nút SYNC



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

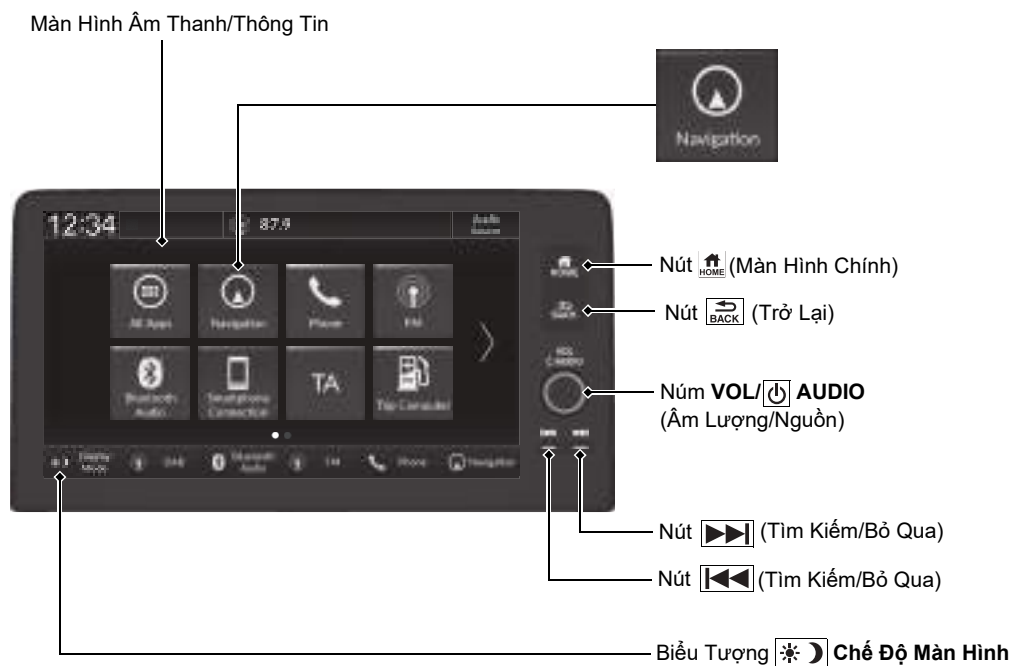
Loại xe có nút SYNC



# Tính Năng Tr. 287

## Hệ Thống Âm Thanh\* Tr. 288, 290

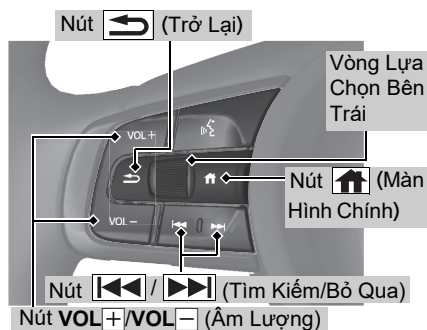
Về hoạt động của hệ thống định vị  Tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa\*

→ Tr. 294



- Nút **VOL+**/**VOL-** (Âm Lượng)

Ấn để tăng/giảm âm lượng.

- Vòng Lựa Chọn Bên Trái  
Khi chọn chế độ âm thanh  
Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn (âm thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

**Cuộn lên hoặc cuộn xuống:** Để chuyển sang các chế độ âm thanh, cuộn lên hoặc cuộn xuống, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái:

FM/AM/DAB/iPod/USB/Apple CarPlay/  
Android Auto/Âm Thanh *Bluetooth*®

Các chế độ có thể thay đổi tùy thuộc vào thiết bị được kết nối.

- Nút (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)

Đài: Ấn nút để chuyển kênh cài đặt sẵn.

Khi Kết Nối iPod, USB, Âm Thanh *Bluetooth*® hoặc Điện Thoại Thông Minh:

Ấn để bỏ qua đến phần đầu của bài hát tiếp theo hoặc quay lại phần đầu của bài hát đang phát.

Đài: Ấn và giữ để chuyển sang kênh có tín hiệu mạnh.

USB: Ấn và giữ để chuyển thư mục.

iPod: Ấn và giữ để chuyển sang bài hát khác.

Các thao tác có thể thay đổi tùy thuộc vào thiết bị được kết nối.



# Lái Xe

## Hộp Số Vô Cấp

- Sang số **P** và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Loại xe không có công tắc chế độ lái

### Sang Số



Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà cần số để sang số.



Sang số mà không ấn nút nhà cần số.



Ấn nút nhà cần số và sang số.

Cần Số



Nút Nhà

**P**

### Số Đỗ

Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

**R**

### Số Lùi

Dùng khi lùi xe.

**N**

### Số Không

Hộp số không bị khóa.

**D**

### Số Lái

Dùng:

- Để lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số thường 7 cấp.\*

**S**

### Số Lái (Số S)

Dùng:

- Để tăng tốc tốt hơn.
- Để tăng phanh động cơ.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.
- Khi lái ở chế độ sang số thường 7 cấp.\*

## Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp\*

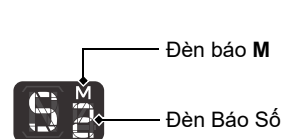
- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

### Khi cần số ở **S**

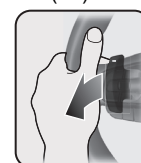
- Kéo lấy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

### Khi cần số ở **D**

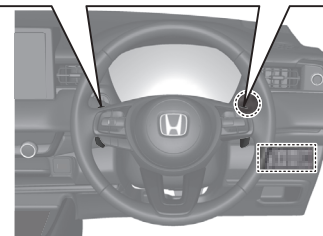
- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.



Lấy Sang Số (-)



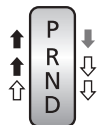
Lấy Sang Số (+)



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có công tắc chế độ lái

## Sang Số



Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.

Sang số mà không ấn nút nhả cần số.

Ấn nút nhả cần số và sang số.

Cần Số



Nút Nhả

**P**

### Số Đỗ

Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

**R**

### Số Lùi

Dùng khi lùi xe.

**N**

### Số Không

Hộp số không bị khóa.

**D**

### Số Lái

Dùng:

- Dùng cho chế độ lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số thường 7 cấp.
- Khi lái ở chế độ sang số thường 7 cấp (khi lái ở chế độ SPORT).

## Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp Tr. 400

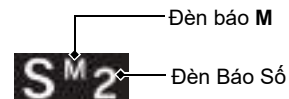
- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

### Khi cần số ở **D** với chế độ SPORT

- Kéo lấy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp.
- Đèn báo M và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

### Khi cần số ở **D**

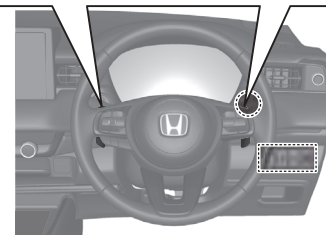
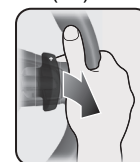
- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số thường 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.



Lấy Sang Số (-)



Lấy Sang Số (+)



## Bật và Tắt CMBS\* ➡Tr. 438

- Khi khả năng xảy ra va chạm phía trước là không thể tránh được, CMBS có thể giúp bạn giảm tốc độ của xe và giảm va chạm mạnh.
- CMBS bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt CMBS, sử dụng công tắc hỗ trợ an toàn.

## Bật và Tắt VSA ➡Tr. 420

- Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt đường trơn hoặc lầy.
- VSA tự động sáng mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt chức năng VSA, ấn và giữ nút  đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Loại xe Đài Loan

## Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) ➡Tr. 422

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước lốp do áp suất lốp giảm.
- TPMS sẽ tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Cần thực hiện quy trình hiệu chỉnh ở một số điều kiện nhất định.

Ngoại trừ loại xe Đài Loan

## Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\* ➡Tr. 425

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước lốp do áp suất lốp giảm.
- Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp sẽ tự động bật mỗi khi bạn bật nguồn.
- Cần thực hiện quy trình hiệu chỉnh ở một số điều kiện nhất định.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Nạp Nhiên Liệu ➔ Tr. 521

**Nhiên liệu khuyến dùng:**

**Loại xe Indonesia không có tu-bô tăng áp**

**Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên**

**Loại xe Đài Loan**

**Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên**

**Loại xe Malaysia**

**Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên**

**Loại xe Pakistan**

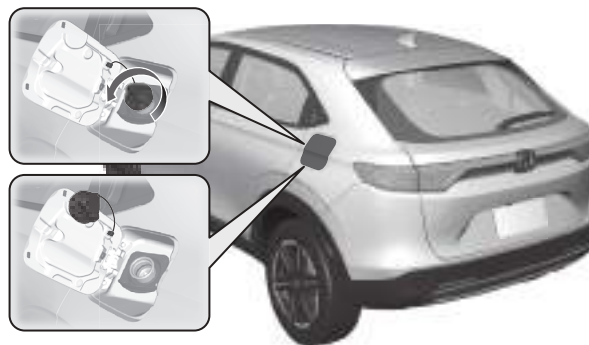
**Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2mg/Lít, chỉ số ốc-tan 91 trở lên**

**Ngoại trừ loại xe Malaysia, loại xe Indonesia không có tu-bô tăng áp, loại xe Đài Loan và Pakistan**

**Xăng không chì, chỉ số ốc-tan 91 trở lên**

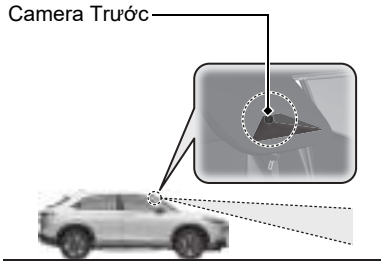
**Dung tích bình nhiên liệu: 40 L**

- 1** Kéo lấy nhả cửa nạp nhiên liệu.
- 2** Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.
- 3** Đặt nắp lên ngăn cửa nạp nhiên liệu.
- 4** Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.



# Honda Sensing\*

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe sử dụng camera trước được gắn ở phía trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.



## Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

➡Tr. 433

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với xe (gồm cả xe máy) vượt lên từ phía sau, xe đang đến từ phía trước, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp chuyển động).

CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

## Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước, và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

## Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Hỗ trợ đánh lái nhằm duy trì xe ở giữa làn đường, và nếu phát hiện xe ra ngoài làn đường, hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo dưới dạng hình ảnh, âm thanh và rung vô lăng.

## Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch kẻ đường và/hoặc ra khỏi lòng đường.

## Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước\*

Đưa ra thông báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.

## Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*

Nhắc nhở bạn về thông tin biển báo đường bộ, chẳng hạn như xe của bạn đang vượt quá biển báo giới hạn tốc độ và cho hiển thị thông tin đó trên đồng hồ đo.

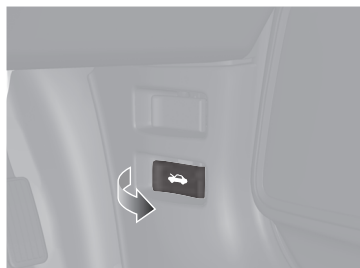
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Bảo Dưỡng Tr. 527

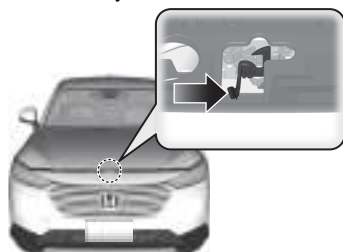
## Dưới Nắp Ca-pô Tr. 544

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bỏ sung nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh.
- Kiểm tra tình trạng ắc quy hàng tháng.

**1** Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc cửa bảng táp-lô.



**2** Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, đẩy nó sang bên sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



**3** Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

## Lưới Gạt Nước Tr. 568

- Thay lưới gạt nếu nó để lại vệt trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.



## Lốp Xe Tr. 573

- Kiểm tra lốp và bánh xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

## Đèn Tr. 562

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.

# Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 597

## Xẹp Lốp Tr. 600

Loại xe có lốp dự phòng

- Đổ xe ở nơi an toàn và lấy lốp dự phòng trong khoang hành lý để thay cho lốp bị xẹp.

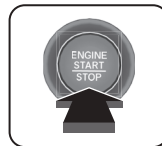
Loại xe có dụng cụ vá lốp

- Đổ xe ở nơi an toàn và vá lốp bằng dụng cụ vá lốp.



## Động Cơ Không Khởi Động Tr. 629

- Nếu ắc quy chết, mồi khởi động bằng ắc quy tăng cường.



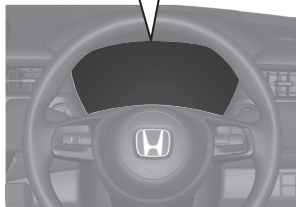
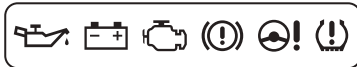
## Quá Nhiệt Tr. 637

- Đổ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



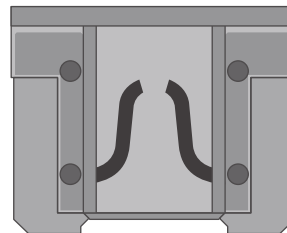
## Đèn Báo Sáng Tr. 640

- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng để nhận diện đèn báo.



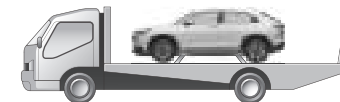
## Nổ Cầu Chì Tr. 647

- Kiểm tra nổ cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



## Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 654

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.



## Làm Gì Nếu

**Q** Tại sao không thể thay đổi chế độ nguồn từ **TẮT MÁY (KHÓA)** sang **PHỤ KIỆN**?

**A**

- Vô lăng có thể bị khóa.
- Xoay vô lăng sang trái và sang phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



**Q** Tại sao không thể thay đổi chế độ nguồn từ **PHỤ KIỆN** sang **TẮT MÁY (KHÓA)**?

**A** Sang số **P**.



**Q** Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?

**A** Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đó là điều bình thường. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ, chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

➡ **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** ➡ Tr. 509

**Q** Tại sao không thể mở cửa sau từ bên trong xe?

**A** Kiểm tra xem khóa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa. Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.





**Q** Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?

**A** Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

**Q** Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?

**A** Tiếng bíp vang lên khi:

- Chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN.
- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm thời

- Hệ Thống Tự động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

**Q** Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe và đã đóng cửa?

**A** Tiếng bíp vang lên nếu bạn di chuyển ra ngoài phạm vi hoạt động của chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe trước khi cửa đóng hoàn toàn.

➡ **Khóa cửa và cửa hậu (Tự động khóa cửa khi ra khỏi xe)** ➡ Tr. 193

**Q** Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?

**A** Tiếng bíp vang lên khi người lái và/hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn.

**Q** Tại sao ấn công tắc phanh đỗ điện mà không nhà phanh đỗ?

**A** Ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh.

**Q**

Loại xe có Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)/Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\*

Tôi thấy đèn báo lốp màu hồ phách có dấu chấm than. Đó là gì?

**A**

Cần chú ý đến Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)\* / Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\*. Nếu bạn vừa bơm hoặc thay lốp, cần hiệu chỉnh lại hệ thống.

➤ Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) ➡ Tr. 422

➤ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\* ➡ Tr. 425

**Q**

Tại sao nhấn bàn đạp ga mà phanh đỗ không tự động nhả?

**A**

- Thắt dây đai an toàn người lái.
- Kiểm tra xem cần số có ở **P** hoặc **N** không. Nếu có, chọn số khác.

**Q**

Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?

**A**

Có thể cần thay má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe Malaysia

**Q**

**Nên sử dụng xăng không chì với Chỉ Số Octan (RON) từ 95 trở lên.**

**Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Octan (RON) 91 trở xuống cho loại xe này không?**

**A**

Dùng xăng có chỉ số octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số octan dưới 91 sẽ làm hỏng động cơ.



# Lái Xe An Toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

## Lái Xe An Toàn

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn..... | 38 |
| Thông Tin Xử Lý Quan Trọng.....  | 40 |
| Tính Năng An Toàn Của Xe.....    | 41 |
| Danh Mục Kiểm Tra An Toàn.....   | 42 |

## Dây Đai An Toàn

|                               |    |
|-------------------------------|----|
| Dây Đai An Toàn Của Xe.....   | 43 |
| Thắt Dây Đai An Toàn.....     | 49 |
| Kiểm Tra Dây Đai An Toàn..... | 55 |
| Điểm Treo.....                | 56 |

## Túi Khí

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| Thành Phần Hệ Thống Túi Khí..... | 57 |
|----------------------------------|----|

|                                   |    |
|-----------------------------------|----|
| Loại Túi Khí.....                 | 59 |
| Túi Khí Trước (SRS).....          | 59 |
| Túi Khí Bên.....                  | 62 |
| Túi Khí Rèm.....                  | 64 |
| Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí.....     | 66 |
| Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí..... | 68 |

## An Toàn Cho Trẻ

|                                         |     |
|-----------------------------------------|-----|
| Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ.....             | 69  |
| An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ..... | 73  |
| An Toàn Cho Trẻ Lớn.....                | 100 |

## Khí Xả Nguy Hiểm

|             |     |
|-------------|-----|
| Khí CO..... | 103 |
|-------------|-----|

## Nhãn An Toàn

|                          |     |
|--------------------------|-----|
| Vị Trí Nhãn An Toàn..... | 104 |
|--------------------------|-----|

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Lái Xe An Toàn

Những trang sau đây trình bày về các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng các tính năng đó một cách chính xác. Dưới đây là những chú ý về an toàn quan trọng nhất mà bạn cần lưu ý.

### Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

#### ■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

#### ■ Bảo vệ trẻ ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót đặc biệt và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi trẻ có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót đặc biệt.

#### ■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể làm người trên xe bị thương nếu ngồi quá gần chúng, hoặc sử dụng không đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

#### ■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Thậm chí một lượng nhỏ bia rượu cũng làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi của xung quanh, và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

#### » Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

### ■ Tập trung lái xe an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện, và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến điều khác.

### ■ Kiểm soát tốc độ

Tốc độ quá cao là nguyên nhân chính gây ra thương tích, tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi lái ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện giao thông hiện tại, bất kể tốc độ tối đa được phép là bao nhiêu.

### ■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Tình trạng xe bị xẹp lốp hoặc bị trục trặc kỹ thuật có thể cực kỳ nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

### ■ Luôn giám sát khi trẻ ngồi trên xe

Nếu trẻ nhỏ, vật nuôi và người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận thì có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ bên trong xe có thể tăng lên mức cao nhất, khiến họ bị nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều khiển khí hậu đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều khiển khí hậu có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

## Thông Tin Xử Lý Quan Trọng

Xe của bạn có khoảng sáng gầm xe cao hơn xe khách, loại xe vốn được thiết kế để chạy trên đường dài nhựa. Khoảng sáng gầm xe cao có nhiều tiện dụng khi lái trên đường hiểm trở cho phép bạn lái qua các đoạn đường mấp mô, có vật cản, và địa hình gồ ghề. Khoảng sáng gầm xe cao cũng giúp bạn có tầm nhìn tốt hơn nên bạn có thể lường trước sự cố sớm hơn.

Những tiện dụng này cũng có nhược điểm. Vì xe bạn cao hơn và đi nhanh hơn, nên trọng tâm cũng cao hơn làm xe dễ bị lật hoặc lộn vòng nếu bạn rẽ đột ngột. Những xe có nhiều tiện ích có tỷ lệ bị lộn vòng cao hơn các loại xe khác. Khi xe bị lộn vòng, người không thắt dây đai an toàn có khả năng tử vong cao hơn so với người thắt. Hãy luôn lưu ý để đảm bảo bạn và các hành khách luôn thắt dây đai an toàn.

### ►►Thông Tin Xử Lý Quan Trọng

Để biết thông tin về cách giảm bớt nguy cơ xe bị lộn vòng, hãy đọc phần:

► **Hướng Dẫn Lái cho Xe Có Nhiều Tiện Ích**  
Tr. 395

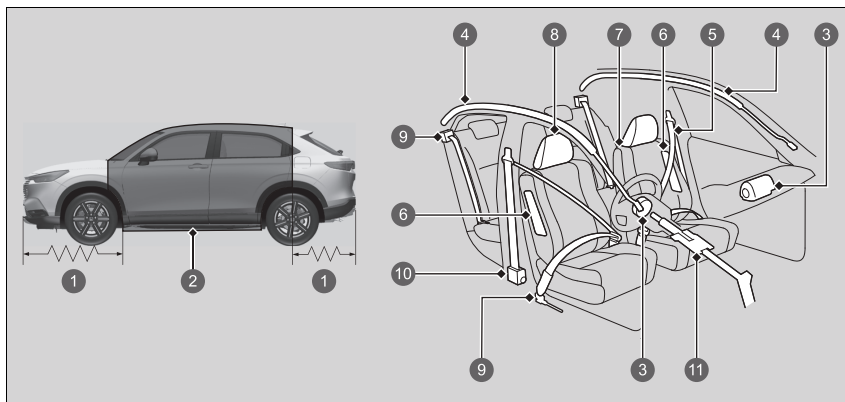
► **Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở**  
Tr. 387

Không vận hành xe đúng cách có thể gây va chạm hoặc làm xe bị lộn vòng.

Ở nhiều quốc gia, luật pháp cấm lái xe trên đường hiểm trở như lái xe trong rừng, trên đường mòn, v.v. Hãy kiểm tra luật và quy định của địa phương trước khi bắt đầu lái xe trên đường hiểm trở.



## Tính Năng An Toàn Của Xe



- ① Vùng Hấp Thụ Va Đập
- ② Bộ Khung An Toàn
- ③ Túi Khí Trước
- ④ Túi Khí Rèm\*
- ⑤ Dây Đai An Toàn
- ⑥ Túi Khí Bên
- ⑦ Ghế và Lưng Ghế
- ⑧ Tựa Đầu
- ⑨ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động\*
- ⑩ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động
- ⑪ Tay Lái Gật Gù

Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►►Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Có một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những bộ phận này bao gồm bộ khung thép khoẻ tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ lực va đập phía trước và phía sau, tay lái gật gù và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài\* khi xảy ra va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

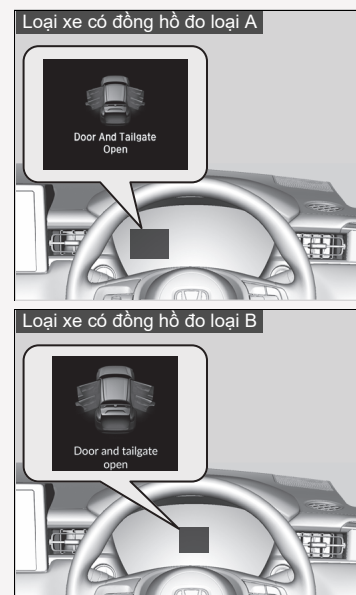
## Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Vì sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng lùi về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể bị trọng thương hoặc thậm chí tử vong khi có va chạm.  
    📖 **Ghế Ngồi** Tr. 248
- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với phần giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.  
    📖 **Điều Chỉnh Tựa Đầu Trước** Tr. 257
- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.  
    📖 **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 49
- Bảo vệ trẻ em bằng dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng.  
    📖 **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 69

### ►►Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Nếu thông báo cửa và/hoặc cửa hậu mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái tức là cửa và/hoặc cửa hậu không đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu cho đến khi thông báo biến mất.



## Dây Đai An Toàn

### Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn bên trong. Nó giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp khi xảy ra va chạm để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn hầu hết trong các tình huống va chạm, bao gồm:

- Va chạm phía trước
- Va chạm bên
- Va chạm phía sau
- Lộn vòng

#### » Dây Đai An Toàn Của Xe

### ⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo bạn và hành khách của bạn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

**CẢNH BÁO:** Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

**CẢNH BÁO:** Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc chắn càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Dây đai an toàn thắt lỏng sẽ giảm khả năng bảo vệ rất lớn cho người sử dụng.

**CẢNH BÁO:** Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

**CẢNH BÁO:** Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người. Vòng dây đai an toàn ngang qua người trẻ đang ngồi trong lòng người sử dụng sẽ cực kỳ nguy hiểm.

### ■ Dây đai an toàn hông/vai

Tất cả bốn<sup>\*1</sup> hoặc năm<sup>\*2</sup> ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai có bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

📖 **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 69

### ■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thẳng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần vai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn để tránh bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người để tránh bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp các phụ kiện khiến bạn thấy thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

\* 1: Loại xe Australia

\* 2: Ngoại trừ loại xe Australia

### »» Dây Đai An Toàn Của Xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, nó sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nới ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị trọng thương.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia mà bạn lái xe.

## ■ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn



### ■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước hoặc cả hai thắt dây đai an toàn.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy nếu bạn lái xe mà không thắt dây đai an toàn.

## ► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách phía trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên mà không có ai ở ghế hành khách trước, hãy kiểm tra để đảm bảo:

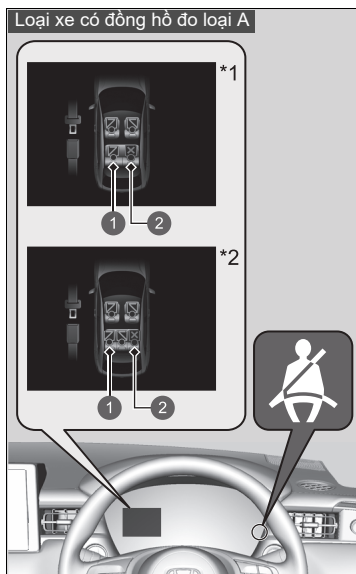
- Không có vật nặng nào trên ghế hành khách trước.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách ngồi vào ghế và không thắt dây đai an toàn, có thể cảm biến nhận biết người ngồi có sự cố.

Kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



- ❶ Thắt
- ❷ Không Thắt

### ■ Ghế sau

Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ thông báo cho bạn biết nếu người ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn ghế sau.

Màn hình hiển thị xuất hiện khi:

- Hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn khi chế độ nguồn đặt ở BẬT.
- Một cửa sau được mở hoặc đóng.
- Có hành khách ngồi ghế sau thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi xe đang chạy.

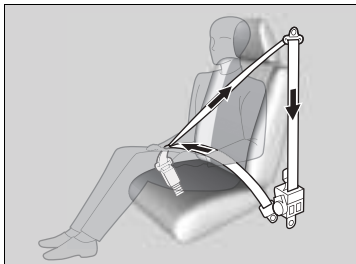
\* 1: Loại xe Australia

\* 2: Ngoại trừ loại xe Australia



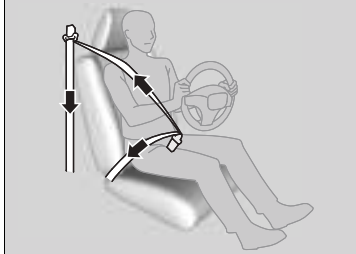
- ① Thắt
- ② Không Thắt

## ■ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động



Loại xe Australia và Singapo

Ghế người lái



Các ghế trước và các ghế sau bên ngoài được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn sẽ tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước và dây đai an toàn ghế sau bên ngoài khi xảy ra va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh, thậm chí đôi khi nếu sự va chạm không đủ mạnh để làm bung túi khí phía trước.

## ►► Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất. Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy đưa xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

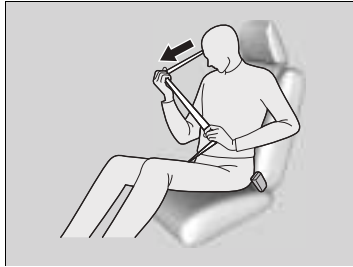
Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở cả hai bên xe cũng sẽ kích hoạt.



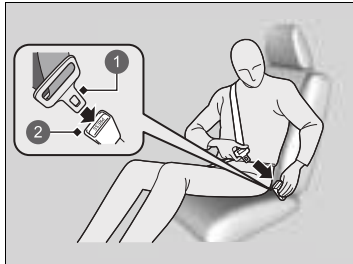
## Thắt Dây Đai An Toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, hãy ngồi thẳng và tựa vào lưng ghế (quan sát hình minh họa để biết tư thế ngồi đúng):

► Ghế Ngồi Tr. 248



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.



2. Gài đầu chốt vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

① Đầu Chốt

② Khóa

### ►Thắt Dây Đai An Toàn

Không nên để ai ngồi ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

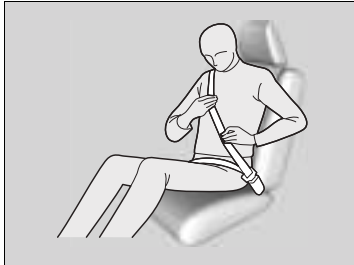
Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại.

Sau đó, từ từ kéo dây ra khỏi bộ rút và thắt dây đai.

Nếu bạn không thể nhả dây an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy đưa xe của bạn đến đại lý để sửa chữa.

► Dây Đai An Toàn Của Xe Tr. 43

► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn Tr. 55



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn (xem hình), sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Làm như vậy để nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe trên cơ thể sẽ chịu lực và giảm nguy cơ bị nội thương.
4. Nếu cần thiết, kéo phần đai lên nửa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem phần đai có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Việc này có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương khỏe nhất của nửa phần trên cơ thể.

#### ►► Thắt Dây Đai An Toàn

### ⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.

Khi bạn đã ra khỏi xe, đảm bảo xếp gọn dây đai an toàn để dây đai không vướng vào lối đi và không bị mắc khi đóng cửa.

Không được đưa bất kỳ vật gì vào khóa hoặc cơ cấu rút dây.

## ■ Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Các ghế trước có móc neo vai có thể điều chỉnh để phù hợp với người dùng.



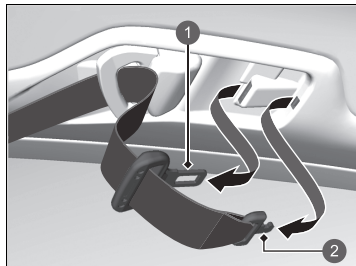
1. Di chuyển móc neo lên và xuống đồng thời kéo móc neo vai ra ngoài.
2. Định vị móc neo sao cho dây đai chéo qua phần giữa ngực và vòng qua vai.

## » Điều Chỉnh Móc Neo Vai

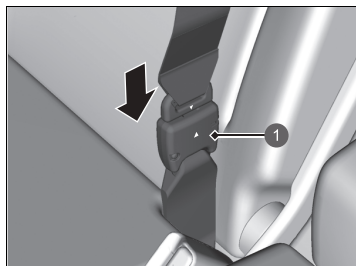
Sau khi điều chỉnh, hãy cố định vị trí móc neo vai.

Có thể điều chỉnh độ cao móc neo vai theo bốn mức. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ bạn, hãy hạ chiều cao của móc neo vai từng mức một.

### ■ Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo\*



- ① Đầu Chốt
- ② Đầu Chốt Nhỏ



- ① Khóa Móc Neo

1. Kéo đầu chốt nhỏ và đầu chốt của dây đai an toàn từ mỗi lỗ giữ trên trần.

2. Dóng thẳng các điểm hình tam giác trên đầu chốt nhỏ và khóa móc neo. Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn. Gắn dây đai với khóa móc neo.

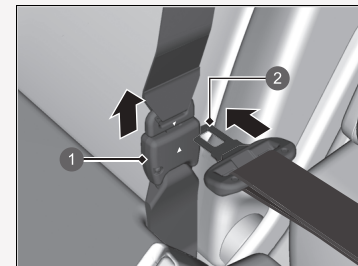
### ►► Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo\*

#### ⚠ CẢNH BÁO

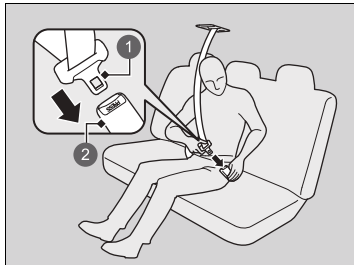
Dùng dây đai an toàn mà không khóa móc neo có thể tháo sẽ làm tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Trước khi dùng dây đai an toàn, đảm bảo móc neo có thể tháo đã được khóa đúng cách.

Để mở khóa móc neo có thể tháo, hãy gài đầu chốt vào lỗ ở sườn của khóa móc neo.



- ① Khóa Móc Neo
- ② Đầu Chốt



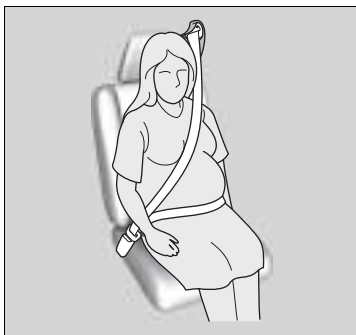
- ① Đầu Chốt
- ② Khóa

3. Gài đầu chốt vào trong khóa. Thắt dây đai an toàn đúng cách giống như thắt dây đai an toàn hông/vai.

### ■ Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

#### Lời khuyên:

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi xác định vị trí của dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt (Xem hình.)



### » Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần bạn đi kiểm tra sức khỏe, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng do nổ túi khí trước, hãy làm theo các hướng dẫn sau:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

## Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị xước, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
  - Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng dung dịch tẩy hoặc dung môi để làm sạch. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi nó rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt. Nếu dây đai an toàn bị mòn do xe bị va chạm sẽ không đảm bảo hiệu quả bảo vệ trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

### ►► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

#### ⚠ CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.

Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

**CẢNH BÁO:** Người sử dụng không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

**CẢNH BÁO:** Phải thay cả cụm dây đai an toàn nếu đã xảy ra va chạm nghiêm trọng gây mòn dây đai, hoặc ngay cả khi dấu hiệu hư hỏng cụm dây đai là không rõ ràng.

**CẢNH BÁO:** Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bắn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu nó bị xước, bị bắn hoặc bị hỏng.

## Điểm Treo

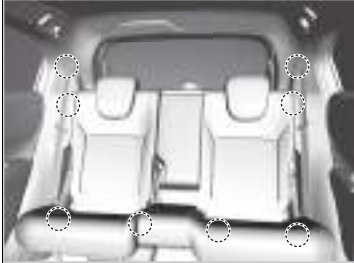
Ghế Trước



Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm treo như hình vẽ. Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.

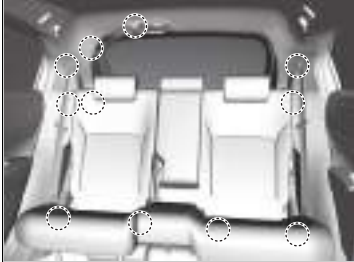
Ghế Sau

Loại xe Australia



Ghế sau có hai dây đai an toàn hông/vai.

Ngoại trừ loại xe Australia



Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.



## Túi Khí

### Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí bên và túi khí rèm\* nổ theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) bao gồm túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng và túi khí phía hành khách trước được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.
- Hai túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

#### Loại xe có túi khí rèm

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Tại trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến dây đai an toàn và khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác về xe. Khi xảy ra va chạm, bộ này sẽ ghi lại những thông tin đó.
- Bộ căng dây đai an toàn tự động cho các ghế trước và các ghế sau bên ngoài\*.
- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc hai bên.
- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo cho bạn biết nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.
- Cảm Biến An Toàn

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải nổ với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác chỉ đôi khi sẽ gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

**Bạn cần phải làm gì:** Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều kiện lái xe thoải mái. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm mạnh, thậm chí ngay cả khi đã thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí nổ.

**Không được để vật nặng hoặc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước.**

Đề các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút tẩu thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước nổ.

**Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước.** Vật thể đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở hoạt động túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí nổ.

## » Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực nổ của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

## Loại Túi Khí

Xe của bạn được trang bị hai hoặc ba loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước các ghế người lái và hành khách trước.
  - **Túi khí bên:** Các túi khí ở lưng ghế người lái và hành khách trước.
  - **Túi khí rèm\*:** Các túi khí phía trên cửa kính bên.
- Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

## Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách trước.

**SRS** (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ quan trọng nhất.

### ■ Vị Trí Lắp Đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và đặt trong bảng táp-lô là dành cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

### ►► Loại Túi Khí

Túi khí có thể nổ bất cứ khi nào chế độ nguồn ở BẬT.

Sau khi túi khí nổ khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một thứ giống như khói bay ra. Đây thực chất là một loại bột tạo ra do quá trình cháy. Mặc dù bột này không có độc hại nhưng nó cũng gây khó chịu cho người hít phải. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

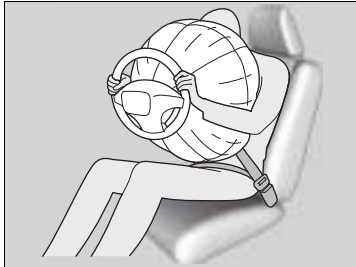
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Hoạt Động

Túi khí trước được thiết kế để nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển. Bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ nổ.

Khi xảy ra va chạm từ phía trước có thể là vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

## ■ Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên nó không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí nổ và xẹp đi nhanh tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã nổ cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

### ■ Túi khí trước không nổ khi

**Va chạm nhẹ từ phía trước:** Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

**Va chạm bên:** Túi khí trước có thể bảo vệ bạn khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách phía trước nhào về phía trước. Túi khí bên và túi khí rèm\* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ thương tích khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

**Va chạm phía sau:** Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để nổ trong trường hợp va chạm này.

**Xe bị lộn vòng:** Dây đai an toàn và các túi khí rèm\* mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước có thể mang lại hiệu quả bảo vệ thấp vì chúng không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

### ■ Túi khí trước nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí cảm nhận sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống treo của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi gầm xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm của xe nên hư hỏng có thể không thấy rõ.

### ■ Túi khí trước không nổ kể cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

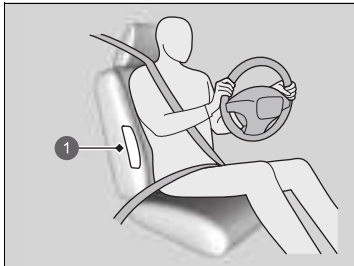
Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nổ.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Túi Khí Bên

Túi khí bên giúp bảo vệ phần trên thân mình và xương chậu của người lái hoặc hành khách phía trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

### ■ Vị Trí Lắp Đặt



① Vị Trí Lắp Đặt Túi Khí Bên

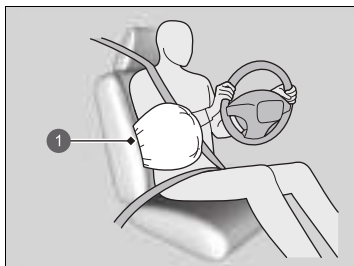
Túi khí bên được lắp ở cạnh ngoài của lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách.

Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

### »Túi Khí Bên

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên để không làm cản trở túi khí hoạt động, hoặc không làm ai đó bị thương khi có một túi khí nổ.

## ■ Hoạt Động



① Túi Khí Bên Nổ

Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để nổ ngay lập tức.

### ■ Túi khí bên nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm nổ túi khí. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhỏ hoặc không có hư hỏng nhưng cảm biến bên phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để nổ túi khí.

### ■ Túi khí bên không thể nổ ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng

Túi khí bên có thể không nổ khi xảy ra va chạm mạnh gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi điểm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ nếu nó nổ.

## ►►Túi Khí Bên

Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế trước mà không tham khảo đại lý.

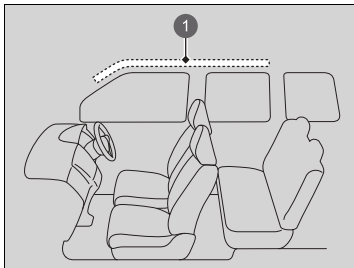
Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước có thể làm túi khí bên nổ không đúng cách khi có va chạm bên.

Không để hành khách phía trước dựa nghiêng sang một bên với phần đầu nghiêng về hướng nổ của túi khí bên vì túi khí bên nổ có thể bật ra lực rất mạnh và gây thương tích cho hành khách.

## Túi Khí Rèm\*

Túi khí rèm giúp bảo vệ đầu người lái và hành khách<sup>\*1</sup> hoặc hành khách ngồi ở ghế bên ngoài<sup>\*2</sup> khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

### ■ Vị Trí Lắp Đặt



❶ Vị Trí Lắp Đặt Túi Khí Rèm

Túi khí rèm được đặt trên trần xe, ngay phía trên cửa kính ở hai bên của xe.

### ►►Túi Khí Rèm\*

Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc tấm ốp trụ đỡ nóc xe vì việc đó có thể làm cho túi khí rèm hoạt động không tốt.

Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo để tránh bị thương tích nếu túi khí rèm nổ.

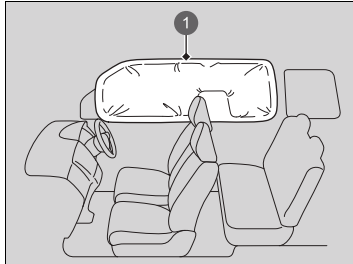
\* 1: Loại xe Australia

\* 2: Ngoại trừ loại xe Australia

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



## ■ Hoạt Động



Túi khí rèm được thiết kế để nổ khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

### ① Túi Khí Rèm Nổ

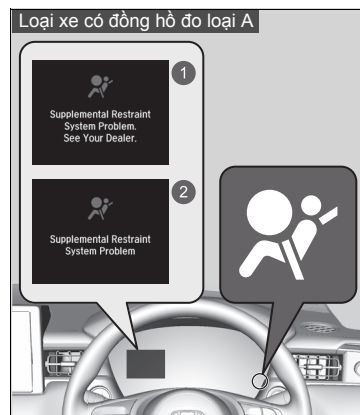
#### ■ Túi khí rèm nổ trong trường hợp có va chạm từ phía trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể nổ trong trường hợp va chạm từ góc phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

## Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

### ■ Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)



- Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 1 Loại xe Mỹ La Tinh, Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan
  - 2 Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippin, Campuchia, Lào Myanmar, và Đài Loan

#### ■ Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT

Đèn báo sáng trong vài giây, sau đó tắt chứng tỏ hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

### ►► Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

#### ⚠ CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây thương tích hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo có thể xảy ra sự cố.



- ① Loại xe Mỹ La Tinh, Philippin, Campuchia, Lào, Myanma và Đài Loan
- ② Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippin, Campuchia, Lào Myanma, và Đài Loan

## Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn nên đưa xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

### ■ Sau khi túi khí nổ

Sau khi túi khí nổ, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, phải thay bộ căng dây đai an toàn tự động sau khi bộ này được kích hoạt.

### ■ Sau khi xe bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không nổ, hãy đến đại lý để kiểm tra các bộ phận sau: bộ căng dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài\* và từng dây đai an toàn xem có bị mòn không sau khi xảy ra va chạm.

### ►►Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động hoặc sau khi túi khí nổ/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, cần yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

## An Toàn Cho Trẻ

### Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi, bởi vì chúng không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương tích và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.



Trẻ em phải được ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau vì những lý do sau:

- Túi khí trước nổ có thể gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

#### »Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Tấm Che Năng Hành Khách Phía Trước

Ngoại trừ loại xe Đài Loan

### ⚠CẢNH BÁO



KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước để tránh làm TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

Loại xe Đài Loan



- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ chúng khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ để tránh dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn để tránh bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, chúng phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.

►►Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

## ⚠CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, chúng cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia, cần sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở ghế hành khách bất kỳ. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc các quy định của quốc gia bạn.

📺 **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 75**

- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng vì nhiệt độ bên trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển làm cho xe di chuyển.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Thanh Dọc Cửa Phía Hành Khách Trước

Loại xe Malaysia

**▲ CẢNH BÁO**



**Cảnh Báo Nguy Hiểm!**

**KHÔNG ĐƯỢC** đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí phía trước !

**CẢNH BÁO:** Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để tránh trẻ nghịch cửa kính bởi việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm hoặc làm cho người lái mất tập trung.

☑ **Mở/Đóng Cửa Kính Điện Tr. 220**

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

#### ►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách. Hãy đọc và làm theo các hướng dẫn trên nhãn này.

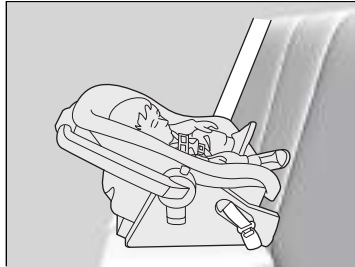
📖 **Nhãn An Toàn** Tr. 104



## An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

### ■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



#### ■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- Bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ở ghế ngay phía sau ghế hành khách trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em và để trống ghế ngồi đó.
- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau hoặc bạn có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước sẽ không thể ngã hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

### ►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

#### ⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho trẻ ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Không được lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị trọng thương.

## ■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



### ■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

## ►►Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

### ⚠CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí nổ.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy dịch chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

## ■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới. Một vài hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai loại này đều dễ sử dụng. Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo tối đa an toàn cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Đối với các ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt ở phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyên bạn nên sử dụng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

### ■ Lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của mỗi quốc gia. Hãy tìm nhãn kiểm duyệt và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên ghế.

## ► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo phía dưới rất đơn giản.

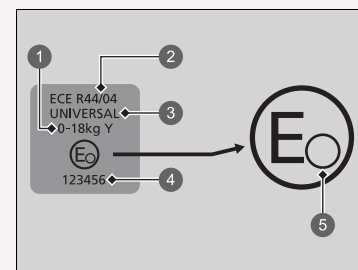
Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

### ■ Tiêu Chuẩn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em (loại i-Size/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc, hệ thống sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình minh họa trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo ghế ngồi trẻ em tương thích với xe của bạn, với trẻ và đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc.

### ►►Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

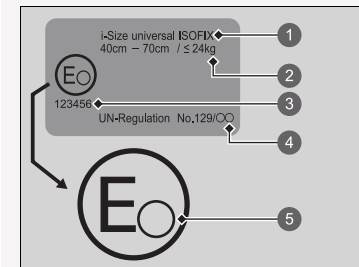
Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 44 của Liên Hợp Quốc



- ① “Nhóm khối lượng”
- ② Số quy định
- ③ Loại
- ④ Số phê duyệt
- ⑤ Mã quốc gia

#### ►► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

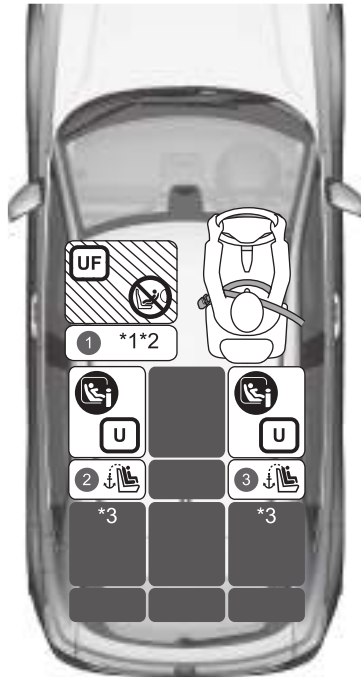
Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 129 của Liên Hợp Quốc



- ❶ Loại
- ❷ Chỉ định kích thước và cân nặng
- ❸ Số kiểm duyệt
- ❹ Số quy định
- ❺ Mã quốc gia

## Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Loại xe Australia



|  |                                                                                                                    |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp cùng với dây đai an toàn của xe.                        |
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp cùng với dây đai an toàn của xe. |
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.                                                      |
|  | Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.                                            |
|  | Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.                                                  |
|  | Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.                                                                                    |

- \*1:
- Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
  - Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
  - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để nó không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- \*2: Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- \*3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

**Loại xe Australia**

**Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS**

|                                                              | Nhóm chiều cao, cân nặng |          | ①                                  | ②                            | ③     |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|------------------------------------|------------------------------|-------|
|                                                              |                          |          | Ghế hành khách trước <sup>*1</sup> | Hàng ghế thứ 2 <sup>*3</sup> |       |
|                                                              |                          |          |                                    | Trái                         | Phải  |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0                   | Đến 10kg | Không                              | Có                           | Có    |
|                                                              | Nhóm 0+                  | Đến 13kg |                                    |                              |       |
|                                                              | Nhóm I                   | 9-18kg   | Có <sup>*2</sup>                   | Có                           | Có    |
|                                                              | Nhóm II                  | 15-25kg  |                                    |                              |       |
|                                                              | Nhóm III                 | 22-36kg  |                                    |                              |       |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)                        | ≤150cm                   |          | Không                              | Có                           | Có    |
| Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu                        | —                        |          | Không                              | Không                        | Không |
| Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên L1/L2)         | —                        |          | Không                              | Không                        | Không |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)    | Nhóm 0                   | Đến 10kg | Không                              | R3                           | R3    |
|                                                              | Nhóm 0+                  | Đến 13kg |                                    |                              |       |
|                                                              | Nhóm I                   | 9-18kg   |                                    |                              |       |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)     | Nhóm I                   | 9-18kg   | Không                              | F3                           | F3    |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)               | ≤150cm                   |          | B3                                 | B3                           | B3    |

**►► Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em**

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

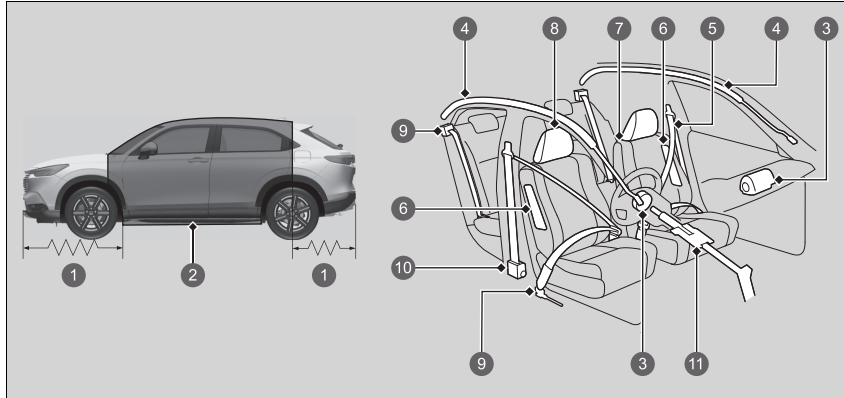
| Đồ gá (CRF) | Mô tả                                                        |
|-------------|--------------------------------------------------------------|
| ISO/L1      | Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nổi)              |
| ISO/L2      | Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nổi)              |
| ISO/R1      | Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau                         |
| ISO/R2X     | Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước nhỏ |
| ISO/R2      | Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước nhỏ |
| ISO/R3      | Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước lớn |
| ISO/F2X     | Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp    |
| ISO/F2      | Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp    |
| ISO/F3      | Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao     |
| ISO/B2      | Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn            |
| ISO/B3      | Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài             |

- \*1:
- Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
  - Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
  - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để nó không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- \*2: Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- \*3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.



## Tính Năng An Toàn Của Xe



- ① Vùng Hấp Thụ Va Đập
- ② Bộ Khung An Toàn
- ③ Túi Khí Trước
- ④ Túi Khí Rèm\*
- ⑤ Dây Đai An Toàn
- ⑥ Túi Khí Bên
- ⑦ Ghế và Lưng Ghế
- ⑧ Tựa Đầu
- ⑨ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động\*
- ⑩ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động
- ⑪ Tay Lái Gật Gù

Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►►Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Có một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những bộ phận này bao gồm bộ khung thép khoẻ tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ lực va đập phía trước và phía sau, tay lái gật gù và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài\* khi xảy ra va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, Indonesia, Malaysia và Nam Phi

### Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

|                                                                 | Nhóm chiều cao,<br>cân nặng        |          | ①                                     | ②                            | ③                  | ④                  |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|---------------------------------------|------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                 |                                    |          | Ghế hành khách<br>trước <sup>*1</sup> | Hàng ghế thứ 2 <sup>*3</sup> |                    |                    |
|                                                                 |                                    |          |                                       | Trái <sup>*5</sup>           | Giữa <sup>*4</sup> | Phải <sup>*6</sup> |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai<br>(có/không) | Nhóm 0                             | Đến 10kg | Không                                 | Có                           | Có                 | Có                 |
|                                                                 | Nhóm 0+                            | Đến 13kg |                                       |                              |                    |                    |
|                                                                 | Nhóm I                             | 9-18kg   | Có <sup>*2</sup>                      | Có                           | Có                 | Có                 |
|                                                                 | Nhóm II                            | 15-25kg  |                                       |                              |                    |                    |
|                                                                 | Nhóm III                           | 22-36kg  |                                       |                              |                    |                    |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)                           | ≤150cm                             |          | Không                                 | Có                           | Không              | Có                 |
| Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu <sup>*7</sup>             | Tham khảo danh sách CRS chính hiệu |          | Không                                 | Có                           | Không              | Có                 |
| Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên L1/L2)            | —                                  |          | Không                                 | Không                        | Không              | Không              |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau<br>(R1/R2X/R2/R3)    | Nhóm 0                             | Đến 10kg | Không                                 | R3                           | Không              | R3                 |
|                                                                 | Nhóm 0+                            | Đến 13kg |                                       |                              |                    |                    |
|                                                                 | Nhóm I                             | 9-18kg   |                                       |                              |                    |                    |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)        | Nhóm I                             | 9-18kg   | Không                                 | F3                           | Không              | F3                 |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)                  | ≤150cm                             |          | B3                                    | B3                           | B3                 | B3                 |

- \* 1:
  - Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
  - Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
  - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cắt tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để nó không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- \* 2: Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- \* 3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.
- \* 4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau giữa, không thể sử dụng dây đai an toàn ở một trong hai ghế bên cạnh.
- \* 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau trái, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- \* 6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau phải, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- \* 7: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các CRS được khuyến nghị. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe Việt Nam



|                                                                                   |                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp cùng với dây đai an toàn của xe.                        |
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp cùng với dây đai an toàn của xe. |
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.                                                      |
|  | Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.                                            |
|  | Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.                                                  |
|  | Vị trí ghế có Đều Buộc móc neo.                                                                                    |

- 1: Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
    - Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
    - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cắt tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để nó không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
    - Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
    - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
  - 2: Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
  - 3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.
  - 4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau giữa, không thể sử dụng dây đai an toàn ở một trong hai ghế bên cạnh.
  - 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau trái, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
  - 6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau phải, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe Việt Nam

### Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

|                                                                 | Nhóm chiều cao,<br>cân nặng        |          | ①                         | ②                           | ③                 | ④                 |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------------|
|                                                                 |                                    |          | Ghế hành khách<br>trước*1 | Hàng ghế thứ 2 <sup>3</sup> |                   |                   |
|                                                                 |                                    |          |                           | Trái <sup>5</sup>           | Giữa <sup>4</sup> | Phải <sup>6</sup> |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai<br>(có/không) | Nhóm 0                             | Đến 10kg | Không                     | Có                          | Có                | Có                |
|                                                                 | Nhóm 0+                            | Đến 13kg |                           |                             |                   |                   |
|                                                                 | Nhóm I                             | 9-18kg   | Có <sup>2</sup>           | Có                          | Có                | Có                |
|                                                                 | Nhóm II                            | 15-25kg  |                           |                             |                   |                   |
|                                                                 | Nhóm III                           | 22-36kg  |                           |                             |                   |                   |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)                           | ≤150cm                             |          | Không                     | Có                          | Không             | Có                |
| Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu <sup>7</sup>              | Tham khảo danh sách CRS chính hiệu |          | Không                     | Có                          | Không             | Có                |
| Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên L1/L2)            | —                                  |          | Không                     | Không                       | Không             | Không             |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau<br>(R1/R2X/R2/R3)    | Nhóm 0                             | Đến 10kg | Không                     | R3                          | Không             | R3                |
|                                                                 | Nhóm 0+                            | Đến 13kg |                           |                             |                   |                   |
|                                                                 | Nhóm I                             | 9-18kg   |                           |                             |                   |                   |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)        | Nhóm I                             | 9-18kg   | Không                     | F3                          | Không             | F3                |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)                  | ≤150cm                             |          | B3                        | B3                          | B3                | B3                |

- \* 1:
  - Chỉ dùng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
  - Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
  - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để nó không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
  - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi nó ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- \* 2: Để lắp đặt loại thông dụng có dây đai, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- \* 3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.
- \* 4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau giữa, không thể sử dụng dây đai an toàn ở một trong hai ghế bên cạnh.
- \* 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau trái, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- \* 6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau phải, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- \* 7: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các CRS được khuyến nghị. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

Loại xe Mỹ La Tinh

**Danh Sách Loại CRS Chính Hiệu**

**INMETRO466**

| Nhóm Khối Lượng            | Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em | Loại                                         |
|----------------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
| Nhóm 0 đến 10kg            | —                        | —                                            |
| Nhóm 0+ đến 13kg           | Honda Baby & Kids        | Semi-universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau) |
| Nhóm I 9kg đến 18kg        | Honda Baby & Kids        | Semi-universal ISOFIX                        |
| Nhóm II, III 15kg đến 36kg | —                        | —                                            |

Loại xe Malaysia, Campuchia, Việt Nam và Indonesia

**Danh Sách Loại CRS Chính Hiệu Malaysia, Campuchia**

**UN R129**

| Chiều cao và độ tuổi             | Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em | Loại                                           |
|----------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------|
| Dưới 100 cm                      | Honda Baby & Kids i-Size | i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau) |
| Trên 71cm và 15 tháng đến 100 cm | Honda Baby & Kids i-Size | i-Size Universal ISOFIX                        |

Loại xe Nam Phi

## Danh Sách Loại CRS Chính Hiệu Nam Phi

### UN R44

| Nhóm Khối Lượng               | Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em | Loại                               |
|-------------------------------|--------------------------|------------------------------------|
| Nhóm 0<br>đến 10kg            | —                        | —                                  |
| Nhóm 0+<br>đến 13kg           | STANDARD                 | Universal (Quay mặt về phía sau)   |
| Nhóm I<br>9kg đến 18kg        | STANDARD                 | Universal (Quay mặt về phía trước) |
| Nhóm II, III<br>15kg đến 36kg | —                        | —                                  |

### UN R129

| Chiều cao và độ tuổi             | Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em | Loại                                           |
|----------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------|
| Dưới 100 cm                      | Honda Baby & Kids i-Size | i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau) |
| Trên 71cm và 15 tháng đến 100 cm | Honda Baby & Kids i-Size | i-Size Universal ISOFIX                        |



## ■ Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Loại xe Đài Loan



|  |                                                                                             |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp cùng với dây đai an toàn của xe. |
|  | Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.                               |
|  | Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.                           |
|  | Vị trí ghế có Đầu Bộc móc neo.                                                              |
|  | Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em.                                                |

\*1: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau giữa, không thể sử dụng dây đai an toàn ở một trong hai ghế bên cạnh.

Không thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở ghế sau giữa.

\*2: Nếu lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em loại được lắp bằng dây đai vào ghế sau bên ngoài, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.

\*3: Nếu lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế sau, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.

- Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Loại xe Đài Loan

**Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS**

|                                                              | Nhóm chiều cao,<br>cân nặng        |          | Vị trí ghế và Số vị trí ghế |                    |                    |
|--------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                              |                                    |          | ①                           | ②                  | ③                  |
|                                                              |                                    |          | Hàng ghế thứ 2              |                    |                    |
|                                                              |                                    |          | Trái                        | Giữa <sup>*1</sup> | Phải               |
| Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không) | Nhóm 0                             | Đến 10kg | Có <sup>*2</sup>            | Có                 | Có <sup>*2</sup>   |
|                                                              | Nhóm 0+                            | Đến 13kg |                             |                    |                    |
|                                                              | Nhóm I                             | 9-18kg   | Có <sup>*2</sup>            | Có                 | Có <sup>*2</sup>   |
|                                                              | Nhóm II                            | 15-25kg  |                             |                    |                    |
|                                                              | Nhóm III                           | 22-36kg  |                             |                    |                    |
| Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)                        | ≤150cm                             |          | Có <sup>*3</sup>            | Không              | Có <sup>*3</sup>   |
| Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu <sup>*4</sup>          | Tham khảo danh sách CRS chính hiệu |          | Có <sup>*3</sup>            | Không              | Có <sup>*3</sup>   |
| Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên L1/L2)         | —                                  |          | Không                       | Không              | Không              |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)    | Nhóm 0                             | Đến 10kg | R3 <sup>*3</sup>            | Không              | R3 <sup>*3</sup>   |
|                                                              | Nhóm 0+                            | Đến 13kg |                             |                    |                    |
|                                                              | Nhóm I                             | 9-18kg   |                             |                    |                    |
| Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)     | Nhóm I                             | 9-18kg   | F3 <sup>*3</sup>            | Không              | F3 <sup>*3</sup>   |
| Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)               | ≤150cm                             |          | B3 <sup>*2*3</sup>          | B3                 | B3 <sup>*2*3</sup> |

- \*1: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau giữa, không thể sử dụng dây đai an toàn ở một trong hai ghế bên cạnh. Không thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở ghế giữa.
- \*2: Nếu lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em loại được lắp bằng dây đai vào ghế sau bên ngoài, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- \*3: Nếu lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế sau, không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- \*4: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các CRS được khuyến nghị. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
- Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể cố định chắc chắn, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Loại xe Đài Loan

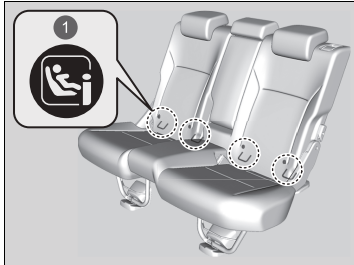
**Danh Sách Loại CRS Chính Hiệu Đài Loan**

**CNS11497**

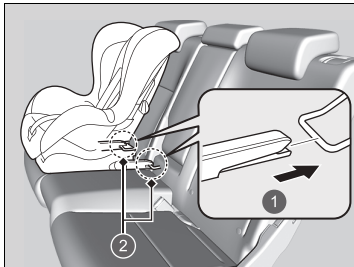
| Nhóm Khối Lượng               | Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em | Loại                                            |
|-------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------|
| Nhóm 0<br>đến 10kg            | —                        | —                                               |
| Nhóm 0+<br>đến 13kg           | Joie Arc360<br>(C1416)   | Semi-universal ISOFIX<br>(Quay mặt về phía sau) |
| Nhóm I<br>9kg đến 18kg        | Joie Arc360<br>(C1416)   | Semi-universal ISOFIX                           |
| Nhóm II, III<br>15kg đến 36kg | Honda KIDFIX             | Universal<br>Semi-universal                     |

## ■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau bên ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm (xem hình).



### ① Dấu



- ① Loại Móc Cứng
- ② Móc Neo Phía Dưới

1. Cố định móc neo phía dưới vào các điểm đánh dấu.

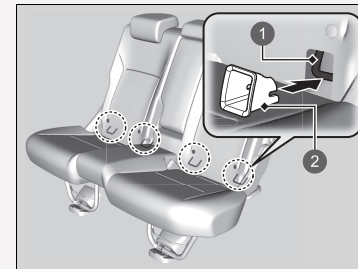
2. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe, sau đó lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo hướng dẫn lắp đặt của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
  - Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai an toàn hoặc bất kỳ vật gì khác.

## ►►Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

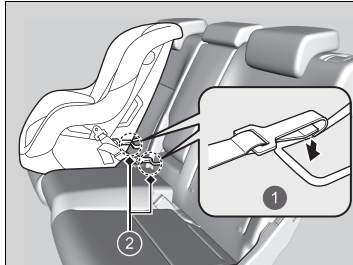
### ⚠CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong.

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo giống như hình vẽ.



- ① Móc Neo Phía Dưới
- ② Hộp Dẫn Hướng



- ❶ Loại Móc Mềm
- ❷ Móc Neo Phía Dưới



- ❶ Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo

#### ►► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

**CẢNH BÁO:** Không được sử dụng móc không có Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.

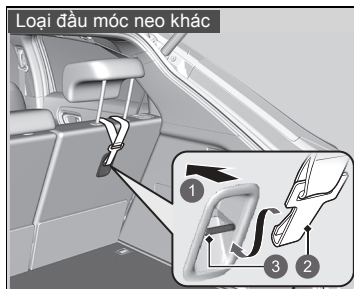
Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, đảm bảo hệ thống ghế ngồi được cố định chắc chắn trên xe.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.



- ① Phía Trước Xe
- ② Đầu Móc Dây Đai
- ③ Móc Neo



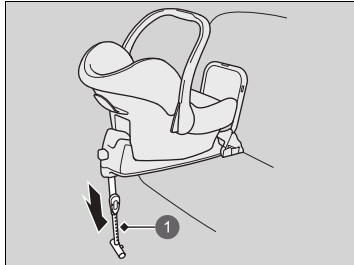
- ① Phía Trước Xe
- ② Đầu Móc Dây Đai
- ③ Móc Neo

#### Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt

3. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất.  
► Tháo tấm che khoang hành lý\*.

#### ► Tấm Che Khoang Hành Lý\* Tr. 269

4. Luồn đầu móc của dây đai qua chân tựa đầu.
5. Lắp đầu móc vào móc neo.
6. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
7. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
8. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

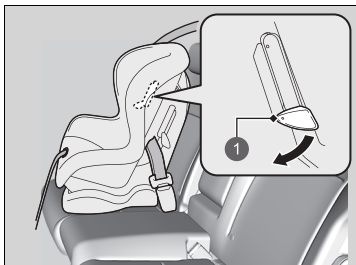
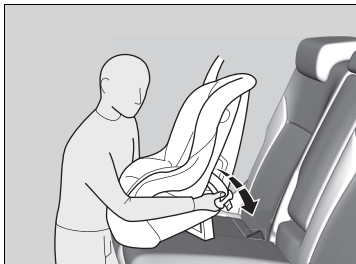


① Chân Đỡ

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

- 3.** Duỗi chân đỡ ra cho đến khi nó chạm đến sàn như trong hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
- Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ phải bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được.
  - Đảm bảo ghế của trẻ và ghế phía trước không chạm vào nhau.

## ■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

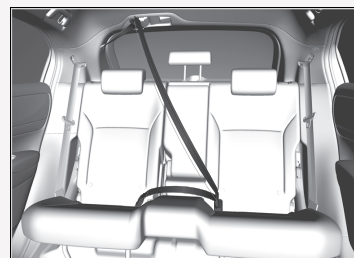


① Vấu

1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
  - Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi có tiếng tách.
3. Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe ở cạnh bên của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
4. Giữ phần vai của dây đai gần đầu khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
  - Khi thực hiện động tác này, tay người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế xe.
5. Đặt dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy vấu khóa. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
  - Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần phía trên vai của dây đai để dây đai hết chùng.

## ►►Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

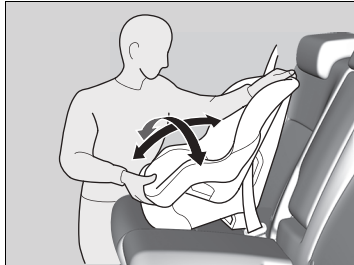


Ngoại trừ loại xe Australia

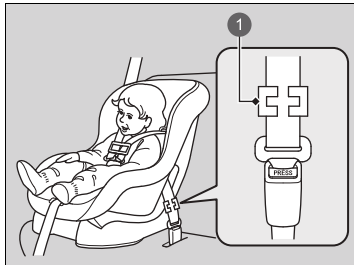
Nếu lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ở một trong hai ghế bên ngoài, ghế sẽ che lấp khóa dây đai an toàn ghế giữa hoặc khóa móc neo. Trước khi lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em, đảm bảo đã thắt dây đai an toàn ghế giữa. Để biết thông tin chi tiết về thắt dây đai an toàn, xem phần

► Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 49





6. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
7. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ khi chưa sử dụng đến.



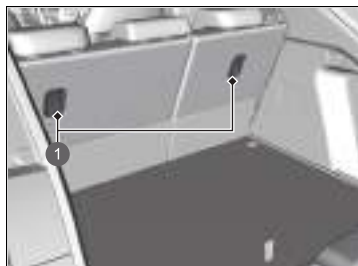
#### 1 Kẹp Khóa

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em trên xe không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.

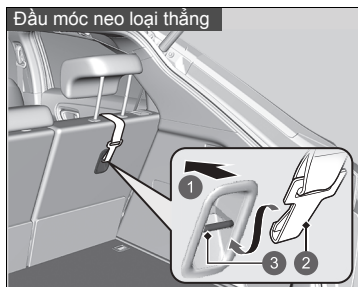
Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

3. Ghì chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt. Tháo khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như trong hình. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
5. Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

## ■ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



❶ Điểm Móc Dây Thắt



- ❶ Phía Trước Xe
- ❷ Đầu Móc Dây Thắt
- ❸ Móc Neo

Điểm móc dây thắt được đặt ở đằng sau ghế sau bên ngoài.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định nó, có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất.  
► Tháo tấm che khoang hành lý\*.
- ❏ **Tấm Che Khoang Hành Lý\*** Tr. 269
2. Luồn đầu móc của dây thắt qua chân tựa đầu. Đảm bảo dây thắt không bị xoắn.
3. Lắp đầu móc dây thắt vào móc neo.
4. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
5. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
6. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

## ►►Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

**CẢNH BÁO:** Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng cho dây đai an toàn của người lớn, không sử dụng để cố định hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì khác vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho dù có dùng hay không dùng dây đai an toàn hoặc các móc neo phía dưới.



- ❶ Phía Trước Xe
- ❷ Đầu Móc Dây Đai
- ❸ Móc Neo

## An Toàn Cho Trẻ Lớn

### ■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, cách sử dụng ghế lót đặc biệt cho trẻ khi cần và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

### ■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau:



#### ■ Danh Mục Kiểm Tra

- Đầu gối của trẻ có gấp thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có đặt vào vị trí giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

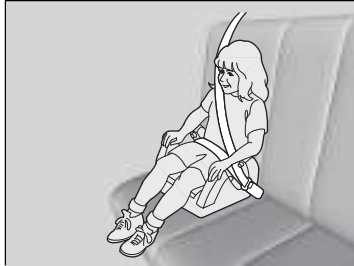
### ►►An Toàn Cho Trẻ Lớn

## ⚠CẢNH BÁO

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm trẻ bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt. Để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

## ■ Ghế Lót Đặc Biệt



Nếu trẻ chưa thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai hiệu quả, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót không.



### 1 Dẫn Hướng

Phần tựa lưng ghế được thiết kế riêng cho ghế lót đặc biệt. Lắp ghế lót đặc biệt vào tựa lưng và điều chỉnh nó cho vừa ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm và vắt ngang qua cổ của trẻ.

## ►► Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn ghế lót cho phép trẻ thắt dây đai an toàn hiệu quả.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.

### ■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để trẻ được bảo vệ hiệu quả. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Ngả ghế hành khách phía trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra dây đai an toàn đã ở đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

### ■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi có trẻ trên xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

## Khí Xả Nguy Hiểm

### Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất không màu, không mùi, độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không lọt vào xe bạn.

#### ■ Phải kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:

- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả bị hỏng.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà mở cửa hậu, luồng khí có thể lùa khí thải vào trong xe và gây nguy hại. Nếu bạn buộc phải mở cửa hậu khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống điều khiển khí hậu như sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống điều khiển khí hậu giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đã đỗ xe mà xe vẫn nổ máy.

#### » Khí CO

### ⚠ CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc. Hít phải khí độc hại có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

Lượng khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.

Không được nổ máy khi cửa gara đang đóng.

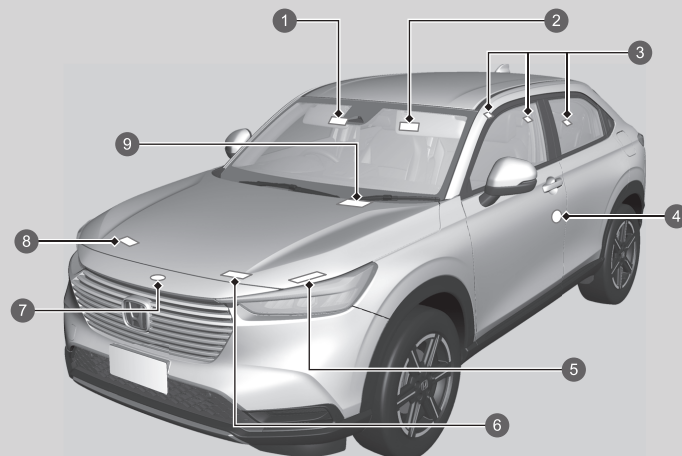
Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

## Nhãn An Toàn

### Vị Trí Nhãn

Các nhãn an toàn này ở các vị trí như hình vẽ. Chúng cảnh báo cho bạn nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây trọng thương hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu nhãn này bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



- ❶ Bảo Vệ Trẻ Em (Loại xe có vô lăng bên trái) ➤ Tr. 69
- ❷ Bảo Vệ Trẻ Em (Loại xe có vô lăng bên phải) ➤ Tr. 69
- ❸ Tựa Đầu Sau ➤ Tr. 258
- ❹ Bảo Vệ Trẻ Em ➤ Tr. 71
- ❺ Ấc Quy

- ❻ Nắp Vách Ngăn Trước ➤ Tr. 547
- ❼ Nắp Kết Nước ➤ Tr. 557
- ❽ Điều Hòa Không Khí ➤ Tr. 585
- ❾ Sạc Không Dây ➤ Tr. 275



# Bảng Điều Khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

|                                                                                |     |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>Đèn Báo</b> .....                                                           | 106 |
| <b>Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái</b>                |     |
| Đồng Hồ Đo.....                                                                | 126 |
| Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)..... | 129 |
| Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)..... | 156 |

## Đèn Báo

Đèn báo sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào điều kiện của xe. Khi đó, thông báo cũng có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy làm theo thông báo hướng dẫn, ví dụ như liên hệ với đại lý.

Bảng Điều Khiển

|                                                                                                                                              |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  *1 Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đỏ) → Tr. 108       |  *2 Đèn Báo Số → Tr. 111                                        |  *1 Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ → Tr. 116          |
|  *1 Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) → Tr. 110 |  *3 → Tr. 111                                                   |  *1 Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) → Tr. 116 |
|  *1 Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động → Tr. 110            |  *2 Đèn Báo <b>M</b> (chế độ sang số thường 7 cấp) *3 → Tr. 111 |  *1 Đèn Báo <b>TẮT</b> VSA → Tr. 116                   |
|  *1 Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động → Tr. 110                     |  *2 Đèn Báo Số → Tr. 112                                        |  *1 Đèn Báo Hệ Thống Lái Điện (EPS) → Tr. 117          |
|  *1 Đèn Báo Sự Cố → Tr. 110                                 |  *3 Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn → Tr. 115                 |  *1 120 km/h Đèn Cảnh Báo Tốc Độ* → Tr. 111            |
|  *1 Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện → Tr. 111                     |  Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Hỗ Phách) → Tr. 115                   |  ← → Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm → Tr. 117   |
|                                                                                                                                              |  *1 Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) → Tr. 115        |  Đèn Báo Chiếu Xa → Tr. 117                            |

\*1: Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo rằng đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

\*2: Loại xe có đồng hồ đo loại A

\*3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

|                                                                                   |                                                     |           |                                                                                   |                                                                        |           |                                                                                     |                                                                                                                              |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|  | Đèn Báo Đèn Bật                                     | → Tr. 117 |  | Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp <sup>*4</sup>       | → Tr. 120 |  | <sup>*1</sup> Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Hỗ Phách) <sup>*</sup> | → Tr. 122 |
|  | Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước <sup>*</sup>             | → Tr. 117 |  | Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS <sup>*5</sup>                            | → Tr. 119 |  | Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Trắng/Xanh Lục) <sup>*</sup>         | → Tr. 122 |
|  | Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau <sup>*</sup>               | → Tr. 118 |  | Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Xanh Lam)            | → Tr. 121 |  | Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo (Trắng/Xanh Lục)                                                                              | → Tr. 112 |
|  | <sup>*1</sup> Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động <sup>*</sup> | → Tr. 118 |  | Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo (Trắng/Xanh Lục)                        | → Tr. 112 |  | <sup>*1</sup> Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Hỗ Phách) <sup>*</sup>                                           | → Tr. 122 |
|  | <sup>*2</sup> Đèn Báo Chế Độ <b>ECON</b>            | → Tr. 119 |  | Đèn Báo <b>TẮT</b> Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời <sup>*</sup> | → Tr. 113 |  | <sup>*1</sup> Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Trắng/Xanh Lục) <sup>*</sup>                                     | → Tr. 123 |
|  | <sup>*3</sup> <b>SPORT</b>                          | → Tr. 119 |  | Đèn Báo Tạm Dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời <sup>*</sup>   | → Tr. 114 |  | <sup>*1</sup> Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Hỗ Phách) <sup>*</sup>                                                                 | → Tr. 123 |
|  | <b>NORMAL</b>                                       | → Tr. 119 |  | Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Hỗ Phách) <sup>*</sup> | → Tr. 113 |  | Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/Xám) <sup>*</sup>                                                                           | → Tr. 125 |
|                                                                                   |                                                     |           |  | Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục) <sup>*</sup> | → Tr. 113 |                                                                                     |                                                                                                                              |           |
|                                                                                   |                                                     |           |  | Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy                                          | → Tr. 118 |                                                                                     |                                                                                                                              |           |
|                                                                                   |                                                     |           |  | Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh                                      | → Tr. 118 |                                                                                     |                                                                                                                              |           |

\* 1: Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo rằng đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

\* 2: Loại xe không có công tắc chế độ lái

\* 3: Loại xe có công tắc chế độ lái

\* 4: Loại xe Australia và Trung Đông

\* 5: Loại xe Đài Loan

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Đèn Báo                                                                                   | Tên                                     | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                   | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br>(Đỏ) | Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đỏ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi gài phanh đổ và tắt khi nhả phanh đổ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng nếu gài phanh đổ trong khi lái xe.</li> <li>Sáng trong khoảng 30 giây khi bạn gài phanh đổ điện trong khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó tắt.</li> <li>Vẫn sáng trong khoảng 30 giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY trong khi gài phanh đổ điện, sau đó tắt.</li> </ul> |
|                                                                                           |                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi dầu phanh ở mức thấp.</li> </ul>                 | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng khi lái xe</b> - Đảm bảo nhả phanh đổ. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh.<br/>  <b>Phải làm gì nếu đèn báo sáng khi đang lái xe Tr. 642</b></li> </ul>                                                              |

| Đèn Báo                                                                                   | Tên                                     | Sáng/Nhấp Nháy                                                                      | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br>(Đỏ) | Đèn Báo Phanh Đỡ và Hệ Thống Phanh (Đỏ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống phanh có sự cố.</li> </ul> | <p><b>Loại xe có công tắc chế độ lái</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng cùng với Đèn Báo Phanh Đỡ và Hệ Thống Phanh (hồ phách)</b> - Dừng ngay xe ở nơi an toàn. Liên hệ với đại lý để sửa chữa. Khó nhấn, nhả bàn đạp phanh.<br/>Nhấn bàn đạp sâu hơn bình thường.<br/>➤ <b>Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hồ Phách) Sáng Tr. 644</b></li> </ul> <p><b>Tất cả các loại xe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng cùng với đèn báo ABS</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.<br/>➤ <b>Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 642</b></li> <li><b>Nhấp nháy và đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (hồ phách) sáng cùng một lúc</b> - Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố. Có thể chưa gài phanh đỗ.<br/>Tránh dùng phanh đỗ và hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.<br/>➤ <b>Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hồ Phách) Sáng Tr. 644</b></li> </ul> |

| Đèn Báo                                                                                         | Tên                                           | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                       | Diễn Giải                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bật hệ thống giữ phanh tự động.</li> </ul>                                                                           | <p>► Giữ Phanh Tự Động Tr. 506</p>                                                                                                                                                               |
|                | Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi kích hoạt chức năng giữ phanh tự động.</li> </ul>                                                                    | <p>► Giữ Phanh Tự Động Tr. 506</p>                                                                                                                                                               |
| <br>(Hỗ Phách) | Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh có sự cố ngoại trừ hệ thống phanh thông thường.</li> </ul>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng lên trong khi lái xe</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> <li>Khi đèn báo này sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường.</li> </ul> |
|                                                                                                 |                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống phanh đỗ điện và/hoặc hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.</li> </ul>                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Tránh dùng phanh đỗ và hãy đưa ngay xe đến đại lý kiểm tra.</li> </ul>                                                                 |
|               | Đèn Báo Sự Cố                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải có sự cố.</li> <li>Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ.</li> </ul> | <p>► Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 641</p>                                                                                                                                           |

| Đèn Báo                                                                                                                                                                         | Tên                                                       | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                               | Diễn Giải                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                | Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.</li> </ul>                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý.<br/> <b>☒ Kiểm Tra Ác Quy Tr. 579</b><br/> <b>☒ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Tr. 640</b> </li> </ul> |
| <b>120</b><br>km/h                                                                                                                                                              | Đèn Cảnh Báo Tốc Độ*                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh nhắc nhở vang lên.</li> </ul>                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đèn báo này tiếp tục nhấp nháy khi tốc độ xe trên 120 km/h.</li> </ul>                                                                                       |
|  *1<br> *2    | Đèn Báo Hệ Thống Hộp Số                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố.</li> </ul>                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhấp nháy trong khi lái xe</b> -Tránh khởi động và tăng tốc đột ngột và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                    |
|                                                                                                                                                                                 |                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố và hiệu suất của xe giảm.</li> </ul>                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh khởi động, tăng tốc đột ngột và lái xe ở tốc độ cao, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                |
|                                                                                                                                                                                 |                                                           | <div>Loại xe có lẫy sang số</div> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố và không thể sử dụng lẫy sang số.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                                           |
|  *1<br> *2 | Đèn Báo <b>M</b> (chế độ sang số thường 7 cấp)/Đèn Báo Số | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi kích hoạt chế độ sang số thường 7 cấp.</li> </ul>                                                            | <div>☒ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp* Tr. 400</div>                                                                                                                                                   |

\* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

\* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Đèn Báo                                                                                                                                                                | Tên                                              | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                         | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br> | Đèn Báo Số                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hiển thị vị trí số hiện tại.</li> </ul>                                                                                                       |  <b>Sang Số</b> Tr. 398, 402                                                                                             |
|                                                                                       | Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sáng khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp.</li> </ul>                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ ở mức nhiệt độ hoạt động bình thường, có thể xảy ra lỗi với các cảm biến nhiệt. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> |
|                                                                                       | Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo (Trắng /Xanh Lục) | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sáng trắng khi hệ thống hỗ trợ đổ đèo bật và sẵn sàng sử dụng.</li> <li>• Sáng xanh lục khi hệ thống hỗ trợ đổ đèo đang hoạt động.</li> </ul> |  <b>Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo</b> Tr. 417                                                                                   |

\* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

\* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B



| Đèn Báo                                                                           | Tên                                                        | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Diễn Giải                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục)* | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động. Động cơ sẽ tự động tắt.</li> </ul>                                                                                                                                                                              | <p>☒ <b>Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*</b> Tr. 407</p>                                                                                                                |
|  | Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Hỗ Phách)* | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời có sự cố.</li> </ul> <p>Loại xe có đồng hồ đo loại B</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời bằng nút <b>TẮT</b> hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhấp nháy</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> <p>☒ <b>BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời</b> Tr. 409</p> |
|  | Đèn Báo <b>TẮT</b> Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* | <p>Loại xe có đồng hồ đo loại A</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời bằng nút <b>TẮT</b> hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.</li> </ul>                                                                                                             | <p>☒ <b>BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời</b> Tr. 409</p>                                                                                                         |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có đồng hồ đo loại A

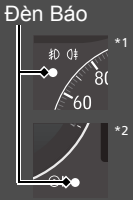
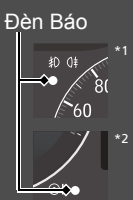
| Đèn Báo                                                                           | Tên                                                      | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                 | Diễn Giải                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Tạm Dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời tạm dừng hoạt động trong các trường hợp sau.</li> </ul> | —                                                                                                                                                                             |
|                                                                                   |                                                          | - Không nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.</li> </ul>                                                                                               |
|                                                                                   |                                                          | - Cần số không ở <b>D</b> .                                                                                                                    | <b>☒ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*</b> Tr. 407                                                                                                                      |
|                                                                                   |                                                          | - Sạc hệ thống được ưu tiên.                                                                                                                   |                                                                                                                                                                               |
|                                                                                   |                                                          | - Hệ thống điều khiển khí hậu được ưu tiên.                                                                                                    |                                                                                                                                                                               |
|                                                                                   |                                                          | - Nhiệt độ nước làm mát động cơ không nằm trong phạm vi hoạt động.                                                                             |                                                                                                                                                                               |
|                                                                                   |                                                          | - Nhiệt độ ắc quy quá thấp.<br>- Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động vì một số lý do.                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn ấn và giữ nút <b>TẮT</b> hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, bạn có thể chọn bật hoặc tắt thông báo trạng thái.</li> </ul> |
|                                                                                   |                                                          | —                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                               |

| Đèn Báo                                                                           | Tên                                        | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.</li> <li>Nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng lên trong vài giây sau đó.</li> <li>Sáng một lát khi không thắt dây đai an toàn ghế sau trong khi chế độ nguồn ở BẬT.</li> <li>Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn và/hoặc bất kỳ hành khách nào không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng đều đặn.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách thắt dây đai an toàn.</li> <li><b>Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách đã thắt dây đai an toàn</b> - Có thể xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.<br/> <b>► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 45</b></li> </ul> |
|  | Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Hỗ Phách)         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 5,3 Lit).</li> <li>Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng</b> - Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt.</li> <li><b>Nhấp Nháy</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                                                                                                     |
|  | Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu ABS có sự cố.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng.<br/> <b>► Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) Tr. 509</b></li> </ul>                                                                      |

| Đèn Báo                                                                           | Tên                                                 | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu phát hiện một trong các hệ thống sau có sự cố: <ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống bảo vệ phụ trợ</li> <li>Hệ thống túi khí bên</li> <li>Hệ thống túi khí rèm*</li> <li>Bộ căng dây đai an toàn</li> </ul> </li> </ul>                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                           |
|  | Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy khi kích hoạt VSA.</li> <li>Sáng nếu hệ thống VSA, hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp, hoặc hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc, hỗ trợ xử lý nhanh, hoặc chức năng phanh hỗ trợ khởi động*.</li> <li>Sáng nếu hệ thống VSA bị hủy kích hoạt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>—</li> <li><b>Sáng suốt</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.<br/> <b>▶ Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)</b><br/> Tr. 419</li> <li>Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ hơn 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> |
|  | Đèn Báo <b>TẮT</b> Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bạn tắt VSA.</li> <li>Sáng nếu hệ thống VSA bị tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.</li> </ul>                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>▶ Bật và Tắt VSA</b> Tr. 420</li> <li>Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ hơn 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                              |

| Đèn Báo                                                                            | Tên                                     | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                    | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.</li> </ul>                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> <li><b>Do Not Drive (Không Lái Xe)</b> xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái - Dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý.<br/> <b>☒ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng Tr. 643</b></li> </ul> |
|   | Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy khi bạn gạt cần xi nhan.</li> <li>Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.</li> <li>Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh</b><br/> <b>☒ Thay Bóng Đèn Tr. 562, 563</b></li> </ul>                                                                                                                                                                                               |
|   | Đèn Báo Chiếu Xa                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bật các đèn chiếu xa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                  | —                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|   | Đèn Báo Đèn Bật                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng lên khi bật đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe.</li> </ul>                                                                                                                                                       | <b>☒ Đèn Tr. 227</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|  | Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bật đèn sương mù trước.</li> </ul>                                                                                                                                                                                | <b>☒ Đèn Sương Mù* Tr. 231</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Đèn Báo                                                                                           | Tên                               | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                  | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  | Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bật đèn sương mù sau.</li> </ul>                                                | <p>► Đèn Sương Mù* Tr. 231</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                  | Đèn Báo Chiều Xa Tự Động*         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của chiều xa tự động.</li> </ul>         | <p>► Chiều Xa Tự Động* Tr. 235</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <p>Đèn Báo</p>   | Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhấp nháy</b> - Bạn không thể khởi động động cơ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó chọn lại chế độ BẬT.</li> <li><b>Nhấp liên tục</b> - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra.</li> <li>Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị khác vào hệ thống để tránh xảy ra sự cố điện.</li> </ul> |
| <p>Đèn Báo</p>  | Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập.</li> </ul>                       | <p>► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh Tr. 218</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

\* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

\* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

| Đèn Báo                                                                                                                                                                                            | Tên                                                          | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <sup>*1</sup><br> <sup>*2</sup> | Đèn Báo Chế Độ ECON                                          | <p>Loại xe không có công tắc chế độ lái</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi chế độ ECON bật.</li> </ul> <p>Loại xe có công tắc chế độ lái</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở <b>ECON</b>.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>➤ Chế Độ ECON* Tr. 406</p> <p>➤ Công Tắc Chế Độ Lái* Tr. 414</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                                                                                                                   | Đèn Báo Chế Độ <b>SPORT</b> *                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở <b>SPORT</b>.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đèn viên đồng hồ vẫn sáng đỏ bất cứ khi nào chọn chế độ <b>SPORT</b>.</li> </ul> <p>➤ Công Tắc Chế Độ Lái* Tr. 414</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                                                                                                   | Đèn Báo Chế Độ <b>NORMAL</b> *                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi bạn đặt chế độ lái ở <b>NORMAL</b>.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>➤ Công Tắc Chế Độ Lái* Tr. 414</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                                                                                                                   | <p>Loại xe Đai Loan</p> <p>Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Có thể sáng một lúc khi đặt chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, điều này có nghĩa là quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.</li> <li>Sáng và sáng suốt khi: <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp.</li> <li>Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.</li> </ul> </li> <li>Nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu TPMS có sự cố.</li> <li>Sáng nếu hệ thống TPMS dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng trong khi lái xe</b> - Dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần.</li> <li><b>Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị</b> - Cần hiệu chỉnh hệ thống. <p>➤ Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 422</p> </li> <li><b>Nhấp nháy và tiếp tục nháy</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> <li>Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ hơn 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> |

\* 1: Loại xe không có công tắc chế độ lái

\* 2: Loại xe có công tắc chế độ lái

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Đèn Báo                                                                           | Tên                                                                                                                           | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <div>Loại xe<br/>Australia và<br/>Trung Đông</div> <p>Đèn Báo Hệ<br/>Thống Cảnh<br/>Báo Áp Suất<br/>Lốp Thấp/<br/>Xẹp Lốp</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Có thể sáng một lúc khi đặt chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, điều này có nghĩa là quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.</li> <li>Sáng và sáng suốt khi: <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp.</li> <li>Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng khi đang lái</b> - Dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp xe và bơm (các) lốp xe nếu cần.</li> <li><b>Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị</b> - Cần hiệu chỉnh hệ thống.<br/>  <b>Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp</b><br/>Tr. 426</li> </ul> |
|                                                                                   |                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp nháy khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhấp nháy và tiếp tục nháy</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                                                                                   |                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ốc quy, sau đó lắp lại.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                               |



| Đèn Báo                                                                           | Tên                        | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                            | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng và tiếng bíp cũng vang lên khi phát hiện ra sự cố. Đồng thời thông báo hệ thống cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.</li> </ul> | <p><b>Loại xe có đồng hồ đo loại A</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi đèn báo sáng, ấn nút  (màn hình chính) và chọn <b>Information*/Warnings*</b> (Cảnh Báo*/Thông Tin*) để xem lại thông báo.</li> </ul> <p>➡ <b>Chuyển Đổi Màn Hình Hiện Thị Tr. 129</b></p> <p><b>Loại xe có đồng hồ đo loại B</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong khi đèn báo sáng, ấn nút  (màn hình chính) và nút  để xem lại thông báo.</li> </ul> <p>➡ <b>Chuyển Đổi Màn Hình Hiện Thị Tr. 156</b></p> <p><b>Tất cả các loại xe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tham khảo thông tin các Đèn Báo trong phần này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng.</li> <li>Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc ấn nút  (màn hình chính).</li> </ul> |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Đèn Báo                                                                             | Tên                                                                                                      | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                           | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Hỗ Phách)*       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có sự cố.</li> </ul>                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng khi đang lái xe</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                                 |
|                                                                                     |                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.</li> </ul>                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                           |
|                                                                                     |                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.</li> <li>ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bị hủy tự động.</li> </ul>                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép.<br/> <b>► Giới Hạn Tải</b> Tr. 385</li> <li><b>Sáng suốt</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> |
|    | Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Trắng/Xanh Lục)* | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng trắng khi bạn ấn nút .</li> <li>Sáng xanh lục khi bạn ấn nút <b>RES/+</b> hoặc nút <b>SET/-</b>.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp</b> Tr. 446</li> </ul>                                                                  |
|  | Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Hỗ Phách)*                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng nếu hệ thống LKAS có sự cố.</li> </ul>                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul>                                                                                                            |
|                                                                                     |                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.</li> </ul>                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép.<br/> <b>► Giới Hạn Tải</b> Tr. 385</li> <li><b>Sáng suốt</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> |

| Đèn Báo                                                                           | Tên                                                            | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Trắng/Xanh Lục)* | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng trắng khi bạn ấn nút LKAS.</li> <li>Sáng xanh lục khi LKAS đang hoạt động.</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |  <b>Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)</b><br>Tr. 467                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|  | Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Hỗ Phách)*                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS có sự cố.</li> <li>Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.</li> <li>Sáng nếu hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> <li>Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép.<br/> <b>Giới Hạn Tải</b> Tr. 385</li> <li><b>Sáng suốt</b> - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> <li>Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.</li> </ul> |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Đèn Báo                                                                           | Tên                                | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                    | Diễn Giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Hỗ Phách)* | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và/hoặc CMBS tự tắt.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Nhiệt độ bên trong camera quá cao.<br/>Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát camera.<br/>Hệ thống kích hoạt khi nhiệt độ bên trong camera giảm.<br/> <b>► Camera Trước Tr. 500</b> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                                                                                   |                                    |                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Sáng suốt</b> - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bùn bám. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, dùng giẻ sạch, mềm lau sạch bụi bẩn.</li> <li>Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn hiển thị trên màn hình thậm chí sau khi đã lau sạch vùng xung quanh camera.<br/> <b>► Camera Trước Tr. 500</b> </li> <li>Đèn có thể sáng khi điều kiện môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc lái xe vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối.</li> </ul> |

| Đèn Báo                                                                           | Tên                                    | Sáng/Nhấp Nháy                                                                                                                                                                                                                                                             | Diễn Giải                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/Xám)* | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sáng xanh lục khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS bật.</li> <li>Sáng xanh lục và xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS tắt.</li> <li>Sáng xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS tắt.</li> </ul> | <p>➤ <b>Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường</b> Tr. 484</p> <p>➤ <b>Bật và Tắt CMBS</b> Tr. 438</p> |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

## Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan. Các đồng hồ đo này hiển thị khi chế độ nguồn ở BẬT.

### ■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ xe tính bằng km/h.

### ■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ vòng/phút.

### ■ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

### ■ Đèn Viên Đồng Hồ

Loại xe không có máy đo trọng lực

Thay đổi sang màu xanh lục để báo xe đang được lái ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu với chế độ lái **SPORT**.\*

Loại xe có công tắc chế độ lái

Thay đổi sang màu đỏ để báo chế độ **SPORT** đã được chọn.

### » Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

➔ Cài Đặt\* Tr. 142

➔ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

### » Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

#### CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng ở [E]\* hoặc [0]\*.

Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, làm hỏng bộ trung hòa khi xả.

Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

## ■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km mà xe của bạn đã đi được.

## ■ Nhiệt Độ Ngoài Trời

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời theo đơn vị độ C.

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, thông báo **Outside Temperature Low** (Nhiệt Độ Ngoài Trời Thấp) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

### ■ Điều chỉnh màn hình nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống  $\pm 3^{\circ}\text{C}$  nếu nhiệt độ không chính xác.

## » Nhiệt Độ Ngoài Trời

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tấm cản trước. Hơi nóng từ mặt đường và khí xả của xe có thể làm ảnh hưởng tới chỉ báo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

Bạn có thể điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ.

➤ **Cài Đặt\*** Tr. 142

➤ **Cài Đặt** Tr. 164

➤ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 341

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Đồng Hồ

Hiển thị đồng hồ.

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay hoặc thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

🔧 **Đồng Hồ** Tr. 182

🔧 **Cài Đặt Đồng Hồ** Tr. 304

## ■ Chế Độ ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp và LKAS\*

Hiển thị chế độ ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp và LKAS.

🔧 **Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển**

**Tốc Độ Thấp (LSF)** Tr. 446

🔧 **Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)** Tr. 467

## ■ Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*

Hiển thị biển báo giao thông trong khi lái xe.

Đèn báo nhấp nháy khi Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông phát hiện xe vượt quá biển báo giới hạn tốc độ.

🔧 **Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*** Tr. 494



## Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như khoảng cách hành trình dự kiến và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý và đưa xe đi kiểm tra nếu cần thiết. Hãy tham khảo các mục sau nếu thông báo **Engine Oil Pressure Low** (Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp) hoặc **Engine Temperature Too Hot** (Nhiệt Độ Động Cơ Quá Nóng) xuất hiện.

❏ Nếu Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp Xuất Hiện Tr. 640

❏ Quá Nhiệt Tr. 637

### ■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

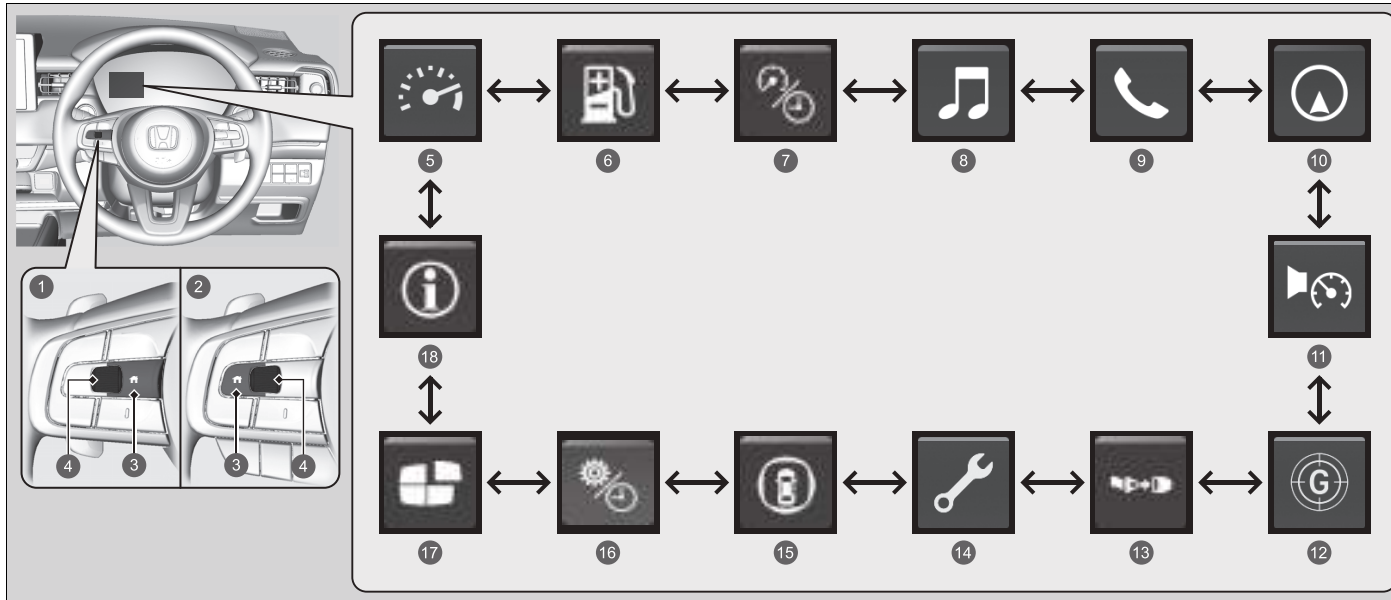
### ❏ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Để quay lại màn hình trước đó, ấn nút  (quay lại).

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ.

❏ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị Tr. 141

Bảng Điều Khiển



- ❶ Loại xe Australia
- ❷ Ngoại trừ loại xe Australia
- ❸ Nút (Màn Hình Chính)
- ❹ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❺ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ Tr. 126
- ❻ Khoảng Cách và Nhiên Liệu Tr. 132

- ❼ Tốc Độ và Thời Gian Tr. 134
- ❽ Âm Thanh\* Tr. 135
- ❾ Điện Thoại\* Tr. 135
- ❿ Định Vị\* Tr. 136
- ⓫ Cảnh Báo Tốc Độ\* Tr. 137
- ⓬ Máy Đo Trọng Lực\* Tr. 138

- ⓭ Dây đai An Toàn\* Tr. 139
- ⓮ Bảo Dưỡng\* Tr. 139
- ⓯ Hỗ Trợ An Toàn\* Tr. 140
- ⓰ Cài Đặt\* Tr. 142
- ⓱ Màn Hình Tùy Chọn Tr. 141
- ⓲ Cảnh Báo/Thông Tin Tr. 141

## ■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

▣ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ Tr. 126

## ▣ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

▣ Cài Đặt\* Tr. 142

▣ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

Ngay cả khi bạn đã tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin, nếu chọn

**Tachometer** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, màn hình sẽ chuyển sang chỉ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

Bảng Điều Khiển

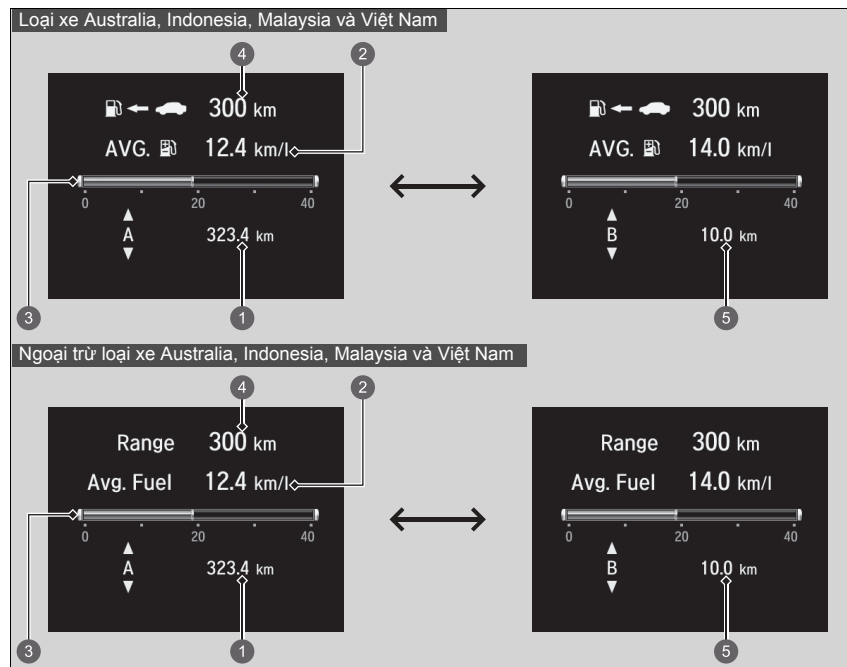
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

## ■ Khoảng Cách/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Bảng Điều Khiển



- 1 Đồng Hồ Đo Hành Trình A
- 2 Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình
- 3 Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời
- 4 Khoảng Cách
- 5 Đồng Hồ Đo Hành Trình B

### ■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Các đồng hồ A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

### Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**. Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

### ■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng l/100km\* hoặc km/l\*. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

### ■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng l/100 km\* hoặc km/l\*.

### ■ Khoảng cách

Cho biết khoảng cách ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Khoảng cách này được ước tính dựa vào lượng tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

### ►► Khoảng Cách/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

**Ngoại trừ loại xe Australia**

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

► **Cài Đặt\*** Tr. 142

### ►► Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

► **Cài Đặt\*** Tr. 142

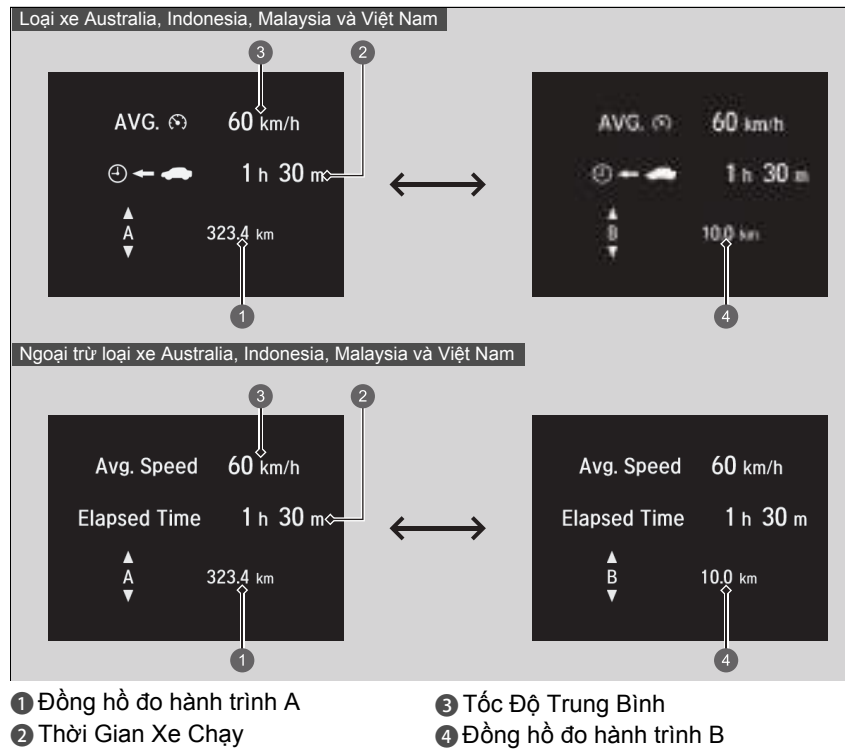
► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 341

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Tốc Độ và Thời Gian

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Bảng Điều Khiển



## ■ Đồng hồ đo hành trình

► Đồng hồ đo hành trình Tr. 133

## ■ Thời Gian Xe Chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành Trình A và Hành Trình B.

## ■ Tốc Độ Trung Bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành Trình A và Hành Trình B.

## ■ Âm Thanh\*

Hiển thị thông tin âm thanh đang phát.

► Vận Hành Cơ Bản Tr. 291

## ■ Điện Thoại\*

Hiển thị thông tin điện thoại đang phát.

► Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 354

## ► Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

► Cài Đặt\* Tr. 142

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

## ► Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

► Cài Đặt\* Tr. 142

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Định Vị\*

### ■ La Bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

### ■ Dẫn Đường Chi Tiết

Khi xe được trang bị hệ thống định vị, sau khi kết nối điện thoại có ứng dụng Android Auto hoặc Apple CarPlay, hướng dẫn lái và thông tin dẫn đường chi tiết sẽ xuất hiện trên màn hình để giúp bạn đi đến điểm đến.

📖 **Tham Khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị**

📖 **Apple CarPlay** Tr. 333

📖 **Android Auto** Tr. 337

## »» Định vị\*

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn đường chi tiết trong quá trình dẫn đường.

📖 **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 341

Khi la bàn hoặc dẫn đường chi tiết hiển thị, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để điều khiển một số chức năng hệ thống định vị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📖 **Tham Khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị**

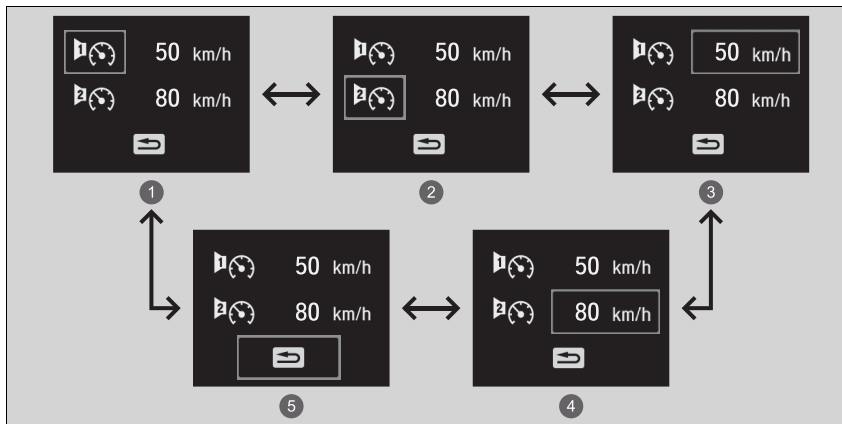
Dẫn đường chi tiết có thể không có ở tất cả các ứng dụng.



## ■ Cảnh Báo Tốc Độ\*

Cài đặt cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.

Cuộn vòng lựa chọn bên trái, cài đặt cảnh báo tốc độ sẽ thay đổi như sau:

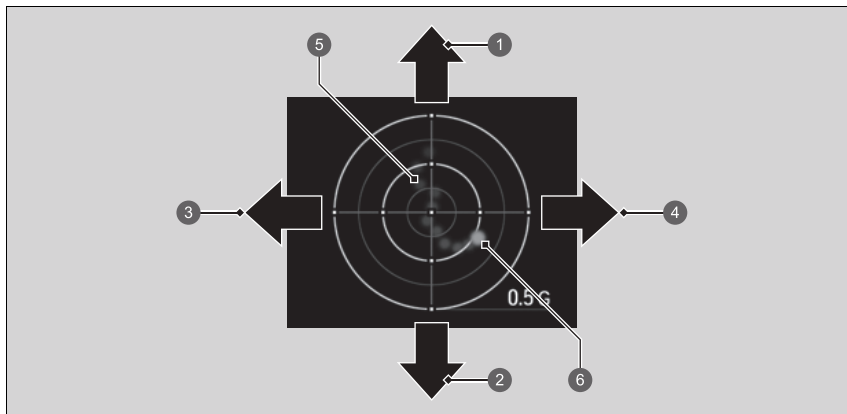


- ① Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 1<sup>\*1</sup>
- ② Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 2<sup>\*1</sup>
- ③ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 1 [50 km/h<sup>\*1</sup>]
- ④ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 2 [80 km/h<sup>\*1</sup>]
- ⑤ Quay lại

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

### ■ Máy Đo Trọng Lực\*

Hiển thị cường độ (G) và hướng của tải trọng tác dụng lên xe trong khi lái xe.



- ❶ Khi giảm tốc trong khi xe tiến  
Khi tăng tốc trong khi xe lùi
- ❷ Khi tăng tốc trong khi xe tiến  
Khi giảm tốc trong khi xe lùi
- ❸ Khi đánh lái sang phải
- ❹ Khi đánh lái sang trái
- ❺ Lực ngang trong ba giây trước (màu trắng)
- ❻ Lực ngang thời gian thực (màu đỏ)

### ►► Máy Đo Trọng Lực\*

Máy đo không hiển thị lực ngang lớn hơn 0,5 G.

## ■ Dây Đai An Toàn

Xuất hiện khi thắt hoặc không thắt dây đai an toàn ghế sau.

## ■ Bảo Dưỡng\*

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

📺 **Hệ Thống Giám Sát Dầu\*** Tr. 531

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn\*

Biểu thị trạng thái của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS như Bật, Tắt hoặc Lỗi, bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Xám: Hệ thống tắt.
- Hở Phách: Hệ thống có sự cố.



- 1 Thông Tin Vùng Cho Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường
- 2 Thông Tin Vùng Cho CMBS
- 3 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường
- 4 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái CMBS

## ►► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn\*

Nếu hệ thống hiển thị màu hở phách, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► **Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 484

► **Bật và Tắt CMBS** Tr. 438

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo hỗ trợ an toàn.

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Hở Phách)\*** Tr. 123

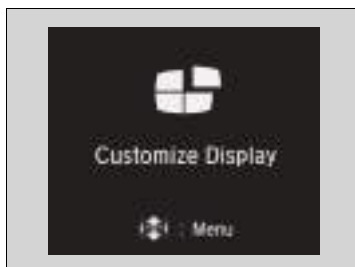
► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/Xám)\*** Tr. 125

## ■ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

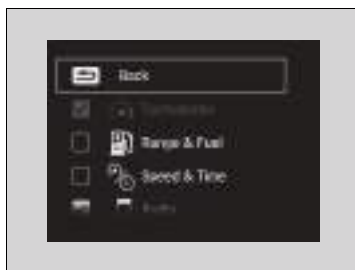
Thay đổi cài đặt theo ý muốn của bạn.

### ■ Sắp xếp nội dung

Bạn có thể lựa chọn biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize Display** (Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.



3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn một trong số các biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

## ■ Thông Tin\*<sup>1</sup>/Cảnh Báo\*<sup>2</sup>

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào xuất hiện không.

\* 1: Loại xe Australia, Indonesia, Malaysia và Việt Nam

\* 2: Ngoại trừ loại xe Australia, Indonesia, Malaysia và Việt Nam

## ►► Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Không thể xóa các biểu tượng màu xám ở màn hình chính.

## ►► Thông Tin\*<sup>1</sup>/Cảnh Báo\*<sup>2</sup>

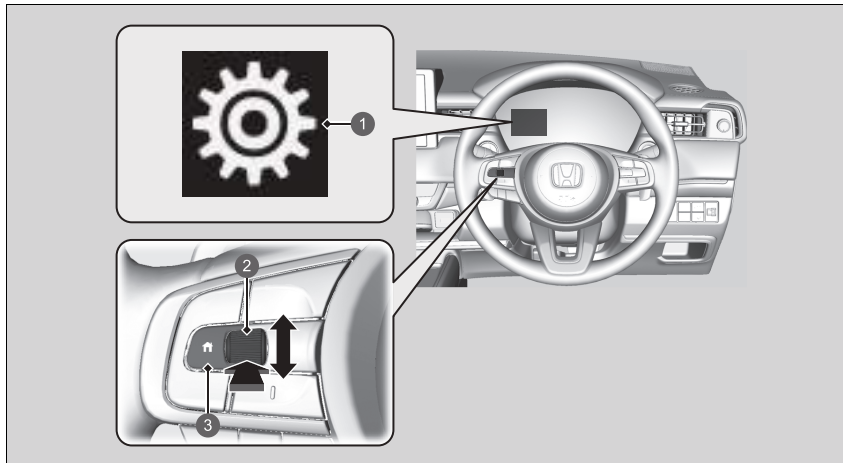
Nếu có nhiều cảnh báo, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

## ■ Cài Đặt\*

Tùy chọn một số tính năng trên hình giao diện thông tin cho người lái.

### ■ Cách tùy chọn

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó chọn màn hình  **Cài Đặt** bằng cách cuộn vòng lựa chọn bên trái trong khi chế độ nguồn ở BẬT, xe ở trạng thái dừng hẳn, và vị trí số ở **P**. Sau đó, ấn vòng lựa chọn bên trái.



- ① Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái
- ② Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ③ Nút  (Màn Hình Chính)

## » Cài Đặt\*

Để tùy chọn các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

► **Danh sách tùy chọn** Tr. 143

► **Ví dụ cài đặt tùy chọn** Tr. 153

Khi bạn tùy chọn cài đặt, sang số **P**.

## ■ Danh sách tùy chọn

| Các Cài Đặt        | Tính Năng Tùy Chọn                                                       | Mô Tả                                                        | Lựa Chọn Cài Đặt                                                |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>Clock Setup</b> | <b>Clock Adjustment</b>                                                  | Điều chỉnh thời gian.<br>🔘 <b>Điều Chỉnh Đồng Hồ</b> Tr. 182 | —                                                               |
|                    | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Clock Display</b>          | Cài đặt kiểu hiển thị thời gian 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.     | <b>24h/12h<sup>*1</sup>/OFF</b><br>(24h/12h <sup>*1</sup> /TẮT) |
|                    | Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Clock Format</b> |                                                              |                                                                 |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt                | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                                                                               | Mô Tả                                                                                                                              | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Driver Assist System Setup | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Preceding Vehicle Proximity Warning Distance</b><br>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Forward Collision Warning Distance</b> | Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) cảnh báo.                                                               | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Far/Normal<sup>*1</sup>/Near</b><br>(Xa/Trung Bình <sup>*1</sup> /Gần)<br>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Long/Normal<sup>*1</sup>/Short</b><br>(Dài/Trung Bình <sup>*1</sup> /Ngắn) |
|                            | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>ACC Vehicle Ahead Detected Beep</b><br>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>ACC Forward Vehicle Detect Beep</b>                 | Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện ra xe khác, hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b><br>(BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                                                                                                                                                                                                     |
|                            | <b>Lead Car Departure Notification System</b>                                                                                                                                                    | Thay đổi cài đặt hệ thống cảnh báo khởi hành xe phía trước.                                                                        | <b>Normal<sup>*1</sup>/Early/OFF</b><br>(Trung Bình <sup>*1</sup> /Sớm/TẮT)                                                                                                                                                                                |
|                            |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                            |

\* 1: Cài đặt Mặc định



| Các Cài Đặt                | Tính Năng Tùy Chọn                       | Mô Tả                                               | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                   |
|----------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Driver Assist System Setup | <b>Road Departure Mitigation Setting</b> | Thay đổi cài đặt hệ thống cảnh báo chệch làn đường. | <div>Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>Early/Normal<sup>*1</sup>/Delayed/Warning Only</b> (Sớm/Trung Bình <sup>*1</sup> /Muộn/Chỉ Cảnh Báo)         |
|                            |                                          |                                                     | <div>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>Narrow/Normal<sup>*1</sup>/Wide/Warning Only</b> (Hẹp/Trung Bình <sup>*1</sup> /Rộng/Chỉ Cảnh Báo) |
|                            | <b>Lane Keep Assist Beep</b>             |                                                     |                                                                                                                                                                    |
|                            | <b>Lane Keeping Assist Suspend Beep</b>  | Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo.    | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b><br>(BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                                                                                                             |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt        | Tính Năng Tùy Chọn                  | Mô Tả                                                                                                                          | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Meter Setup</b> | <b>Adjust Outside Temp. Display</b> | Điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ tăng giảm vài độ.                                                                                  | <b>-3°C ~ ±0°C*1 ~ +3°C</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                    | <b>“Trip A” Reset Timing</b>        | Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A, và thời gian chạy A. | <div>Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>When Fully Refueled/ When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset*1</b> (Khi Đổ Đầy Nhiên Liệu/Khi Xoay Khóa Điện Sang TẮT/Cài Đặt Lại Bằng Tay*1) <div>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset*1</b> (Khi Đổ Đầy Nhiên Liệu/ TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài Đặt Lại Bằng Tay*1) |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt        | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                                                     | Mô Tả                                                                                                                          | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Meter Setup</b> | <b>“Trip B” Reset Timing</b>                                                                                                                                           | Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B, và thời gian chạy B. | <div>Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>When Fully Refueled/ When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset<sup>*1</sup></b> (Khi Đổ Đầy Nhiên Liệu/Khi Xoay Khóa Điện Sang TẮT/ Cài Đặt Lại Bằng Tay <sup>*1</sup> ) <div>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset<sup>*1</sup></b> (Khi Đổ Đầy Nhiên Liệu/ TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài Đặt Lại Bằng Tay <sup>*1</sup> ) |
|                    | <div>Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>Alarm Volume Control</b> <div>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>Adjust Alarm Volume</b> | Thay đổi âm báo như tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.                                                         | <div>Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>Max/Mid<sup>*1</sup>/Min</b> (Cao/Trung bình <sup>*1</sup> /Thấp) <div>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>High/Mid<sup>*1</sup>/Low</b> (Cao/Trung bình <sup>*1</sup> /Thấp)                                                                                                                                                                           |
|                    | <b>Fuel Efficiency Backlight<sup>*</sup></b>                                                                                                                           | Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.                                                                                         | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                    |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Các Cài Đặt        | Tính Năng Tùy Chọn        | Mô Tả                                                        | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                      |
|--------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Meter Setup</b> | <b>Rear Seat Reminder</b> | Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau.      | <b>ON*<sup>1</sup>/OFF (BẬT*<sup>1</sup>/TẮT)</b>                                                                                     |
|                    | <b>Fuel Economy Unit</b>  | Chọn đơn vị tính lượng tiêu thụ nhiên liệu.                  | <div>Ngoại trừ loại xe Việt Nam</div> <b>km/l<sup>1</sup>/l/100km</b><br><div>Loại xe Việt Nam</div> <b>km/l/l/100km*<sup>1</sup></b> |
|                    | <b>Tachometer</b>         | Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ cơ trên bảng điều khiển. | <b>ON*<sup>1</sup>/OFF (BẬT*<sup>1</sup>/TẮT)</b>                                                                                     |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt                 | Tính Năng Tùy Chọn                                                                      | Mô Tả                                                                                        | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                  |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Keyless Access Setup</b> | <b>Keyless Access Beep Volume</b>                                                       | Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước. | <b>High<sup>*1</sup>/Low</b> (Cao <sup>*1</sup> /Thấp)                            |
|                             | <b>Keyless Access Light Flash</b>                                                       | Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/ khóa các cửa.                                 | <b>ON<sup>*1</sup>/OF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                |
|                             | <b>Keyless Access Beep</b>                                                              | Bật hoặc tắt tiếng bíp khi bạn nắm vào tay nắm cửa trước.                                    | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                               |
|                             | <b>Remote Start System ON/OFF<sup>*</sup></b>                                           | Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.                                                | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                               |
| <b>Lighting Setup</b>       | <b>Auto High-Beam</b>                                                                   | Bật và tắt chiếu xa tự động.                                                                 | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                               |
|                             | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Interior Light Dimmer Duration</b>        | Thay đổi thời gian sáng của đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.                           | <b>60sec/30sec<sup>*1</sup>/15sec</b><br>(60 giây/30 giây <sup>*1</sup> /15 giây) |
|                             | Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Interior Light Dimming Time</b> |                                                                                              |                                                                                   |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Các Cài Đặt           | Tính Năng Tùy Chọn                                | Mô Tả                                                                                                                                    | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                               |
|-----------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lighting Setup</b> | <b>Headlight Auto OFF Timer</b>                   | Thay đổi thời gian sáng của đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.                                                                 | <b>60sec/30sec/15sec<sup>*1</sup>/0sec</b><br>(60 giây/30 giây/15 giây <sup>*1</sup> / 0 giây) |
|                       | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam           |                                                                                                                                          |                                                                                                |
|                       | <b>Headlight Integration With Wipers</b>          | Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí <b>AUTO</b> . | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b><br>(BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                         |
|                       | Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam |                                                                                                                                          |                                                                                                |
|                       | <b>Auto Headlight ON With Wiper ON</b>            |                                                                                                                                          |                                                                                                |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt | Tính Năng Tùy Chọn                                                                   | Mô Tả                                                                           | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                    |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Door Setup  | <b>Auto Door Lock</b>                                                                | Thay đổi cài đặt khi khóa cửa tự động.                                          | <b>With Vehicle Speed<sup>*1/</sup></b><br><b>Shift From P/OFF</b> (Có Tốc Độ Động Cơ <sup>*1/</sup> /Sang Số Từ P/TẮT)             |
|             | <b>Auto Door Unlock</b>                                                              | Thay đổi cài đặt khi mở khóa cửa tự động.                                       | <b>Shift To P<sup>*1/</sup>/IGN OFF/OFF</b><br>(Sang Số P <sup>*1/</sup> /TẮT KHÓA ĐIỆN/TẮT)                                        |
|             | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Walk Away Lock</b>                     | Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe.                 | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b> (BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                                                                                 |
|             | Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Walk Away Auto Lock</b>      |                                                                                 |                                                                                                                                     |
|             | Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Keyless Lock Notification</b>          | KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy.<br>KHÓA (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên. | <b>ON<sup>*1/</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1/</sup> /TẮT)                                                                               |
|             | Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam<br><b>Keyless Lock Answer Back</b> |                                                                                 |                                                                                                                                     |
|             | <b>Keyless Remote Power Window Control<sup>*</sup></b>                               | Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.           | <b>ON<sup>*1/</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1/</sup> /TẮT)                                                                               |
|             | <b>Auto Folding Door Mirror<sup>*</sup></b>                                          | Thay đổi cách cụp gương cửa.                                                    | <b>Auto Fold With Keyless<sup>*1/</sup>/ Manual Only</b> (Tự Động Cụp Bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa <sup>*1/</sup> /Chỉ Bằng Tay) |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

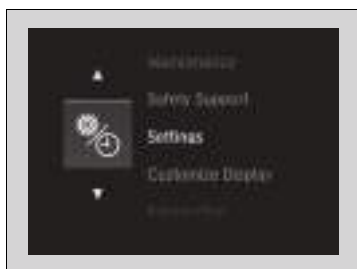
| Các Cài Đặt                  | Tính Năng Tùy Chọn                | Mô Tả                                                                                 | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                          |
|------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Power Tailgate Setup*</b> | <b>Keyless Open Mode</b>          | Thay đổi cài đặt chế độ mở cửa từ xa khi cửa hậu điện mở.                             | <b>Anytime*<sup>1</sup>/When Unlocked</b> (Bất Cứ Khi Nào* <sup>1</sup> /Khi Mở Khóa)                                                                                     |
|                              | <b>Power Open By Outer Handle</b> | Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng tay nắm bên ngoài cửa hậu.                   | <b>ON (Power/Manual)*<sup>1</sup>/OFF (Manual Only)</b> (BẬT(Bằng Điện/Bằng Tay)* <sup>1</sup> /TẮT (Chỉ Bằng Tay)                                                        |
|                              | <b>Hands Free Access</b>          | Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng cách hươ chân dưới tấm cản sau.              | <b>ON*<sup>1</sup>/OFF</b> (BẬT* <sup>1</sup> /TẮT)                                                                                                                       |
| <b>Maintenance Reset</b>     | —                                 | Cài đặt lại thông tin hệ thống giám sát dầu sau khi thực hiện sửa chữa bảo dưỡng.     | <b>Cancel/Reset</b> (Hủy/Cài Đặt Lại)                                                                                                                                     |
| <b>Default all</b>           | —                                 | Hủy các thay đổi tùy chọn mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định. | <div>Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>Cancel/OK</b> (Hủy/OK) <div>Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam</div> <b>Cancel/Set</b> (Hủy/Cài đặt) |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

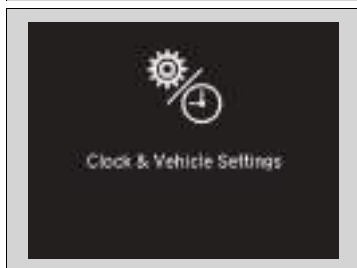


### ■ Ví dụ về các cài đặt tùy chọn

Các bước thay đổi cài đặt **“Trip A” Reset Timing** (Hẹn Giờ Cài Đặt Lại "Hành Trình A") sang **When Fully Refueled** (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu) hiển thị như bên dưới. Cài đặt mặc định cho **“Trip A” Reset Timing** là **Manually Reset/Manual Reset** (Cài Đặt Lại Bằng Tay).



1. Ấn nút  để chọn  (**Cài Đặt**), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



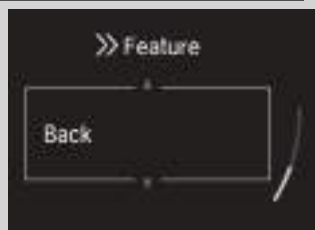


2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter Setup** (Cài Đặt Đồng Hồ) xuất hiện trên màn hình.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **"Trip A" Reset Timing** (Thời Gian Cài Đặt Lại "Hành Trình A") xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
  - Màn hình chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, ở đó bạn có thể chọn **When Fully Refueled, IGN OFF/When Ignition Is Turned OFF, Manually Reset/Manual Reset** (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu, TẮT KHÓA ĐIỆN/Khi Xoay Khóa Điện Sang TẮT, Cài Đặt Lại Bằng Tay ) hoặc **Back** (Quay Lại).



Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam



Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **When Fully Refueled** (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình **When Fully Refueled** xuất hiện, sau đó màn hình quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.

6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Back** (Quay Lại) xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

7. Lặp lại Bước 6 cho tới khi màn hình quay trở về màn hình bình thường.

## Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin khoảng cách hành trình ước tính và tiêu thụ nhiên liệu của xe. Nó cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.

Khi có thông báo cảnh báo hiển thị, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý và đưa xe tới đại lý để kiểm tra nếu cần thiết. Hãy tham khảo các phần sau nếu thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá nóng) hiển thị.

► Nếu Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp Xuất Hiện Tr. 640

► Quá Nhiệt Tr. 637

### ■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

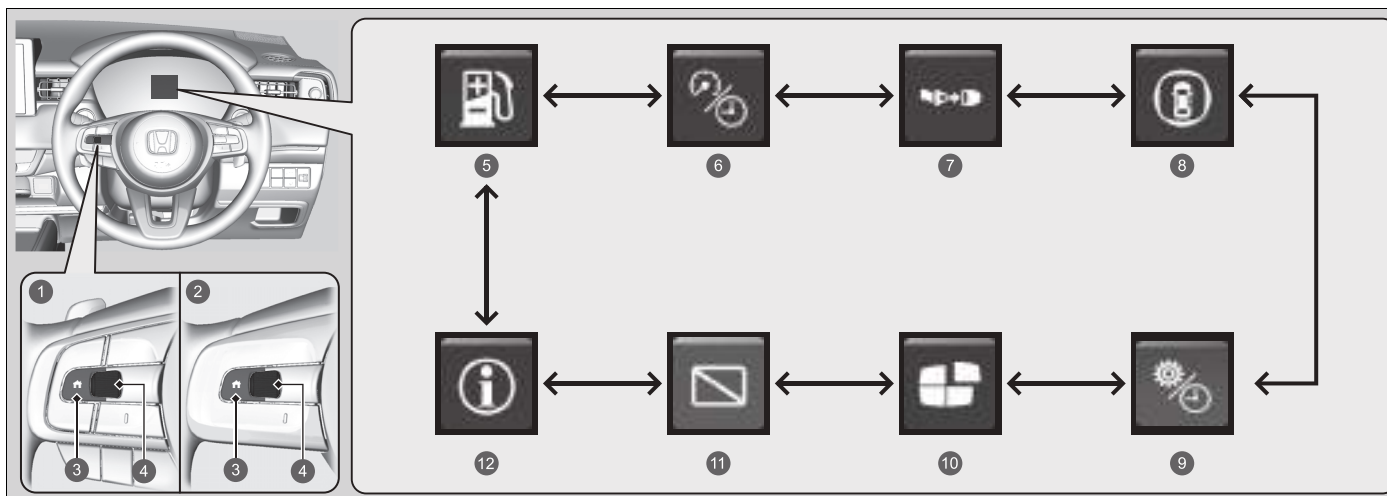
Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái đến nội dung cần xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

### ►► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Để trở lại màn hình trước đó, ấn nút  (Trở Lại).

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ.

► Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị Tr. 163



- ❶ Loại xe có Màn Hình Âm Thanh
- ❷ Ngoại trừ Loại Xe có Màn Hình Âm Thanh
- ❸ Nút (Màn Hình Chính)
- ❹ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❺ Khoảng Cách và Nhiên Liệu Tr.158
- ❻ Tốc Độ và Thời Gian Tr. 160

- ❼ Dây Đai An Toàn Tr. 161
- ❽ Hỗ Trợ An Toàn\* Tr. 162
- ❾ Cài Đặt Tr. 164
- ❿ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị Tr. 163
- ⓫ Không Có Nội Dung
- ⓬ Cảnh Báo/Thông Tin Tr. 163

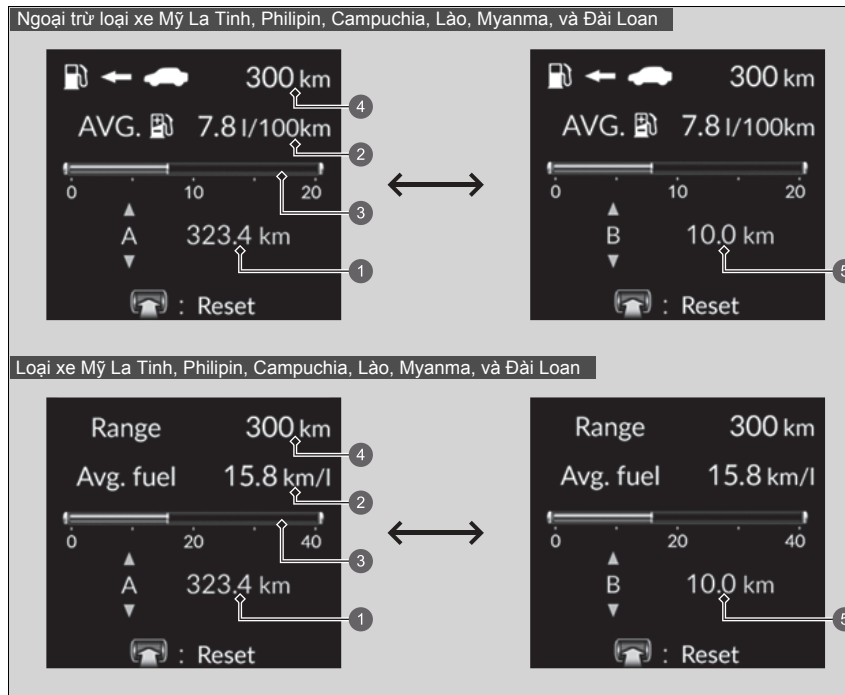
Bảng Điều Khiển

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Khoảng Cách/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Bảng Điều Khiển



- ① Đồng Hồ Đo Hành Trình A
- ② Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình
- ③ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời
- ④ Khoảng Cách
- ⑤ Đồng Hồ Đo Hành Trình B

### ■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt gần đây nhất. Các đồng hồ A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

### Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái sau đó chọn **Reset**. Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

### ■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng l/100km\* hoặc km/l\*. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

### ■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Chỉ lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng l/100 km\* hoặc km/l\*.

### ■ Khoảng cách

Cho biết khoảng cách ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Khoảng cách này được ước tính dựa vào lượng tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

### »» Khoảng Cách/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Ngoại trừ loại xe Trung Đông, Châu Phi và Mỹ La Tinh

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu bằng km/l và l/100km.

► Cài Đặt Tr. 164

### »» Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

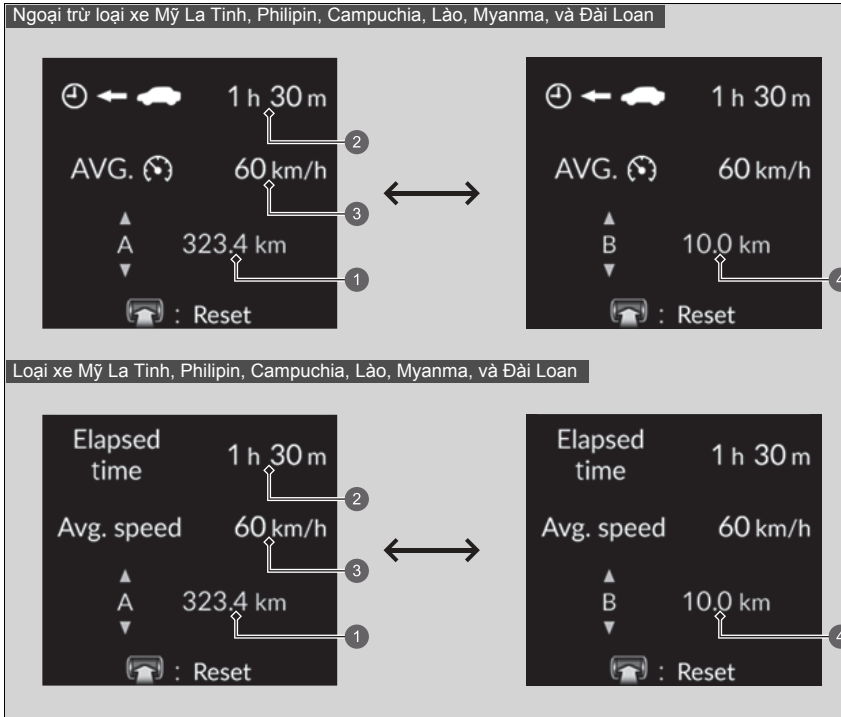
► Cài Đặt Tr. 164

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Tốc Độ và Thời Gian

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Bảng Điều Khiển



① Đồng hồ đo hành trình A

② Thời Gian Xe Chạy

③ Tốc Độ Trung Bình

④ Đồng hồ đo hành trình B



## ■ Đồng hồ đo hành trình

► Đồng hồ đo hành trình Tr. 159

## ■ Thời Gian Xe Chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

## ■ Tốc Độ Trung Bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành Trình A và Hành Trình B.

## ■ Dây Đai An Toàn

Xuất hiện khi bất kỳ dây đai an toàn nào được thắt hoặc không thắt.

## ►► Thời Gian Xe Chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

► Cài Đặt Tr. 164

## ►► Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

► Cài Đặt Tr. 164

## ■ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn\*

Biểu thị tình trạng của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS như Bật, Tắt hoặc Lỗi bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của các hệ thống được nhắc đến ở trên:

- Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Xám: Hệ thống tắt.
- Hở Phách: Hệ thống có sự cố.



- 1 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái CMBS
- 2 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường
- 3 Thông Tin Vùng Cho CMBS
- 4 Thông Tin Vùng Cho Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

## ►► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn\*

Nếu hệ thống hiển thị màu hở phách, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► **Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 484

► **Bật và Tắt CMBS** Tr. 438

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo hỗ trợ an toàn.

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Hở Phách)\***  
Tr. 123

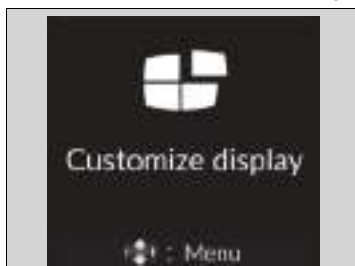
► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/Xám)\***  
Tr. 125

## ■ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Thay đổi cài đặt theo ý muốn của bạn.

### ■ Sắp xếp nội dung

Bạn có thể lựa chọn biểu tượng để hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize Display** (Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn một trong số các biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn.

## ■ Thông Tin\*<sup>1</sup>/Cảnh Báo\*<sup>2</sup>

Bạn có thể kiểm tra xem có bất kỳ thông báo cảnh báo nào xuất hiện không.

\* 1: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan

\* 2: Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan

## ►► Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Không thể xóa các biểu tượng màu xám ở màn hình chính.

## ►► Thông Tin\*<sup>1</sup>/Cảnh Báo\*<sup>2</sup>

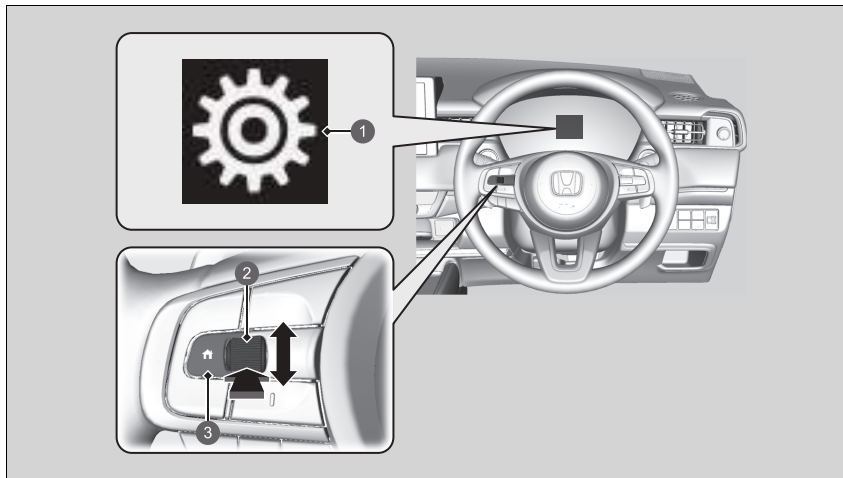
Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

## ■ Cài Đặt

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chọn các tính năng nhất định.

### ■ Cách tùy chọn

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó chọn màn hình  (**Cài Đặt**) bằng cách cuộn vòng lựa chọn bên trái trong khi chế độ nguồn ở BẬT, xe ở trạng thái dừng hẳn, và cần số ở **P**. Sau đó, ấn vòng lựa chọn bên trái.



- ❶ Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái
- ❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❸ Nút  (Màn Hình Chính)

## » Cài Đặt

Để tùy chọn các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

► **Danh sách tùy chọn** Tr. 165

► **Ví dụ các cài đặt tùy chọn** Tr. 177

Khi bạn tùy chọn cài đặt, sang số **P**.

## ■ Danh sách tùy chọn

| Các Cài Đặt                                                       | Tính Năng Tùy Chọn   | Mô Tả                                                       | Lựa Chọn Cài Đặt                                                   |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Loại xe Trung<br>Đồng<br><b>Deflation<br/>warning<br/>system*</b> | —                    | Loại xe Trung Đồng<br>Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp. | Loại xe Trung Đồng<br><b>Cancel/Initialise</b><br>(Hiệu Chỉnh/Hủy) |
| Loại xe Đài<br>Loan<br><b>TPMS<br/>calibration*</b>               | —                    | Loại xe Đài Loan<br>Hiệu chỉnh TPMS.                        | Loại xe Đài Loan<br><b>Cancel/Calibrate</b><br>(Hủy/Hiệu Chỉnh)    |
| <b>Clock setup</b>                                                | <b>Adjust clock</b>  | Điều chỉnh thời gian<br>► <b>Điều Chỉnh Đồng Hồ</b> Tr. 182 | —                                                                  |
|                                                                   | <b>Clock display</b> | Cài đặt kiểu hiển thị thời gian 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.    | <b>24h/12h*/OFF</b> (24h/12h*/TẮT)                                 |

\* 1: Cài đặt Mặc định

Bảng Điều Khiển

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển

| Các Cài Đặt                 | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                                                                                                                   | Mô Tả                                                                                                                              | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                         |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Driver assist system setup* | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Preceding vehicle proximity warning distance</b>                                                                                                   | Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) cảnh báo.                                                               | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Far/Normal<sup>*1</sup>/Near</b><br>(Xa/Trung Bình <sup>*1</sup> /Gần) |
|                             | Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Forward Collision Warning Distance</b>                                                                                                                       |                                                                                                                                    | Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Long/Normal<sup>*1</sup>/Short</b><br>(Dài/Trung Bình <sup>*1</sup> /Ngắn)       |
|                             | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>ACC vehicle ahead detected beep</b><br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>ACC forward vehicle detect beep</b> | Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện ra xe khác, hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b><br>(BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                                                                                                   |

\* 1: Cài đặt Mặc định

| Các Cài Đặt                 | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                            | Mô Tả                                                           | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                              |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Driver assist system setup* | <b>Lead car departure notification system</b>                                                                 | Thay đổi cài đặt cho hệ thống cảnh báo khởi hành xe phía trước. | <b>Normal<sup>*1</sup>/Early/OFF</b><br>(Trung Bình <sup>*1</sup> /Sớm/TẮT)                                                                                                   |
|                             |                                                                                                               |                                                                 | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan                                                                                                  |
|                             | <b>Road departure mitigation setting</b>                                                                      | Thay đổi cài đặt hệ thống cảnh báo chệch làn đường.             | <b>Early/Normal<sup>*1</sup>/Delayed/Warning Only</b> (Sớm/Trung Bình <sup>*1</sup> /Muộn/Chỉ Cảnh Báo)<br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan |
|                             |                                                                                                               |                                                                 | <b>Narrow/Normal<sup>*1</sup>/Wide/Warning Only</b> (Hẹp/Trung Bình <sup>*1</sup> /Rộng/Chỉ Cảnh Báo)                                                                         |
|                             | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan<br><b>Lane keep assist beep</b>  | Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo.                | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b><br>(BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                                                                                                                        |
|                             | Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan<br><b>Lane keeping assist suspend beep</b> |                                                                 |                                                                                                                                                                               |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ► Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)

| Các Cài Đặt     | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                    | Mô Tả                                                                                                                                | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bảng Điều Khiển | <div>Loại xe Trung Đông và Châu Phi có vô lăng bên trái</div> <b>Language</b> <div>Loại xe Mỹ La Tinh</div> <b>Language selection</b> | Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.                                                                                                          | <div>Loại xe Trung Đông và Châu Phi có vô lăng bên trái</div> <b>English/Arabic</b> <sup>*1</sup> (Tiếng Anh, Tiếng Ả-rập <sup>*1</sup> ) <div>Loại xe Mỹ La Tinh</div> <b>English/Français/Español</b> <sup>*1</sup> (Tiếng Anh/ Tiếng Pháp/Tiếng Tây Ban Nha <sup>*1</sup> ) |
|                 | <b>Adjust outside temp. display</b>                                                                                                   | Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ tăng giảm một vài độ.                                                                                   | <b>-3°C ~ ±0°C<sup>*1</sup> ~ +3°C</b>                                                                                                                                                                                                                                         |
|                 | <b>Meter setup</b>                                                                                                                    |                                                                                                                                      | <div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan</div> <b>When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset</b> <sup>*1</sup> (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay <sup>*1</sup> )               |
|                 | <b>“Trip A” reset timing</b>                                                                                                          | Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A. | <div>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan</div> <b>When fully refueled/IGN OFF/Manually reset</b> <sup>*1</sup> (Khi nạp đầy nhiên liệu/KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/Cài đặt lại bằng tay <sup>*1</sup> )                                                      |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định



| Các Cài Đặt | Tính Năng Tùy Chọn        | Mô Tả                                                                                                                                | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Meter setup | "Trip B" reset timing     | Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B. | <p>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan</p> <p><b>When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset<sup>*1</sup></b> (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay<sup>*1</sup>)</p> <p>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan</p> <p><b>When fully refueled/IGN OFF/Manually reset<sup>*1</sup></b> (Khi nạp đầy nhiên liệu/KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/Cài đặt lại bằng tay<sup>*1</sup>)</p> |
|             | Alarm volume control      | Thay đổi âm báo như tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.                                                               | <p>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan</p> <p><b>Max/Mid<sup>*1</sup>/Min</b> (Cao Nhất/Trung Bình<sup>*1</sup>/Thấp Nhất)</p> <p>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, và Đài Loan</p> <p><b>High/Mid<sup>*1</sup>/Low</b> (Cao/Trung Bình<sup>*1</sup>/Thấp)</p>                                                                                                                                                                 |
|             | Adjust alarm volume       |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|             | Fuel efficiency backlight | Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.                                                                                               | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

►► Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ► Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)

| Các Cài Đặt        | Tính Năng Tùy Chọn        | Mô Tả                                                   | Lựa Chọn Cài Đặt                                               |
|--------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|                    | <b>Rear seat reminder</b> | Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau. | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)            |
| <b>Meter setup</b> |                           |                                                         | Ngoại trừ loại xe Việt Nam<br><b>km/l<sup>*1</sup>/l/100km</b> |
|                    | <b>Fuel economy unit</b>  | Chọn đơn vị tính lượng tiêu thụ nhiên liệu.             | Loại xe Việt Nam<br><b>km/l/l/100km<sup>*1</sup></b>           |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt                 | Tính Năng Tùy Chọn                 | Mô Tả                                                                                       | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                           |
|-----------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Keyless access setup</b> | <b>Door unlock mode*</b>           | Thay đổi cài đặt mở khóa cửa khi bạn nắm tay nắm cửa người lái.                             | <b>Driver Door Only</b> <sup>*1</sup> / <b>All Doors</b> (Chỉ Cửa Người Lái <sup>*1</sup> /Tất Cả Các Cửa) |
|                             | <b>Keyless access beep volume</b>  | Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn có chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước. | <b>High</b> <sup>*1</sup> / <b>Low</b> (Cao <sup>*1</sup> /Thấp)                                           |
|                             | <b>Keyless access light flash</b>  | Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi bạn mở khóa/ khóa các cửa.                            | <b>ON</b> <sup>*1</sup> / <b>OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                              |
|                             | <b>Keyless access beep</b>         | Cài đặt bật hoặc tắt tiếng bíp khi bạn nắm tay nắm cửa trước.                               | <b>ON</b> <sup>*1</sup> / <b>OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                              |
|                             | <b>Remote start system ON/OFF*</b> | Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.                                               | <b>ON</b> <sup>*1</sup> / <b>OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                              |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

Bảng Điều Khiển

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Các Cài Đặt           | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                                                                                                              | Mô Tả                                                                 | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                  |
|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|                       | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Auto High-Beam*</b><br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Auto high-beam*</b>                            | Bật và tắt chiếu xa tự động.                                          | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b>                                 |
| <b>Lighting setup</b> | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Interior light dimmer duration</b><br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Interior light dimming time</b> | Thay đổi khoảng thời gian đèn trong xe sáng sau khi bạn đóng các cửa. | <b>60sec/30sec<sup>*1</sup>/15sec</b><br>(60 giây/30 giây <sup>*1</sup> /15 giây) |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt    | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                                                                                                                     | Mô Tả                                                                                                                           | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                              |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lighting setup | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Headlight auto OFF timer</b>                                                                                                                         | Thay đổi khoảng thời gian đèn ngoài xe sáng sau khi bạn đóng cửa người lái.                                                     | <b>60sec/30sec/15sec<sup>*1</sup>/0sec</b><br>(60 giây/30 giây/15 giây <sup>*1</sup> /0 giây) |
|                | Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Headlight auto off timer</b>                                                                                                                                   |                                                                                                                                 |                                                                                               |
|                | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Headlight integration with wipers</b><br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Auto headlight ON with wiper ON</b> | Thay đổi cài đặt vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí <b>AUTO</b> . | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b>                                             |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt       | Tính Năng Tùy Chọn                 | Mô Tả                                                                                                                                     | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Door setup</b> | <b>Auto door lock*</b>             | Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa tự động.                                                                                              | <b>With vehicle speed*<sup>1</sup>/Shift from P/OFF</b><br>(Có tốc độ xe* <sup>1</sup> /Sang số từ P/TẮT)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                   | <b>Auto door unlock*</b>           | Thay đổi cài đặt tính năng mở khóa cửa tự động.                                                                                           | Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải<br><b>Shift To P*<sup>1</sup>/IGN OFF/OFF</b><br>(Sang Số P* <sup>1</sup> /KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/TẮT)<br>Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải<br><b>Driver door with Shift to P*<sup>1</sup>/All doors with Shift to P/Driver door with IGN OFF/All doors with IGN OFF/OFF</b> (Cửa Người Lái khi Sang Số P* <sup>1</sup> /Tắt cả các cửa khi Sang Số P/Cửa người lái khi KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/Tắt cả các cửa khi KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/TẮT) |
|                   | <b>Key and remote unlock mode*</b> | Cài đặt tính năng mở khóa cửa người lái hoặc tất cả các cửa khi vận hành chìa khóa điều khiển từ xa hoặc chìa khóa tích hợp lần thứ nhất. | Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải<br><b>Driver door only*<sup>1</sup>/All doors</b> (Chỉ cửa người lái* <sup>1</sup> /Tất cả các cửa)<br>Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái<br><b>Driver door*<sup>1</sup>/All doors</b><br>(Cửa người lái* <sup>1</sup> /Tất cả các cửa)                                                                                                                                                                                             |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Các Cài Đặt | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                                                                                                                                      | Mô Tả                                                                               | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                               |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Door setup  | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Walk away lock</b><br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Walk away auto lock</b>                 | Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe.                     | <b>ON/OFF</b> <sup>*1</sup> (BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                                                                                           |
|             | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Keyless lock notification</b><br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br><b>Keyless lock answer back</b> | KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy.<br>KHÓA (ấn lần thứ 2) - Tiếng bíp vang lên. | <b>ON</b> <sup>*1</sup> / <b>OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                  |
|             | <b>Keyless remote power window control</b> <sup>*</sup>                                                                                                                                                                 | Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa.            | <b>ON</b> <sup>*1</sup> / <b>OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                  |
|             | <b>Auto folding door mirror</b> <sup>*</sup>                                                                                                                                                                            | Thay đổi cách cụp gương cửa.                                                        | <b>Auto fold with keyless</b> <sup>*1</sup> / <b>Manual only</b> (Tự động cụp bằng chìa khóa điều khiển từ xa <sup>*1</sup> /Chỉ cụp bằng tay) |
|             |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                     |                                                                                                                                                |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển

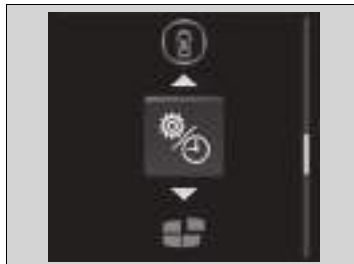
| Các Cài Đặt           | Tính Năng Tùy Chọn                                                                                         | Mô Tả                                                                             | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Power tailgate setup* | Keyless open mode                                                                                          | Thay đổi cài đặt chế độ mở cửa từ xa khi cửa hậu điện mở.                         | Anytime*1/When Unlocked (Bất Cứ Khi Nào*1/Khi Mở Khóa)                                                                                                                                                 |
|                       | Power open by outer handle                                                                                 | Thay đổi cài đặt mở cửa hậu điện bằng tay nắm bên ngoài cửa hậu.                  | ON (Power/Manual)*1/OFF (Manual Only) (BẬT (Bằng Điện/Bằng Tay)*1)/TẮT (Chỉ Bằng Tay))                                                                                                                 |
|                       | Loại xe Brunei, Bangladesh, Sri Lanka, Bhutan, Nepal, và Châu Phi có vô lăng bên phải<br>Hands free access | Thay đổi cài đặt mở cửa hậu điện bằng cách hươ chân dưới tấm cản sau.             | ON*1/OFF (BẬT*1/TẮT)                                                                                                                                                                                   |
|                       | Loại xe Mỹ La Tinh và Đài Loan<br>Hands free access function                                               |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                        |
| Default all           | —                                                                                                          | Hủy các thay đổi tùy chọn mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục về cài đặt mặc định. | Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br>Cancel/OK (Hủy/OK)<br><br>Loại xe Mỹ La Tinh, Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, và Đài Loan<br>Cancel/Set (Hủy/Cài Đặt) |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định



### ■ Ví dụ về các cài đặt tùy chọn

Các bước thay đổi cài đặt **“Trip A” reset timing** (hẹn giờ cài đặt lại "Hành Trình A") sang **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu) hiển thị như bên dưới. Cài đặt mặc định cho **“Trip A” reset timing** là **Manually reset/Manual reset** (Cài đặt lại bằng tay).



1. Ấn nút  để chọn  (**Cài đặt**), rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.





2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho tới khi **Meter setup** xuất hiện trên màn hình hiển thị.

3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho tới khi **“Trip A” reset timing** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, lúc này bạn có thể chọn **When fully refueled, IGN OFF/When ignition is turned OFF, Manually reset/Manual reset** (Khi nạp đầy nhiên liệu, KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay), hoặc **Back** (Trở lại).



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **When fully refueled**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Khi màn hình **When fully refueled** xuất hiện, màn hình hiển thị sẽ quay lại màn hình danh mục tùy chọn.

Bảng Điều Khiển



6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho tới khi **Back** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Lặp lại Bước 6 cho đến khi màn hình quay trở lại màn hình bình thường.

# Điều Khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số chức năng cần thiết của xe.

|                                        |     |
|----------------------------------------|-----|
| <b>Đồng Hồ</b> .....                   | 182 |
| <b>Khóa và Mở Khóa Cửa</b>             |     |
| Chìa Khóa .....                        | 186 |
| Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa    |     |
| Yếu .....                              | 188 |
| Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài .....    | 189 |
| Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong .....    | 200 |
| Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em .....           | 203 |
| <b>Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*</b> ..... | 204 |
| <b>Cửa Hậu</b> .....                   | 205 |

|                                            |     |
|--------------------------------------------|-----|
| <b>Hệ Thống An Ninh</b>                    |     |
| Hệ Thống Chống Nổ Máy .....                | 217 |
| Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh .....            | 218 |
| <b>Cửa Kính</b> .....                      | 220 |
| <b>Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lãng</b> |     |
| Nút ENGINE START/STOP .....                | 224 |
| Đèn .....                                  | 227 |
| Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng* .....           | 234 |
| Chiếu Xa Tự Động* .....                    | 235 |
| Cần Gạt Nước và Rửa Kính .....             | 238 |

|                                          |     |
|------------------------------------------|-----|
| Nút Sấy Kính Sau .....                   | 241 |
| Điều Chỉnh Độ Sáng .....                 | 242 |
| Điều Chỉnh Vô-Lãng .....                 | 243 |
| <b>Gương</b> .....                       | 244 |
| <b>Ghế Ngồi</b> .....                    | 248 |
| <b>Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong</b> ..... | 261 |
| <b>Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu</b> ..... | 278 |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Đồng Hồ

### Điều Chỉnh Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình đồng hồ khi chế độ nguồn ở BẬT.

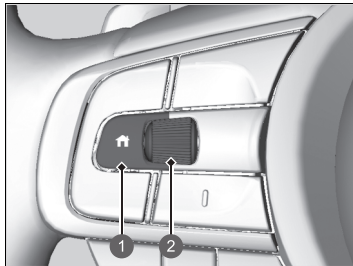
#### »» Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe Australia

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chọn kiểu hiển thị đồng hồ.

➡ **Cài Đặt Đồng Hồ** Tr. 304

Đồng hồ trên bảng điều khiển cũng thay đổi khi đồng hồ màn hình âm thanh/thông tin được điều chỉnh.



- ❶ Nút  (Màn hình chính)
- ❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Ngoại trừ loại xe Australia

### ■ Sử dụng danh mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

1. Ấn nút  (Màn hình chính).

► Sử dụng danh mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ để hiển thị 12 giờ hoặc 24 giờ và bật, tắt màn hình hiển thị đồng hồ.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► **Cài Đặt\*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► **Cài Đặt** Tr. 164

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.





3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Setup**<sup>\*1</sup>/**Clock setup**<sup>\*2</sup> (Cài Đặt Đồng Hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Adjustment**<sup>\*1</sup>/**Adjust clock**<sup>\*2</sup> (Điều Chỉnh Đồng Hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

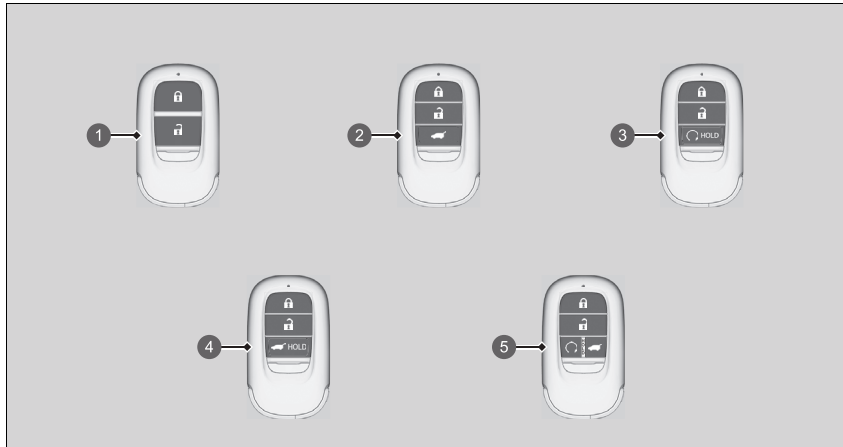
\* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

\* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

# Khóa và Mở Khóa Cửa

## Chìa Khóa

Xe này có những chìa khóa sau:



- 1 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
- 2 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút mở khóa cửa hậu
- 3 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút
- 4 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút cửa hậu điện
- 5 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút và nút cửa hậu điện

Sử dụng chìa khóa để khởi động và dừng động cơ, để khóa và mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

### Chìa Khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nỗ máy. Hệ thống chống nỗ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

#### Hệ Thống Chống Nỗ Máy Tr. 217

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc để vật nặng lên nó.
- Để chìa khóa cách xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận chìa khóa ra trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và bộ truyền tín hiệu từ xa có thể không hoạt động.

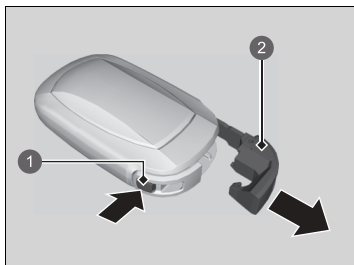
Nếu chìa khóa không hoạt động tốt, hãy mang chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

#### Loại xe có nút

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng khởi động động cơ từ xa.

#### Khởi Động Động Cơ Từ Xa\* Tr. 391

## ■ Chìa Khóa Tích Hợp

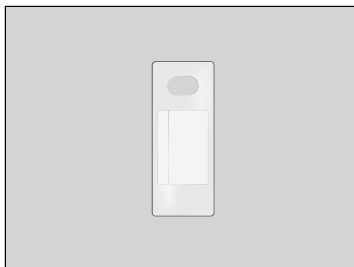


- ① Nút Nhả
- ② Chìa Khóa Tích Hợp

Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để khóa/mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu và không thể khóa/mở khóa cửa điện.

Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt nút nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

## ■ Nhãn Mã Số Chìa Khóa



Chứa mã số mà bạn sẽ cần nếu bạn mua một cái thay thế.

## ▣Nhãn Mã Số Chìa Khóa

Để nhãn mã số chìa khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe. Nếu bạn muốn mua thêm một chìa khóa nữa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu bạn mất chìa khóa và bạn không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

## Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

Xe truyền tín hiệu sóng radio để xác định vị trí chìa khóa điều khiển từ xa để khởi động động cơ, khóa và mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

Trong các trường hợp sau, việc khởi động động cơ hoặc khóa/mở khóa cửa và cửa hậu có thể bị hạn chế hoặc vận hành không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát ra sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa.

### ►►Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa.

Tuổi thọ của pin được khoảng hai năm nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng.

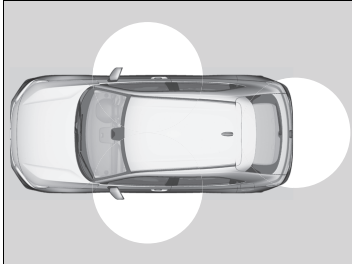
Pin sẽ tiêu thụ điện mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio mạnh. Không để chìa khóa gần các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Có thể giảm mức tiêu thụ pin bằng cách tắt tính năng thu sóng radio. Khi bạn giữ các nút khóa và mở khóa cùng lúc trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và tính năng thu sóng radio sẽ tắt.

Nếu bạn ấn nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa một lần, nó sẽ bắt đầu nhận lại sóng radio.

## Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

### ■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa



Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu. Bạn có thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm bên ngoài cửa hoặc tay nắm bên ngoài cửa hậu.

### ►►Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở cửa ở vị trí kích hoạt, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa và cửa hậu.

Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây.

Cửa và cửa hậu khóa lại: Đèn tắt ngay lập tức.

►►Đèn Trong Xe Tr. 261

### ►►Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống truy cập từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

\*1

Hệ thống truy cập từ xa không thể khóa xe khi có một cửa nào đó hoặc cửa hậu mở.

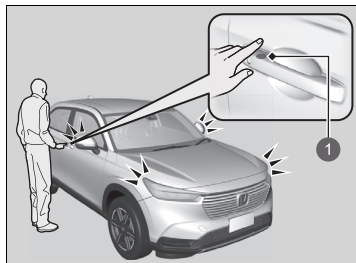
\*2

Hệ thống truy cập từ xa không thể khóa xe khi có một cửa nào đó mở.

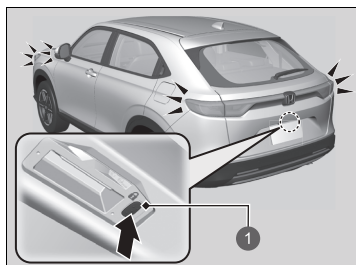
\*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

## ■ Khóa cửa và cửa hậu



① Cảm Biến Khóa Cửa



① Nút Khóa

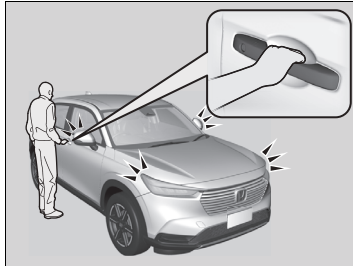
Chạm vào cảm biến khóa cửa ở cửa trước hoặc ấn nút khóa cửa trên cửa hậu.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần; tiếng bíp vang lên; tất các cửa và cửa hậu khóa; hệ thống an ninh được thiết lập.

## » Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.
- Cửa có thể mở khóa nếu tay nắm cửa bị dính nước mưa hoặc khi rửa xe cho dù chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm vào tay nắm cửa trước, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi khóa/mở khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, chờ 2 giây, sau đó kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khóa chưa. Nếu bạn cần mở khóa ngay sau khi khóa cửa, phải đợi ít nhất 2 giây trước khi nắm tay nắm cửa, nếu không sẽ không thể mở khóa cửa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo nó ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và đảm bảo đã mở khóa cửa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn không thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu để nó lên trên hoặc dưới tay nắm bên ngoài cửa.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần cửa, cửa kính hoặc cửa hậu.

## ■ Mở khoá cửa và cửa hậu



\*1

Nắm tay nắm cửa trước:

- Tắt cả các cửa và cửa hậu mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

\*2

Nắm tay nắm cửa người lái:

- Cửa người lái mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách trước:

- Tắt cả các cửa và cửa hậu mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

## ►► Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

Có thể tùy chọn các cài đặt nháy đèn, tiếng bíp và chế độ mở khóa cửa\* trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin\*.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► Cài Đặt\* Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Cài Đặt Tr. 164

Loại xe Australia

► Cách Tùy Chọn Cài Đặt Xe Tr. 348

Loại xe có cửa hậu điện

Bạn cũng có thể mở khóa và mở cửa bằng cửa hậu điện.

► Mở/Đóng Cửa Hậu Điện\* Tr. 208

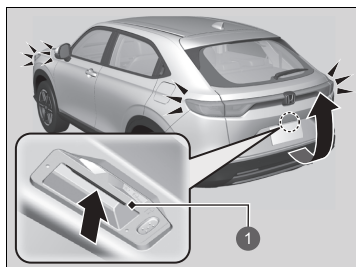
\* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* 2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Điều Khiển



① Tay Nắm Bên Ngoài

Ấn vào tay nắm bên ngoài:

**\*1**

► Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khóa.

**\*2**

► Cửa hậu sẽ mở khóa.

**Tất cả các loại xe**

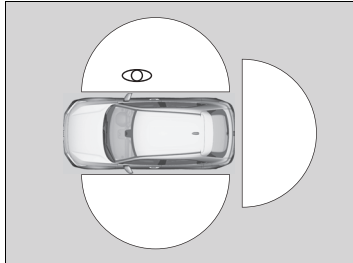
► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

➡ **Mở/Đóng Cửa Hậu Tr. 206**

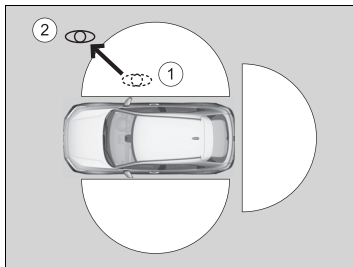
\* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* 2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái





Phạm vi hoạt động của chức năng khoá tự động là khoảng 1,5 m



### ■ Khoá cửa và cửa hậu (Khoá cửa tự động khi ra khỏi xe)

Khi bạn ra khỏi xe sau khi đóng tất cả các cửa và cửa hậu mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, cửa và cửa hậu sẽ tự động khoá.

Chức năng khoá cửa tự động sẽ hoạt động khi tất cả các cửa và cửa hậu đóng hoặc tất cả các cửa đóng và chức năng đóng cửa hậu điện bắt đầu hoạt động\*, và chìa khóa điều khiển từ xa cách tay nắm bên ngoài cửa hoặc tay nắm bên ngoài cửa hậu 1,5 m.

Hãy ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng (các) cửa và cửa hậu.

- ① Cách xe khoảng 1,5 m.
  - Tiếng bíp vang lên, chức năng khoá cửa tự động sẽ hoạt động.
- ② Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.
  - Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên; sau đó tất cả các cửa và cửa hậu sẽ được khoá.

### ► Khoá cửa và cửa hậu (Khoá cửa tự động khi ra khỏi xe)

Chức năng khoá cửa tự động được cài đặt ở TẮT là cài đặt mặc định gốc. Có thể thay đổi cài đặt sang BẬT cho chức năng này bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin\*.

Nếu bạn đặt chức năng khoá cửa tự động ở BẬT bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin\*, chỉ có thể sử dụng bộ truyền tín hiệu từ xa để mở khóa cửa người lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt khóa cửa tự động.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► Cài Đặt\* Tr.142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Cài Đặt Tr.164

Loại xe Australia

► Cách Tùy Chọn Cài Đặt Xe Tr. 348

Sau khi chức năng khoá cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi vận hành khóa/mở khóa cửa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ tiếp tục nhấp nháy cho tới khi các cửa được khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi hoạt động, cửa và cửa hậu sẽ tự động khoá trong khoảng 30 giây sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Để tạm thời hủy kích hoạt chức năng:

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT.
2. Mở cửa người lái.
3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:  
 Khóa → Mở Khóa → Khóa → Mở Khóa.  
 ► Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động.
- Mở cửa bất kỳ.

#### ►► Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Khi bạn mở cửa hoặc cửa hậu sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên, chức năng khóa cửa tự động sẽ bị hủy.

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Tiếng bíp không vang lên.
- Chìa khóa điều khiển từ xa bị mang ra khỏi phạm vi hoạt động trước khi tắt cả các cửa đóng.
- Tiếng bíp vang lên.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động ở điều kiện bất kỳ sau.

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Cửa, cửa hậu hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Chế độ nguồn được đặt ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa không ở cách xe 1,5 m khi bạn ra khỏi xe và đóng cửa và cửa hậu.

►► Khoá cửa và cửa hậu (Khoá cửa tự động khi ra khỏi xe)

**Tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động**

Sau khi chức năng khóa cửa tự động hoạt động, tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động sẽ vang lên trong khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. Sau đó, mở/đóng cửa và xác nhận tiếng bíp báo khóa cửa tự động hoạt động vang lên một lần.

**Loại xe có cửa hậu điện**

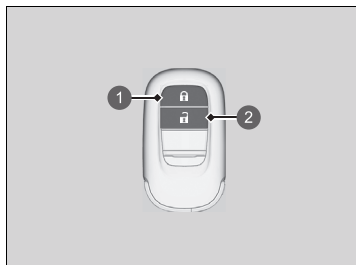
Nếu xe có cửa hậu điện, người sử dụng phải chờ cho đến khi cửa hậu điện đóng hoàn toàn rồi mới kích hoạt chức năng khóa cửa tự động.

Nếu bạn sử dụng chức năng đóng cửa hậu điện khi ra khỏi xe khi tất cả các cửa đã đóng, chức năng khóa cửa tự động cũng sẽ hoạt động.

► Khi bạn ra khỏi xe trong khi cửa hậu đóng tự động, cửa hậu sẽ tiếp tục khóa tự động.

► **Đóng Cửa Hậu Điện Khi Ra Khỏi Xe** Tr. 210

## ■ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa



- ❶ Nút Khóa
- ❷ Nút Mở Khóa



### ■ Khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút khóa.

**Một lần:**

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tất cả các cửa và cửa hậu khóa, và hệ thống an ninh được thiết lập.

**Hai lần (trong vòng năm giây sau lần ấn đầu tiên):**

- Tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

## » Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng bộ truyền tín hiệu từ xa, cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

## ■ Mở khoá cửa và cửa hậu

Ấn nút mở khoá.

\*1

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tất cả các cửa và cửa hậu mở khoá.

\*2

**Một lần:**

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và cửa người lái mở khoá.

**Hai lần:**

- Các cửa còn lại và cửa hậu mở khoá.

\*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

## »Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Bộ truyền tín hiệu từ xa sử dụng tín hiệu tần số thấp, vì vậy phạm vi hoạt động phụ thuộc vào môi trường xung quanh.

Bạn chỉ có thể khoá hoặc mở khoá bằng bộ truyền tín hiệu từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

\*1

Bộ truyền tín hiệu từ xa sẽ không khoá xe khi có một cửa hoặc cửa hậu mở.

\*2

Bộ truyền tín hiệu từ xa sẽ không khoá xe khi có một cửa mở.

Nếu phạm vi hoạt động của bộ truyền tín hiệu từ xa hay bị thay đổi, pin có thể sẽ bị yếu. Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể pin bị hết điện.

» **Thay Pin Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa**  
Tr. 583

\*2

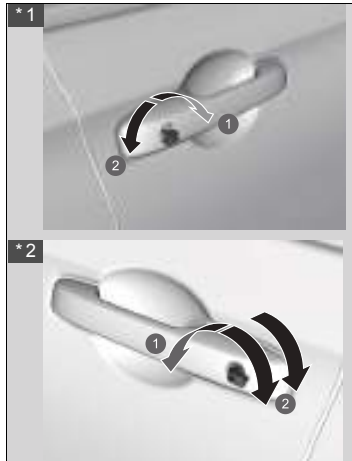
Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khoá cửa.

» **Cài Đặt** Tr. 164

## ■ Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu nút khoá hoặc mở khoá cửa chìa khoá điều khiển từ xa không hoạt động, hãy sử dụng chìa khoá thay cho chìa khoá điều khiển từ xa.

Cắm hết cỡ chìa khoá vào ổ khoá và xoay.



① Khoá

② Mở Khoá

\* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* 2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* 3: Ngoại trừ loại xe Trung Đông, Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe Bermuda, Grand Cayman, Grenada, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

## ►►Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

\*1

Khi bạn khoá/mở khoá cửa người lái bằng chìa khoá, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khoá/mở khoá cùng một lúc.

\*2

Khi bạn khoá cửa người lái bằng chìa khoá, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khoá cùng một lúc. Khi mở khoá, hãy mở khoá cửa người lái trước. Xoay chìa khoá lần thứ hai trong vài giây không làm mở khoá các cửa còn lại và cửa hậu.

\*3

Nếu bạn mở khoá cửa bằng chìa khoá tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, chuông cảnh báo sẽ tắt.

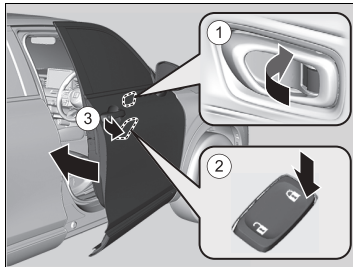
\*2

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khoá cửa.

► Cài Đặt Tr. 164

## ■ Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc vì lý do nào đó bạn không khóa được cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa.



### ■ Khoá cửa người lái

Đẩy tay khóa về phía trước ① hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ②, sau đó kéo và giữ tay nắm bên ngoài cửa ③. Đóng cửa, sau đó thả tay ra.

### ■ Khoá cửa hành khách

Đẩy tay khóa về phía trước và đóng cửa.

### ■ Hệ thống chống khóa cửa

Không thể khóa cửa và cửa hậu khi để chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.

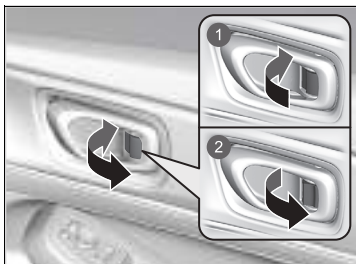
## ► Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Khi bạn khóa cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, hãy đảm bảo không để chìa khóa trong xe.

## Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong

### ■ Sử Dụng Tai Khóa



- 1 Để khóa
- 2 Để mở khóa

#### ■ Khóa cửa

Đẩy tai khóa về phía trước.

#### ■ Mở khóa cửa

Kéo tai khóa về phía sau.

### »Sử Dụng Tai Khóa

\*1

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

\*2

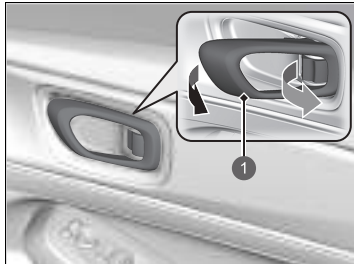
Khi bạn khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc. Khi bạn mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, chỉ có cửa người lái mở khóa.

\* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* 2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái



## ■ Mở Khoá Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Người Lái và Cửa Hành Khách Trước\*



❶ Tay Nắm Bên Trong

Kéo tay nắm bên trong cửa người lái.

- Cửa sẽ mở khoá và mở bằng một thao tác.

\* 1

Cửa hành khách trước cũng mở khoá và mở bằng một thao tác.

## ►► Mở Khoá Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Người Lái và Cửa Hành Khách Trước\*

Tay nắm bên trong cửa người lái và cửa hành khách trước có chức năng giúp người ngồi ghế trước mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không được phép kéo tay nắm bên trong cửa trước khi xe đang chạy.

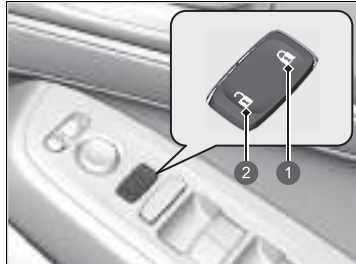
Trẻ em luôn phải ngồi ghế sau có khóa phòng ngừa trẻ em.

📌 **Khoá Phòng Ngừa Trẻ Em** Tr. 203

\* 1: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonian, Albanian, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, Bermuda, Grenada, và Mỹ La Tinh

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính



Ấn công tắc khóa cửa chính như hình vẽ để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

- ❶ Để khóa
- ❷ Để mở khóa

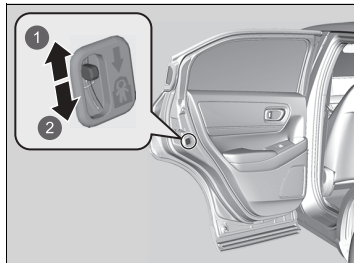
### » Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

## Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em giúp ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tay khóa ở đâu.

### ■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



- ① Mở Khóa
- ② Khóa

Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

### ■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm bên ngoài cửa.

### ►►Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tay khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, đưa tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm bên ngoài cửa.

## Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động\*

Xe của bạn tự động khóa tất cả các cửa hoặc mở khóa tất cả các cửa/cửa người lái khi đáp ứng một số điều kiện nhất định.

### ■ Khóa Cửa Tự Động

#### ■ Chế độ khóa khi lái xe

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ khóa khi tốc độ xe khoảng 15 km/h.

### ■ Mở Khóa Cửa Tự Động

#### ■ Chế độ mở khóa khi đỗ xe

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khóa khi gạt cần số đến **P** và nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Cửa người lái sẽ mở khóa khi gạt cần số đến **P** và nhấn bàn đạp phanh.

Có thể thay đổi cài đặt để mở khóa tất cả các cửa.

### »»Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động\*

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khác cho chức năng khóa/mở khóa cửa tự động bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➔ **Cài Đặt\*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➔ **Cài Đặt** Tr. 164

## Cửa Hậu

### Lưu Ý Khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Luôn đảm bảo không có người nào và vật gì ở gần cửa hậu khi mở hoặc đóng cửa.

Loại xe không có cửa hậu điện

- Mở hoàn toàn cửa hậu.
  - ▶ Nếu cửa hậu không mở hết, cửa sẽ tự đóng lại bởi sức nặng của cửa.
- Cần thận khi trời có gió vì gió có thể làm cửa hậu sập xuống.

Tất cả các loại xe

Luôn đảm bảo đóng cửa hậu trong khi lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
  - ▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào xe.
- ➔ **Khí CO** Tr.103

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Lưu Ý Khi Mở/Đóng Cửa Hậu

### ⚠ CẢNH BÁO

Không để ai ở gần cửa hậu khi cửa đang đóng hoặc mở để tránh bị kẹp, gây trọng thương.

Luôn đảm bảo không có ai ở gần cửa hậu khi mở hoặc đóng cửa.

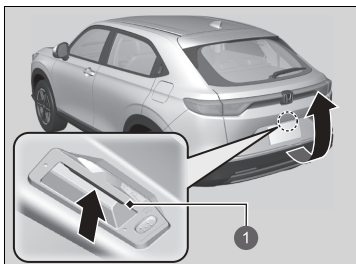
Cẩn thận không va đầu vào cửa hậu hoặc không để tay vào giữa cửa hậu và khoang hành lý khi đóng cửa hậu.

Khi xếp hoặc dỡ đồ đạc ra khỏi khoang hành lý, hoặc khi đá chân vào phía dưới giữa cản sau để không phải dùng tay\* trong khi động cơ đang chạy không tải, không được đứng trước ống xả để tránh bị bỏng.

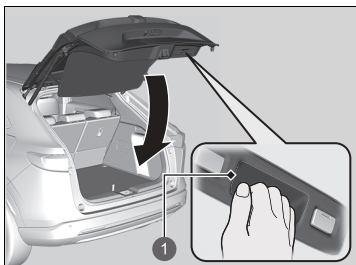
Không để bất kỳ hành khách nào ngồi trong khoang hành lý để tránh bị thương khi xe phanh gấp, tăng ga đột ngột, hoặc khi xảy ra va chạm.

Điều Khiển

## Mở/Đóng Cửa Hậu Điện



① Tay Nắm Bên Ngoài



① Tay Nắm Bên Trong

Khi mở khóa tất cả các cửa hoặc ấn nút mở khóa cửa hậu\* trên bộ truyền tín hiệu từ xa, cửa hậu sẽ được mở khóa. Ấn vào tay nắm bên ngoài và nâng cửa hậu lên để mở.

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn không cần mở khóa cửa hậu trước khi mở cửa.

Để đóng cửa hậu, nắm tay nắm bên trong, kéo cửa hậu xuống và ấn cửa sập xuống từ bên ngoài.

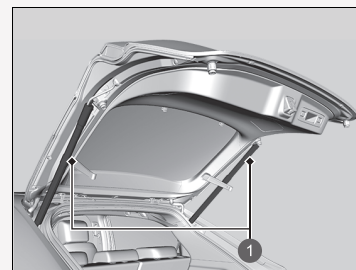
**\*1**

Nếu bạn đóng cửa hậu sau khi đã khóa cửa người lái, cửa hậu sẽ tự động khóa.

\*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

### ►► Lưu Ý khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Đảm bảo hành lý và các vật dụng khác không chạm vào thanh chống cửa hậu.



① Thanh Chống Cửa Hậu

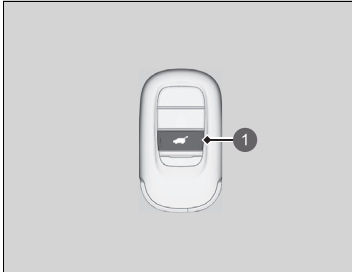
### ►► Mở/Đóng Cửa Hậu

- Không để chìa khóa ở trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo chìa khóa bên mình.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể mở khóa cửa hậu khi có ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.

**\*1**

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa ở trong khoang hành lý và đóng cửa hậu. Tiếng bip sẽ vang lên và không đóng được cửa hậu.

## ■ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa\*



① Nút Mở Khóa Cửa Hậu

Ấn nút mở khóa cửa hậu để mở khóa cửa hậu.

## ☒ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa\*

Nếu bạn mở khóa và mở cửa hậu bằng bộ truyền tín hiệu từ xa thì khi đóng, cửa hậu sẽ tự động khóa.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Mở/Đóng Cửa Hậu Điện\*

Có thể đóng mở cửa hậu điện bằng cách ấn nút cửa hậu điện trên bộ truyền tín hiệu từ xa, ấn nút cửa hậu điện ở bảng điều khiển phía người lái, ấn vào tay nắm bên ngoài cửa hậu hoặc nút trên cửa hậu, hoặc đá chân vào phía dưới giữa cản sau để không cần dùng tay.

Có thể đóng/mở cửa hậu điện khi cần số ở **P**.

Điều Khiển

### ►► Mở/Đóng Cửa Hậu Điện\*

#### **⚠ CẢNH BÁO**

Không để ai ở gần cửa hậu khi cửa đang đóng hoặc mở để tránh bị kẹp, gây trọng thương.

Đảm bảo không có người nào hay vật gì ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa hậu.

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

#### **CHÚ Ý**

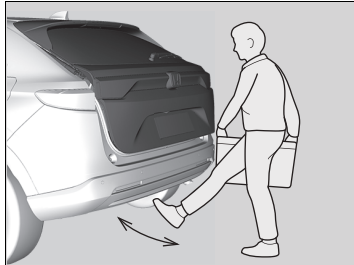
Không đẩy hoặc kéo cửa hậu điện khi cửa đang mở hoặc đóng tự động.

Cố mở hoặc đóng cửa hậu điện trong khi cửa đang hoạt động có thể làm hỏng khung cửa hậu.

Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh xe khi đóng mở cửa hậu điện. Nếu có ai đứng gần cửa hậu có thể bị trọng thương nếu va đầu vào cửa hậu. Đặc biệt lưu ý khi có trẻ chơi ở xung quanh xe.

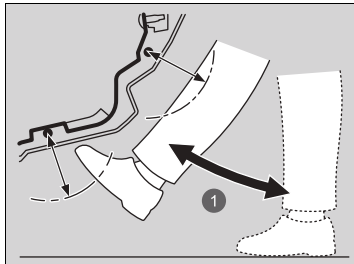


## ■ Sử Dụng Chức Năng Mở Cửa Rảnh Tay



Khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể mở hoặc đóng cửa hậu bằng cách đá chân vào phía dưới giữa cản sau trong khoảng một giây.

- Một số đèn ngoài xe nhấp và tiếng bíp vang lên, cửa hậu bắt đầu mở.



① Khoảng 1 giây

## ►► Sử Dụng Chức Năng Mở Cửa Rảnh Tay

Khi trời mưa to hoặc vì những lý do khác khiến xe bị ướt, cảm biến có thể không phát hiện chính xác thao tác đá chân của bạn.

Khi làm việc gần hoặc xung quanh phía sau xe, bạn có thể vô tình làm mở hoặc đóng cửa hậu. Để tránh xảy ra trường hợp này, hãy chọn Tính Năng Tùy Chọn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó chọn TẮT tính năng này.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► Cài Đặt\* Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Cài Đặt Tr. 164

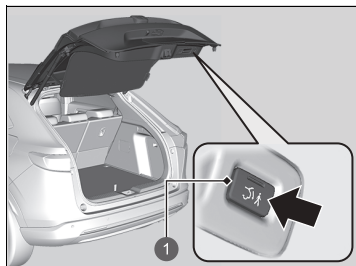
Nếu bạn để chân phía dưới tấm cản quá lâu hoặc đá chân qua lại, cửa hậu điện sẽ không mở hoặc đóng.

Chức năng này sẽ không hoạt động nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. Hãy luôn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

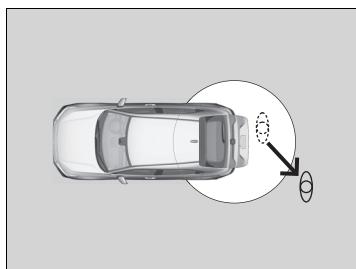
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Cửa Hậu Điện Tự Động Đóng Khi Ra Khỏi Xe

Khi bạn ra khỏi xe mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, cửa hậu điện sẽ tự động đóng.



① Nút Đóng Cửa Hậu Khi Ra Khỏi Xe



Cách xe ít nhất 1,0 m

1. Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và ấn nút đóng cửa hậu.

► Đèn báo trên nút đóng cửa hậu khi ra khỏi xe sẽ chuyển sang màu xanh lục khi chức năng tự động đóng cửa hậu khi xa khỏi xe hoạt động.

2. Ra khỏi xe cách xe ít nhất 1,0 m, sau 30 giây, ấn nút đóng cửa khi ra khỏi xe.

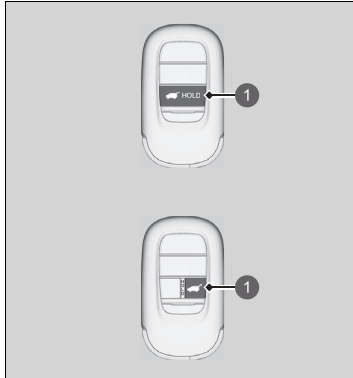
► Một số đèn ngoài xe nháy và tiếng bíp vang lên, cửa hậu bắt đầu đóng.

## »Cửa Hậu Điện Tự Động Đóng Khi Ra Khỏi Xe

Khi chức năng khóa cửa tự động được đặt ở BẬT, xe sẽ tự động khóa khi tất cả các cửa và cửa hậu đã đóng.

■ **Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)** Tr. 193

## ■ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa



① Nút Cửa Hậu Điện

### ■ Tùy chọn khi mở cửa hậu

**Bất Cứ Lúc Nào:** Cửa hậu điện sẽ mở khóa và mở cùng lúc. Đây là cài đặt mặc định.

**Khi Mở Khóa:** Cửa hậu sẽ mở khi tất cả các cửa được mở khóa.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ Cài Đặt\* Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➡ Cài Đặt Tr. 164

Ấn nút cửa hậu điện trong hơn một giây để mở/đóng cửa hậu khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút trong hơn một giây và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

## ►►Mở/Đóng Cửa Hậu Điện\*

Cửa hậu điện có thể không mở hoặc đóng trong các điều kiện sau:

- Bạn khởi động động cơ khi cửa hậu đang mở hoặc đóng tự động.
- Xe đang đỗ trên dốc cao.
- Xe bị chao đảo khi có gió mạnh.
- Cửa hậu hoặc nóc xe bị băng tuyết bao phủ.

### \*1

Nếu bạn đóng cửa hậu điện khi tất cả các cửa đều khóa, cửa hậu điện sẽ tự động khóa.

Nếu bạn thay ắc quy hoặc cầu chì cửa hậu điện trong khi cửa hậu đang mở, cửa hậu điện có thể không hoạt động. Cửa hậu điện chỉ hoạt động trở lại khi bạn đóng cửa hậu bằng tay.

Lắp các bộ phận không chính hiệu Honda vào cửa hậu điện có thể làm cửa hậu điện mở không hết hoặc đóng không khít.

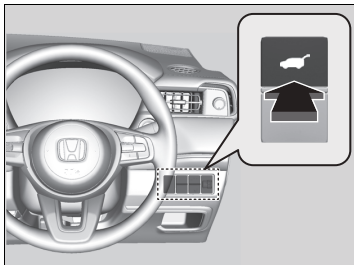
Đảm bảo cửa hậu điện mở hoàn toàn trước khi bạn đưa hành lý vào và lấy hành lý ra.

Tiếng bíp sẽ vang lên nếu bạn bắt đầu lái xe trong khi cửa hậu điện vẫn mở hoặc đóng.

\* 1: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Sử Dụng Nút Cửa Hậu Điện



Để mở hoặc đóng cửa hậu điện, ấn và giữ nút cửa hậu điện trong khoảng một giây.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang mở/đóng, cửa sẽ dừng lại.

Ấn và giữ nút trong khoảng một giây và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

### » Mở/Đóng Cửa Hậu Điện\*

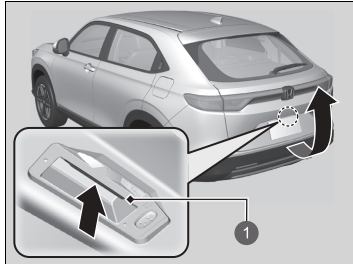
Nếu cửa hậu điện va vào vật cản trong khi đang mở hoặc đóng, tính năng tự động đảo chiều sẽ làm đảo chiều cửa hậu. Tiếng bíp vang lên ba lần.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ không hoạt động khi cửa hậu đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

Không chạm vào các cảm biến ở cả hai bên của cửa hậu. Cửa hậu điện sẽ không đóng nếu bạn chạm vào bất kỳ cảm biến nào khi bạn đang cố đóng cửa hậu.

Cẩn thận không làm xước các cảm biến bằng vật sắc nhọn. Nếu bị xước, các cảm biến có thể bị hỏng và tính năng đóng cửa hậu điện sẽ gặp sự cố.

## ■ Sử Dụng Tay Nắm Bên Ngoài Cửa Hậu



❶ Tay Nắm Bên Ngoài

Nếu bạn ấn vào tay nắm bên ngoài cửa hậu không quá một giây, cửa hậu sẽ tự động mở.

- Tiếng bíp vang lên.
- Nếu bạn muốn mở cửa hậu bằng tay, hãy ấn vào tay nắm bên ngoài cửa hậu và giữ trong hơn một giây.

► **Mở/Đóng Cửa Hậu** Tr. 206

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn không cần mở khóa cửa hậu trước khi mở cửa.

Nếu bạn ấn vào tay nắm bên ngoài thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn vào tay nắm bên ngoài và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

## ►► Sử Dụng Tay Nắm Bên Ngoài Cửa Hậu

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể mở khóa cửa hậu khi có ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.

\* 1

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý và đóng cửa hậu. Tiếng bíp sẽ vang lên và không đóng được cửa hậu.

Bạn có thể thay đổi cài đặt bật và tắt vận hành cửa hậu điện.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► **Cài Đặt\*** Tr. 142

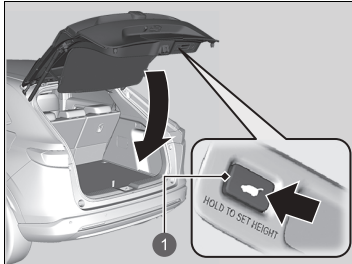
Loại xe có đồng hồ đo loại B

► **Cài Đặt** Tr. 164

\* 1: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Sử Dụng Nút Bên Trong Cửa Hậu



❶ Nút Bên Trong Cửa Hậu

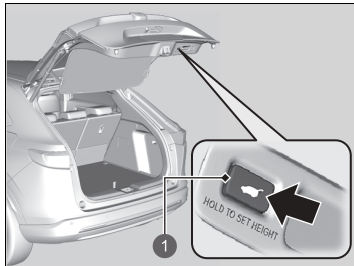
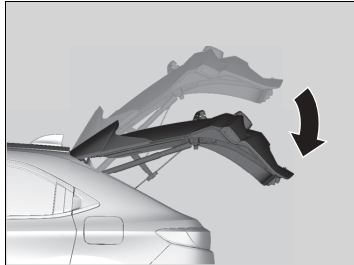
Ấn nút bên trong cửa hậu điện để đóng cửa hậu điện.

► Tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút thêm một lần nữa và bỏ tay ra, cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

## ■ Lập Trình Vị Trí Cửa Hậu



❶ Nút Bên Trong Cửa Hậu

Có thể lập trình được phạm vi mở cửa hậu điện tự động.

Để lập trình:

1. Mở cửa hậu đến vị trí mong muốn.
2. Ấn và giữ nút bên trong cửa hậu đến khi bạn nghe thấy hai tiếng bíp ngắn sau một tiếng bíp dài.

## ▣ Lập Trình Vị Trí Cửa Hậu

Nếu cửa hậu chỉ mở một chút, thì không thể lập trình được vị trí, ngay cả khi bạn ấn nút bên trong cửa hậu.

Nếu bạn muốn lập trình lại cửa hậu điện để mở cửa hoàn toàn, hãy nâng bằng tay cửa hậu lên vị trí cao nhất và làm theo hướng dẫn ở bước 2.

## ■ Đóng Cửa Tự Động

Nếu bạn đóng cửa hạng điện bằng tay, cửa sẽ tự động chốt.

## ■ Phát Hiện Sập Cửa Hạng Điện

Cửa hạng điện tự động hạ xuống là trường hợp cửa hạng điện đã được mở hoàn toàn có thể sập xuống do chính sức nặng của cửa (ví dụ, do có tuyết bám trên cửa hạng). Tiếng bíp vang lên khi cửa hạng điện sập xuống.

## »»Đóng Cửa Tự Động

Tính năng tự động đóng cửa sẽ không hoạt động nếu bạn ấn lên tay nắm bên ngoài cửa hạng trong khi cửa hạng điện đang đóng.

### CHÚ Ý

Không tác động lực lên cửa hạng khi cửa hạng điện đang chốt.

Khi đóng cửa hạng bằng tay, để cửa tự động chốt và buông tay ra. Để tay gần cửa hạng khi cửa bắt đầu tự chốt rất nguy hiểm.

## »»Phát Hiện Sập Cửa Hạng Điện

Nếu bạn dùng tay để đóng cửa hạng điện ngay sau khi cửa vừa mở hoàn toàn, chức năng phát hiện sập cửa hạng điện có thể hoạt động.

Khi chức năng phát hiện sập cửa hạng điện hoạt động, hãy chờ đến khi cửa hạng điện đóng hoàn toàn. Đứng xa cửa hạng điện khi cửa đang hoạt động.

Nếu chức năng phát hiện sập cửa hạng điện hoạt động liên tục, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.



### Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống chống nổ máy giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký.

Chú ý những điểm sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để đồ vật có sóng radio mạnh gần nút **ENGINE/START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị những vật thể bằng kim loại đè lên hoặc chạm vào.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần nút **ENGINE START/STOP**.

Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

#### »Hệ Thống Chống Nổ Máy

##### CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể bị mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển. Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi bạn rời khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào để tránh làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Nếu hệ thống liên tiếp không nhận mã chìa khóa, hoặc nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

## Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động khi cửa hậu, nắp ca-pô hoặc các cửa mở theo cách bất thường. Hệ thống cảnh báo an ninh không hoạt động nếu hệ thống truy cập từ cửa hậu hoặc các cửa được mở bằng chìa khóa<sup>\*1</sup>, bộ truyền tín hiệu từ xa.

### ■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động

Còi kêu từng hồi và tất cả các đèn ngoài xe nhấp nháy.

### ■ Tắt hệ thống cảnh báo an ninh

Sử dụng chìa khóa<sup>\*1</sup>, bộ truyền tín hiệu từ xa, hệ thống truy cập từ xa, hoặc xoay chế độ nguồn đến BẬT để mở khóa xe. Hệ thống cùng với còi và đèn đang nhấp nháy sẽ tắt.

### ■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tự động thiết lập trong những trường hợp sau:

- Chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Nắp ca-pô đóng.
- Tất cả các cửa và cửa hậu được khóa từ bên ngoài bằng chìa khóa, bộ truyền tín hiệu từ xa, hoặc thống truy cập từ xa.

### ►►Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không được thay đổi hoặc gắn thêm thiết bị khác vào hệ thống này để tránh làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể hoạt động.

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống an ninh tắt.

Hệ thống sẽ tiến hành đủ 10 chu kỳ, mỗi chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ vang lên và đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh sẽ nhấp nháy. Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

- Mở khóa cửa bằng tay khóa.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy nhả nắp ca-pô.

#### Loại xe có cửa hậu điện

- Mở cửa hậu bằng nút cửa hậu điện trên bảng táp lô.

\* 1: Loại xe Trung Đông, loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe Bermuda, Grand Cayman, Grenada và Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

### ■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy và thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

### ■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh bị hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khóa<sup>\*2</sup>, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa, hoặc khi chế độ nguồn ở BẬT. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tắt cùng lúc.

### ►► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Nếu ắc quy chết sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể tắt khi nạp lại hoặc thay ắc quy.

Nếu trường hợp này xảy ra, hãy tắt hệ thống cảnh báo an ninh bằng chìa khóa<sup>\*2</sup>, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa để mở khóa cửa.

#### \* 1

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh đang hoạt động, cảnh báo sẽ tắt.

\* 1: Ngoại trừ loại xe Trung Đông, Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe Bermuda, Grand Cayman, Grenada, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

\* 2: Loại xe Trung Đông, Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe Bermuda, Grand Cayman, Grenada, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

## Cửa Kính

### Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể mở và đóng cửa kính điện bằng các công tắc trên các cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Để mở và đóng các cửa kính từ vị trí bất kỳ trừ ghế người lái thì phải tắt nút khóa cửa kính điện phía người lái (không ấn xuống, đèn báo tắt).

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính người lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

Điều Khiển

#### »Mở/Đóng Cửa Kính Điện

### ⚠CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính đó có thể gây trọng thương.

Đảm bảo hành khách cách xa cửa kính khi đóng cửa.

**CẢNH BÁO:** Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Loại xe không có chức mở/đóng tự động cửa kính người lái

Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Chức năng mở/đóng tự động cửa kính trước

Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Chức năng mở/đóng tự động tất cả các cửa

Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

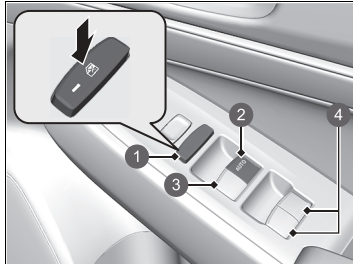
#### Chức Năng Tự Động Đảo Chiều

Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính người lái sẽ ngừng hoạt động khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

## ■ Mở/Đóng Cửa Kính có Chức Năng Mở/Đóng Tự Động



- ① Nút Khóa Cửa Kính Điện
- ② Công Tắc Cửa Kính Người Lái
- ③ Công Tắc Cửa Kính Hành Khách Phía Trước\*
- ④ Công Tắc Cửa Kính Hành Khách Phía Sau\*

### ■ Mở/đóng bằng tay

**Để mở:** Ấn nhẹ công tắc xuống và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí bạn muốn.

**Để đóng:** Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí bạn muốn.

### ■ Mở/đóng tự động

**Để mở:** Ấn dứt khoát công tắc xuống.

**Để đóng:** Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa kính bất cứ lúc nào, ấn hoặc kéo nhanh công tắc.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Mở/Đóng Cửa Kính không có Chức Năng Mở/Đóng Tự Động\*



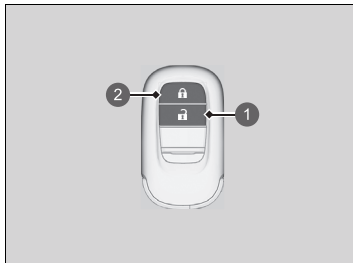
- ① Đóng
- ② Mở

**Để mở:** Ấn công tắc xuống.

**Để đóng:** Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

## ■ Mở/Đóng\* Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa\*



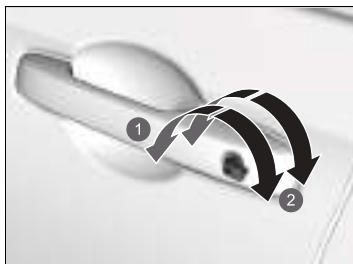
- ① Nút Mở Khóa
- ② Nút Khóa

**Để mở:** Ấn nút mở khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.

**Để đóng:** Ấn nút khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.

Nếu cửa kính dừng ngang chừng, làm lại bước này.

## ■ Mở\*/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa\*



- ① Đóng
- ② Mở

**Để mở:** Mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa. Trong vòng 10 giây, xoay chìa khóa đến vị trí giữa, xoay theo hướng mở khóa và giữ tại đó.

**Để đóng:** Khóa cửa người lái bằng chìa khóa. Trong vòng 10 giây, xoay chìa khóa đến vị trí giữa, xoay theo hướng khóa và giữ tại đó.

Nhả chìa khóa để dừng cửa kính tại vị trí mong muốn. Nếu bạn muốn điều chỉnh thêm, làm lại các bước ở trên.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ►Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa\*

Bạn có thể bật và tắt chức năng điều khiển cửa kính từ xa.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► Cài Đặt\* Tr. 142

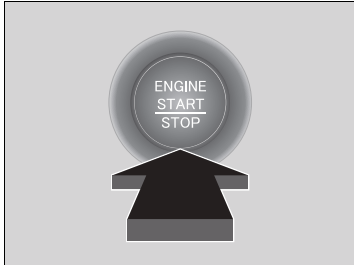
Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Cài Đặt\* Tr. 164

## Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lãng

### Nút ENGINE START/STOP

#### ■ Thay Đổi Chế Độ Nguồn



Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn đạp bàn đạp phanh, chế độ nguồn sẽ thay đổi theo thứ tự sau: TẮT MÁY→PHỤ KIỆN→BẬT→TẮT MÁY.

#### **TẮT MÁY:**

Nguồn điện trên xe TẮT.

#### **PHỤ KIỆN:**

Có thể sử dụng hệ thống âm thanh và một số thiết bị.

#### **BẬT:**

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị.

#### » Nút ENGINE START/STOP

Nếu để chìa khóa điều khiển từ xa ở trong hộp đựng hoặc một nơi khác mà ở đó tín hiệu có thể bị ngắt quãng, chế độ nguồn có thể không thay đổi.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, chế độ nguồn sẽ thay đổi sang PHỤ KIỆN nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi cần số không ở [P].



### ■ Tắt Nguồn Tự Động

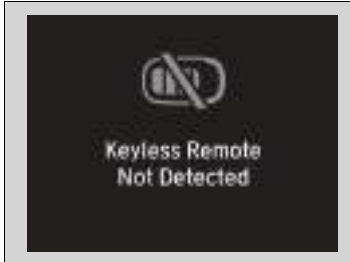
Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để cần số ở **P** và chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc quy.

Khi xe ở chế độ này: Vô lăng không khóa. Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa. Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

### ■ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

### ■ Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



Khi đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT và bạn rút chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe và đóng cửa, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. Nếu âm thanh cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa ở một nơi khác.

#### ■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

#### ■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ cả bên ngoài và bên trong xe. Ngoài ra, đèn cảnh báo cũng sẽ sáng trên bảng điều khiển.

### ►► Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và tất cả các đã đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

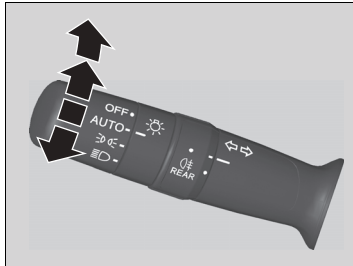
Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe sau khi động cơ khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ được nữa. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt được bộ phát tiếng bíp cảnh báo.

Không đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên trên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ để tránh làm cho bộ phát tiếng bíp cảnh báo tắt. Trong một số điều kiện khác, việc này có thể làm cho xe không định vị được chìa khóa điều khiển từ xa, bộ phát tiếng bíp cảnh báo có thể tắt ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

## Đèn

### ■ Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí



Các đèn sẽ tự động bật tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh. Đèn cũng có thể được bật hoặc tắt bằng tay.

Các đèn ngoài xe sẽ tự động bật khi công tắc đèn được đặt ở **AUTO** trong khi chế độ nguồn ở BẬT.

#### ■ Vận hành bằng tay

##### Đèn chiếu sáng/đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang

##### Đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang

##### Đèn chiếu sáng/đèn vị trí tắt:

Xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả tay trong khi cần số ở **P** hoặc gài phanh đỗ.

► Đèn sẽ tự động sáng lại khi:

- Xoay công tắc đèn sang **OFF** một lần nữa và thả tay.
- Gạt cần số ra khỏi **P** hoặc nhả phanh đỗ.

### ►► Đèn

Khi bật các đèn, các đèn báo trên bảng điều khiển sẽ sáng.

►► Đèn Báo Các Đèn Bật Tr. 117

### ►► Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí

Khi các đèn vị trí sáng, đèn hậu và đèn biển số sau cũng sẽ sáng.

Không để đèn sáng khi động cơ đã tắt để tránh làm hao điện ắc quy.

Khi xoay công tắc đèn sang hoặc và chuyển chế độ nguồn sang TẮT, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên khi cửa người lái mở.

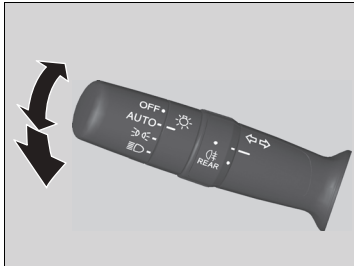
Khi xoay công tắc đèn sang **AUTO** và độ sáng của môi trường xung quanh thấp, các đèn chiếu sáng và đèn vị trí sẽ sáng nếu bạn mở khóa cửa. Đèn sẽ tắt khi khóa cửa.

Loại xe có chức năng điều chỉnh đèn chiếu sáng

Nếu bạn thấy mức độ sáng bất thường, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

## ■ Chiếu Xa

Khi các đèn chiếu sáng bật, đẩy cần gạt về phía trước. Kéo cần gạt về phía sau để quay trở về chiếu gần.



### ■ Nháy đèn chiếu xa

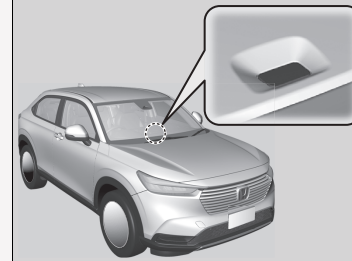
Kéo cần gạt về phía sau để bật chiếu xa.

► Thả cần gạt để trở về chiếu gần.

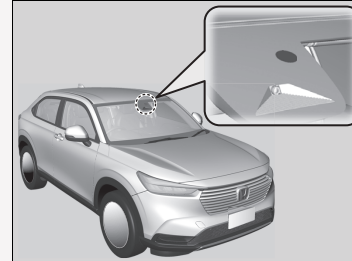
## ►► Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới. Không được phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng này, nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động có thể không hoạt động tốt.

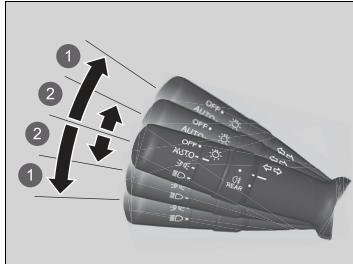
Loại xe không có cần gạt nước gián đoạn tự động



Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động



## ■ Xi Nhan



Có thể sử dụng đèn xi nhan khi chế độ nguồn ở BẬT.

### ■ ①: Bật xi nhan

Đẩy cần gạt lên hoặc xuống theo hướng bạn muốn rẽ và đèn xi nhan sẽ nhấp nháy.

### ■ ②: Gạt xi nhan một lần

Khi bạn gạt nhẹ cần lên hoặc xuống và thả tay, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

- Nếu bạn đẩy nhẹ cần xi nhan theo hướng đối diện trong khi đèn xi nhan đang nhấp nháy, đèn xi nhan sẽ dừng nhấp nháy.

## ►► Xi Nhan

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài nhấp nháy.

► Đèn Báo Tr. 106

## ■ Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.  
Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng gạt.

## ■ Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt trong 15 giây sau sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở **TẮT MÁY**, hãy mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng cửa người lái.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở **TẮT MÁY** khi các đèn chiếu sáng bật nhưng không mở cửa, các đèn sẽ tắt sau 10 phút (3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở khóa cửa nhưng không mở cửa trong 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc đèn đang bật.

230 \* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ►► Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước

Tính năng này được kích hoạt trong khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO**. Độ sáng bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng được bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

Bạn có thể bật và tắt chức năng đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ **Cài Đặt\*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➡ **Cài Đặt** Tr. 164

Loại xe Australia

➡ **Cách Tùy Chọn Cài Đặt Xe** Tr. 348

## ►► Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ **Cài Đặt\*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➡ **Cài Đặt** Tr. 164

Loại xe Australia

➡ **Cách Tùy Chọn Cài Đặt Xe** Tr. 348

## ■ Đèn Sương Mù\*

Có thể sử dụng đèn sương mù khi chế độ nguồn ở BẬT.

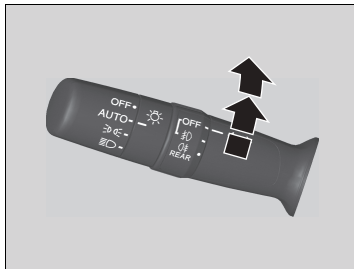
### ■ Đèn sương mù trước\*

Có thể sử dụng khi bật đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng.

### ■ Đèn sương mù sau\*

Có thể sử dụng khi bật đèn chiếu sáng hoặc đèn sương mù trước\*.

### ■ Công tắc đèn sương mù trước và đèn sương mù sau\*



#### Bật đèn sương mù trước

Xoay công tắc lên trên từ vị trí **OFF** tới vị trí **☁**. Đèn báo **☁** sẽ sáng.

#### Bật đèn sương mù trước và sau

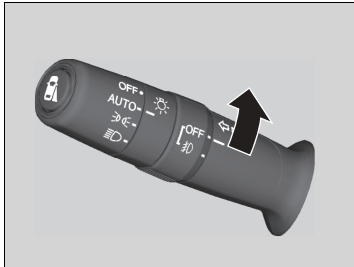
Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí **☁**. Các đèn báo **☁** và **☁** sẽ sáng.

#### Bật đèn sương mù sau

Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí **☁**, sau đó xoay công tắc xuống một nấc từ vị trí **☁**. Đèn báo **☁** vẫn sáng.  
Để tắt đèn sương mù sau, xoay công tắc đèn chiếu sáng đến vị trí **OFF**.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

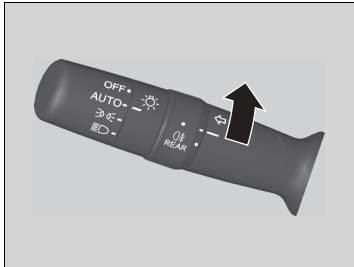
### ■ Đèn sương mù trước\*



#### Bật đèn sương mù trước:

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.

### ■ Đèn sương mù sau\*



#### Bật đèn sương mù sau:

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.



## ■ Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sẽ sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở **BẬT**.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
- Đèn môi trường xung quanh sáng.

Khi xe đã dừng, nếu bạn xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả ra, đèn ban ngày sẽ tắt. Khi gạt cần số ra khỏi **P** và nhả phanh đỗ, các đèn sẽ sáng trở lại. Nếu không, nếu công tắc đèn được xoay sang **OFF** một lần nữa, đèn sẽ lại sáng.

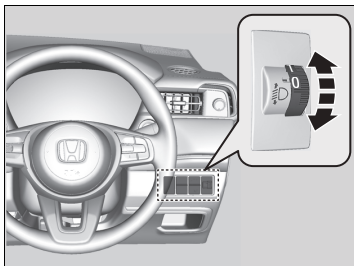
## » Đèn Ban Ngày

Đèn ban ngày và đèn vị trí cùng chung nguồn ánh sáng.

Đèn ban ngày sáng hơn đèn vị trí.

Đèn ban ngày sẽ không bật nếu đèn vị trí được bật bằng tay.

## Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng\*



Bạn có thể điều chỉnh góc đối đỉnh của đèn chiếu gần khi chế độ nguồn ở BẬT.

Xoay núm điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn thì góc chiếu càng nhỏ.

### ■ Chọn vị trí vạch điều chỉnh

Tham khảo bảng sau để biết vị trí vạch phù hợp cho điều kiện tải trọng và số người ngồi trên xe.

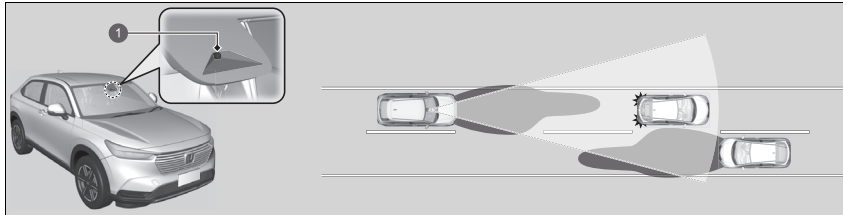
| Điều kiện                                                                                                                                                                                     | Vị trí vạch |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| Một người lái                                                                                                                                                                                 | 0           |
| Một người lái và một hành khách phía trước                                                                                                                                                    |             |
| Bốn <sup>*1</sup> hoặc năm <sup>*2</sup> người ở ghế trước và ghế sau                                                                                                                         | 1           |
| Bốn <sup>*1</sup> hoặc năm <sup>*2</sup> người ở ghế trước và ghế sau và hành lý trong khoang hành lý nằm trong giới hạn trọng lượng tối đa cho phép trên cầu và trọng tải xe tối đa cho phép | 2           |
| Một người lái và hành lý trong khoang hành lý, nằm trong giới hạn trọng lượng tối đa cho phép trên cầu và trọng lượng xe tối đa cho phép                                                      | 3           |

\* 1: Loại xe Australia

\* 2: Ngoại trừ loại xe Australia

## Chiếu Xa Tự Động\*

Camera trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe bạn như đèn xe phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần hoặc đèn đường. Khi bạn lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng điều kiện.



1 Camera Trước

### ■ Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

Đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng và hệ thống chiếu xa tự động sẽ hoạt động khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



1 Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động

2 Công Tắc Đèn

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn ở **AUTO**.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►► Chiếu Xa Tự Động\*

Hệ thống chiếu xa tự động không thể hoạt động trong mọi tình huống mà chỉ có thể hỗ trợ người lái. Vì thế bạn cần phải luôn quan sát xung quanh khi lái xe và và dùng tay chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh.

Tham khảo phần sau để biết thêm thông tin về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.

► Camera Trước Tr. 500

Để hệ thống chiếu xa tự động hoạt động tốt:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió bắn vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu đèn báo chiếu xa tự động vẫn không sáng kể cả khi đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hãy thực hiện theo quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến , rồi đến **AUTO**.

### ■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi chế độ chiếu xa tự động hoạt động, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

#### Chuyển sang chế độ chiếu xa:

- Tất cả các điều kiện sau phải được đáp ứng trước khi bật chế độ chiếu xa.
- Tốc độ xe từ 30 km/h trở lên.
  - Xe cùng chiều phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần không bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
  - Có ít đèn đường ở phía trước.



#### Chuyển sang chế độ chiếu gần:

- Một trong các điều kiện sau phải được đáp ứng trước khi bật chế độ chiếu gần.
- Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống.
  - Xe cùng chiều phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
  - Có nhiều đèn đường ở phía trước.

#### ►► Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống chiếu xa tự động không thể chuyển chế độ chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy điều chỉnh bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe đang đến gần quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Mức độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường xá gồ ghề, có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay phía trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe đang đến gần thường xuyên khuất sau các lùm cây bên đường hoặc vật cản giữa đường.
- Xe cùng chiều phía trước hoặc xe đang đến gần là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống chiếu xa tự động sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera bị mờ do có lớp sương dày phủ lên.

### ■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Cần lưu ý khi bạn chuyển chế độ, đèn báo chiếu xa tự động sẽ tắt và chế độ chiếu xa tự động sẽ ngừng hoạt động.

#### Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa sau đó thả ra hoặc đẩy cần về phía trước đến vị trí chiếu xa.

- Để bật lại chế độ chiếu xa tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo chế độ chiếu xa tự động sẽ sáng.
- Kéo cần về phía bạn và thả ra.
- Bật công tắc đèn đến  sau đó đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần.

#### Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn đến .

- Để bật lại chế độ chiếu xa tự động, xoay công tắc đèn sang **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần, đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng.

#### ►► Chiếu Xa Tự Động\*

##### Cách Tắt Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động

Bạn có thể bật và tắt hệ thống chiếu xa tự động.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► **Cài Đặt\*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► **Cài Đặt** Tr. 164

Loại xe Australia

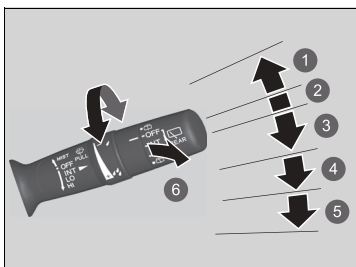
► **Cách Tùy Chọn Cài Đặt Xe** Tr. 348

Điều Khiển

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Cần Gạt Nước và Rửa Kính

### ■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính Chấn Gió



- 1 MIST
- 2 OFF
- 3 INT¹/AUTO²
- 4 LO: Gạt tốc độ thấp
- 5 HI: Gạt tốc độ cao
- 6 Rửa Kính

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính chấn gió khi chế độ nguồn ở BẬT.

#### ■ MIST

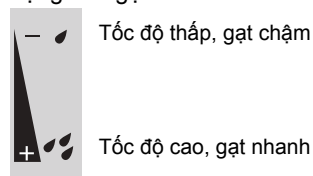
Các cần gạt nước gạt ở tốc độ cao cho đến khi bạn thả cần.

#### ■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT¹, AUTO², LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

#### ■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước\*

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động cần gạt nước.



#### ■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn. Khi bạn thả cần gạt nước trong hơn một giây, nước sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần trước khi dừng hẳn.

\* 1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

\* 2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►► Cần Gạt Nước và Rửa Kính

#### CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chấn gió khô để tránh làm kính chấn gió bị xước, hoặc các lưỡi cao su bị hỏng.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

#### CHÚ Ý

Tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra để tránh làm hỏng bơm.

#### CHÚ Ý

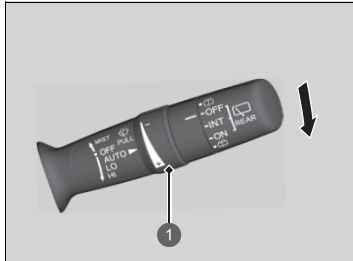
Khi trời lạnh, các lưỡi gạt có thể đóng băng vào kính chấn gió. Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng các cần gạt nước. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chấn gió, sau đó bật các cần gạt.

#### Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu tốc độ xe tăng trong khi các cần gạt nước đang gạt ngắt quãng, cần gạt sẽ gạt nhanh hơn. Khi xe tăng tốc, tốc độ gạt của cần gạt nước khi cài đặt ở chế độ gạt nhanh nhất (  ) và cài đặt ở chế độ LO là như nhau.

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở nơi an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến OFF và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó gạt bỏ vật cản.

## ■ Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quăng\*



① Vòng Điều Chỉnh

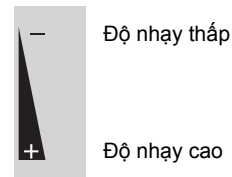
Khi bạn gạt cần đến **AUTO**, cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần, rồi mới sang chế độ tự động.

Cần gạt nước gạt ngắt quăng, ở tốc độ thấp, hoặc tốc độ cao và dừng tùy theo lượng mưa mà cảm biến lượng mưa phát hiện.

### ■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

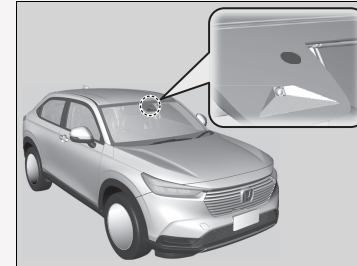
Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **AUTO**, bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến lượng mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) sao cho cần gạt hoạt động theo ý muốn của bạn.

#### Độ nhạy cảm biến



## ►► Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quăng\*

Cảm biến lượng mưa nằm ở vị trí như hình minh họa bên dưới.



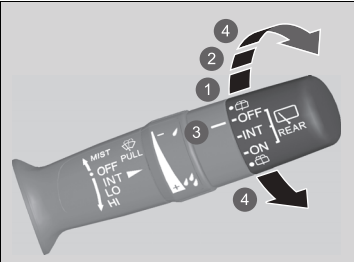
### CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Không có mưa

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính Sau



- 1 INT: Ngắt quãng
- 2 ON: Gạt liên tục
- 3 OFF
- 4 Rửa kính

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính sau khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT, ON)

Thay đổi cài đặt công tắc cần gạt nước theo lượng mưa.

■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ được phun ra khi bạn xoay công tắc đến vị trí này. Giữ công tắc ở vị trí này để kích hoạt cần gạt nước và để phun nước rửa kính. Sau khi thả ra, nước sẽ dừng phun và cần gạt nước sau sẽ trở lại cài đặt đã chọn sau vài lần gạt.

■ Vận hành khi lùi xe

Khi bạn gạt cần số đến **R** với cần gạt nước kính chắn gió đang hoạt động, cần gạt nước sau sẽ tự động hoạt động như sau ngay cả khi công tắc tắt.

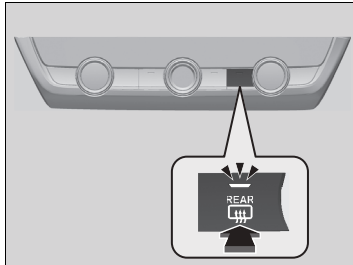
| Vị trí Cần Gạt Nước Trước                                         | Hoạt Động Cần Gạt Nước Sau |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| INT <sup>*1</sup> (Ngắt quãng)<br>AUTO <sup>*2</sup> (Ngắt quãng) | Ngắt Quãng                 |
| LO (Gạt tốc độ chậm)<br>HI (Gạt tốc độ nhanh)                     | Liên Tục                   |

\* 1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

\* 2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động



## Nút Sấy Kính Sau



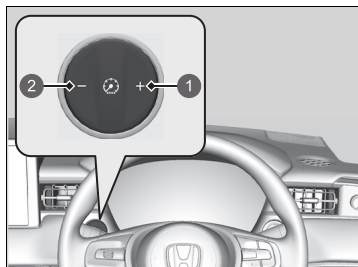
Ấn nút sấy kính sau để làm tan sương cửa kính sau khi chế độ nguồn ở BẬT.

Sấy kính sau sẽ tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ ngoài trời là từ 0°C trở xuống, tính năng này sẽ không tự động tắt.

### ► Nút Sấy Kính Sau

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi các cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu khi động cơ đang chạy không tải để tránh làm ắc quy bị yếu điện và tránh làm động cơ khó khởi động.

## Điều Chỉnh Độ Sáng



- ① Nút +
- ② Nút -

Khi chế độ nguồn ở BẬT, bạn có thể sử dụng nút **+** hoặc **-** để điều chỉnh độ sáng bằng điều khiển.

**Sáng:** Ấn nút **+**.

**Mờ:** Ấn nút **-**.

**Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải**

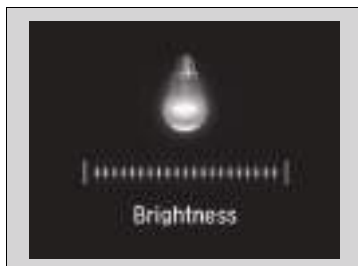
Bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp khi độ sáng ở mức tối thiểu hoặc tối đa.

**Tất cả các loại xe**

Sau vài giây bạn điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở lại màn hình trước đó.

### ■ Vạch biểu thị mức độ sáng

Vạch biểu thị độ sáng sẽ xuất hiện trên màn hình khi bạn điều chỉnh độ sáng.



### ►► Điều Chỉnh Độ Sáng

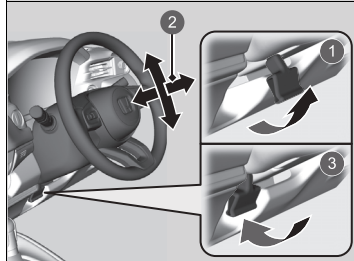
Độ sáng bảng điều khiển sẽ giảm ở các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Các đèn vị trí bật.
- Bên ngoài tối.

Có thể cài đặt độ sáng khác nhau khi các đèn ngoài xe bật và tắt.

## Điều Chỉnh Vô Lãng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người bạn để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.



- ❶ Nhả
- ❷ Điều chỉnh
- ❸ Khóa

1. Khi xe dừng, kéo cần điều chỉnh vô lăng lên.
  - Cần điều chỉnh vô lăng nằm dưới trụ lái.
2. Lắc vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
  - Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo bằng điều khiển.
3. Ấn cần điều chỉnh vô lăng xuống để khóa vô lăng vào đúng vị trí.
  - Sau khi điều chỉnh, để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng đúng vị trí, hãy thử lắc vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

### ►► Điều Chỉnh Vô Lãng

#### ⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

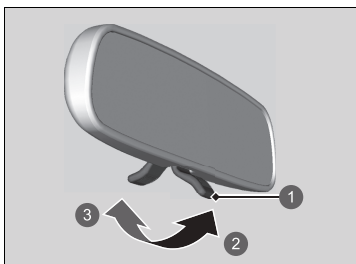
Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đã dừng.

## Gương

### Gương Chiếu Hậu Trong Xe

Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

#### ■ Gương Chiếu Hậu ở Các Vị Trí Ban Ngày và Ban Đêm\*

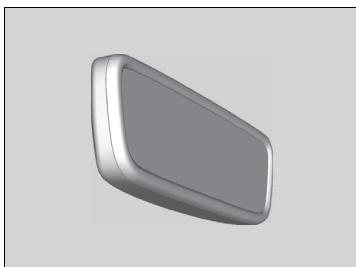


Lật vấu để thay đổi vị trí.

Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe lúc trời tối.

- ① Vấu
- ② Vị Trí Ban Đêm
- ③ Vị Trí Ban Ngày

#### ■ Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động\*



Khi bạn lái xe lúc trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn theo tín hiệu nhận được từ cảm biến gương. Tính năng này luôn hoạt động.

#### »Gương

Làm sạch mặt trong, mặt ngoài của gương và điều chỉnh gương để nhìn rõ nhất.

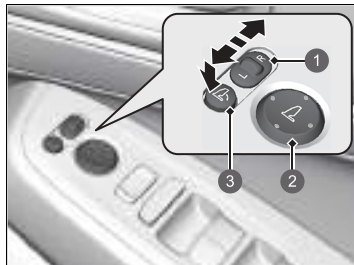
Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.

■ Ghế Trước Tr. 248

#### »Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động\*

Chức năng làm mờ tự động bị hủy khi cần số ở [R].

## Gương Cửa Điện



- ❶ Công Tắc Chọn
- ❷ Công Tắc Điều Chỉnh
- ❸ Nút Cụp Gương

Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

### ■ Điều chỉnh vị trí gương

**Công tắc chọn L/R:** Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc đến vị trí giữa.

**Công tắc điều chỉnh vị trí gương:** Ấn công tắc trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

### ■ Cụp gương cửa

Ấn nút cụp để cụp và mở các gương cửa.

### ■ Tự Nghiêng Gương Khi Lùi Xe\*



❶ Công Tắc Chọn

Nếu được kích hoạt, gương cửa phía người lái sẽ tự động nghiêng xuống khi bạn gạt cần số đến **R** để giúp cải thiện tầm nhìn ở phía hành khách khi lùi xe. Gương sẽ tự động trở lại vị trí ban đầu khi bạn gạt cần số ra khỏi **R**.

Để kích hoạt tính năng này, đặt chế độ nguồn ở BẬT và trượt công tắc chọn sang phía hành khách.

## ■ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa\*

### ■ Cụp các gương cửa

Ấn nút khóa trên bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc ấn vào cảm biến khóa cửa trên cửa trước.

- Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

### ■ Mở các gương cửa

Mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

- Các gương bắt đầu tự động mở ra.

## » Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa\*

Bạn không thể sử dụng chức năng mở gương cửa tự động nếu chúng đã được cụp bằng nút cụp.

Bạn có thể bật và tắt chức năng cụp gương cửa tự động.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ **Cài Đặt\*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

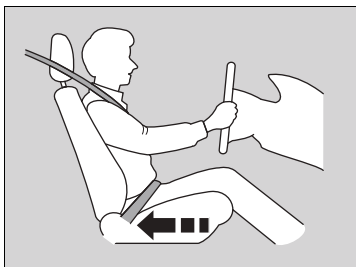
➡ **Cài Đặt** Tr. 164

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi khóa từ bên trong xe bằng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Ghế Ngồi

### Ghế Trước



Lùi về sau để tạo khoảng cách phù hợp.

Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe thoải mái. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế để có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Điều chỉnh ghế hành khách theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

#### » Ghế Ngồi

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

#### » Ghế Trước

### ⚠ CẢNH BÁO

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

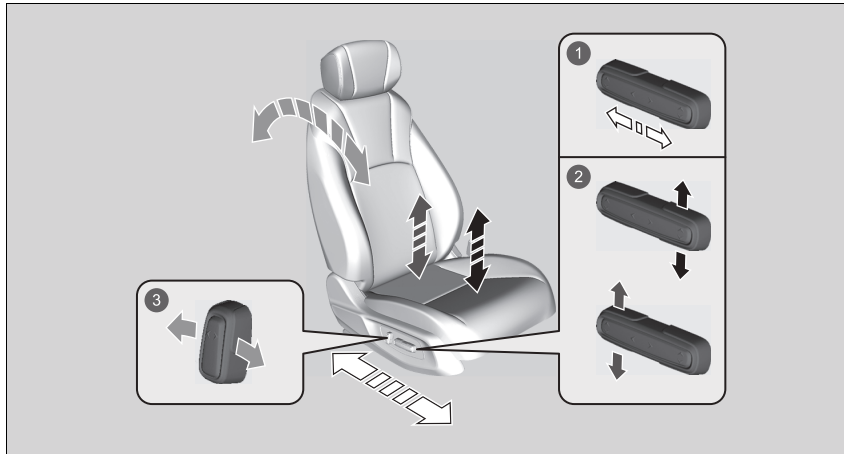
Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên, xuống, vào, ra. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.



## ■ Điều Chỉnh Vị Trí Ghế Ngồi

### ■ Điều chỉnh ghế điện người lái\*



#### ① Điều Chỉnh Độ Xa

Trượt công tắc để dịch chuyển ghế.

#### ② Điều Chỉnh Độ Cao

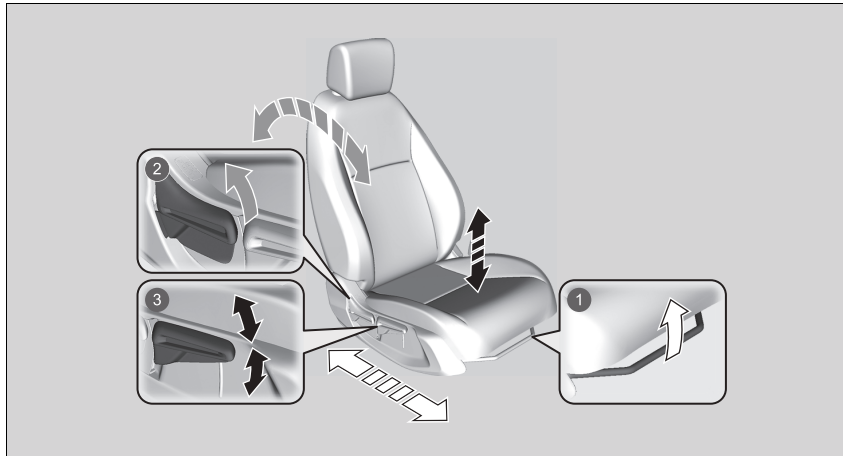
Kéo công tắc lên hoặc đẩy công tắc xuống để nâng hoặc hạ ghế.

#### ③ Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế

Đẩy công tắc về phía trước hoặc kéo công tắc về phía sau để thay đổi góc.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Điều chỉnh ghế trước bằng tay



#### ❶ Điều Chỉnh Độ Xa

Kéo thanh ngang lên để di chuyển ghế, sau đó thả tay ra.

#### ❷ Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế

Kéo cần lên để thay đổi góc.

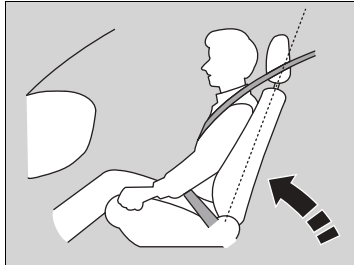
#### ❸ Điều Chỉnh Độ Cao (Chỉ phía người lái)

Kéo cần lên hoặc xuống để nâng ghế lên hoặc hạ thấp ghế xuống.

### ►► Điều chỉnh ghế trước bằng tay

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa đúng vị trí.

## ■ Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, vuông góc để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, vuông góc.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây đai không thắt qua ngực người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai, làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai khi va chạm và dẫn đến trọng thương. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

## ►► Điều Chỉnh Lưng Ghế

### ⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể gây trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí vuông góc và dựa thoải mái trên lưng ghế.

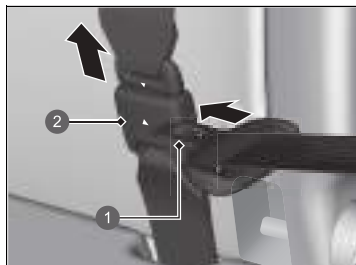
Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn để tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp.

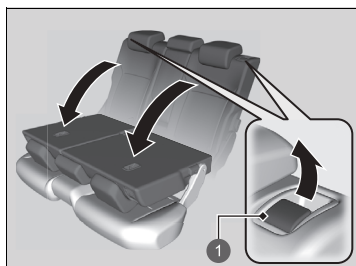
Điều Khiển

## Ghế Sau

### Gập Ghế Sau



- ① Đầu Chốt
- ② Khóa Móc Neo



- ① Cần Nhả

Ngoại trừ loại xe Australia

1. Trước tiên, cắt dây đai an toàn ghế giữa. Sau đó luồn đầu chốt vào khe ở phía khóa móc neo.
2. Rút dây đai an toàn vào trong giá giữ trên trần xe.

➡ **Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo\*** Tr. 52

Tất cả các loại xe

3. Hạ tựa đầu hàng ghế sau xuống vị trí thấp nhất.
4. Kéo cần nhả và gập ghế xuống.

### ►► Gập Ghế Sau

#### ⚠ CẢNH BÁO

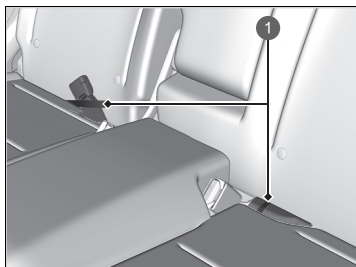
Đảm bảo chốt chặt lưng ghế trước khi lái xe.

Có thể gập lưng ghế sau xuống để chứa các vật cồng kềnh trong khoang hành lý.

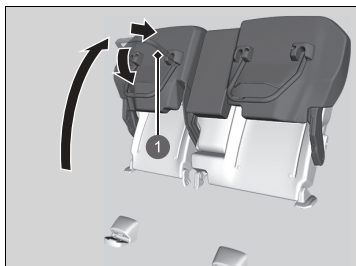
Khi đẩy lưng ghế về vị trí ban đầu, cần đẩy mạnh về phía sau. Đồng thời, đảm bảo tất cả các dây đai vai ghế sau được đặt ở phía trước lưng ghế.

**Đảm bảo các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên các ghế sau phải được buộc chặt. Đồ vật buộc lỏng có thể bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.**

## ■ Lật Ghế Sau



1 Khe



1 Chân Ghế

Nâng lần lượt đệm ghế bên trái và đệm ghế bên phải hàng ghế sau để có chỗ chứa đồ.

### ■ Nâng đệm ghế

Ngoại trừ loại xe Australia

1. Đảm bảo móc khóa dây đai an toàn nằm ở khe trên ghế.

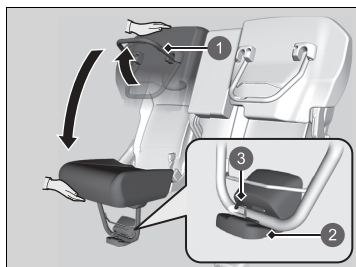
Tất cả các loại xe

2. Hạ tựa đầu ghế sau đến vị trí thấp nhất.
3. Kéo đệm ghế sau lên.
4. Gập chân ghế xuống đồng thời đẩy đệm ghế tỳ chặt vào lưng ghế để khóa ghế.

## ►► Lật Ghế Sau

Sau khi lật ghế sau lên hoặc đưa ghế trở lại vị trí ban đầu, hãy lắc qua lắc lại để hãy đảm bảo ghế được cố định chắc chắn.

Đảm bảo không có vật gì trên ghế trước khi kéo đệm ghế. Trước khi đưa ghế về vị trí ban đầu, đảm bảo không có vật cản gì quanh dẫn hướng sàn xe.



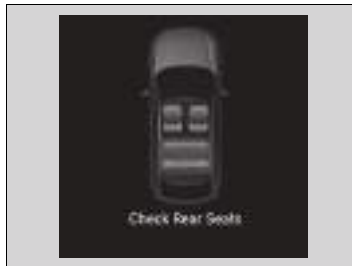
- ① Chân Ghế
- ② Dẫn Hướng Sàn Xe
- ③ Chốt

#### ■ Đưa ghế trở lại vị trí ban đầu

1. Một tay giữ đệm ghế vào đúng vị trí, tay kia kéo chân ghế lên hết cỡ để mở chốt giữ.
  - Giữ đệm ghế thật chặt để tránh bị rơi khi bạn mở chốt giữ.
2. Hạ thấp từ từ đệm ghế và đặt chân ghế vào đúng dẫn hướng sàn xe cho đến khi chốt vào đúng vị trí.

## Nhắc Ghế Sau

Tính năng này cảnh báo cho bạn biết có thể có người ngồi hoặc có vật gì ở các ghế sau trước khi bạn ra khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nếu các cửa sau mở hé trước khi hoặc sau khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.



Thông báo nhắc bạn kiểm tra ghế sau sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và âm báo sẽ vang lên khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

### ► Nhắc Ghế Sau

Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, hệ thống nhắc ghế sau sẽ sáng một lúc, sau đó chức năng này sẽ dừng hoạt động.

Tính năng nhắc sẽ không hoạt động nếu chế độ nguồn không được đặt ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi đóng/mở các cửa sau.

Hệ thống sẽ không phát hiện ra có người ở ghế sau. Thay vào đó, hệ thống có thể phát hiện cửa sau đóng hoặc mở, tức là có cái gì đó ở ghế sau.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► **Cài Đặt\*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► **Cài Đặt** Tr. 164

Loại xe Australia

► **Cách Tùy Chọn Cài Đặt Xe** Tr. 348

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tất cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai an toàn, họ cần phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, ngã dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngã người về phía trước hoặc sang bên cạnh, để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí đang nổ.

Điều Khiển

### ►► Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

#### **⚠ CẢNH BÁO**

Ngồi không đúng cách hoặc ngồi lệch có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

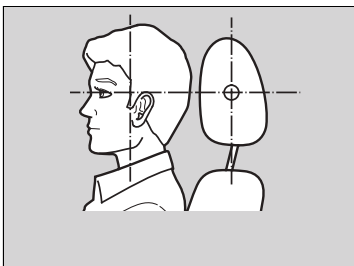
Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.



## Tựa Đầu

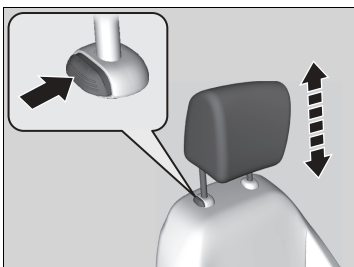
Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ghế ngồi.

### ■ Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước



Đề đầu ở giữa tựa đầu.

Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.



#### Đề nâng tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên.

#### Đề hạ tựa đầu:

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhỏ.

### ►► Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước

## ⚠ CẢNH BÁO

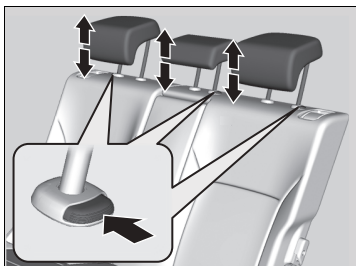
Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ trọng thương khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh phù hợp trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động tốt:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

### ■ Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Hàng Ghế Sau



Hành khách ngồi ở hàng ghế sau bên ngoài hoặc ghế giữa\* cần điều chỉnh độ cao tựa đầu của họ đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu chạy.

#### **Để nâng tựa đầu:**

Kéo tựa đầu lên.

#### **Để hạ tựa đầu:**

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhỏ.

### ►► Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Hàng Ghế Sau

Khi bạn sử dụng tựa đầu ở hàng ghế thứ sau, hãy kéo tựa đầu đến vị trí cao nhất. Không sử dụng tựa đầu ở vị trí thấp hơn.

Ngoại trừ loại xe Australia



## ■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

Có thể tháo tựa đầu ra để vệ sinh hoặc sửa chữa.

### Để tháo tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhỏ, kéo tựa đầu lên sau đó kéo tựa đầu ra.

### Để lắp lại tựa đầu:

Lắp các chân vào đúng vị trí, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhỏ. Kéo tựa đầu lên để kiểm tra xem nó đã được khóa đúng vị trí chưa.

## ►Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

### ⚠CẢNH BÁO

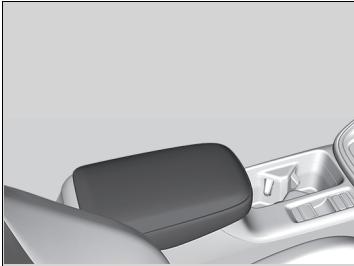
Không lắp tựa đầu, hoặc lắp lại không chính xác có thể dẫn đến bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.

Điều Khiển

## Tựa Tay

### ■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước



Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ để làm tựa tay.

### ■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Sau\*

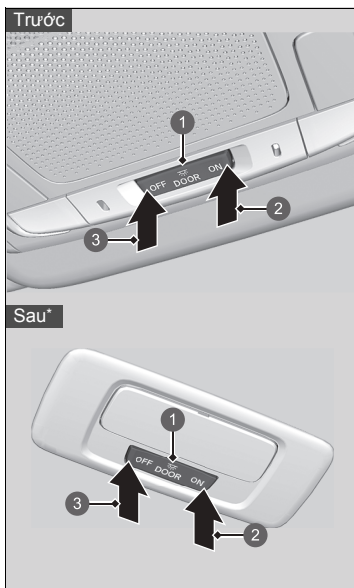


Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

## Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong

### Đèn Trong Xe

#### ■ Công Tắc Đèn Trong Xe



① Vị Trí Kích Hoạt Cửa

② Bật

③ Tắt

#### ■ BẬT

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

#### ■ Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi cửa bất kỳ mở.
- Khi bạn mở khóa cửa người lái.
- Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

#### ■ TẮT

Các đèn trong xe vẫn tắt dù cửa mở hay đóng.

#### » Công Tắc Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây. Các đèn tắt sau 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khóa cửa người lái nhưng không mở cửa.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ của đèn trong xe.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➔ Cài Đặt\* Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➔ Cài Đặt Tr. 164

Loại xe Australia

➔ Cách Tùy Chọn Cài Đặt Xe Tr. 348

Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

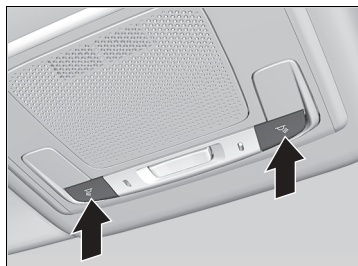
- Khi bạn khóa cửa người lái.
- Khi bạn đóng cửa người lái với chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Nếu bạn để bất kỳ cửa nào mở khi xe đang ở chế độ TẮT MÁY, các đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

Để tránh làm hao điện ắc quy, không để đèn trong xe bật trong thời gian dài khi đã tắt động cơ.

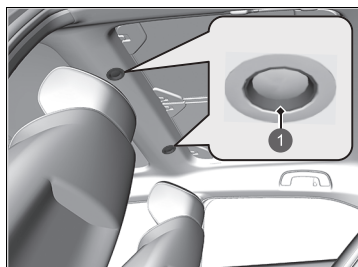
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Công Tắc Đèn Đọc Sách



### ■ Ghế trước

Ấn nút để bật và tắt đèn đọc sách.



### ■ Ghế sau\*

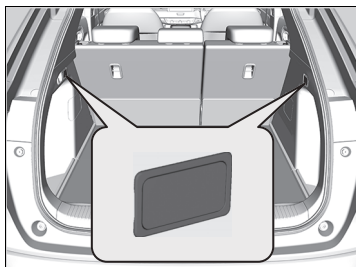
Chạm vào đèn để bật và tắt đèn đọc sách.

① Chạm

## » Công Tắc Đèn Đọc Sách

Khi công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa và có một cửa bất kỳ mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn nút hoặc chạm vào đèn đọc sách\*.

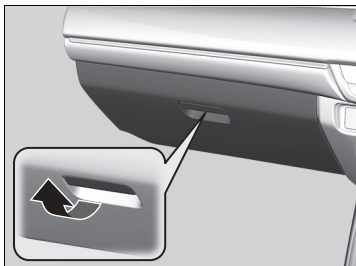
### ■ Đèn Khoang Hành Lý



Đèn khoang hành lý sáng khi bạn mở cửa hậu.

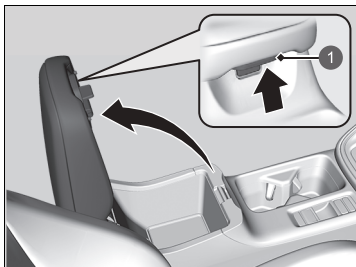
## Ngăn Để Đồ

### ■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

### ■ Hộp Đựng Đồ Trung Tâm



Kéo núm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

① Núm

### »Hộp Đựng Đồ

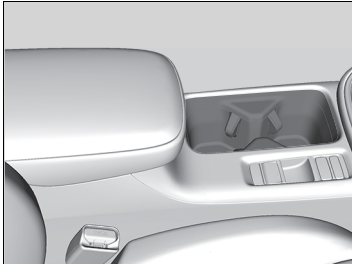
#### ⚠CẢNH BÁO

Để hộp đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị trọng thương khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt dây đai an toàn.

Luôn đóng hộp đựng đồ khi lái xe.



## ■ Ngăn Để Cốc



### ■ Ngăn để cốc ghế trước

Nằm ở hộp đựng đồ trung tâm ở giữa các ghế trước.



### ■ Ngăn để cốc cánh cửa trước

Nằm ở hai cạnh cửa cả hai cửa trước.



### ■ Ngăn để cốc cánh cửa sau

Nằm ở hai cạnh cửa cả hai cửa sau.

## ►►Ngăn Để Cốc

### CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm, và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.



■ **Ngăn để cốc ghế sau\***

Gập tựa tay xuống để sử dụng ngăn để cốc ở hàng ghế sau.

■ **Móc Treo Áo**

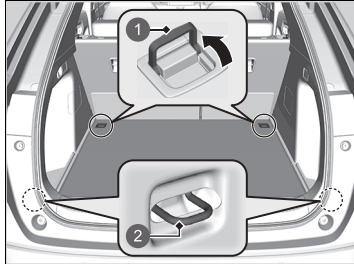


Có các móc treo áo trên tay nắm bên trái và bên phải cửa sau.

►►Móc Treo Áo

Không treo các đồ vật to hoặc nặng lên móc treo áo này.

## ■ Móc Neo Giữ Đồ

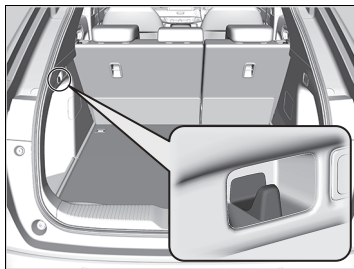


❶ Móc Neo

❷ Móc Neo

Có thể sử dụng móc neo chỗ sàn khoang hành lý để móc lưới giữ đồ.

## ■ Móc Treo Đồ



Có thể sử dụng móc treo đồ trong khoang hành lý để treo các vật nhẹ.

## ►►Móc Neo Giữ Đồ

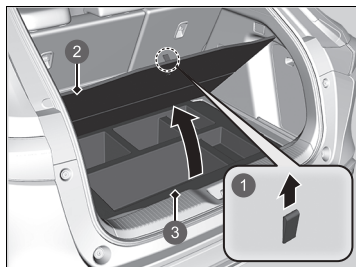
Không để ai lấy đồ trong khoang hành lý khi đang lái xe để tránh bị trọng thương do bị những đồ chưa được buộc chặt va vào khi bạn phanh xe gấp.

## ►►Móc Treo Đồ

### CHÚ Ý

Không treo vật kích thước lớn hoặc vật có trọng lượng trên 3kg (6 lbs) lên móc treo đồ này để tránh làm hỏng móc.

### ■ Khoang Chứa Đồ Dưới Sàn Xe\*



Kéo dây đai để mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.

- ❶ Dây Đai
- ❷ Nắp Khoang Chứa Đồ
- ❸ Khoang Chứa

### ►► Khoang Chứa Đồ Dưới Sàn Xe\*

#### ⚠ CẢNH BÁO

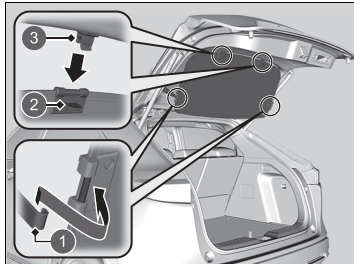
Không đưa đồ vào hoặc lấy đồ từ khoang chứa trong khi lái xe để tránh xảy ra tai nạn hoặc thương tích không lường trước được khi phanh gấp.

**Không lái xe khi nắp khoang chứa chưa được đóng xuống sát sàn.**

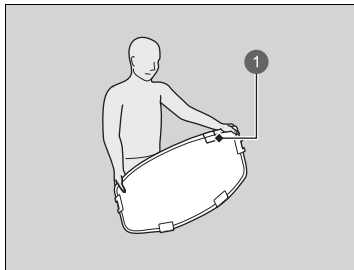
Điều này có thể gây ra tai nạn hoặc thương tích không lường trước được khi phanh gấp.

## ■ Tầm Che Khoang Hành Lý\*

Có thể tháo nắp che ra để lấy chỗ chứa hành lý.



- ❶ Móc
- ❷ Vấu
- ❸ Thanh Gài



- ❶ Vấu

### ■ Tháo nắp che khoang hành lý

1. Mở cửa hậu.
2. Gỡ móc ở hai bên để tháo nắp che.
3. Trượt nắp che ra khỏi thanh gài đồng thời ấn giữ vấu.

Làm theo quy trình ngược lại để lắp.

Sau khi lắp lại tầm che, đảm bảo chốt thật chặt.

### ■ Gấp gọn nắp che

1. Giữ ở góc gần vấu trên nắp che.

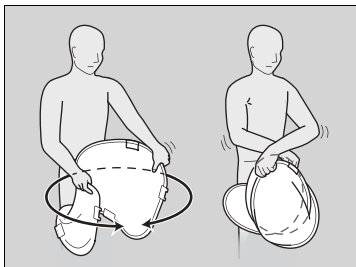
## ►Tầm Che Khoang Hành Lý\*

Không để đồ lên nắp che hoặc chất đồ trong khoang chứa cao hơn đỉnh lưng ghế để tránh bị che khuất tầm nhìn và đồ đạc không bị rơi ra khi xảy ra va chạm hoặc khi dừng xe đột ngột.

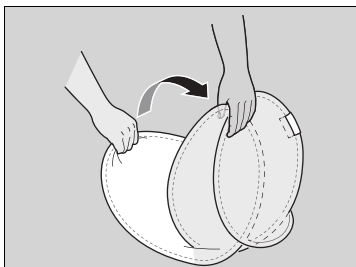
Khi tháo nắp che, hãy giữ chặt bằng tay vì nắp che có thể mở mạnh. Kiểm tra kỹ khu vực xung quanh và từ từ mở nắp che đồng thời giữ chắc bằng cả hai tay.

Điều Khiển

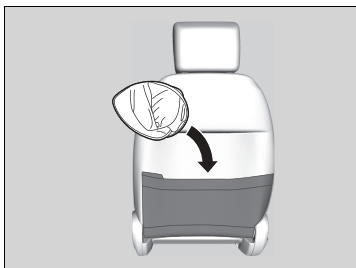
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



**2.** Hai tay giữ hai góc của tấm che, tay này giữ góc kia của tấm che để gấp nó lại.



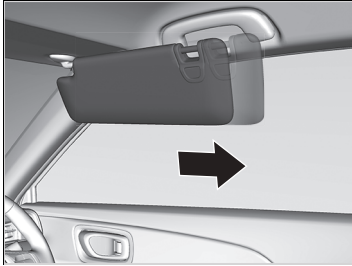
**3.** Gập hai nửa tấm che lại với nhau cho thật gọn.



**4.** Cất tấm che vào ngăn để đồ ở lưng ghế trước rồi dùng tay ấn chặt cho gọn.

## Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác

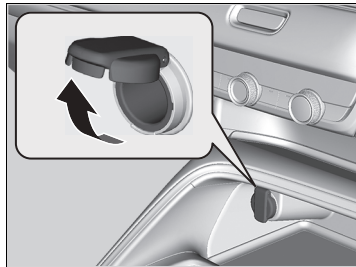
### ■ Tầm Che nắng



Có thể mở rộng tầm che nắng theo chiều ngang.

### ■ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



#### ■ Ổ cắm điện phụ kiện ở hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng.

### »»Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

#### CHÚ Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này để tránh làm ổ cắm bị quá nhiệt.

Ổ cắm điện phụ kiện cung cấp nguồn điện một chiều 12 vôn với công suất từ 180 W (15 ampe) trở xuống.

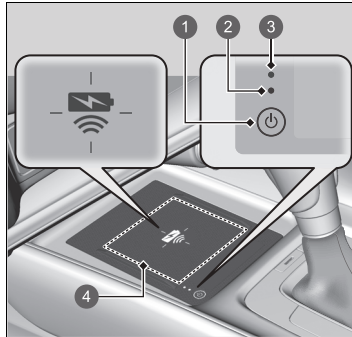
Để tránh ác quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang chạy.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp để ngăn không cho bất kỳ vật gì lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.



## ■ Sạc Không Dây\*

Để sử dụng sạc không dây, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Sạc thiết bị tương thích với sạc không dây Qi ở khu vực có biểu tượng :



- ❶ Nút  (Nguồn)
- ❷ Đèn Báo Màu Xanh Lục
- ❸ Đèn Báo Màu Hổ Phách
- ❹ Khu Vực Sạc

1. Để bật và tắt hệ thống, ấn và giữ nút  (nguồn).
  - Khi hệ thống bật, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.
2. Đặt thiết bị bạn muốn sạc vào vị trí sạc.
  - Hệ thống sẽ tự động sạc thiết bị và đèn báo màu hổ phách sẽ sáng.
  - Đảm bảo thiết bị tương thích với hệ thống và được đặt vào giữa khu vực sạc.
3. Khi sạc xong, đèn báo màu xanh lục sẽ sáng.
  - Tùy thuộc vào từng thiết bị, đèn báo màu hổ phách vẫn sẽ sáng.

## ►►Sạc Không Dây\*

### ⚠LƯU Ý

Nếu có vật gì bằng kim loại giữa thiết bị và bàn sạc, vật đó sẽ nóng lên và có thể làm bạn bị bỏng, vì vậy hãy:

- Loại bỏ bất cứ vật gì ra khỏi bàn sạc trước khi sạc thiết bị.
- Đảm bảo bề mặt không có bụi và các mảnh vụn khác trước khi sạc.
- Không làm đổ chất lỏng (như nước, đồ uống, v.v.) lên sạc và thiết bị.
- Không sử dụng dầu, mỡ, cồn, xăng hoặc chất pha loãng để làm sạch bàn sạc.
- Không phủ khăn, quần áo hoặc bất cứ vật gì khác lên hệ thống khi đang sạc, v.v.
- Tránh xịt hóa chất lên bề mặt bàn sạc.

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện. Vì vậy, không nên sử dụng hệ thống trong một thời gian dài khi động cơ không chạy để tránh làm ắc quy yếu, gây khó khăn cho việc khởi động động cơ.

Khi sử dụng sạc không dây, hãy kiểm tra hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị tương thích bạn muốn sạc.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Khi sạc không hoạt động

Thực hiện một trong các giải pháp trong bảng sau.

| Đèn Báo                      |                      | Nguyên Nhân                                    | Giải Pháp                                                                                                                                |
|------------------------------|----------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Xanh<br>Lục<br>& Hở<br>Phách | Nháy<br>đồng<br>thời | Có (các) vật cản giữa khu vực sạc và thiết bị. | Loại bỏ (các) vật cản.                                                                                                                   |
|                              |                      | Thiết bị không nằm trong khu vực sạc.          | Đặt thiết bị vào giữa khu vực sạc nơi có biểu tượng  . |
|                              |                      | Nhiệt độ của bàn sạc tăng.                     | Tạm thời ngừng sạc thiết bị. Chờ nhiệt độ giảm và thử sạc lại thiết bị.                                                                  |
| Hở<br>Phách                  | Nhấp<br>nháy         | Sạc không dây bị hỏng.                         | Liên hệ với đại lý để sửa chữa.                                                                                                          |

»Sạc Không Dây\*

Sạc không dây có thể hỗ trợ tối đa 15W, nhưng tốc độ sạc thay đổi tùy theo thiết bị và các điều kiện khác.

CHÚ Ý

Không đặt máy ghi âm băng từ hoặc máy đo độ chính xác ở khu vực sạc trong khi sạc. Dữ liệu trên thẻ của bạn như thẻ tín dụng có thể bị mất do hiệu ứng từ. Ngoài ra, máy đo độ chính xác như đồng hồ có thể bị ảnh hưởng.

Biểu tượng “Qi” và  là nhãn hiệu đã được Hiệp Hội Năng Lượng Không Dây (WPC) đăng ký quyền sở hữu.

Trong các trường hợp sau, sạc có thể bị ngừng hoặc không hoạt động:

- Thiết bị đã được sạc đầy.
- Nhiệt độ của thiết bị quá cao trong khi sạc.
- Bạn đang ở nơi phát ra sóng điện từ hoặc nơi có tiếng ồn lớn như đài truyền hình, nhà máy điện hoặc trạm xăng.
- Thiết bị có vỏ, nắp hoặc phụ kiện không tương thích với sạc không dây.

Thiết bị có thể không sạc được nếu kích thước hoặc hình dạng của thiết bị không phù hợp với khu vực sạc.

Không phải tất cả các thiết bị đều tương thích với hệ thống.

Trong khi sạc, thiết bị và sạc bị nóng lên là bình thường.

#### »Sạc Không Dây\*

Quá trình sạc có thể bị gián đoạn một lúc khi:

- Tắt cả các cửa hoặc cửa hậu đóng - để hệ thống truy cập từ xa có thể hoạt động tốt.
- Thay đổi vị trí của thiết bị.

Không sạc nhiều thiết bị cùng một lúc trên khu vực sạc.



Nguy cơ gây bỏng:

Bất kỳ vật kim loại nào được đặt giữa bàn sạc và thiết bị đều có thể bị nóng lên.

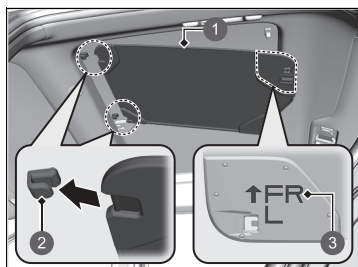
Nếu thiết bị quá nóng và chức năng bảo vệ pin của nó hoạt động, thiết bị có thể sạc cực chậm hoặc không sạc nữa. Nhiệt độ ở thời điểm chức năng bảo vệ pin hoạt động phụ thuộc vào từng thiết bị.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

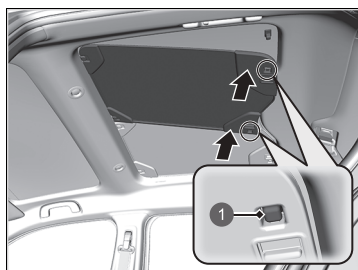
Còn nữa

Điều Khiển

## ■ Tầm Che Nắng Phía Sau\*



- ① Tầm Che Nắng Phía Sau
- ② Móc
- ③ Biểu tượng ↑FR



- ① Khóa

### ■ Lắp tầm che nắng phía sau

1. Luồn tầm che vào móc từ phía trước.

► Lắp tầm che sao cho biểu tượng

↑FR trên tầm che nắng quay ra ngoài.

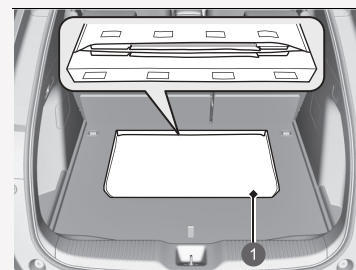
2. Đẩy từ phía sau và khóa lại.

► Đẩy tầm che vào cho đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.

## ►►Tầm Che Nắng Phía Sau\*

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi lắp và tháo tầm che nắng phía sau. Ngoài ra, trước khi lái xe, hãy đảm bảo các tầm che nắng phía sau đã được chốt chắc chắn.

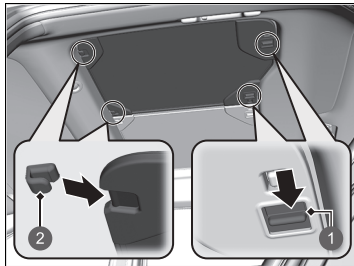
Có thể tháo tầm che nắng phía sau, cho vào hộp đựng và cất vào khoang hành lý.



- ① Hộp

Để tránh làm hỏng tầm che nắng phía sau, hãy làm theo hướng dẫn dưới đây.

- Không để vật gì lên hộp đựng.
- Để đồ xung quanh gọn gàng không để chèn vào hộp đựng.



- 1 Lấy
- 2 Móc

#### ■ Tháo tấm che nắng phía sau

1. Đẩy và giữ lấy vào bên trong và kéo tấm che xuống.
2. Kéo tấm che ra phía sau và tháo nó ra.

## Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu

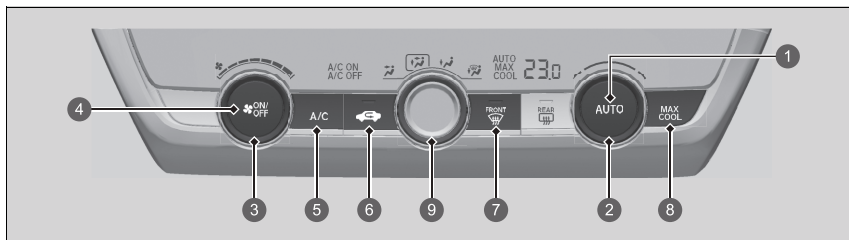
### Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Hệ thống điều khiển khí hậu tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ chọn nhiệt độ nóng\* hoặc lạnh một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.

Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **TỰ ĐỘNG**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng núm điều chỉnh nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF** (bật/tắt) để hủy.

Loại xe không có nút SYNC



- ① Nút **TỰ ĐỘNG**\*<sup>1</sup>
- ② Núm Điều Khiển Chế Độ\*<sup>1</sup>
- ③ Núm Điều Khiển Quạt\*<sup>1</sup>
- ④ Nút **BẬT/TẮT**\*<sup>1</sup>
- ⑤ Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)\*<sup>1</sup>
- ⑥ Nút (Lấy Gió Trong)\*<sup>1</sup>
- ⑦ Nút (Sấy Kính Chắn Gió)\*<sup>1</sup>
- ⑧ Nút **MÁT TỐI ĐA**\*<sup>1</sup>
- ⑨ Núm Điều Khiển CHẾ ĐỘ
  - Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
  - Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô và khe thông gió sàn
  - Luồng khí từ khe thông gió sàn
  - Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió sấy kính chắn gió

\* 1: Hình vẽ mô phỏng cho loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở phía đối xứng với loại vô lăng bên phải.

#### » Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Nếu bạn ấn nút bất kỳ khi đang sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu tự động, chức năng của nút được ấn sẽ được ưu tiên.

Đèn báo nút **AUTO** sẽ tắt, nhưng những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn được điều khiển tự động.

Để ngăn khí lạnh thổi vào từ bên ngoài, quạt có thể không chạy ngay khi ấn nút **AUTO**.

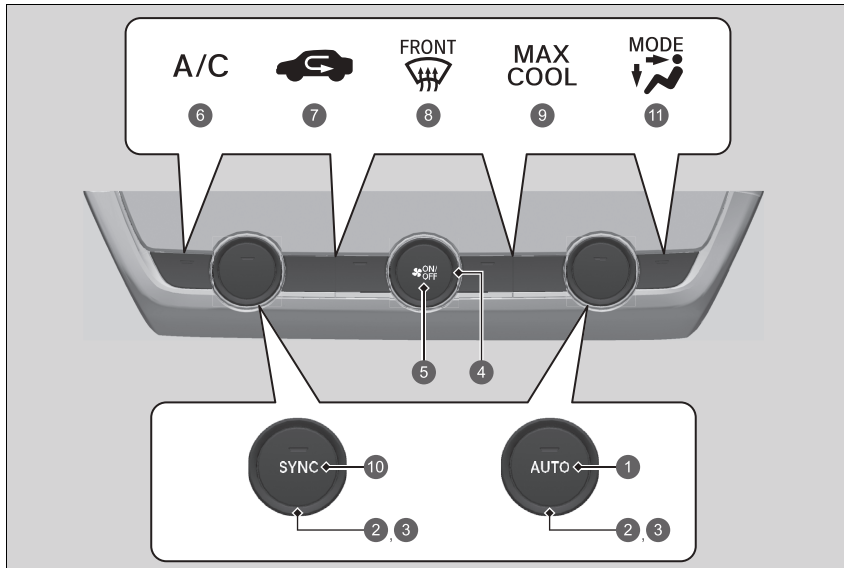
#### Loại xe không có nút mát tối đa

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, chuyển hệ thống sang chế độ tự động và đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ mát trở lại.

#### Loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ở chế độ tự động dừng động cơ tạm thời, điều hòa không khí bị tắt và chỉ có quạt gió hoạt động. Nếu bạn không muốn tắt điều hòa không khí, ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời để hủy chế độ này.

Loại xe có nút SYNC



Vì các nút và cách bố trí các nút khác nhau tùy thuộc vào loại xe nên các nút sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này có thể khác với xe của bạn.

►► Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Loại xe không có nút mát tối đa

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng hơn bằng cách mở hé các cửa kính, ấn nút **MAX COOL** (đèn báo sáng\* hoặc **MAX COOL** xuất hiện\*).

Tất Cả Các Loại Xe

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức thấp hoặc cao, **Lo** hoặc **Hi**\* sẽ hiển thị.

Ấn nút **ON/OFF** để bật và tắt hệ thống điều khiển khí hậu. Khi bật, hệ thống sẽ trở lại chế độ mà bạn đã chọn lần gần đây nhất.

Khi ở chế độ ECON, hiệu suất làm mát của hệ thống điều khiển khí hậu sẽ bị giảm.

Điều Khiển

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

❶ Nút **TỰ ĐỘNG**

❷ Nút Điều Khiển Nhiệt Độ Phía Người Lái

❸ Nút Điều Khiển Nhiệt Độ Phía Hành Khách

❹ Nút Điều Khiển Quạt

❺ Nút **BẬT/TẮT**

❻ Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)

❼ Nút  (Lấy Gió Trong)

❽ Nút  (Sấy Kính Chắn Gió)

❾ Nút **MẬT TỐI ĐA\***

❿ Nút **SYNC** (Đồng Bộ)

❿ Nút Điều Khiển **CHẾ ĐỘ**

-  Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
-  Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô và khe thông gió sàn
-  Luồng khí từ khe thông gió sàn
-  Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió sấy kính chắn gió

■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài

Ấn nút  (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

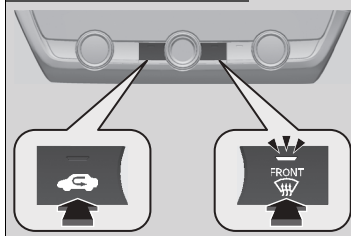
Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

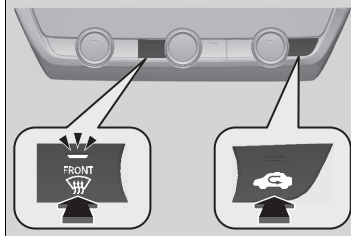


## ■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

Loại xe không có nút SYNC



Loại xe có nút SYNC



\*1

1. Ấn nút để bật hệ thống điều hoà không khí.
2. Ấn nút (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.
3. Ấn nút để tắt và hệ thống sẽ trở về chế độ cài đặt trước đó.

\*2

Ấn nút để bật hệ thống điều hoà và hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Ấn nút thêm một lần nữa để tắt, hệ thống sẽ trở về chế độ cài đặt trước đó.

## ►► Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

**Vi sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.**

Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

Loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Nếu bạn ấn nút trong khi Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động, động cơ sẽ tự động khởi động lại.

\*1: Ngoại trừ loại xe Australia, loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

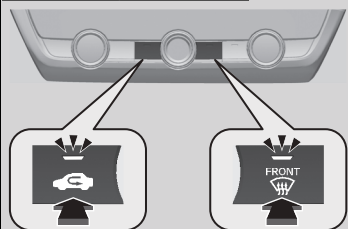
\*2: Loại xe Australia, loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe New Caledonie, Albania, Curacao, Saint Martin, Grand Cayman, và Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

Còn nữa

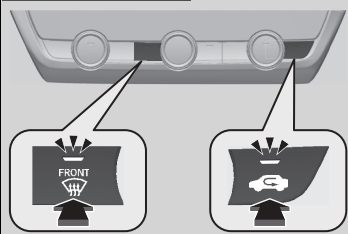
Điều Khiển

### ■ Làm tan sương các cửa kính nhanh

Loại xe không có nút SYNC



Loại xe có nút SYNC

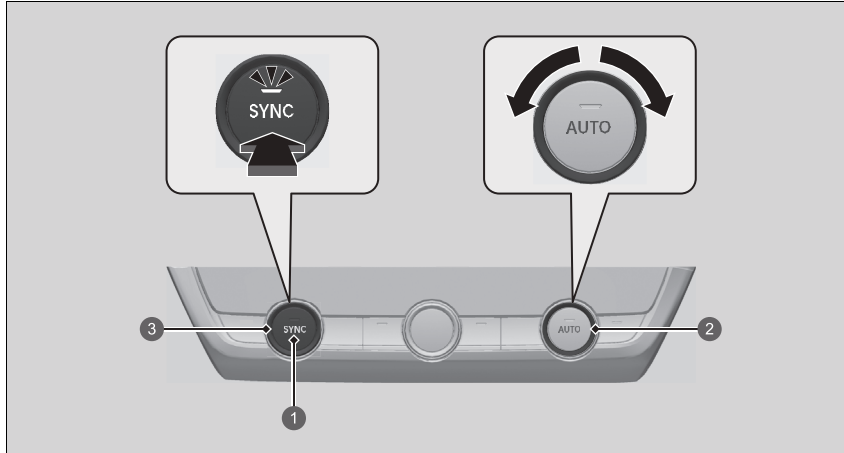


1. Ấn nút .
2. Ấn nút  (đèn báo sáng).

### ►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

## ■ Chế Độ Đồng Bộ\*



- ❶ Nút **SYNC**
- ❷ Nút Điều Khiển Nhiệt Độ Phía Người Lái
- ❸ Nút Điều Khiển Nhiệt Độ Phía Hành Khách

Bạn có thể cài đặt đồng thời nhiệt độ phía người lái và phía hành khách ở chế độ đồng bộ.

1. Ấn nút **SYNC**.  
► Hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ.
2. Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách sử dụng nút điều khiển nhiệt độ phía người lái.

Ấn nút **SYNC** để trở lại chế độ điều hòa hai vùng.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ►► Chế Độ Đồng Bộ\*

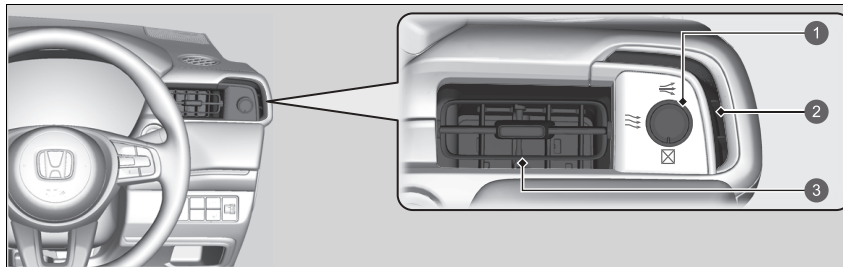
Khi ấn nút , hệ thống sẽ chuyển sang chế độ đồng bộ.

Khi hệ thống ở chế độ đồng bộ, không thể cài đặt riêng nhiệt độ phía người lái và nhiệt độ phía hành khách.

### ■ Chọn Cửa Thoát Khí Theo Ý Muốn

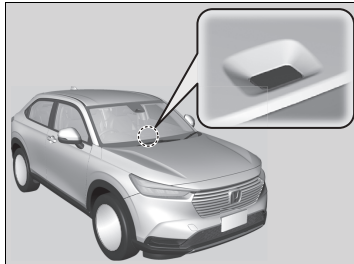
Bạn có thể chọn cửa thoát khí theo ý muốn bằng cách xoay núm đến vị trí tương ứng.

-  chọn cửa thoát khí ②.
-  chọn cửa thoát khí ③.
-  chọn bật cả hai cửa thoát khí ② và ③.

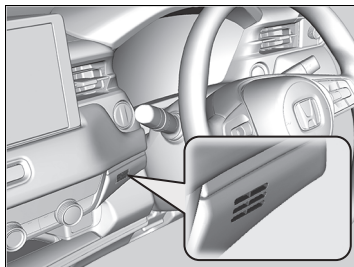


- ① Núm
- ② Cửa Thoát Khí
- ③ Cửa Thoát Khí

## Cảm Biến Điều Khiển Khí Hệu Tự Động



Hệ thống điều khiển khí hệu tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm tràn chất lỏng vào các cảm biến này.





# Tính Năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.

|                                             |     |
|---------------------------------------------|-----|
| Hệ Thống Âm Thanh .....                     | 288 |
| Màn Hình Âm Thanh* .....                    | 290 |
| Thông Báo Lỗi Âm Thanh* .....               | 373 |
| Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh* ..... | 374 |
| Nhắc Nạp Nhiên Liệu* .....                  | 380 |

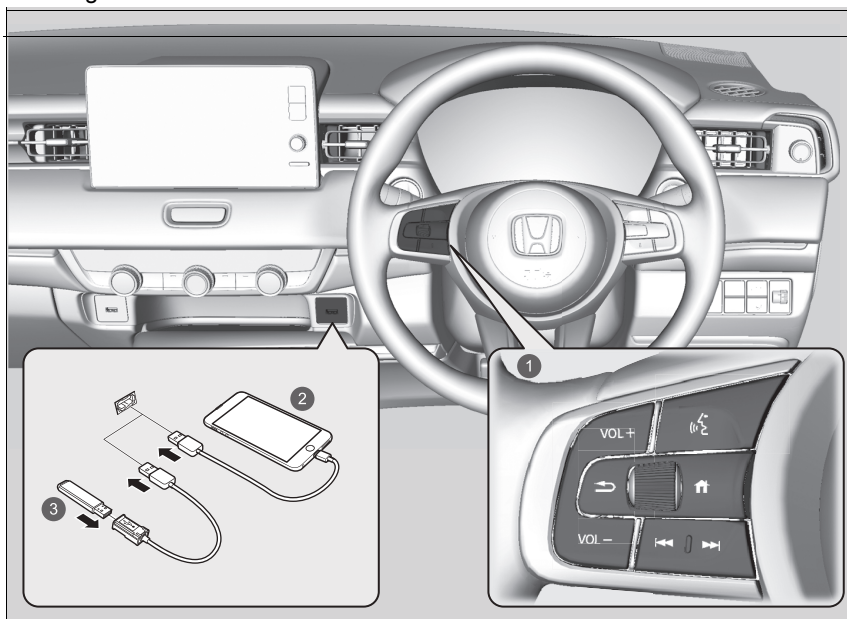
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Hệ Thống Âm Thanh

### Về Hệ Thống Âm Thanh Của Xe\*

Hệ thống âm thanh có tính năng đài AM/FM và đài Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB). Hệ thống này có thể phát nhạc lưu trong USB, iPod, iPhone và các thiết bị *Bluetooth*®.

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các núm trên bảng điều khiển, điều khiển từ xa trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng.



① Điều Khiển Từ Xa

② iPod

③ USB

#### » Về Hệ Thống Âm Thanh Của Xe\*

iPod®, iPhone® và iTunes® là các thương hiệu của Tập Đoàn Apple.



## Cổng USB\*



### ■ Phía sau hộp đựng đồ trung tâm

Chỉ sử dụng cổng USB (2,5A) để nạp điện cho các thiết bị.

- Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi bạn đã cắm máy phát nhạc vào cổng USB.

### »Cổng USB\*

- Không để iPod hoặc USB trong xe để tránh bị hỏng do ánh nắng mặt trời chiếu vào và do nhiệt độ cao.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm USB vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc USB bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như: đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các file.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

#### Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 2,5A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 2,5A nếu thiết bị không yêu cầu.

Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần nạp.

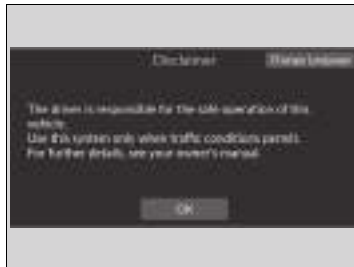
Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Màn Hình Âm Thanh\*

### Khởi Động

Màn Hình Âm Thanh sẽ tự khởi động khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Khi khởi động, màn hình tuyên bố từ chối trách nhiệm sẽ xuất hiện với thông báo như sau.



Chọn **OK**.

- ▶ Nếu bạn không chọn **OK**, hệ thống sẽ tự động chuyển sang màn hình chính sau một khoảng thời gian nhất định.
- ▶ Nếu thiết bị chưa được đăng ký, hãy chọn **OK** và màn hình ghép đôi *Bluetooth®* sẽ xuất hiện.



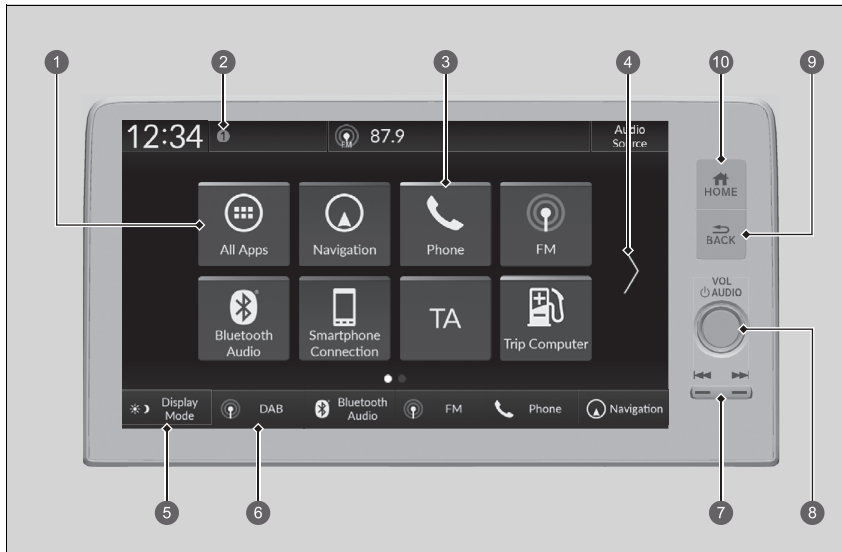
#### ■ Ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
2. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
  - ▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ Màn Hình Âm Thanh, chọn **Search for Devices** (Tìm Kiếm Thiết Bị), sau đó chọn điện thoại của bạn khi nó xuất hiện trong danh sách trên màn hình.
  - ▶ Nếu bạn tích vào **Do not show this again** (Không hiển thị nữa), màn hình này sẽ không hiển thị.

## Vận Hành Cơ Bản

### ■ Chức Năng Hệ Thống Âm Thanh

Để sử dụng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



- |                                             |                                                          |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1 <b>Tất Cả Các Ứng Dụng</b>                | 6 <b>Biểu Tượng Công Tắc Chuyển Chế Độ</b>               |
| 2 <b>Biểu Tượng Trạng Thái</b>              | 7 <b>Nút  /  (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)</b>                       |
| 3 <b>Biểu Tượng Ứng Dụng Truy Cập Nhanh</b> | 8 <b>Núm <b>VOL</b> /  <b>AUDIO</b> (Âm Lượng/Nguồn)</b> |
| 4 <b>Mũi Tên</b>                            | 9 <b>Nút  (Trở Lại)</b>                                  |
| 5 <b>Biểu Tượng  <b>Chế Độ Hiển Thị</b></b> | 10 <b>Nút  (Màn Hình Chính)</b>                          |

 **All Apps:** Hiển thị tất cả các ứng dụng.

**Biểu Tượng Trạng Thái:** Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề.

**Biểu Tượng Ứng Dụng Truy Cập Nhanh:** Hiển thị các biểu tượng ứng dụng truy cập nhanh.

**Mũi Tên:** Hiển thị các trang tiếp theo trên màn hình âm thanh/thông tin.

**Biểu Tượng   Display Mode:** Thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin. Chọn   một lần và chọn  hoặc  để điều chỉnh.

**Biểu Tượng Công Tắc Chuyển Chế Độ:** Hiển thị các biểu tượng để thay đổi chế độ.

**Nút  / ** (Tìm Kiếm/Bỏ Qua): Ấn để chuyển kênh, bài hát hoặc file.

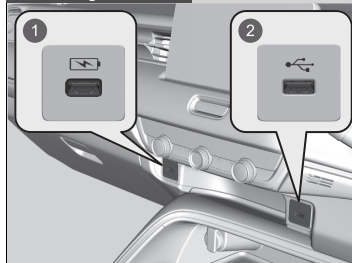
**Núm VOL /  AUDIO (Âm Lượng/Nguồn):** Bật và tắt hệ thống âm thanh và điều chỉnh âm lượng.

**Nút  (Trở Lại):** Ấn để quay lại màn hình trước đó.

**Nút  (Màn Hình Chính):** Ấn để chuyển sang màn hình chính.

## ■ Cổng USB

Trên bảng điều khiển



- ❶ Chỉ dùng để nạp điện cho các thiết bị
- ❷ Phát các file âm thanh và kết nối điện thoại tương thích

### ■ Trên bảng điều khiển trước ( )

Sử dụng cổng USB (2,5A) để nạp điện cho các thiết bị, phát các file âm thanh và kết nối thiết bị tương thích với Apple CarPlay hoặc Android Auto.

- Để tránh xảy ra các sự cố, hãy sử dụng Đầu Nối Lightning được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay và cho Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB-IF để tương thích với USB 2,0.

### ■ Trên bảng điều khiển trước ( )

Chỉ sử dụng cổng USB (2,5A) trên bảng điều khiển trước để nạp điện cho các thiết bị.

- Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi bạn đã cắm máy phát nhạc vào cổng USB.

## ► Cổng USB

- Không để iPod hoặc USB trong xe để tránh bị hỏng do ánh nắng mặt trời chiếu vào và do nhiệt độ cao.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm USB vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc USB bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như: đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các file.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

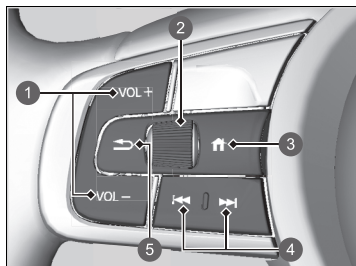
### Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 2,5A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 2,5A nếu thiết bị không yêu cầu.

Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần nạp.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

## ■ Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa



- ❶ Nút **VOL +**/**VOL -** (Âm Lượng)
- ❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❸ Nút **🏠** (Màn Hình Chính)
- ❹ Nút **⏮** / **⏭** (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)
- ❺ Nút **↶** (Trở Lại)

### Nút **VOL +**/**VOL -** (Âm Lượng)

Ấn **VOL +**: Để tăng âm lượng.

Ấn **VOL -**: Để giảm âm lượng.

### Vòng Lựa Chọn Bên Trái

- Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút **🏠** (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn (âm thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

## ►► Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.

Ấn nút **↶** (trở lại) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái để trở lại màn hình trước đó hoặc hủy một lệnh.

Ấn nút **🏠** (màn hình chính) để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

### Cuộn lên hoặc xuống:

Để chọn các chế độ âm thanh, cuộn lên hoặc xuống rồi ấn vòng lựa chọn bên trái:

FM/AM/DAB/iPod/USB/Apple CarPlay/Android Auto/*Bluetooth*® Audio

► Tùy vào thiết bị được kết nối, các chế độ hiển thị có thể thay đổi.

### Nút (Tìm Kiếm/Bò Qua)

- Khi nghe radio
  - Ấn **: Để chọn kênh radio cài đặt sẵn tiếp theo.
  - Ấn **: Để chọn kênh radio cài đặt sẵn trước đó.
  - Ấn và giữ **: Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
  - Ấn và giữ **: Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
- Khi nghe nhạc trên iPod, USB, âm thanh *Bluetooth*® hoặc Kết Nối Điện Thoại Thông Minh
  - Tùy vào thiết bị được kết nối, thao tác có thể thay đổi.
  - Ấn **: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  - Ấn **: Để trở lại bài hát trước đó.
- Khi nghe nhạc trên USB
  - Ấn và giữ **: Để bỏ qua sang thư mục tiếp theo.
  - Ấn và giữ **: Để trở lại thư mục trước đó.
- Khi nghe nhạc trên iPod:
  - Ấn và giữ **: Để bỏ qua sang bài tiếp theo.
  - Ấn và giữ **: Để trở lại bài hát trước đó.

## Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.



Tính Năng

### ►► Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

#### Thao Tác Trên Màn Hình Cảm Ứng

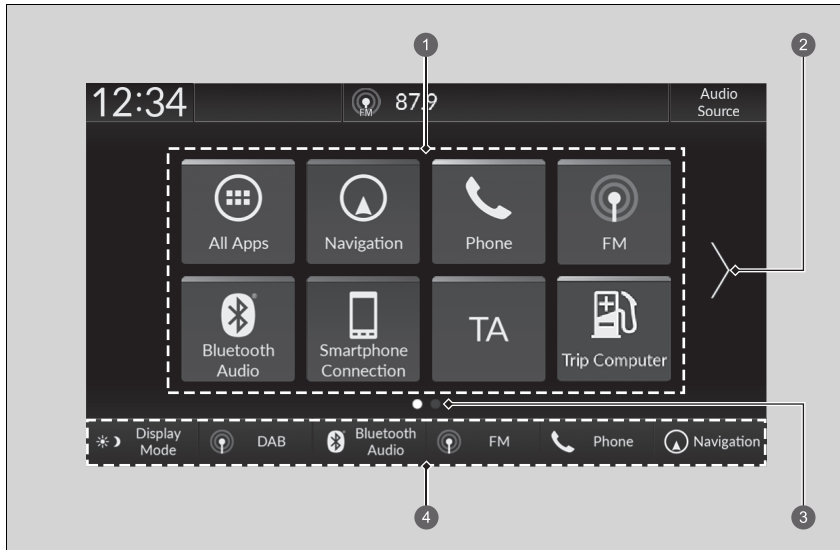
- Thực hiện các thao tác đơn giản như chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục có thể chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe.
- Đeo găng tay có thể làm giảm độ nhạy hoặc làm màn hình cảm ứng phản hồi chậm.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341**



## ■ Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh



- ① Biểu Tượng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh
- ② Mũi Tên
- ③ Chỉ Báo Trang
- ④ Công Tắc Thay Đổi Chế Độ

### ■ Chuyển sang màn hình kế tiếp

Chọn hoặc , hoặc vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

## ►► Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh

Có thể thêm 6 trang vào màn hình chính.

Ấn nút để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.

### ■ Thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính.



1. Ấn nút .
2. Chọn  **All Apps**.
3. Tích vào các ứng dụng muốn thêm.

### »» Thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể không khởi động được các ứng dụng có sẵn. Nếu điều này xảy ra, bạn cần khởi động lại hệ thống. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, rồi chuyển sang BẬT. Sau đó, khởi động lại ứng dụng. Nếu vẫn không thể khởi động các ứng dụng, bạn cần cài đặt lại hệ thống.

 **Mặc Định Tắt Cả Các Cài Đặt Tr. 353**

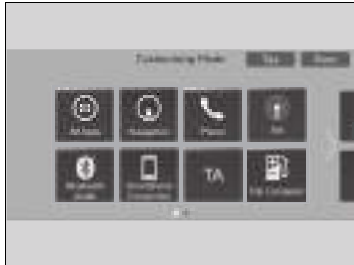
Thực hiện **Khôi Phục Dữ Liệu Gốc** có thể khiến tất cả các cài đặt trở về dạng mặc định.

 **Mặc Định Tắt Cả Các Cài Đặt Tr. 353**

Trong trường hợp các ứng dụng đó vẫn không khởi động được bình thường ngay cả sau khi **Khôi Phục Dữ Liệu Gốc**, hãy liên hệ với đại lý của bạn.

### ■ Di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí các biểu tượng trên màn hình chính.



1. Ấn nút **HOME**.
2. Chọn và giữ biểu tượng.
  - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí bạn muốn.
4. Chọn **Done**.
  - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

### » Di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Để ẩn chúng, chọn thêm một lần nữa.

### ■ Xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể xóa các biểu tượng trên màn hình chính



1. Ấn nút **HOME**.
2. Chọn và giữ biểu tượng.
  - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng muốn xóa vào vùng tiêu đề.
  - Biểu tượng sẽ bị xóa khỏi màn hình chính.
4. Chọn **Done**.
  - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

### »Xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Các ứng dụng sẽ không bị xóa nếu chỉ xóa các biểu tượng trên màn hình chính.

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Để ẩn chúng, chọn thêm lần nữa.

## ■ Tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Bạn có thể lưu sáu biểu tượng ở phía dưới cùng màn hình chính.



❶ Công Tắc Thay Đổi Chế Độ

1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ biểu tượng.
  - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng bạn muốn lưu xuống phía dưới màn hình chính.
  - Biểu tượng được lưu ở khu vực cổng tắc chuyển chế độ.
4. Chọn **Done**.
  - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

## ►► Tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Để ẩn chúng, chọn thêm một lần nữa.

## Vùng Trạng Thái

Hiển thị các mục thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề. Bạn có thể xem thông tin chi tiết bằng cách chọn các biểu tượng này.



1. Chọn biểu tượng trạng thái hệ thống.  
► Vùng trạng thái xuất hiện.
2. Chọn một mục để xem chi tiết.
3. Ấn nút **BACK** hoặc chọn biểu tượng trạng thái hệ thống để đóng vùng trạng thái.

### 1 Biểu Tượng Trạng Thái Hệ Thống

## Chọn Nguồn Âm Thanh



Chọn **Audio Source** trên vùng tiêu đề, sau đó chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn âm thanh để chuyển nguồn âm thanh.

### ■ Hạn Chế khi Kích Hoạt Bằng Tay

Một số chức năng kích hoạt bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục bị vô hiệu hoá cho đến khi xe dừng lại.

## Cài Đặt Đồng Hồ

### ■ Điều Chỉnh Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và đặt hình nền của đồng hồ ở màn hình âm thanh/thông tin.



1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Date & Time**.
5. Chọn **Set Date & Time**.
6. Chọn **Automatic Date & Time**, sau đó chọn **OFF**.

Điều chỉnh ngày:

7. Chọn **Set Date**.
8. Chọn /.
9. Chọn **Save** để cài đặt ngày.

Điều chỉnh thời gian:

7. Chọn **Set Time**.
8. Chọn /.
9. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

### ►► Điều Chỉnh Đồng Hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chạm vào biểu tượng đồng hồ hiển thị trên vùng tiêu đề của màn hình âm thanh/thông tin, **Clock** sẽ hiển thị trên màn hình chính, hoặc  **All Apps**.

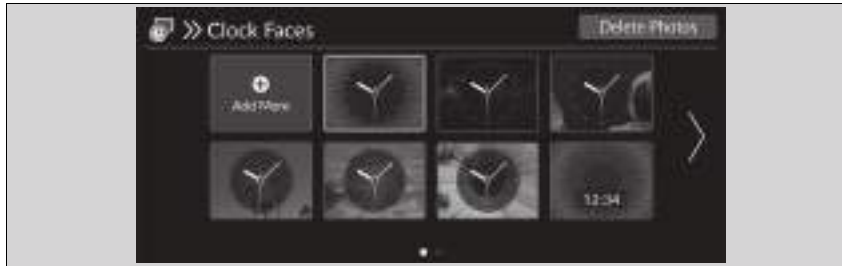
1. Chạm vào biểu tượng đồng hồ trên màn hình. Màn hình đồng hồ loại mặt tròn xuất hiện.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Date & Time**.
4. Chọn **Set Date & Time**.
5. Chọn **Automatic Date & Time**, sau đó chọn **OFF**.
6. Chọn **Set Date** hoặc **Set Time**.
7. Điều chỉnh ngày, giờ và phút bằng cách chọn /.
8. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

Bạn có thể tùy chọn màn hình hiển thị đồng hồ.

 **Hệ Thống** Tr. 342



## ■ Cài Đặt Hình Nền Đồng Hồ



### ■ Lưu hình nền đồng hồ

1. Cắm USB vào cổng USB.

► Cổng USB Tr. 293

2. Ấn nút .

3. Chọn **Clock**.

► Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.

4. Chọn **Settings**.

5. Chọn **Clock Faces**.

6. Chọn **Add More**.

► Hình ảnh được lưu trong USB sẽ hiển thị trong danh sách.

7. Chọn hình ảnh muốn lưu.

► Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.

8. Chọn **OK**.

► Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.

9. Chọn **Transfer**.

► Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

## ► Cài Đặt Hình Nền Đồng Hồ

- Khi lưu file hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của USB.  
Không thể lưu ảnh nằm trong một thư mục.
- Tên file phải nhỏ hơn 64 byte.
- Có thể lưu file hình ảnh có định dạng là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Dung lượng mỗi file phải dưới 10 MB.
- Nếu trong USB không có hình ảnh nào, thông báo sẽ xuất hiện.
- Có thể lưu được 11 hình ảnh.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 x 2.304 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 1.280 x 720 pixels, hình ảnh sẽ được hiển thị ở giữa màn hình xung quanh là màu đen.

### ■ Chọn hình nền đồng hồ

1. Ấn nút .
2. Chọn **Clock**.
  - Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Clock Faces**.
5. Chọn hình ảnh muốn cài đặt.
  - Bản xem trước được hiển thị trên màn hình.
6. Chọn **Save**.
  - Màn hình đồng hồ hiển thị hình nền đã lưu.

### ■ Xóa hình nền đồng hồ

1. Ấn nút .
2. Chọn **Clock**.
  - Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Clock Faces**.
5. Chọn **Delete Photos**.
6. Chọn hình nền muốn xóa.
  - Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.
7. Chọn **OK**.
  - Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.
8. Chọn **Delete**.
  - Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

## Điều Chỉnh Âm Thanh



1. Chọn nguồn âm thanh.
2. Chọn **Sound**.
3. Chọn cài đặt bạn muốn.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:

- **Bass/Treble:** Bổng, Trung, Trầm
- **Balance/Fader:** Cân Bằng, Chỉnh Âm
- **Speed Volume Compensation:** Tự Động Điều Chỉnh Âm Lượng Theo Tốc Độ Xe (SVC)

### ► Điều Chỉnh Âm Thanh

SVC điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Bạn có thể điều chỉnh âm thanh theo các bước sau.

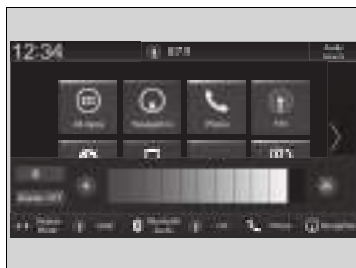
1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Sound**.

Để thiết lập lại từng cài đặt cho **Bass/Treble**, **Balance/Fader**, và **Speed Volume Compensation**, chọn **Default** trên mỗi màn hình cài đặt.

## Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể cài đặt độ sáng của màn hình riêng cho các chế độ Ban Ngày và Ban Đêm.

### ■ Chuyển Chế Độ Hiển Thị Bằng Tay



- Chọn  (Chế Độ Hiển Thị).
- Thanh chia độ sáng hiển thị trong vài giây.
  - Chọn  hoặc  để điều chỉnh độ sáng.

### » Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình bằng cách vuốt hoặc chạm vào thanh chia độ sáng.

Bạn cũng có thể thay đổi độ sáng màn hình theo các bước sau.

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Display**.
4. Chọn cài đặt mà bạn muốn.

Để thiết lập lại cài đặt, hãy chọn **Default**.



## Cập Nhật Hệ Thống

Có thể cập nhật chương trình của hệ thống âm thanh bằng kết nối Wi-Fi hoặc dùng USB.

### ■ Cách Cập Nhật

Khi có bản cập nhật hệ thống âm thanh, thông báo sẽ hiển thị trên vùng trạng thái. Thực hiện các bước sau để cập nhật hệ thống.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
  - Hệ thống sẽ kiểm tra các bản cập nhật.
  - Nếu biểu tượng cập nhật xuất hiện trên màn hình chính, hãy chọn biểu tượng trạng thái.
-  **Vùng Trạng Thái** Tr. 302
3. Chọn **Download**.
  - Thông báo xuất hiện trên màn hình để yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.
4. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.
  - Thông báo xuất hiện trên màn hình để bắt đầu cập nhật.

### ⌘ Cách Cập Nhật

Bạn có thể cập nhật hệ thống qua Wi-Fi, nhưng không thể sử dụng công cụ định có yêu cầu đăng nhập hoặc yêu cầu đồng ý các điều khoản sử dụng trên trình duyệt.

Quá trình tải xuống sẽ bị dừng nếu:

- Kết nối Wi-Fi bị ngắt.
- Hệ thống nguồn bị tắt do ắc quy 12 vôn yếu điện.

Quá trình tải xuống sẽ tiếp tục chạy sau khi kết nối Wi-Fi.

Để bảo vệ ắc quy 12 vôn, không chọn **Install While Vehicle Off** (Cài Đặt Trong Khi Tắt Máy) khi ắc quy yếu. Nếu bạn muốn cài đặt dữ liệu cập nhật, hãy sạc lại ắc quy hoặc chọn **Install Now** (Cài Đặt Ngay).

## ■ Cài Đặt Cập Nhật Hệ Thống



Có thể thiết lập các cài đặt sau.

- **Auto Download** (Tải Xuống Tự Động)
- **Version Status** (Trạng Thái Phiên Bản)
- **Connection Setup** (Cài Đặt Kết Nối)
- **Update History** (Lịch Sử Cập Nhật)

### ■ Cài đặt tải xuống tự động

Thực hiện các bước sau để chuyển sang cài đặt tải xuống tự động.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Auto Download**.
5. Chọn điểm truy cập, sau đó chọn **Allow**.
  - Nếu bạn không muốn cập nhật hệ thống tự động, chọn **Block**.

### ■ Xem phiên bản và trạng thái cập nhật

Thực hiện các bước sau để xác nhận phiên bản và trạng thái cập nhật.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Version Status**.

### ■ Cài đặt kết nối

Thực hiện các bước sau để kết nối Internet qua mạng Wi-Fi.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Connection Setup**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn **Change Mode**.
7. Chọn **Network**.
  - Nếu tắt Wi-Fi của xe, chọn **OFF**.

### ■ Xem lịch sử cập nhật

Thực hiện các bước sau để xác nhận lịch sử cập nhật.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Update History**.

## ■ Cập Nhật bằng Mạng Không Dây

### ■ Thiết lập chế độ kết nối không dây

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Connection Setup**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn **Change Mode**.
7. Chọn **Network**.
  - Màn hình sẽ trở lại danh sách mạng.
8. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
  - Nếu hệ thống âm thanh yêu cầu mật khẩu, hãy nhập mật khẩu.
9. Chọn **Connect**.

### ■ Cách cập nhật

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **via Wireless**.
4. Chọn **Download**.
  - Thông báo xuất hiện trên màn hình để yêu cầu người dùng xác nhận tải xuống.
5. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.
  - Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình để bắt đầu cập nhật.



## ■ Cập Nhật bằng USB

### ■ Tải xuống các file cập nhật từ máy chủ

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
  - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
  - Thông báo xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm USB vào cổng USB.
  - Dữ liệu được sao chép vào USB.
  - **Cổng USB** Tr. 293
6. Rút USB ra khỏi cổng USB.
7. Kết nối USB với máy tính, sau đó tải xuống các file cập nhật.
  - Nhấp vào liên kết để tải xuống các file cập nhật phần mềm.
  - Tham khảo <https://usb.honda.com> để xem thêm về các hướng dẫn.

### ■ Cập nhật hệ thống âm thanh

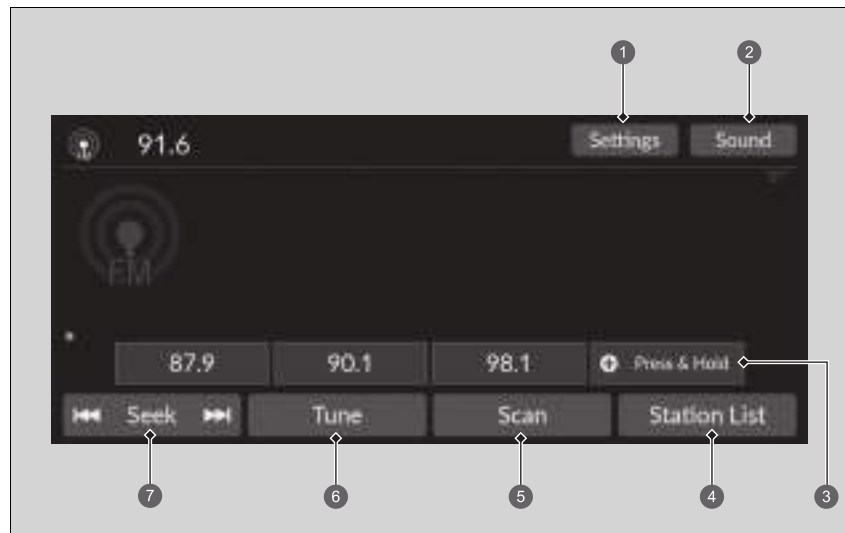
1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
  - Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm USB chứa các file cập nhật vào cổng USB.
  - Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình.
  - **Cổng USB** Tr. 293
6. Chọn **Install Now**.
  - Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

## ► Cập Nhật bằng USB

Hãy sử dụng USB có dung lượng trống từ 8 GB trở lên.

Đảm bảo xóa tất cả các thư mục hoặc các file cập nhật trước đó ra khỏi USB trước khi bắt đầu quá trình cập nhật bằng USB.

## Bật Đài FM/AM



Tính Năng

- ① Biểu Tượng Cài Đặt
- ② Biểu Tượng Âm Thanh
- ③ Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn
- ④ Biểu Tượng Danh Sách Kênh
- ⑤ Biểu Tượng Quét
- ⑥ Biểu Tượng Dò Kênh
- ⑦ Biểu Tượng Tìm Kiếm

## ■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Dò tần số radio cho bộ nhớ cài đặt sẵn.

Để lưu kênh:

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
  - Việc chọn **Press & Hold** có thể thiết lập một kênh cài đặt sẵn mới.

## ■ Danh Sách Kênh

Liệt kê các kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn kênh.

## ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

## ■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn trong khoảng 10 giây. Để bắt đầu quét, chọn **Scan**, và để tắt, chọn **Stop** hoặc ấn nút .

## ■ Tìm Kiếm

Chọn  hoặc  để dò lên hoặc dò xuống các dải tần đã chọn cho kênh có tần số mạnh.

## ►► Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Đèn báo **ST** sáng trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi.

Chuyển Đổi Chế Độ Âm Thanh  
Cuộn lên hoặc xuống vòng lựa chọn bên trái để chọn  (âm thanh) trên màn hình.

► **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** Tr. 294

Bạn có thể lưu 12 kênh AM/FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

## ■ Âm Thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

📖 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 307

## ■ Màn Hình Dò Tần Số Radio Bằng Tay

Chọn để sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập trực tiếp tần số radio.



1. Chọn **Tune**.
2. Nhập tần số radio bạn muốn bằng bàn phím trên màn hình.
3. Chọn **Enter** để dò đến tần số đó.

① Bàn Phím Trên Màn Hình

## ►► Màn Hình Dò Tần Số Radio Bằng Tay

Bạn có thể dò dải tần số FM từ 87,5 đến 108,0 MHz.

**Biểu Tượng** ◀▶ :

Chọn ◀ hoặc ▶ để dò tần số radio.

## ■ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

### ■ Tìm kênh RDS từ Danh Sách Kênh

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
2. Chọn kênh.

### ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ khi nào.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
2. Chọn **Refresh**.

### ■ Bản tin giao thông (TA)

Chức năng chờ TA cho phép hệ thống chờ các bản tin giao thông ở bất kỳ chế độ nào khi chức năng đang được bật. Kênh được chỉnh ở lần gần đây nhất phải là kênh chương trình giao thông có RDS.

**Bật chức năng:** Chọn **TA**. Khi bản tin giao thông bắt đầu phát, màn hình thông tin sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin. Hệ thống sẽ trở lại chế độ được chọn ở lần gần đây nhất sau khi kết thúc bản tin giao thông.

► Nếu bạn muốn trở lại chế độ đã chọn ở lần gần đây nhất trong khi đang có bản tin giao thông, chọn **Stop**.

**Tắt chức năng:** Chọn **TA** thêm một lần nữa.

## » Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)

Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS sẽ tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi các tín hiệu của kênh yếu, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

## » Bản tin giao thông (TA)

Đèn báo **TA** sáng trên vùng tiêu đề trong khi chức năng chờ TA đang bật.

Nếu bạn chọn **Scan** trong khi chức năng chờ TA đang bật, hệ thống sẽ chỉ tìm kiếm kênh TP.

Chọn **TA** trong khi bản tin giao thông đang phát sẽ không làm tắt chức năng chờ TA.

## ■ Cài Đặt

Thay đổi các cài đặt RDS.

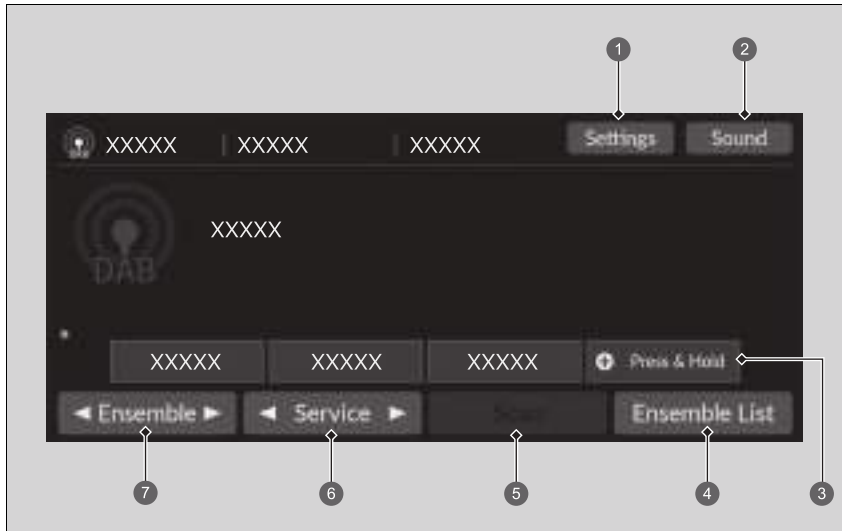
### 1. Settings.

### 2. Chọn một tùy chọn.

- **TA-Information:** Bật và tắt thông tin giao thông. (ON/OFF<sup>\*1</sup>)
- **AF:** Bật và tắt để thay đổi tự động tần số của chương trình tương tự khi bạn nhập vùng khác. (ON/OFF<sup>\*1</sup>)
- **REG:** Bật và tắt để giữ kênh tương tự trong vùng ngay cả khi tín hiệu yếu. (ON<sup>\*1</sup>/OFF)
- **NEWS:** Bật và tắt để dò tự động chương trình thời sự. (ON/OFF<sup>\*1</sup>)

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

## Bật DAB (Phát Thanh Kỹ Thuật Số)



- |                                                  |                                     |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------|
| ① Biểu Tượng Cài Đặt                             | ⑤ Biểu Tượng Quét                   |
| ② Biểu Tượng Âm Thanh                            | ⑥ Biểu Tượng Kênh                   |
| ③ Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn                         | ⑦ Biểu Tượng Chương Trình Phát Sóng |
| ④ Biểu Tượng Danh Sách<br>Chương Trình Phát Sóng |                                     |

Tính Năng

## ■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Dò tần số cài đặt sẵn.

Để lưu kênh:

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh.
  - Chọn **Press & Hold** để thiết lập kênh cài đặt sẵn mới.

## ■ Danh Sách Chương Trình Phát Sóng

Danh sách chương trình phát sóng trên kênh đã chọn.

1. Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn chương trình phát sóng.

## ■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách chương trình phát sóng có sẵn vào bất cứ lúc nào.

1. Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

## ■ Chương Trình Phát Sóng

Dò chương trình phát sóng.

1. Chọn ◀ hoặc ▶ để dò chương trình phát sóng.
2. Chọn và giữ ◀ hoặc ▶ để tìm kiếm kênh đã chọn cho đến khi tìm thấy chương trình phát sóng.

## ■ Kênh

Dò kênh.

Để dò, chọn ◀ hoặc ▶.

## » Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Chuyển Đổi Chế Độ Âm Thanh

Cuộn vòng lựa chọn bên trái lên hoặc xuống để chọn  (âm thanh).

► **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa Tr. 294**

Bạn có thể lưu 12 kênh DAB vào bộ nhớ cài đặt sẵn.



## ■ Quét

Nghe thử từng chương trình phát sóng hoặc kênh trong 10 giây.

Để bắt đầu quét, chọn **Scan**, và để tắt, chọn **Cancel** hoặc ấn nút  .

## ■ Âm Thanh

Điều chỉnh cài đặt âm thanh.

 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 307

## ■ Cài Đặt

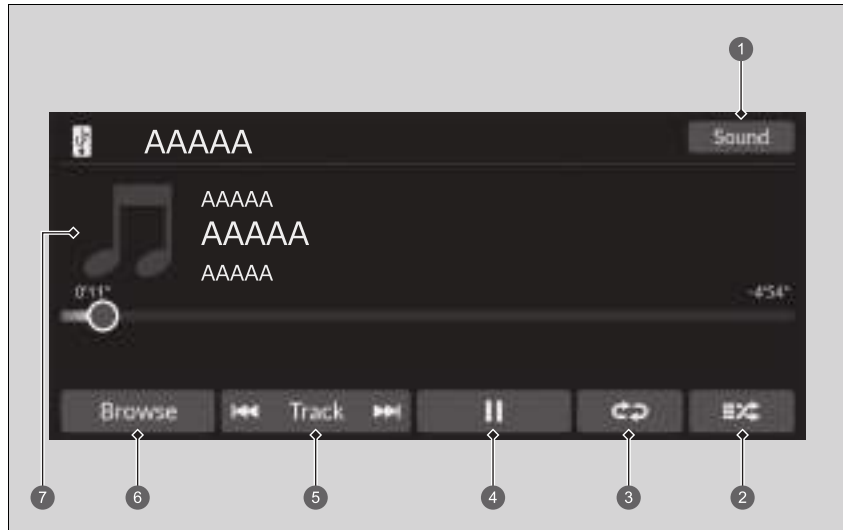
Thay đổi cài đặt DAB.

1. **Cài đặt.**
2. Chọn mục bạn muốn.

## Phát Trên iPod

Kết nối iPod với cổng USB qua đầu nối USB, sau đó chọn chế độ USB.

► **Cổng USB** Tr. 293



① Biểu Tượng Âm Thanh

② Biểu Tượng Trộn Bài

③ Biểu Tượng Lặp Lại

④ Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng

⑤ Biểu Tượng Bài Hát

⑥ Biểu Tượng Tìm Kiếm

⑦ Bìa Album

### ►►Phát Trên iPod

Với mỗi đời xe hay phiên bản sẽ có các chức năng vận hành khác nhau. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

► **iPod/USB** Tr. 373

Nếu bạn chạy ứng dụng nhạc bất kỳ trên iPhone/iPod khi điện thoại đã được kết nối với hệ thống âm thanh, bạn không thể chạy được ứng dụng đó trên màn hình âm thanh/thông tin. Hãy kết nối lại thiết bị nếu cần thiết.

Nếu điện thoại thông minh được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, nguồn iPod/USB không có sẵn và các file âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto.

## ■ Cách Chọn Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

Thực hiện các bước sau để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.
2. Chọn danh mục tìm kiếm.
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát một bài hát.

### ■ Trộn Bài/Lặp Lại

Ấn đi ấn lại biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại đến khi hiển thị chế độ bạn muốn.

#### Trộn Bài

 (tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

 (trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài hát có sẵn trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

#### Lặp Lại

 (tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

 (lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

 (lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài.

### ■ Tạm dừng hoặc tiếp tục phát bài hát

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

## ■ Cách Chuyển Bài

Bạn có thể chọn  hoặc  để chuyển bài. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

## ■ Âm Thanh

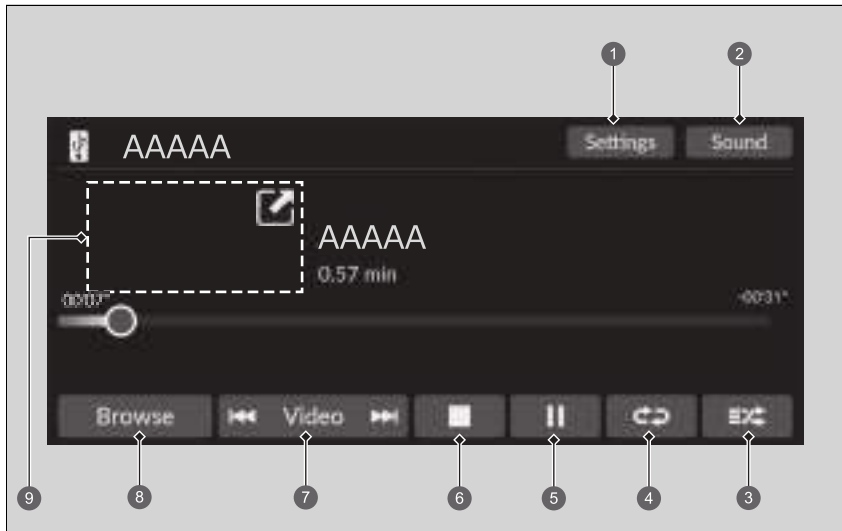
Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

🔊 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 307

## Phát Trên USB

Hệ thống âm thanh của xe đọc và phát các file âm thanh và video lưu trong USB. Cắm USB vào cổng USB, sau đó chọn chế độ USB.

► Cổng USB Tr. 293



- |                            |                                  |
|----------------------------|----------------------------------|
| ① Biểu Tượng Cài Đặt*      | ⑥ Biểu Tượng Dừng*               |
| ② Biểu Tượng Âm Thanh      | ⑦ Biểu Tượng Bài Hát/Video*      |
| ③ Biểu Tượng Ngẫu Nhiên    | ⑧ Biểu Tượng Tìm Kiếm            |
| ④ Biểu Tượng Lặp Lại       | ⑨ Bìa Album* (Phát nhạc)/        |
| ⑤ Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng | Máy Phát Nhạc Mini* (Phát video) |

### ►► Phát Trên USB

Chỉ có thể phát các file âm thanh và video lưu trong USB ở các định dạng sau:  
File nhạc: MP3, WMA, AAC\*<sup>1</sup>, FLAC, PCM/WAVE  
File video: MP4, AVI, MKV, ASF/WMV

\* 1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Tính Năng

### ■ Cách Chọn File trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

Thực hiện các bước sau để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.
2. Chọn **Current Playlist, Music**, hoặc **Video**.
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy file hoặc video bạn muốn chọn.

Tính Năng

### ►► Phát Trên USB

Sử dụng loại USB khuyên dùng.

#### ► Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh\* Tr. 374

Không thể phát các file định dạng WMA và ACC được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM).

Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File** (File Không Phát Được), sau đó chuyển sang bài hát tiếp theo.

Nếu xảy ra sự cố, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

#### ► iPod/USB Tr. 373

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ phát lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một file.

### ■ Phát Ngẫu Nhiên/Lặp Lại

Ấn đi ấn lại biểu tượng phát ngẫu nhiên hoặc lặp lại đến khi chọn được chế độ bạn muốn.

#### Ngẫu Nhiên

 (tắt ngẫu nhiên): Tắt chế độ phát ngẫu nhiên.

 (ngẫu nhiên tất cả các file): Phát tất cả các file theo thứ tự ngẫu nhiên.

 (ngẫu nhiên trong thư mục): Phát tất cả các file trong thư mục đang phát theo thứ tự ngẫu nhiên.

#### Lặp Lại

 (tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

 (lặp lại file): Lặp lại file đang phát.

 (lặp lại thư mục): Lặp lại tất cả các file trong thư mục đang phát.

### ■ Khi phát video\*

 (dừng): Chọn để dừng phát một file.

 / : Chọn  để thu nhỏ màn hình video. Chọn  để phóng to màn hình video.

### ■ Tạm dừng hoặc tiếp tục phát một file

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

## ■ Cách Chuyển File

Biểu tượng **Nhạc**/**Video**\*

Bạn có thể chọn  hoặc  để chuyển các file. Chọn và giữ để tua nhanh một file.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

## ■ Âm Thanh

Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

🔧 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 307

## ■ Cài Đặt

Thay đổi các cài đặt USB khi đang phát video.

**1. Settings.**

**2.** Chọn một tùy chọn.

- **Image Settings:** Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. Để đặt lại, chọn **Default**. (**Brightness** (Độ Sáng)/**Contrast** (Độ Tương Phản)/**Black Level** (Độ Tối)/**Colour** (Màu Sắc)/**Tint** (Tông Màu)).
- **Aspect Ratio:** Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ khung hình khác nhau. (**Original** (Nguyên Bản)/**Normal**<sup>\*1</sup> (Bình Thường)/**Full** (Toàn Màn Hình)/**Zoom** (Phóng To, Thu Nhỏ))
- **Overlay Clock Location:** Thay đổi bố cục hiển thị đồng hồ. ((**Upper right**)<sup>\*1</sup> (Phía trên bên phải)/**Upper left** (Phía trên bên trái)/**Lower right** (Phía dưới bên phải)/**Lower left** (Phía dưới bên trái)/**OFF** (TẮT))

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

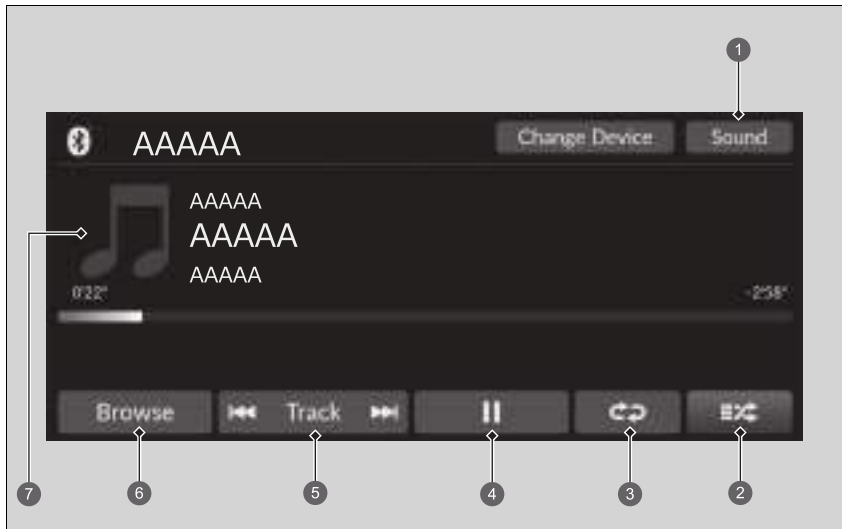


## Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) của xe.

📖 Cài Đặt Điện Thoại Tr. 361



- ❶ Biểu Tượng Âm Thanh
- ❷ Biểu Tượng Chuyển Bài
- ❸ Biểu Tượng Trộn Bài
- ❹ Biểu Tượng Tìm Kiếm
- ❺ Biểu Tượng Lặp Lại
- ❻ Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng
- ❼ Biểu Tượng Chuyển Bài
- ❽ Biểu Tượng Tìm Kiếm
- ❻ Biểu Tượng Lặp Lại
- ❼ Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng
- ❽ Biểu Tượng Chuyển Bài
- ❹ Biểu Tượng Tìm Kiếm
- ❺ Biểu Tượng Lặp Lại
- ❼ Biểu Tượng Phát/Tạm Dừng

### ►► Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh *Bluetooth* đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Vệc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Mỗi lần chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT. Khi có từ hai chiếc điện thoại trở lên trong xe được kết nối, thì chiếc điện thoại được ghép đôi với hệ thống ở lần gần đây nhất sẽ tự động kết nối.

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát có thể không hiển thị đúng.

Một số chức năng có thể không có trên một số thiết bị.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì không phát được Âm Thanh *Bluetooth*® từ điện thoại đó. Tuy nhiên, nếu điện thoại khác được kết nối với hệ thống, có thể chọn chế độ âm thanh để phát Nhạc Trên *Bluetooth*®.

📖 Cài Đặt Điện Thoại Tr. 361

## ■ Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 361

2. Chọn chế độ Âm Thanh *Bluetooth*®.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*®.

## ■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát bài hát.

### Trộn Bài

►► (tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

►► (trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài hát trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

### Lặp Lại

►► (tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp lại.

►► (lặp lại bài hát): Lặp lại bài hát đang phát.

►► (lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài hát.

## ■ Phát hoặc tạm dừng bài hát

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

## ■ Tìm Kiếm Nhạc

1. Chọn **Browse**.

2. Chọn một thư mục tìm kiếm.

3. Chọn một mục.

► Bắt đầu phát mục đã lựa chọn.

## ►► Phát Nhạc Trên *Bluetooth*®

Để phát nhạc, bạn cần mở điện thoại. Khi đó, hãy làm theo các hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Chuyển sang chế độ khác sẽ làm dừng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối bằng cách chọn **Change Device**.

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 361

## ►► Tìm Kiếm Nhạc

Tùy vào thiết bị *Bluetooth*® bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách có thể không hiển thị.

## ■ Âm Thanh

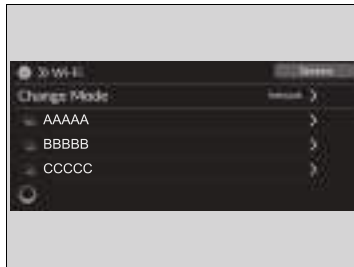
Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

🔧 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 307

## Kết Nối Wi-Fi

Xe của bạn có kết nối Wi-Fi. Bạn có thể kết nối với điểm phát sóng Wi-Fi hoặc thiết bị liên lạc bên ngoài.

### Kết Nối Xe với Điểm Phát Sóng Wi-Fi



1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Wi-Fi**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn **Change Mode**.
7. Chọn **Network**.
  - Nếu bạn muốn tắt chế độ Wi-Fi, chọn **OFF**.
8. Chọn điểm truy cập mà bạn muốn kết nối với hệ thống.
  - Để thêm một mạng mới hoặc chọn mạng đã lưu, chọn **Options**.
  - Nếu chọn **Options**, **Add Network** và **Saved Networks** có thể được đăng ký.

### ►►Kết Nối Wi-Fi

Wi-Fi và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.



### ►►Kết Nối Xe với Điểm Phát Sóng Wi-Fi

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt trong khi xe chạy. Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh ở chế độ Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí đối với việc chia sẻ và sử dụng mạng dữ liệu di động. Hãy kiểm tra gói cước đăng ký mạng dữ liệu của điện thoại của bạn.

Kiểm tra hướng dẫn sử dụng điện thoại của bạn để xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Nhìn vào biểu tượng  trên vùng trạng thái hệ thống để biết wifi đang bật hay tắt. Tốc độ truyền tín hiệu và các thông tin khác sẽ không hiển thị trên màn hình này.

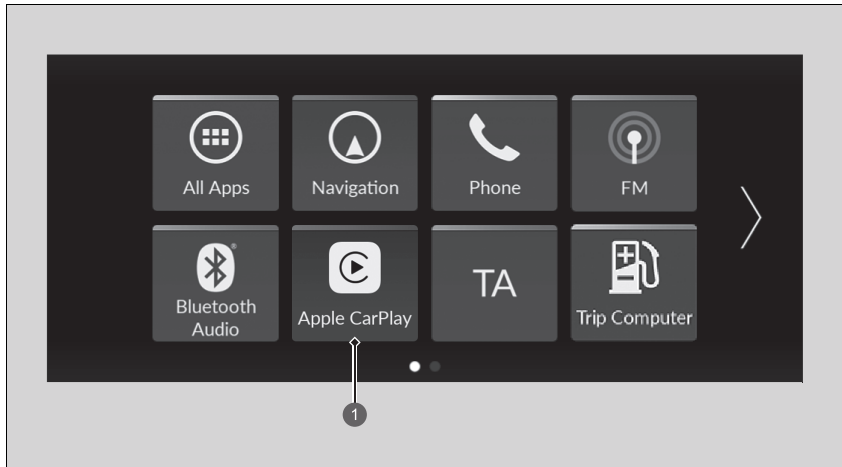
#### ► Vùng Trạng Thái Tr. 302

Khi kết nối điện thoại với Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm truy cập (chia sẻ kết nối).

## Ứng Dụng Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối hệ thống với điện thoại iPhone có ứng dụng Apple CarPlay tương thích qua cổng USB hoặc mạng không dây, bạn có thể sử dụng màn hình âm thanh/thông tin thay cho màn hình điện thoại iPhone để gọi điện, nghe nhạc, xem bản đồ (hệ thống định vị) và xem tin nhắn.

► **Cổng USB** Tr. 293



① Ứng Dụng Apple CarPlay

### ►► Ứng Dụng Apple CarPlay

Khi sử dụng ứng dụng Apple CarPlay, bạn nên sử dụng hệ điều hành iOS mới nhất.

Đỗ xe nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với ứng dụng Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với Apple CarPlay, các cuộc gọi chỉ được thực hiện qua Apple CarPlay. Nếu bạn muốn gọi điện bằng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT), hãy tắt ứng dụng Apple CarPlay.

► **Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay** Tr. 335

Khi iPhone được kết nối với Apple CarPlay, không thể phát nhạc trên *Bluetooth*® hoặc sử dụng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT). Tuy nhiên, các điện thoại khác được ghép đôi trước đó có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay.

► **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 361

Để biết thêm chi tiết về các quốc gia và khu vực cho phép sử dụng ứng dụng Apple CarPlay cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang chủ của Apple.

## Danh Mục Ứng Dụng Apple CarPlay



- **Điện Thoại**  
Truy cập danh bạ, gọi điện, hoặc nghe thư thoại.
- **Âm Nhạc**  
Phát nhạc được lưu trên điện thoại iPhone của bạn.
- **Bản Đồ**  
Hiển thị bản đồ trên Apple CarPlay và sử dụng chức năng định vị trên điện thoại iPhone.
- **Tin Nhắn**  
Kiểm tra, đọc và trả lời tin nhắn.
- **Honda**  
Chọn biểu tượng Honda để quay lại màn hình chính.
-   
Quay lại màn hình Bảng Điều Khiển Ứng Dụng Apple CarPlay.
-   
Quay lại màn hình danh mục ứng dụng Apple CarPlay.

## Ứng Dụng Apple CarPlay

### Các Điều Kiện & Giới Hạn Vận Hành Ứng Dụng Apple CarPlay

Ứng dụng Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do ứng dụng Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của ứng dụng Apple CarPlay. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của ứng dụng Apple CarPlay.

Có thể phải sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu hệ thống không tương thích với ứng dụng Apple CarPlay. Tham khảo trên trang chủ của Apple để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

## ■ Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay

Sau khi kết nối điện thoại iPhone với hệ thống qua cổng USB hoặc mạng không dây, hãy thực hiện quy trình sau để cài đặt ứng dụng Apple CarPlay. Sau khi cài đặt ứng dụng Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí của xe, tốc độ và trạng thái) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng ứng dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.

## ■ Kích Hoạt Ứng Dụng Apple CarPlay

### ■ Kết Nối Ứng Dụng Apple CarPlay với Cổng USB sử dụng Cáp USB

1. Kết nối iPhone với cổng USB qua cáp USB.  
 ► **Cổng USB** Tr. 293  
 ► Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.
2. Chọn **Yes**.  
 ► Nếu bạn không muốn kết nối ứng dụng Apple CarPlay, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection**.

### ■ Kết Nối Ứng Dụng Apple CarPlay bằng mạng không dây

1. Ghép đôi và kết nối iPhone với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) của xe.  
 ► **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 361
2. Tích chọn **Apple CarPlay**.  
 ► Nếu bạn chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.
3. Chọn **Connect**.  
 ► Nếu iPhone của bạn yêu cầu chấp nhận kết nối ứng dụng Apple CarPlay, hãy đồng ý kết nối.

## ► Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay

Bạn cũng có thể cài đặt ứng dụng Apple CarPlay như sau:

Chọn General Settings → Smartphone Connection → Apple CarPlay → Chọn thiết bị

### Sử dụng thông tin người dùng và xe

Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua ứng dụng Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính Sách Bảo Mật Riêng của Apple.

## ► Kết Nối Ứng Dụng Apple CarPlay bằng mạng không dây

Không thể sử dụng ứng dụng Apple CarPlay và Hotspot bằng mạng không dây cùng lúc. Khi sử dụng Apple CarPlay và Hotspot cùng lúc, hãy kết nối với Apple CarPlay bằng cáp USB.

## ■ Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Ấn và giữ nút  (Nói) để kích hoạt ứng dụng Siri.



### ① Nút (Nói):

Ấn và giữ để kích hoạt ứng dụng Siri.

Ấn lại lần nữa để tắt ứng dụng Siri.

Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận dạng bằng giọng nói chuẩn.

## ▣ Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Dưới đây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho ứng dụng Siri.

- Hôm nay có những bộ phim nào đang được phát?
- Gọi bố ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc Email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web [www.apple.com/ios/siri](http://www.apple.com/ios/siri).



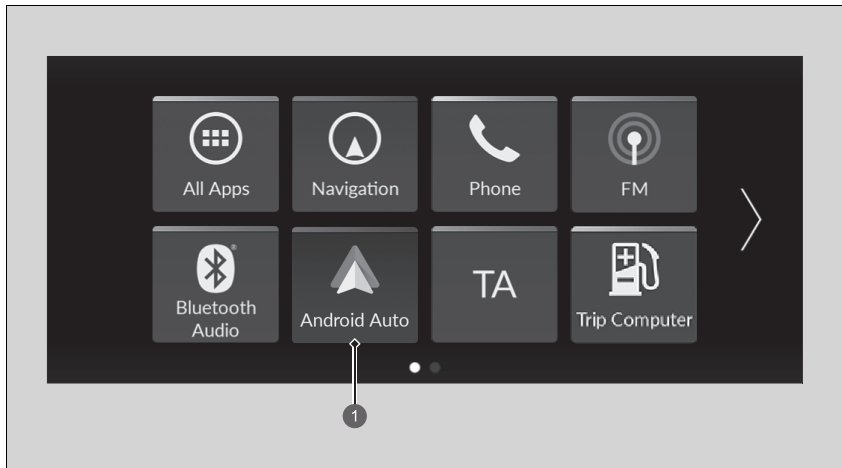
## Ứng Dụng Android Auto

Khi bạn kết nối điện thoại chạy hệ điều hành Android với hệ thống màn hình âm thanh qua cổng USB, ứng dụng Android Auto sẽ tự động khởi tạo. Khi kết nối điện thoại thông qua ứng dụng Android Auto, bạn có thể sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để truy cập các chức năng Điện Thoại, Google Maps (Hệ Thống Định Vị), Google Play Music và Google Now. Khi bạn sử dụng ứng dụng Android Auto lần đầu tiên, các hướng dẫn sẽ xuất hiện trên màn hình.

Bạn hãy đỗ xe ở nơi an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng ứng dụng Android Auto.

► **Cổng USB** Tr. 293

► **Kết Nối Ghép Đôi Tự Động** Tr. 339



### 1 Ứng Dụng Android Auto

#### ►► Ứng Dụng Android Auto

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất. Không thể sử dụng *Bluetooth* A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Để sử dụng Android Auto cho điện thoại thông minh Android 9.0 (Pie) hoặc đời thấp hơn, bạn cần phải tải ứng dụng Android Auto từ Google Play về điện thoại của bạn.

Hãy đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Để sử dụng Android Auto, hãy cắm USB vào cổng USB.

► **Cổng USB** Tr. 293

Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm Thanh *Bluetooth*®. Tuy nhiên, các điện thoại khác đã được ghép đôi trước đó có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® khi kết nối với ứng dụng Android Auto.

► **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 361

## Danh Mục Ứng Dụng Android Auto



- **Maps**  
Hiện thị Google Maps và sử dụng chức năng định vị nếu bạn sử dụng điện thoại chạy hệ điều hành Android. Khi xe đang chạy, bạn không thể truy cập vào ứng dụng bằng bàn phím. Đỗ xe ở nơi an toàn để thực hiện tìm kiếm hoặc nhập dữ liệu.
- **Play Music**  
Phát nhạc trên Google Play và các ứng dụng âm nhạc tương thích với Android Auto. Để chuyển đổi giữa các ứng dụng âm nhạc, hãy ấn vào biểu tượng này.
- **Phone**  
Gọi điện, nhận cuộc gọi và nghe thư thoại.
- **Exit (Thoát)**
-   
Vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.
-   
Bạn có thể kiểm tra thông báo Android.
-  (Màn Hình Chính Của Android Auto)  
Hiện thị thông tin hữu ích do Android Auto sắp xếp thành các thẻ đơn giản xuất hiện ngay khi cần.

## ►►Ứng Dụng Android Auto

Để biết thêm thông tin chi tiết về các quốc gia và các vùng miền có ứng dụng Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang chủ của ứng dụng Android Auto.

Màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào phiên bản ứng dụng Android Auto bạn đang sử dụng.

### Điều Kiện Vận Hành & Hạn Chế Của Ứng Dụng Android Auto

Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do ứng dụng Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của ứng dụng Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của ứng dụng Android Auto.

Bạn có thể sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu các ứng dụng của Android tương thích với Android Auto. Tham khảo trên trang chủ của Android Auto để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

## ■ Kết Nối Ghép Đôi Tự Động

Khi bạn kết nối điện thoại chạy hệ điều hành Android với thiết bị qua cổng USB, ứng dụng Android Auto sẽ tự động khởi tạo.

## ■ Kích Hoạt Ứng Dụng Android Auto

Để bật ứng dụng Android Auto sau khi kết nối điện thoại Android với hệ thống, hãy chọn **Yes** trên màn hình.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục **Smartphone Settings**.

## ►► Kích Hoạt Ứng Dụng Android Auto

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi xe đã được đỗ ở nơi an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại ở lần đầu kết nối điện thoại với ứng dụng Android Auto để tự động ghép đôi. Tham khảo tài liệu hướng dẫn đi kèm với điện thoại.

Bạn cũng có thể thay đổi các cài đặt của ứng dụng Android Auto sau khi bạn đã hoàn thành cài đặt ban đầu như sau:

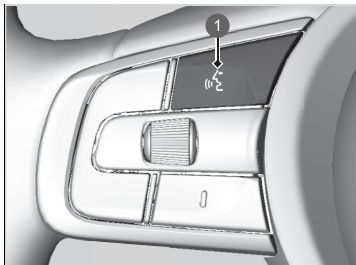
Chọn General Settings → Smartphone Connection  
→ Android Auto → Chọn thiết bị

## Việc sử dụng thông tin của người dùng và thông tin của xe

Việc sử dụng và xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại qua ứng dụng Android Auto là Chính Sách Bảo Mật Riêng của Google.

## ■ Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Ấn và giữ nút  (Nói) để vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.



### ① Nút (Nói):

Ấn và giữ để vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.

Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận dạng giọng nói chuẩn.

## ▣ Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Dưới đây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời văn bản.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng bán hoa.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo trang chủ Android Auto.

Bạn có thể kích hoạt chức năng nhận dạng bằng giọng nói bằng cách chọn biểu tượng  nằm ở góc phía dưới bên trái của màn hình.

## Tính Năng Tùy Chọn

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

### ■ Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Chung

Khi chế độ nguồn ở BẬT, chọn **General Settings**, sau đó chọn mục cài đặt.



- **Hệ Thống** ➤ Tr. 342
- **Kết Nối Điện Thoại Thông Minh** ➤ Tr. 344
- **Kết Nối** ➤ Tr. 345
- **Màn Hình Hiển Thị** ➤ Tr. 346
- **Âm Thanh** ➤ Tr. 346
- **Camera** ➤ Tr.347

### ►► Tính Năng Tùy Chọn

Khi bạn tùy chọn các cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số **P**.

## ■ Hệ Thống

| Tính Năng Tùy Chọn |                                  | Mô Tả                            | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                              |
|--------------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Date & Time        | Set Date & Time                  | <b>Automatic Date &amp; Time</b> | Chọn <b>ON</b> để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ.<br>Chọn <b>OFF</b> để hủy chức năng này. <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b>  |
|                    |                                  | <b>Set Date</b>                  | Điều chỉnh ngày.<br>➡ <b>Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 304</b> <b>Day/Month/Year (Ngày/Tháng/Năm)</b>                                                |
|                    |                                  | <b>Set Time</b>                  | Điều chỉnh thời gian.<br>➡ <b>Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 304</b> <b>Hour/Minute (Giờ/Phút) AM/PM</b>                                              |
|                    | Time Zone                        | <b>Automatic Time Zone</b>       | Cài đặt hệ thống âm thanh để tự động điều chỉnh đồng hồ khi lái xe ở các múi giờ khác nhau. <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b> |
|                    |                                  | (Chọn múi giờ)                   | Thay đổi múi giờ bằng tay. —                                                                                                                  |
|                    | <b>Auto Daylight Saving Time</b> |                                  | Cài đặt để đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày. <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b>                           |
|                    | <b>Date Format</b>               |                                  | Chọn định dạng ngày. <b>MM/DD/YYYY/<br/>DD/MM/YYYY<sup>*1</sup>/<br/>YYYY/MM/DD</b>                                                           |
|                    | <b>Time Format</b>               |                                  | Chọn định dạng thời gian. <b>12-H<sup>*1</sup>/24-H (12 giờ<sup>*1</sup>/24 giờ)</b>                                                          |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

| Tính Năng Tùy Chọn             | Mô Tả                                                                                        | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                |
|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Language</b>                | Thay đổi ngôn ngữ màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/thông tin. | <b>English</b> <sup>*1</sup> (Tiếng Anh <sup>*1</sup> )<br>Xem các ngôn ngữ khác trên màn hình. |
| <b>Touch Panel Sensitivity</b> | Cài đặt độ nhạy của màn hình cảm ứng.                                                        | <b>High/Normal</b> <sup>*1</sup><br>(Cao/Trung Bình <sup>*1</sup> )                             |
| <b>System Volumes</b>          | <b>System Sounds</b>                                                                         | Cài đặt âm lượng âm thanh của hệ thống. —                                                       |
|                                | <b>Text-to-Speech</b>                                                                        | Cài đặt âm lượng chuyển văn bản thành giọng nói. —                                              |
|                                | <b>Navigation Guidance</b>                                                                   | Cài đặt âm lượng dẫn đường của hệ thống định vị. —                                              |
|                                | <b>Phone Calls</b>                                                                           | Cài đặt âm lượng cuộc gọi. —                                                                    |
|                                | <b>Default</b>                                                                               | Đặt lại cài đặt <b>System Volumes</b> về giá trị mặc định.                                      |
| <b>Refuel Recommend</b>        | Bật và tắt chức năng nhắc nạp nhiên liệu.<br>📺 <b>Nhắc Nạp Nhiên Liệu</b> * Tr. 380          | <b>ON</b> <sup>*1</sup> / <b>OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                   |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

| Tính Năng Tùy Chọn |                   | Mô Tả                                                                                   | Lựa Chọn Cài Đặt                         |
|--------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| About              | Status            | Hiển thị các mục cài đặt Android.                                                       | —                                        |
|                    | Legal Information |                                                                                         |                                          |
|                    | Model Number      |                                                                                         |                                          |
|                    | Android Version   |                                                                                         |                                          |
|                    | Kernel Version    |                                                                                         |                                          |
|                    | Build Number      |                                                                                         |                                          |
| Factory Data Reset |                   | Cài đặt lại tất cả cài đặt về mặc định gốc.<br>🔍 <b>Mặc Định Tất Cả Cài Đặt</b> Tr. 353 | <b>Continue/Cancel</b><br>(Tiếp Tục/Hủy) |
| Detail Information | App Manager       | Hiển thị thông tin bộ nhớ hệ thống Android và các ứng dụng.                             | —                                        |

■ Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

| Tính Năng Tùy Chọn |                       | Mô Tả                                                                                         | Lựa Chọn Cài Đặt |
|--------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Apple CarPlay      | + Connect New Device  | Ghép đôi điện thoại mới với Apple CarPlay.<br>🔍 <b>Cài Đặt Điện Thoại</b> Tr. 361             | —                |
|                    | (Các Thiết Bị Đã Lưu) | Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.<br>🔍 <b>Cài Đặt Điện Thoại</b> Tr. 361 | —                |
| Android Auto       | (Các Thiết Bị Đã Lưu) | Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.<br>🔍 <b>Cài Đặt Điện Thoại</b> Tr. 361 | —                |



## ■ Kết Nối

| Tính Năng Tùy Chọn |                                           | Mô Tả                                                                                         | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                          |
|--------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Wi-Fi              | <b>Change Mode</b>                        | Thay đổi chế độ Wi-Fi.                                                                        | <b>Network<sup>*1</sup>/Smartphone<sup>*2</sup>/OFF</b><br>(Mạng <sup>*1</sup> /Điện Thoại Thông Minh <sup>*2</sup> /TẮT) |
|                    | (Mạng Khả Dụng/Các Thiết Bị Được Kết Nối) | Hiển thị (các) mạng khả dụng hoặc (các) thiết bị đang kết nối.                                | —                                                                                                                         |
|                    | <b>Options</b>                            |                                                                                               |                                                                                                                           |
|                    | <b>Add Network</b>                        | Thêm mạng mới để kết nối Wi-Fi.                                                               | —                                                                                                                         |
| Bluetooth          | <b>Saved Networks</b>                     | Lưu mạng được kết nối.                                                                        | —                                                                                                                         |
|                    | <b>Options</b>                            |                                                                                               |                                                                                                                           |
|                    | <b>Bluetooth</b>                          | Bật và tắt <i>Bluetooth</i> <sup>®</sup> .                                                    | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b>                                                                         |
|                    | <b>Priority Device</b>                    | Cài đặt làm thiết bị ưu tiên.                                                                 | —                                                                                                                         |
|                    | <b>+ Connect New Device</b>               | Ghép đôi điện thoại mới với HFT.<br>▶ <b>Cài Đặt Điện Thoại</b> Tr. 361                       | —                                                                                                                         |
|                    | (Các Thiết Bị Đã Lưu)                     | Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi.<br>▶ <b>Cài Đặt Điện Thoại</b> Tr. 361 | —                                                                                                                         |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* 2: Chỉ xuất hiện khi Apple CarPlay được kết nối.

## ■ Màn Hình Hiển Thị

| Tính Năng Tùy Chọn            | Mô Tả                                                                    | Lựa Chọn Cài Đặt |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>Day Mode</b> <sup>*1</sup> | Chuyển giữa chế độ ban ngày và ban đêm.                                  | —                |
| <b>Night Mode</b>             | ► Cài Đặt Màn Hình Tr. 308                                               | —                |
| <b>Brightness</b>             | Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.                        | —                |
| <b>Contrast</b>               | Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.                  | —                |
| <b>Black Level</b>            | Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.                         | —                |
| <b>Default</b>                | Cài đặt lại tất cả cài đặt tùy chọn về độ sáng, độ tương phản và độ tối. | —                |

\*1: Cài Đặt Mặc Định

## ■ Âm Thanh

| Tính Năng Tùy Chọn                                                          | Mô Tả                                                                           | Lựa Chọn Cài Đặt |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>Bass / Treble</b> <div> <b>Treble</b> <b>Midrange</b> <b>Bass</b> </div> | Điều chỉnh âm thanh của loa hệ thống âm thanh.<br>► Điều Chỉnh Âm Thanh Tr. 307 | —                |
| <b>Balance / Fader</b>                                                      |                                                                                 |                  |
| <b>Speed Volume Compensation</b>                                            |                                                                                 |                  |

## ■ Camera

| Tính Năng Tùy Chọn |                   | Description                                                                                                                                                        | Lựa Chọn Cài Đặt                               |
|--------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Rear Camera        | Fixed Guideline   | Hiển thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng.<br> Camera Lùi Đa Hướng* Tr. 519 | ON <sup>*1</sup> /OFF (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT) |
|                    | Dynamic Guideline | Hiển thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng.<br> Camera Lùi Đa Hướng* Tr. 519       | ON <sup>*1</sup> /OFF (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT) |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Xe

Với chế độ nguồn ở BẬT, chọn **Vehicle Settings**, sau đó chọn một mục cài đặt.



- **Deflation Warning System**  
(Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp) ➤ Tr. 349
- **Driver Assist System Setup**  
(Cài Đặt Hệ Thống Hỗ Trợ Người Lái) ➤ Tr. 349
- **Meter setup** (Cài đặt đồng hồ đo) ➤ Tr. 350
- **Keyless Access Setup** (Cài Đặt Truy Cập Từ Xa) ➤ Tr. 351
- **Lighting Setup** (Cài Đặt Chiếu Sáng) ➤ Tr. 351
- **Door/Window Setup** (Cài Đặt Cửa/Cửa Kính) ➤ Tr. 352

### ►► Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Xe

Nếu **Vehicle Settings** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**. Bạn có thể thay đổi các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.

➤ **Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh**  
Tr. 297

## ■ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

| Tính Năng Tùy Chọn              | Mô Tả                                                                                                                      | Lựa Chọn Cài Đặt                            |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>Deflation Warning System</b> | Hủy/Hiệu chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp.<br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*</b> Tr. 425 | <b>Calibrate/Cancel</b><br>(Hiệu chỉnh/Hủy) |

## ■ Cài Đặt Hệ Thống Hỗ Trợ Người Lái

| Tính Năng Tùy Chọn                                        | Mô Tả                                                                                                                                                                                                                                                | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                 |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Preceding vehicle proximity warning distance</b>       | Chọn khoảng cách phát Cảnh Báo Va Chạm Phía Trước bằng âm thanh và hình ảnh.<br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)</b> Tr. 433                                                                                | <b>Far/Normal<sup>*1</sup>/Near</b><br>(Xa/Trung Bình <sup>*1</sup> /Gần)        |
| <b>ACC vehicle ahead detected beep</b>                    | Bật/Tắt âm thanh thông báo khi xe di chuyển vào/ra khỏi phạm vi điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng.<br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)</b> Tr. 446 | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b> (BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                              |
| <b>Road departure mitigation setting</b>                  | Chọn chế độ hoạt động của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.<br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường</b> Tr. 480                                                                                                 | <b>Early/Normal/Delayed<sup>*1</sup></b><br>(Sớm/Trung Bình/Muộn <sup>*1</sup> ) |
| <b>Lane keep assist beep</b>                              | Chọn Bật/Tắt cảnh báo LKAS về việc không phát hiện ra vạch kẻ đường.<br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)</b> Tr. 467                                                                                      | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b> (BẬT/TẮT <sup>*1</sup> )                              |
| <b>Traffic sign recognition system display</b>            | Hiển thị hệ thống nhận dạng biển báo giao thông trên bảng điều khiển.<br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*</b> Tr. 494                                                                                  | <b>Display<sup>*1</sup>/None</b><br>(Hiển Thị <sup>*1</sup> /Không)              |
| <b>Traffic sign recognition system over speed warning</b> | Bật cảnh báo vượt quá giới hạn tốc độ khi xe vượt quá giới hạn tốc độ.<br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*</b> Tr. 494                                                                                 | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                              |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tính Năng

## ■ Cài đặt đồng hồ đo

| Tính Năng Tùy Chọn                  | Mô tả                                                                                                                                         | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                                                                                                         |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Adjust outside temp. display</b> | Chọn để điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời tăng giảm vài độ.<br>► <b>Nhiệt Độ Ngoài Trời</b> Tr. 127                                       | <b>-3°C ~ ±0°C<sup>*1</sup> ~ +3°C</b>                                                                                                                                   |
| <b>Trip A reset timing</b>          | Chọn thời điểm cài đặt lại Hành Trình A.<br>► <b>Phạm Vi/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình</b> Tr. 132<br>► <b>Tốc Độ và Thời Gian</b> Tr. 134 | <b>When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset<sup>*1</sup></b> (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay <sup>*1</sup> ) |
| <b>Trip B reset timing</b>          | Chọn thời điểm cài đặt lại Hành Trình B.<br>► <b>Phạm Vi/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình</b> Tr. 132<br>► <b>Tốc Độ và Thời Gian</b> Tr. 134 | <b>When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset<sup>*1</sup></b> (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay <sup>*1</sup> ) |
| <b>Alarm volume control</b>         | Thay đổi mức âm lượng của tất cả các cảnh báo hệ thống, cảnh báo và đèn báo cửa mở.                                                           | <b>Max/Mid<sup>*1</sup>/Min</b> (Cao/Trung Bình <sup>*1</sup> /Thấp)                                                                                                     |
| <b>Fuel efficiency backlight</b>    | Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.                                                                                                        | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                                                      |
| <b>Turn by turn display</b>         | Bật/tắt cảnh báo trong dẫn đường chi tiết trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.<br>► <b>Dẫn Đường Chi Tiết</b> Tr. 136             | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                                                      |
| <b>Tachometer</b>                   | Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.                                                  | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                                                      |
| <b>Rear seat reminder</b>           | Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây đai An Toàn Ghế Sau.                                                                                       | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT)                                                                                                                      |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

### ■ Cài Đặt Truy Cập Từ Xa

| Tính Năng Tùy Chọn             | Mô Tả                                            | Lựa Chọn Cài Đặt                                  |
|--------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>Smart Entry Beep Volume</b> | Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi mở/đóng các cửa. | <b>Max<sup>*1</sup>/Min (To<sup>*1</sup>/Nhỏ)</b> |
| <b>Smart Entry Light Flash</b> | Nhấp nháy đèn ngoài xe khi mở khóa/khóa các cửa. | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b> |
| <b>Smart Entry Beep</b>        | Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/khóa các cửa.      | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b> |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

### ■ Cài Đặt Chiếu Sáng

| Tính Năng Tùy Chọn                       | Mô Tả                                                                                                                                                                       | Lựa Chọn Cài Đặt                                                                              |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Auto High Beam</b>                    | Bật/tắt chức năng chiếu xa tự động.                                                                                                                                         | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b>                                             |
| <b>Interior light dimmer duration</b>    | Chọn khoảng thời gian đèn trong xe sáng sau khi bạn đóng các cửa.<br>☑ <b>Đèn Trong Xe</b> Tr. 261                                                                          | <b>60sec/30sec<sup>*1</sup>/15sec</b><br>(60 giây/30 giây <sup>*1</sup> /15 giây)             |
| <b>Headlight auto OFF timer</b>          | Chọn khoảng thời gian đèn ngoài xe sáng sau khi bạn đóng cửa người lái.<br>☑ <b>Tính Năng Tắt Đèn Tự Động</b> Tr. 230                                                       | <b>60sec/30sec/15sec<sup>*1</sup>/0sec</b><br>(60 giây/30 giây/15 giây <sup>*1</sup> /0 giây) |
| <b>Headlight integration with wipers</b> | Chọn Bật/Tắt chức năng đèn chiếu sáng và vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng được cài đặt ở <b>AUTO</b> .<br>☑ <b>Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước</b> Tr. 230 | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF (BẬT<sup>*1</sup>/TẮT)</b>                                             |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định

## ■ Cài Đặt Cửa/Cửa Kính

| Tính Năng Tùy Chọn               | Mô Tả                                                                                                                                             | Lựa Chọn Cài Đặt                                    |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <b>Walk away lock</b>            | Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe.                                                                                   | <b>ON/OFF<sup>*1</sup></b> (BẬT/TẮT <sup>*1</sup> ) |
| <b>Keyless lock notification</b> | Bật/tắt nhấp nháy các đèn ngoài xe khi khóa/mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.<br><b>☑ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa Tr. 196</b> | <b>ON<sup>*1</sup>/OFF</b> (BẬT <sup>*1</sup> /TẮT) |

\* 1: Cài Đặt Mặc Định



## Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Khôi phục tất cả danh mục và các cài đặt tùy chọn về mặc định gốc.

### ■ Mặc Định Các Cài Đặt Chung

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Factory Data Reset**.
  - Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Continue** để khôi phục các cài đặt.
6. Chọn **Continue** thêm một lần nữa để khôi phục các cài đặt.
  - Hệ thống sẽ khởi động lại.

### ■ Mặc Định Các Cài Đặt Xe

1. Ấn nút .
2. Chọn **Vehicle Settings**.
3. Chọn **Default**.
4. Chọn **Yes**.

### ►► Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

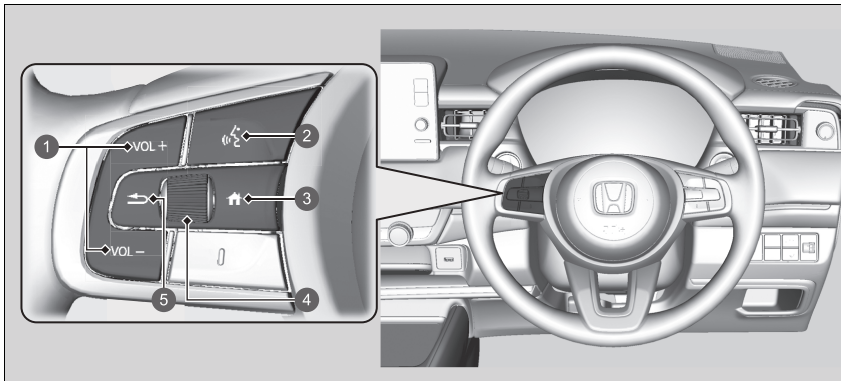
Khi bạn chuyển nhượng xe cho bên thứ ba, hãy khôi phục tất cả cài đặt về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset** (Khôi Phục Dữ Liệu Gốc), các ứng dụng cài đặt trước đó sẽ quay về mặc định gốc.

## Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn gọi và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

### Nút HFT



- ❶ Nút **VOL +**/**VOL -** (Âm Lượng)
- ❷ Nút (Nói)
- ❸ Nút (Màn Hình Chính)
- ❹ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❺ Nút (Trở Lại)

### ►► Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với một đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, phải cài đặt **Bluetooth** ở **ON** (BẬT).

#### ► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 361

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Ấn nút khi bạn muốn gọi điện thoại bằng khẩu lệnh đã lưu. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.
- Thay đổi âm lượng bằng cách thay đổi âm lượng của hệ thống âm thanh.

Nếu không có số Liên hệ yêu thích nào trong hệ thống, một thông báo pop up sẽ xuất hiện trên màn hình.

#### ► Liên Hệ Yêu Thích Tr. 366

**Nút**  **(Nói):** Ấn để gọi điện bằng khẩu lệnh đã lưu.

**Nút**  **(Màn Hình Chính):** Ấn để trở về màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

**Vòng Lựa Chọn Bên Trái:** Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc xuống để chọn  (điện thoại) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Khi có cuộc gọi đến, màn hình cuộc gọi đến hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để nhận cuộc gọi.

 **Nhận Cuộc Gọi** Tr. 371

**Nút**  **(Trở lại):** Ấn để trở lại màn hình trước đó hoặc hủy một lệnh.

## ►► Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Công Nghệ *Bluetooth®* Không Dây

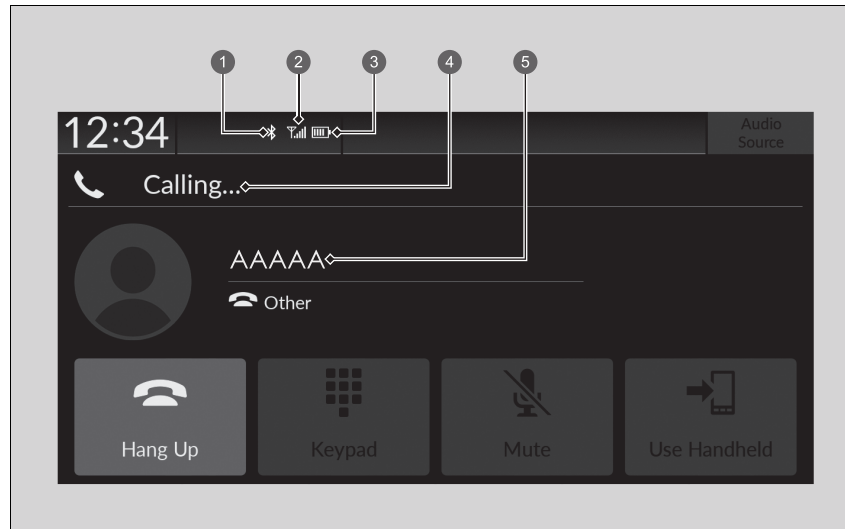
Nhãn *Bluetooth®* và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth SIG* sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn Chế của HFT

Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

### ■ Màn Hình Trạng Thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.



- 1 Đèn báo *Bluetooth®*  
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
- 2 Cường Độ Tín Hiệu
- 3 Mức Pin
- 4 Chế Độ HFT
- 5 Tên Người Gọi (Nếu được lưu)/Số Điện Thoại Của Người Gọi (Nếu không được lưu)

### ►► Màn Hình Trạng Thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

### ■ Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

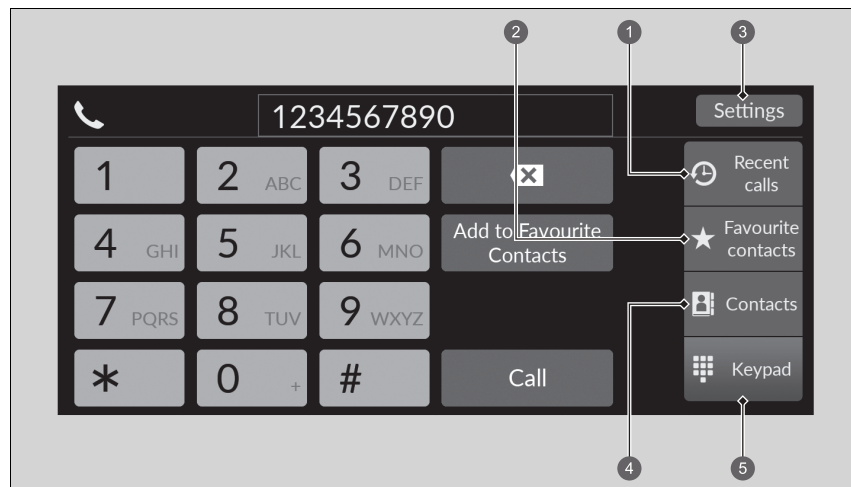
Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hiển thị được trong khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Chỉ có thể gọi các số liên hệ Yêu Thích đã lưu trước đó bằng khẩu lệnh khi xe đang chạy.

➤ Liên Hệ Yêu Thích Tr. 366

## ■ Danh Mục HFT

Để sử dụng hệ thống, phải đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Chọn **Phone** để hiển thị màn hình điện thoại.



- ❶ Cuộc gọi gần đây
- ❷ Liên hệ yêu thích
- ❸ Cài đặt
- ❹ Danh bạ
- ❺ Bàn phím

## ►► Danh Mục HFT

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

**Recent calls:** Hiển thị các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, cuộc gọi nhớ.

▣ Tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây Tr. 369

**Favourite contacts:** Quay số đã chọn trong mục Liên hệ yêu thích.

▣ Tạo cuộc gọi bằng Liên hệ yêu thích Tr. 369

**Settings:** Thay đổi cài đặt điện thoại.

▣ Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại Tr. 360

**Contacts:** Hiển thị danh bạ của điện thoại đã ghép đôi.

▣ Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu Tr. 370

**Keypad:** Nhập số điện thoại để gọi.

▣ Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại Tr. 370

## ■ Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại

Để hiển thị màn hình cài đặt điện thoại, chọn **Settings** trên màn hình điện thoại.



**Change Devices:** Ghép đôi điện thoại mới với hệ thống và kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa thiết bị đã được ghép đôi.

📖 **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 361

**Auto Sync Phone:** Cài đặt tự động lưu danh bạ và các cuộc gọi gần đây sau khi ghép đôi điện thoại với HFT.

📖 **Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây** Tr. 364

**Auto Phone Call Transfer:** Cài đặt cuộc gọi tự động chuyển từ điện thoại của bạn sang HFT khi bạn vào xe.

📖 **Chuyển Tự Động** Tr. 384

**Ringtone:** Chọn nhạc chuông.

📖 **Nhạc Chuông** Tr. 365



## ■ Cài Đặt Điện Thoại

### ■ Cài đặt *Bluetooth*®

Bạn có thể bật và tắt chức năng *Bluetooth*®.

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Bluetooth**.
5. Chọn **Options**.
6. Chọn **Bluetooth**, sau đó chọn **ON**.



### ■ Ghép đôi điện thoại di động (khi chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Connect New Device**.
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
4. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại của bạn.
  - Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh này, chọn **Search for Devices**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi nó xuất hiện trên danh sách.
5. Hệ thống gửi cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
  - Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại khớp nhau.  
Điều này có thể thay đổi đối với từng loại điện thoại.
6. Chọn các chức năng bạn muốn sau đó chọn **Connect**.
7. Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.
8. Chọn **OK**.

### » Cài Đặt Điện Thoại

Ghép đôi điện thoại tương thích *Bluetooth* với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi sáu điện thoại.
- Pin điện thoại sẽ hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

Sau khi ghép đôi điện thoại, các biểu tượng sau sẽ xuất hiện trên màn hình.

 : Điện thoại tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*®.

 : Có thể sử dụng điện thoại ở chế độ HFT.

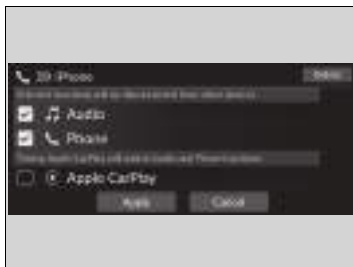
 : Điện thoại tương thích với Apple CarPlay.

Nếu hệ thống kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, thì không thể ghép đôi với các thiết bị tương thích *Bluetooth*®.



### ■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại để kết nối.
  - HFT ngắt điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm một điện thoại đã được ghép đôi khác.
  - Bạn có thể cài đặt ưu tiên cho điện thoại được kết nối. Tích vào điện thoại bạn muốn ưu tiên.
5. Chọn  (âm thanh),  (điện thoại), hoặc  (Ứng Dụng Apple CarPlay).
  - Có thể chọn đồng thời  và , tuy nhiên, khi đã chọn  thì không thể chọn  và .
6. Chọn **Apply**.



### ■ Xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.
5. Chọn **Delete**.
6. Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình. Chọn **Delete**.

### ►► Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không tìm thấy hoặc không ghép đôi được với điện thoại nào khi tìm kiếm điện thoại khác, HFT sẽ thông báo cho bạn rằng điện thoại ban đầu đã được kết nối trở lại.

Để ghép đôi các điện thoại khác, chọn + **Connect New Device** từ màn hình **Bluetooth**.

### ■ Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc và các cuộc gọi gần đây sẽ tự động lưu vào hệ thống.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Sync Phone**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.
  - Cài đặt mặc định ở **ON**.

Tính Năng

### ►► Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây

Trên một số điện thoại, cần cài đặt tính năng này để lưu danh bạ điện thoại.

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, các biểu tượng sẽ xuất hiện. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

|                                                                                     |              |                                                                                     |                |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|  | Yêu Thích    |  | Fax            |
|  | Nhà Riêng    |  | Xe Hơi         |
|  | Di Động      |  | Tin Nhắn Thoại |
|  | Công Việc    |  | Khác           |
|  | Máy Nhắn Tin |                                                                                     |                |

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối.  
Các cuộc gọi gần đây sẽ được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.

### ■ Tự Động Chuyển Cuộc Gọi

Nếu bạn vào xe khi đang nghe điện thoại, cuộc gọi đó sẽ tự động chuyển sang HFT.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Phone Call Transfer**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.
  - Cài đặt mặc định ở **ON**.

### ■ Nhạc Chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

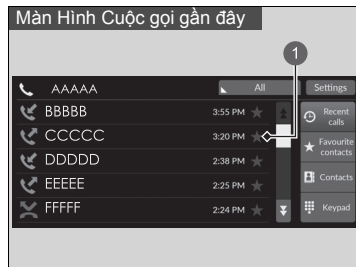
1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Ringtone**.
4. Chọn **Vehicle** hoặc **Phone**.
  - Cài đặt mặc định ở **Phone**.

#### ☒ Nhạc Chuông

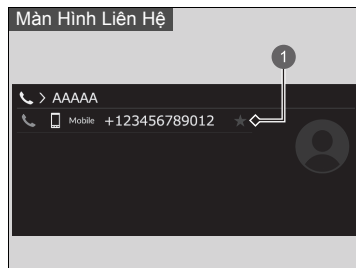
**Vehicle:** Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.

**Phone:** Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.

## Liên Hệ Yêu Thích



1 Biểu Tượng Ngôi Sao



1 Biểu Tượng Ngôi Sao

### ■ Thêm Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls**, **Contacts**, hoặc **Keypad**.

Từ màn hình **Cuộc gọi gần đây** hoặc **Liên Hệ**

3. Chọn biểu tượng ngôi sao.

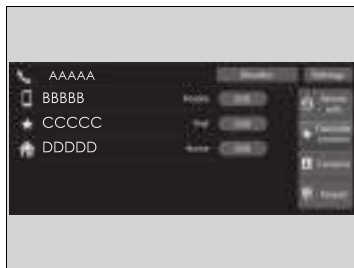
Từ màn hình **Bàn Phím**

3. Chọn **Add to Favourite Contacts**.

- Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu Liên hệ yêu thích được lưu thành công.
- Để xóa Liên hệ yêu thích, chọn biểu tượng ngôi sao một lần nữa.



### 1 Thêm vào Liên Hệ Yêu Thích



#### ■ Chỉnh sửa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn cài đặt bạn muốn.
5. Chọn **Done**.

#### ■ Xóa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn xóa.
4. Chọn **Remove**.
5. Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.



### ■ Thêm khẩu lệnh vào mục Liên hệ yêu thích đã lưu

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Record**.
6. Chọn **Record**, hoặc sử dụng nút  và làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

### ■ Xóa khẩu lệnh

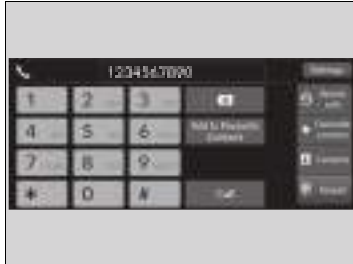
1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Clear**.
6. Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

### »Liên Hệ Yêu Thích

Tránh lặp lại khẩu lệnh.  
Tránh dùng "home" làm khẩu lệnh.  
Hệ thống sẽ dễ dàng nhận ra tên đầy đủ hơn. Ví dụ, dùng "*John Smith*" thay vì dùng "*John*."



## ■ Tạo Cuộc Gọi



Tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ hoặc chọn số điện thoại từ **Recent calls** (Cuộc gọi gần đây), **Favourite contacts** (Liên hệ yêu thích), và **Contacts** (Danh bạ) đã lưu.

### ■ Tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây được lưu thành **All** (Tất Cả), **Dialled** (Cuộc Gọi Đi), **Missed** (Cuộc Gọi Nhỡ), và **Received** (Cuộc Gọi Đến).

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls**.
  - Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled**, **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
3. Chọn một số liên hệ.
  - Quay số tự động bắt đầu.

### ■ Tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
  - Bạn có thể thay đổi thứ tự các số Liên hệ yêu thích bằng cách chọn **Reorder**.
3. Chọn một số liên hệ.
  - Quay số tự động bắt đầu.

## ► Tạo Cuộc Gọi

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ hầu hết các màn hình. Ấn nút và nói khẩu lệnh.

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người mà bạn đang gọi qua loa âm thanh.

Khi đang kết nối với Apple CarPlay, không thể gọi điện bằng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) và chỉ được gọi từ Apple CarPlay.

## ► Tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

**All:** Hiển thị các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến và cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.

**Dialled:** Hiển thị các cuộc gọi đi gần đây nhất.

**Missed:** Hiển thị các cuộc gọi nhỡ gần đây nhất.

**Received:** Hiển thị các cuộc gọi đến gần đây nhất.

## ► Tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

Khi đã lưu một khẩu lệnh, ấn nút để gọi điện bằng khẩu lệnh.

### ■ Liên Hệ Yêu Thích Tr. 366

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ hầu hết các màn hình.

Ấn nút và thực hiện theo hướng dẫn.

### ■ Tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Contacts**.
3. Chọn tên liên hệ.
  - Bạn có thể sắp xếp theo **First Name** (Tên Gọi) hoặc **Surname** (**Last Name**) (Họ). Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
4. Chọn số liên hệ.
  - Quay số tự động bắt đầu.

### ■ Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Keypad**.
3. Nhập số điện thoại.
  - Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
4. Chọn **Call**.
  - Quay số tự động bắt đầu.

### » Tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu

Bạn có thể gọi cho số điện thoại trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh.

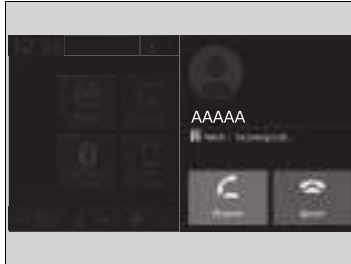
► **Liên Hệ Yêu Thích** Tr. 366

### » Tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

Bạn có thể gọi cho số điện thoại trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh.

► **Liên Hệ Yêu Thích** Tr. 366

## ■ Nhận Cuộc Gọi



Khi có cuộc gọi đến, nhạc chuông vang lên (nếu cài đặt) và màn hình cuộc gọi đến **Incoming Call...** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.

Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn  (trả lời), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

- Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn  (từ chối) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

## » Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ

Chọn  (trả lời) để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.

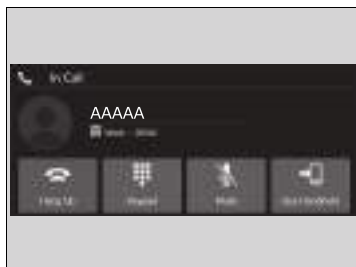
Chọn  bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.

Chọn  (từ chối) để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.

Chọn  nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì  và  trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

## ■ Tùy Chọn Khi Đang Gọi



Có các tùy chọn sau khi đang gọi.

**Keypad:** Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.

**Mute:** Tắt tiếng.

**Use Handheld:** Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Các tùy chọn nằm ở nửa dưới của màn hình.

Chọn tùy chọn.

- Khi chọn **Mute**, biểu tượng tắt tiếng sẽ xuất hiện đồng thời màn hình nguồn khác không phải màn hình điện thoại cũng sẽ xuất hiện. Chọn **Mute** thêm 1 lần nữa để bật tiếng.

## ►►Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

## Thông Báo Lỗi Âm Thanh\*

### iPod/USB

Nếu xảy ra lỗi khi đang bật iPod hoặc USB, một số thông báo lỗi sau sẽ xuất hiện trên màn hình. Nếu bạn không xóa được các thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

| Thông Báo Lỗi                                                                                                                                    | Giải Pháp                                                                                                                                                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| No response from device                                                                                                                          | Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Hãy kết nối lại iPod.                                                                                                             |
| Connect Retry                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                           |
| Unplayable File                                                                                                                                  | Xuất hiện khi các file trong USB được bảo vệ bản quyền hoặc định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này xuất hiện trong khoảng năm giây, sau đó sẽ phát bài tiếp theo. |
| Unsupported Device                                                                                                                               | Xuất hiện khi hệ thống và thiết bị không liên lạc được với nhau. Nếu thông báo này xuất hiện sau khi thiết bị được kết nối, hãy liên hệ với nơi bạn mua thiết bị.         |
| A charging error has occurred with the connected USB device. When safe please check the compatibility of the device and USB cable and try again. | Xuất hiện khi kết nối với thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối thiết bị. Sau đó tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại với thiết bị đã gây ra lỗi.       |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh\*

### iPod, iPhone và USB Tương Thích

#### Loại iPod và iPhone Tương Thích

| Loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Sản xuất cho iPod (thế hệ thứ 5 và thế hệ thứ 6) phát hành từ năm 2012 đến năm 2015                                                                                                                                                                                                                                      |
| Sản xuất cho iPhone 5/iPhone 5s/iPhone 5c/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6S/iPhone 6S Plus/iPhone SE/iPhone SE (thế hệ thứ 2)/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/iPhone XS/iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max/iPhone 12/iPhone 12 mini/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max |

#### USB

- Nên sử dụng USB có dung lượng từ 256 MB trở lên.
- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số USB (ví dụ: thiết bị có khóa bảo vệ) có thể không hoạt động.
- Một số file phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Mỗi hệ thống âm thanh tương thích với các phiên bản định dạng như MP3, WMA, AAC, FLAC, PCM/WAVE, MP4, AVI, MKV, ASF/WMV. Một số phiên bản định dạng có thể không được hỗ trợ.

#### Loại iPod và iPhone Tương Thích

Hệ thống này có thể không hoạt động được với tất cả các phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

#### USB

Các file trong USB được phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị khác.

## ■ Các Thiết Bị Khuyến Dùng

### ■ File MP4

| Thiết Bị                   | USB                                                           |                              |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Profile (phiên bản MP4)    | Profile Cơ Sở /Mức 3,<br>Profile Chính/Mức 3.1<br>(MPEG4-AVC) | Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)    |
| Đuôi file (phiên bản MP4)  | .mp4/.m4v                                                     |                              |
| Codec âm thanh tương thích | AAC, MP3                                                      |                              |
| Codec video tương thích    | MPEG4-AVC (H.264)                                             | MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2) |
| Tốc độ truyền dữ liệu bit  | 10 Mbps, 14 Mbps<br>(MPEG4-AVC)                               | 8 Mbps (MPEG4)               |
| Dung lượng ảnh tối đa      | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)                                | 720 × 576 pixels (MPEG4)     |

### ■ File AVI

| Thiết Bị                   | USB                                                          |                              |                                                                                              |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Profile (phiên bản AVI)    | Profile Cơ Sở/Mức 3,<br>Profile Chính/Mức 3.1<br>(MPEG4-AVC) | Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)    | Profile Cao Cấp/Mức 2,<br>Profile Chính/Mức Trung Bình,<br>Profile Đơn/Mức Trung Bình (VC-1) |
| Đuôi file (phiên bản AVI)  | .avi                                                         |                              |                                                                                              |
| Codec âm thanh tương thích | AAC, MP3, WMA                                                |                              |                                                                                              |
| Codec video tương thích    | MPEG4-AVC (H.264)                                            | MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2) | VC-1                                                                                         |
| Tốc độ truyền dữ liệu bit  | 10 Mbps, 14 Mbps<br>(MPEG4-AVC)                              | 8 Mbps (MPEG4)               | 20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps<br>(VC-1)                                                         |
| Dung lượng ảnh tối đa      | 1.280 × 720 pixels<br>(MPEG4-AVC)                            | 720 × 576 pixels (MPEG4)     | 1.280 × 720 pixels,<br>720 x 480 pixels,<br>352 x 288 pixels (VC-1)                          |

## ■ File MKV

| Thiết Bị                          |                                                              | USB                          |                                                                                              |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Profile (phiên bản MKV)</b>    | Profile Cơ Sở/Mức 3,<br>Profile Chính/Mức 3.1<br>(MPEG4-AVC) | Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)    | Profile Cao Cấp/Mức 2,<br>Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile<br>Đơn/Mức Trung Bình (VC-1) |
| <b>Đuôi file (phiên bản MKV)</b>  |                                                              | .mkv                         |                                                                                              |
| <b>Codec âm thanh tương thích</b> |                                                              | AAC, MP3                     |                                                                                              |
| <b>Codec video tương thích</b>    | MPEG4-AVC (H.264)                                            | MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part 2) | VC-1                                                                                         |
| <b>Tốc độ truyền dữ liệu bit</b>  | 10 Mbps, 14 Mbps<br>(MPEG4-AVC)                              | 8 Mbps (MPEG4)               | 20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps<br>(VC-1)                                                         |
| <b>Dung lượng ảnh tối đa</b>      | 1.280 × 720 pixels<br>(MPEG4-AVC)                            | 720 × 576 pixels<br>(MPEG4)  | 1.280 × 720 pixels,<br>720 × 480 pixels,<br>352 × 288 pixels (VC-1)                          |

## ■ File ASF/WMV

| Thiết Bị                             |                                                              | USB       |                                                                                              |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Profile (phiên bản ASF/WMV)</b>   | Profile Cơ Sở/Mức 3,<br>Profile Chính/Mức 3.1<br>(MPEG4-AVC) |           | Profile Cao Cấp/Mức 2,<br>Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile<br>Đơn/Mức Trung Bình (VC-1) |
| <b>Đuôi file (phiên bản ASF/WMV)</b> |                                                              | .asf/.wmv |                                                                                              |
| <b>Codec âm thanh tương thích</b>    |                                                              | WMA       |                                                                                              |
| <b>Codec video tương thích</b>       | MPEG4-AVC (H.264)                                            |           | VC-1                                                                                         |
| <b>Tốc độ truyền dữ liệu bit</b>     | 10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)                                 |           | 20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)                                                            |
| <b>Dung lượng ảnh tối đa</b>         | 1.280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)                               |           | 1.280 × 720 pixels,<br>720 × 480 pixels,<br>352 × 288 pixels (VC-1)                          |



## Giấy Phép Mã Nguồn Mở

Để xem thông tin giấy phép mã nguồn mở, hãy thực hiện theo các bước sau.

1. Chọn **General Settings**.
2. Chọn **System**.
3. Chọn **Detail Information**.

## Thông Tin Pháp Lý về Ứng Dụng Apple CarPlay/Android Auto

### ■ BẢN QUYỀN TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN CHO NGƯỜI SỬ DỤNG/TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY TUÂN THEO THOẢ THUẬN GIỮA BẠN VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH IOS CỦA APPLE. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY QUY ĐỊNH APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HOẶC BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM: KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT RIÊNG CỦA APPLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CỦA APPLE ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG CARPLAY.

VIỆC SỬ DỤNG ANDROID AUTO TUÂN THEO THOẢ THUẬN CỦA BẠN VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VÀ PHẢI ĐƯỢC CHẤP THUẬN KHI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO ĐƯỢC TẢI VỀ ĐIỆN THOẠI CHẠY HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID CỦA BẠN. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO QUY ĐỊNH GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HOẶC BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO, BAO GỒM: KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT RIÊNG CỦA GOOGLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG VÀ VIỆC XỬ LÝ DỮ LIỆU CỦA GOOGLE ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO.

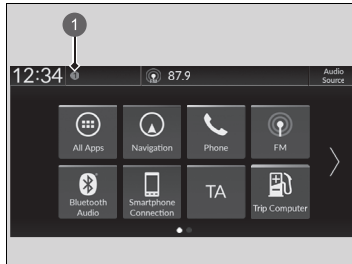
## ■ THÔNG BÁO MIỄN TRỪ BẢO HÀNH; GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

BẠN HOÀN TOÀN HIỂU VÀ ĐỒNG Ý RẰNG VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY HOẶC ANDROID AUTO ("CÁC ỨNG DỤNG") LÀ CÓ RỦI RO, RẰNG BẠN SẼ CHỊU TOÀN BỘ RỦI RO Ở MỨC CAO NHẤT LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG, HIỆU SUẤT, ĐỘ CHÍNH XÁC VÀ ỨNG SUẤT CỦA CÁC ỨNG DỤNG THEO LUẬT HIỆN HÀNH CHO PHÉP. ĐỒNG THỜI BẠN CŨNG CHẤP NHẬN RẰNG CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CUNG CẤP VỚI ĐIỀU KHOẢN "NGƯỜI SỬ DỤNG CHỊU HOÀN TOÀN CÁC LỖI GÂY RA MÀ KHÔNG PHẢI DO PHẦN MỀM", CHO TẤT CẢ CÁC LỖI VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG PHẢI BẢO HÀNH BẤT KỲ LỖI NÀO. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI MỌI HÌNH THỨC BẢO HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN NÀO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN ỨNG DỤNG. CÁC THÔNG TIN ĐÓ CÓ THỂ ĐƯỢC NÊU RA RÕ RÀNG, ĐƯỢC NGẮM ĐỊNH HAY THEO LUẬT ĐỊNH BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, CÁC BẢO ĐẢM VÀ/HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN NGẮM ĐỊNH VỀ TÍNH THƯƠNG MẠI CỦA SẢN PHẨM, SỰ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG, SỰ PHÙ HỢP VỚI MỖI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỘ CHÍNH XÁC, VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH, VÀ KHÔNG VI PHẠM BẢN QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC THÔNG TIN TRUYỀN MIỆNG HOẶC BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI KHUYÊN ĐƯỢC HONDA HOẶC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN CỦA HONDA ĐƯA RA. VÍ DỤ, VÀ KHÔNG HẠN CHẾ, HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CUNG CẤP DỮ LIỆU BỞI CÁC ỨNG DỤNG NHƯ: ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA CÁC HƯỚNG DẪN, THỜI GIAN HÀNH TRÌNH ƯỚC TÍNH, CÁC GIỚI HẠN TỐC ĐỘ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỜNG XÁ, BÀN TIN, THỜI TIẾT, GIAO THÔNG, VÀ NỘI DUNG KHÁC ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI APPLE, GOOGLE, CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HỌ, HOẶC BÊN CUNG CẤP THỨ BA; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO GIÚP BẠN TRÁNH ĐƯỢC VIỆC BỊ MẤT DỮ LIỆU ỨNG DỤNG VÌ CÁC DỮ LIỆU ỨNG DỤNG CÓ THỂ BỊ MẤT BẤT CỨ KHI NÀO; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG CÁC ỨNG DỤNG HOẶC BẤT KỲ DỊCH VỤ NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG QUA GOOGLE VÀ APPLE, V.V. SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP Ở BẤT CỨ THỜI GIAN NÀO, VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG ỨNG DỤNG BẤT KỲ HOẶC TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ SẼ CÓ SẴN TRONG MỘT THỜI GIAN HOẶC VỊ TRÍ CỤ THỂ. VÍ DỤ: CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ BỊ NGỪNG HOẶC GIÁN ĐOẠN MÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, SỬA LỖI BẢO MẬT, CẬP NHẬT, V.V. CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ KHÔNG CÓ SẴN TRONG KHU VỰC HOẶC VỊ TRÍ CỦA BẠN, V.V. NGOÀI RA, BẠN PHẢI HIỂU RẰNG CÁC THAY ĐỔI VỀ CÔNG NGHỆ CỦA BÊN THỨ BA HOẶC QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ CÓ THỂ GIỚI HẠN CÁC DỊCH VỤ VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LỖI THỜI VÀ/HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC.

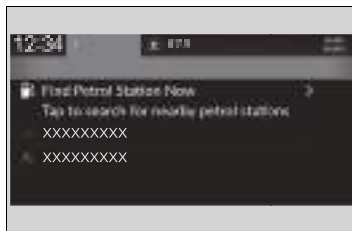
TRONG PHẠM VI LUẬT CHO PHÉP, HONDA VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG TÍCH, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP HOẶC CÁC THIẾT HẠI MANG TÍNH HẬU QUẢ NÀO BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, NHỮNG THIẾT HẠI GÂY THUA LỖ, LÂM HỒNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, KHÔNG TRUYỀN HOẶC NHẬN ĐƯỢC DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÁC GIAO DỊCH KINH DOANH HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI HOẶC THUA LỖ TRONG KINH DOANH PHÁT SINH THÊM HAY LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG HAY THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ, KHÔNG PHẢI DO VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (HỢP ĐỒNG, SAI SÓT HOẶC CÁC VẤN ĐỀ KHÁC) VÀ NGAY CẢ NẾU HONDA ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG TỒN HẠI NHƯ VẬY. MỘT SỐ KHU VỰC, QUỐC GIA CÓ THỂ KHÔNG CHẤP NHẬN VIỆC LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI ĐÃ XẢY RA, VÌ THẾ NHỮNG GIỚI HẠN VÀ LOẠI TRỪ NÀY CÓ THỂ SẼ KHÔNG ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO BẠN. CÁC GIỚI HẠN TRÊN SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC NẾU TRÊN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH CƠ BẢN CỦA NÓ.

## Nhắc Nạp Nhiên Liệu\*

Chiếc xe này được trang bị tính năng tự động tính toán thời điểm nạp nhiên liệu. Tính năng này sẽ thông báo cho bạn khi cần nạp nhiên liệu cũng như giúp bạn tìm kiếm các trạm xăng gần nhất.



### 1 Biểu Tượng Thông Báo



1. Khi đến thời điểm xe cần nạp nhiên liệu, thông báo sẽ xuất hiện và biểu tượng thông báo sẽ xuất hiện ở vùng tiêu đề.
2. Chọn ô chứa biểu tượng.

### 3. Chọn **Find Petrol Station Now** (Tìm Trạm Xăng Ngay).

4. Chọn một trạm xăng từ màn hình tìm kiếm của hệ thống định vị.
  - Để biết về cách sử dụng hệ thống định vị, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị.

## »Nhắc Nạp Nhiên Liệu\*

Bạn có thể bật và tắt chức năng **Nhắc Nạp Nhiên Liệu**.

### ► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

Khi bạn tắt tính năng này, thông báo nhắc nạp nhiên liệu sẽ không xuất hiện.

Tính năng này chỉ hoạt động khi mức nhiên liệu trong bình chứa là dưới 30%.

Nếu bạn chọn **Find Petrol Station Now** hoặc nạp trên 5 lít xăng, thông báo nạp nhiên liệu sẽ biến mất. Nếu bạn không muốn thông báo xuất hiện, hãy chọn **TẮT** trong mục cài đặt **Nhắc Nạp Nhiên Liệu**.

Khi bạn lái xe trên đường gồ ghề, lên dốc hoặc xuống dốc trong một khoảng thời gian dài, thông báo có thể biến mất hoặc không xuất hiện.

# Lái Xe

Chương này bàn về vấn đề lái xe và nạp nhiên liệu.

|                                             |     |
|---------------------------------------------|-----|
| <b>Trước Khi Lái Xe</b> .....               | 382 |
| <b>Kéo Rơ-moóc</b> .....                    | 386 |
| <b>Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường</b>          |     |
| <b>Hiểm Trờ</b> .....                       | 387 |
| <b>Khi Lái Xe</b>                           |     |
| Khởi Động Động Cơ .....                     | 389 |
| Lưu Ý Khi Lái Xe .....                      | 395 |
| Hộp Số Vô Cấp .....                         | 397 |
| <b>Loại xe không có công tắc chế độ lái</b> |     |
| Sang Số .....                               | 398 |
| <b>Loại xe có công tắc chế độ lái</b>       |     |
| Sang Số .....                               | 402 |
| Chế Độ ECON* .....                          | 406 |
| Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ                 |     |
| Tạm Thời .....                              | 407 |
| Công Tắc Chế Độ Lái .....                   | 414 |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành                   |     |
| Ngang Dốc .....                             | 417 |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

|                                                                                               |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) .....                                                        | 419 |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh .....                                                             | 421 |
| <b>Loại xe Đài Loan</b>                                                                       |     |
| Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) .....                                                    | 422 |
| <b>Ngoại trừ Loại xe Đài Loan</b>                                                             |     |
| Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* .....                                                              | 425 |
| <b>Honda Sensing*</b> .....                                                                   | 430 |
| Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) .....                                                      | 433 |
| Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp ..... | 446 |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) .....                                                    | 467 |
| Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường .....                                                       | 480 |

|                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------|-----|
| Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước* .....             | 489 |
| Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* .....                | 494 |
| Camera Trước .....                                           | 500 |
| <b>Phanh</b>                                                 |     |
| Hệ Thống Phanh .....                                         | 502 |
| Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) .....                     | 509 |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp .....                         | 510 |
| Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp .....                                 | 511 |
| <b>Đổ Xe</b>                                                 |     |
| Khi Đã Dừng .....                                            | 512 |
| Hệ Thống Cảm Biến Đổ .....                                   | 514 |
| <b>Camera Lùi Đa Hướng*</b> .....                            | 519 |
| <b>Nạp Nhiên Liệu</b> .....                                  | 521 |
| <b>Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO<sub>2</sub></b> ..... | 525 |
| <b>Xe Có Động Cơ Tăng Áp*</b> .....                          | 526 |

## Trước Khi Lái Xe

### Chuẩn Bị Lái Xe

Kiểm tra các mục sau trước khi lái xe.

#### Kiểm Tra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
  - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
  - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc xe, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái. Nếu tuyết đã đóng cứng, hãy gạt bỏ khi đã tan bớt.
  - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, cần đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
  - ▶ Nếu nắp ca-pô mở khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
  - ▶ Kiểm tra áp suất lốp, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
  - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

📌 **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 573

#### »Kiểm Tra Bên Ngoài

##### CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa để tránh làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Sau khi làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa vì nếu làm thế sẽ không thể cho chìa khóa vào được nếu nước bị đóng băng trong ổ khóa.

Nhiệt từ động cơ và ống xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám ở phía dưới nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe lâu ngày, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe, như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời, kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó vừa thực hiện bảo dưỡng xe.

## ■ Kiểm Tra Bên Trong

- Buộc hoặc để chắc chắn các đồ vật trong khoang hành lý.
  - Chờ quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
  - 📖 **Giới Hạn Tải** Tr. 385
- Không để các đồ vật cao hơn ghế.
  - Chúng có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước khi bạn phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
  - Bỏ đồ vật hoặc thảm lót sàn không được gắn chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến việc nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có động vật trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
  - Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
  - Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
  - 📖 **Ghế Ngồi** Tr. 248
  - 📖 **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước** Tr. 257
- Điều chỉnh gương và vô lăng phù hợp khi lái.
  - Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
  - 📖 **Gương** Tr. 244
  - 📖 **Điều Chỉnh Vô Lăng** Tr. 243

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

## ►► Kiểm Tra Bên Trong

Hướng của đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý, hãy đến đại lý để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

**Loại xe có điều chỉnh đèn chiếu sáng**

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.

📖 **Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng** Tr. 234

- Cần đảm bảo đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lẫn dưới các ghế.
  - Chúng có thể ảnh hưởng đến việc vận hành bàn đạp của người lái, hoặc ảnh hưởng đến việc điều chỉnh các ghế.
- Mọi người trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
  - 📖 **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 49
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
  - Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
    - 📖 **Đèn Báo** Tr. 106



## Giới Hạn Tải

Khi xe bạn chở hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

📖 **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 664

Ngoại trừ loại xe Pakistan, Đài Loan và Nigeria

Tải trên cầu trước và cầu sau cũng không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

📖 **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 664

📖 Giới Hạn Tải

### ⚠ CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây ra những va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo tất cả các hướng dẫn về giới hạn tải và các hướng dẫn tải khác trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

## Kéo Rơ-moóc

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố kéo có thể làm mất hiệu lực bảo hành cho xe của bạn.

## Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở

### Thông Tin Chung

Xe của bạn được thiết kế chủ yếu để đi trên đường được trải nhựa, tuy nhiên khoảng sáng gầm xe cao hơn cho phép bạn thỉnh thoảng di chuyển trên đường không trải nhựa. Xe không được thiết kế để đi trên những đường chưa được mở, hoặc các hoạt động trên đường hiểm trở.

Nếu bạn quyết định lái xe trên đường không trải nhựa, bạn sẽ cần có một số kỹ năng lái xe và kỹ năng xử lý khác so với khi đi trên đường nhựa. Chú ý đến các lưu ý và các gợi ý xử lý trong phần này, làm quen với xe của bạn trước khi lái xe ra khỏi đường nhựa.

### Chú Ý Quan Trọng về An Toàn

Để tránh mất lái hoặc lật xe, đảm bảo làm theo các lưu ý và khuyến cáo sau:

- Đảm bảo hành lý được cố định chắc chắn và không chở hành lý vượt quá tải.
  - **Giới Hạn Tải** Tr. 385
- Khi lái xe, đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.
- Trách nhiệm của bạn là luôn nắm bắt tình hình và lái xe trong giới hạn quy định.

#### ➤ Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở

### ⚠ CẢNH BÁO

Bật hoặc tắt xe khi chạy trên đường nhựa không đúng cách có thể gây ra va chạm hoặc lật xe khiến bạn và hành khách có thể bị trọng thương hoặc tử vong.

- Làm theo tất cả các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.

Không vận hành xe đúng cách có thể gây ra tai nạn hoặc lật xe.

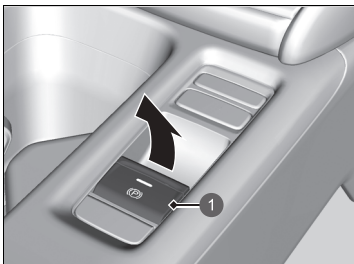
➤ **Thông Tin Xử Lý Quan Trọng** Tr. 40

➤ **Lưu Ý Khi Lái Xe** Tr. 395

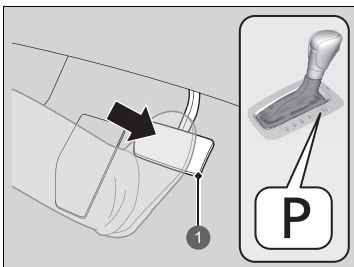
## Tránh Xảy Ra Sự Cố

- **Kiểm Tra Xe** trước khi bạn đi vào khu vực đường hiểm trở và đảm bảo đã hoàn thành tất cả các bảo dưỡng định kỳ. Đặc biệt chú ý đến tình trạng lốp và kiểm tra áp suất lốp.
- **Nhớ** rằng con đường bạn định đi sẽ có những hạn chế (quá dốc hoặc gập ghềnh), bản thân bạn có những hạn chế (kỹ năng lái xe và sự thoải mái), và xe của bạn cũng có những hạn chế (độ bám đường, độ ổn định và công suất). Không nhận ra được các hạn chế này sẽ khiến bạn và hành khách gặp nguy hiểm.
- **Tăng Tốc và Phanh** cần được thực hiện một cách từ từ và dần dần. Cố khởi động hoặc dừng xe quá nhanh có thể gây mất độ bám đường và mất kiểm soát xe.
- **Tránh Chướng Ngại Vật và Mảnh Vỡ** trên đường giúp làm giảm nguy cơ lật xe hoặc làm hư hỏng hệ thống treo và các bộ phận khác.
- **Lái Xe trên Dốc** làm tăng nguy cơ bị lật xe, đặc biệt khi bạn cố gắng lái xe qua dốc quá cao. Lái thẳng khi lên hoặc xuống dốc thường là an toàn nhất. Nếu bạn không thể nhìn rõ các điều kiện bất lợi hoặc chướng ngại vật trên dốc, hãy xuống xe đi bộ để kiểm tra đường trước khi lái. Nếu bạn nghi ngờ về độ an toàn khi đi qua đoạn đường đó, thì không nên cố đi qua. Hãy tìm một con đường khác. Nếu bạn bị mắc kẹt khi đang lên dốc, không nên cố quay xe. Hãy từ từ lùi xe theo đúng hành trình bạn đã leo dốc trước đó.
- **Băng Qua Suối** - Tránh lái xe qua chỗ nước sâu. Nếu bạn phải lái xe đi qua khu vực có nước (suối nhỏ hoặc vùng nước lớn), hãy nhận định kỹ khả năng đi qua khu vực đó trước khi lái. Đảm bảo khu vực này nước nông, không chảy xiết, và nền đất phía dưới chắc chắn. Nếu không chắc chắn về độ sâu hoặc nền đất phía dưới, thì hãy quay lại và tìm đường khác. Lái xe qua khu vực nước sâu có thể gây hư hỏng cho xe của bạn. Nước có thể lọt vào hộp số và vi sai, làm loãng dầu bôi trơn và gây hư hỏng. Nó cũng có thể làm trôi dầu bôi trơn các vòng bi bánh xe.
- **Nếu Bị Mắc Kẹt**, cẩn thận đi theo hướng mà bạn cho là sẽ ra khỏi được chỗ kẹt. Không cố ga khi lốp bị trượt vì nó sẽ làm tình hình tồi tệ hơn và có thể làm hỏng hộp số. Nếu bạn không thể thoát ra khỏi chỗ kẹt, thì cần phải kéo xe. Xe của bạn có các móc kéo ở phía trước và phía sau được thiết kế để sử dụng trong những trường hợp này.

### Khởi Động Động Cơ



❶ Công Tác Phanh Đỗ Điện



❶ Bàn Đạp Phanh

**1. Đảm bảo gài phanh đỗ.**

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) sẽ sáng trong 30 giây khi kéo công tắc phanh đỗ điện lên.

**2. Đảm bảo cần số ở [P], sau đó nhấn bàn phanh.**

- Mặc dù có thể khởi động xe ở [N], nhưng khởi động xe ở [P] vẫn an toàn hơn.

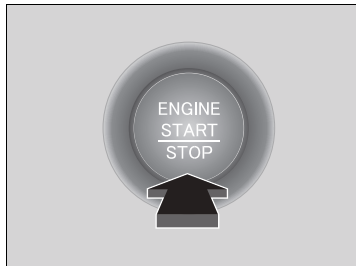
#### ❧ Khởi Động Động Cơ

Để chân chắc chắn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, hãy tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống điều khiển khí hậu và sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc có mùi khí xả bên trong xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố.



3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

#### ►►Khởi Động Động Cơ

Để chìa khóa điều khiển từ xa gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu.

► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu** Tr. 630

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa bị nhiễu sóng vô tuyến mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi khởi động lại động cơ.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp.

Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 217

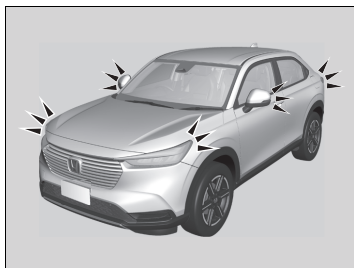
## ■ Khởi Động Động Cơ Từ Xa\*

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

### ■ Khởi động động cơ



① LED: Nhấp nháy khi ấn nút bất kỳ.



Ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.

Nếu động cơ khởi động thành công, một số đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy sáu lần.

## ►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa\*

### ⚠ CẢNH BÁO

Khí xả từ động cơ có chứa khí CO.

Hít phải khí CO có thể gây chết người hoặc gây bất tỉnh.

Không được sử dụng bộ khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực khác có hệ thống thông gió kém.

Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương. Trước khi sử dụng khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có toà nhà hay vật cản giữa xe và chìa khóa điều khiển từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp. Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ tác động bên ngoài.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



Nếu động cơ không khởi động, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khi khởi động từ xa, động cơ sẽ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc không đồng thời nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Nếu muốn chạy không tải thêm 10 phút nữa ở lần lẩn bánh đầu tiên, ấn nút  sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp sáu lần nếu yêu cầu chạy không tải thêm 10 phút được gửi đi thành công.

#### ►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa\*

Không thể khởi động động cơ từ xa nếu:

- Bạn đã tắt tính năng khởi động động cơ từ xa trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

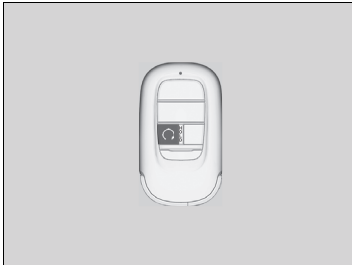
► **Cài Đặt\*** Tr. 142

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 341

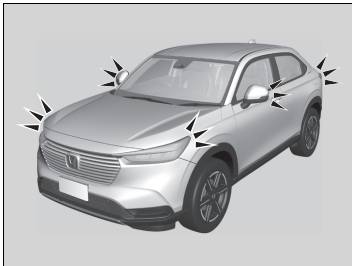
- Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY.
- Cần số không ở **[P]**.
- Nắp ca-pô mở hoặc cửa bất kỳ hoặc cửa hậu mở khóa.
- Bạn đã sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.
- Một chìa khóa điều khiển từ xa khác đã được đăng ký vẫn để trong xe.
- Có ăng ten nào đó bị lỗi.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Bộ viển thông\* có sự cố.
- Hệ thống cảnh báo an ninh không được thiết lập.



## ■ Dừng động cơ



Ấn và giữ nút  trong một giây.



Nếu động cơ dừng thành công, các đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy một lần.



Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi của hệ thống điều khiển mở cửa từ xa, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy. Động cơ sẽ không dừng lại.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

## ►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa\*

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không chạy xe trong vòng 10 phút từ khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Không kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh.
- Mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp.
- Nắp ca-pô mở, cửa bất kỳ mở, hoặc cửa hậu mở khóa.
- Ấn nút nhà cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Áp quy yếu.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn báo sự cố sẽ sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải gặp sự cố.

Trong khi động cơ đang chạy, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Khi trời ấm:

- Hệ thống điều khiển khí hậu sẽ hoạt động ở chế độ đã chọn trước đó.

Khi trời lạnh:

- Chức năng làm tan sương sẽ hoạt động để điều chỉnh nhiệt độ ẩm vừa phải.
- Sấy kính sau sẽ hoạt động.

► **Nút Sấy Kính Sau Tr. 241**

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Bắt Đầu Lái Xe

Khi động cơ được khởi động bằng nút \* trên chìa khóa điều khiển từ xa. Nhấn và giữ bàn đạp phanh, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi động cơ được khởi động trong trường hợp bất kỳ

1. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, sang số **[D]**. Chọn **[R]** khi lùi xe.
2. Với phanh đỗ đã được gài, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.
  - Đảm bảo đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) đã tắt.

📖 Phanh Đỗ Tr. 502

## ■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn bám đường giúp xe không bị trôi xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga. Sang số **[D]**, **[S]** khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

## ■ Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

1. Sang số **[P]**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

## ►► Bắt Đầu Lái Xe

Khi động cơ được khởi động bằng nút \* trên chìa khóa điều khiển mở cửa từ xa

Động cơ sẽ dừng khi gạt cần số ra khỏi **[P]** trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Thực hiện bước 1 khi bắt đầu lái.

Hãy ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh để nhả phanh đỗ. Khi xuống dốc, nếu nhả phanh bằng công tắc phanh đỗ điện thì sẽ làm cho xe khởi động trơn tru hơn so với việc nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga.

## ►► Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc quá cao hoặc dừng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

## Lưu Ý Khi Lái Xe

### ■ Hướng Dẫn Lái Cho Xe Có Nhiều Tiện Ích

Những xe có nhiều tiện ích có nguy cơ bị lộn vòng cao hơn nhiều so với các loại xe khác.

Để tránh bị lộn vòng hoặc mất kiểm soát:

- Cua góc ở tốc độ thấp hơn xe khác.
- Tránh cua gấp và vận hành đột ngột.
- Không sửa đổi xe bằng bất cứ cách nào bởi nó sẽ làm tăng trọng tâm.

### ■ Khi có Sương Mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bạn nên bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch ở giữa đường, chú ý quan sát hộ lan và đèn hậu của xe phía trước.

### ■ Khi có Gió Mạnh

Khi đang lái xe nếu gió thổi mạnh, hãy giữ chặt vô lăng. Từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cẩn thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông hay lái xe qua khu vực khai thác đá hoặc khi có một xe tải lớn đi qua.

### » Lưu Ý Khi Lái Xe

**LƯU Ý:** Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ, hỏng các thiết bị điện và xe sẽ bị xuống cấp.

#### CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Nếu không hộp số sẽ bị hỏng.

#### CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc xoay và giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành và sẽ càng khó khăn hơn khi vận hành vô lăng. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ tiếp tục hoạt động.

Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu chế độ nguồn được đặt ở PHỤ KIỆN trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ bị dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không chọn **N** khi đang lái để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

### ■ Khi Trời Mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và cần chú ý hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường có nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước để tránh làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các thiết bị điện.

### ■ Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

### »» Lưu Ý Khi Lái Xe

Khi lái xe ở 1.000 km đầu tiên, tránh tăng ga đột ngột hoặc vận hành bướm ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên sau khi mua xe mới hoặc thay má phanh hoặc rô-to, để chạy roda đúng cách.

### »» Hướng Dẫn Lái Cho Xe Có Nhiều Tiện Ích

Không vận hành xe đúng cách có thể xảy ra va chạm hoặc lật xe.

► **Thông Tin Xử Lý Quan Trọng** Tr. 40

► **Lưu Ý Khi Lái Xe** Tr. 395

### »» Khi Trời Mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, nước dưới mặt đường sẽ bắn lên lớp xe làm bạn không thể điều khiển xe như xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

Từ từ giảm tốc khi bạn về số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

## Hộp Số Vô Cấp

### ■ Chuyển Động Từ Từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao, xe sẽ tự chuyển động từ từ. Nhấn bàn đạp phanh chắc chắn khi dừng xe.

### ■ Nhảy Về Số

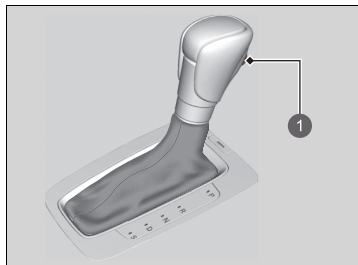
Nhấn đột ngột bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Hãy nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái ở đường trơn và vòng cua.

Loại xe không có công tắc chế độ lái

## Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

### ■ Vị trí cần số



1 Nút Nhả

#### **[P] Số Đỗ**

Dùng khi đỗ xe hoặc khởi động động cơ.

#### **[R] Số Lùi**

Dùng khi lùi xe.

#### **[N] Số Không**

Hộp số không bị khóa.

#### **[D] Số Lái**

Dùng:

- Cho chế độ lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số thường 7 cấp.\*

#### **[S] Số Lái (S)**

Dùng:

- Để tăng tốc tốt hơn.
- Để tăng phanh động cơ.
- Dùng khi lên hoặc xuống dốc.
- Khi lái ở chế độ sang số thường 7 cấp.\*

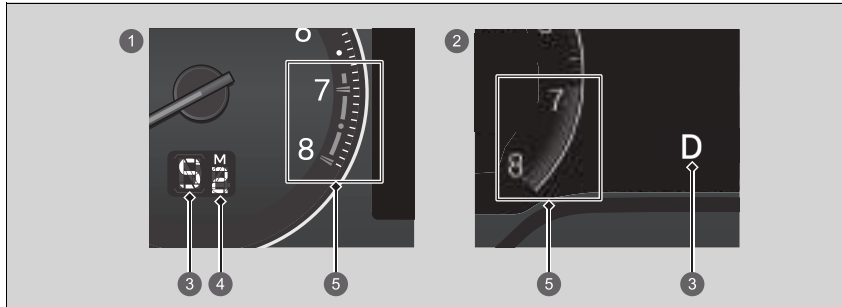
### ►► Vị trí cần số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÃY trừ khi cần số ở [P].

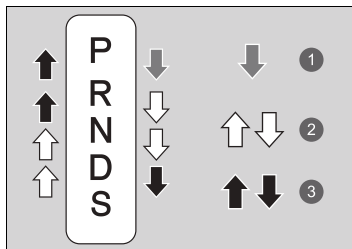
Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước với cần số ở [N] khi động cơ nguội.

Nhấn chắc bàn đạp phanh, khi cần, hãy kéo phanh đỗ.

## ■ Vận Hành Cần Số



- ① Ngoại trừ loại xe Australia
- ② Loại xe Australia
- ③ Đèn Báo Số (Đèn Báo Hệ Thống Hộp Số)
- ④ Đèn Báo **M** (chế độ sang số thường 7 cấp)/Đèn Báo Số\*
- ⑤ Vùng Đỏ Của Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ



- ① Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà cần số để sang số.
- ② Sang số mà không ấn nút nhà cần số.
- ③ Ấn nút nhà cần số và sang số.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ►► Vận Hành Cần Số

### CHÚ Ý

Khi bạn chuyển số từ **D** sang **R** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo số và kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống hộp số nhấp nháy khi lái xe, ở bất cứ vị trí nào chứng tỏ hộp số có sự cố. Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe khi tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp ( $-30^{\circ}\text{C}$ ), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số được hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở vị trí số đúng trước khi lái.

## ■ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp\*

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp nếu bạn kéo lẫy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

### ■ Khi cần số ở **[D]**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số thường 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số **[+]** trong vài giây. Chế độ sang số thường 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ xe trước khi rẽ.

### ■ Khi cần số ở **[S]**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp. Đèn báo **M** và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, hộp số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, hệ thống sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe tăng và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Bạn chỉ có thể kéo lẫy khi ở cấp số 1.

Nếu muốn hủy chế độ sang số thường 7 cấp, gạt cần số từ **[S]** sang **[D]**. Khi chế độ sang số thường 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

## » Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp\*

Ở chế độ sang số thường 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số khi đáp ứng các điều kiện sau:

**Tăng Số:** Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.

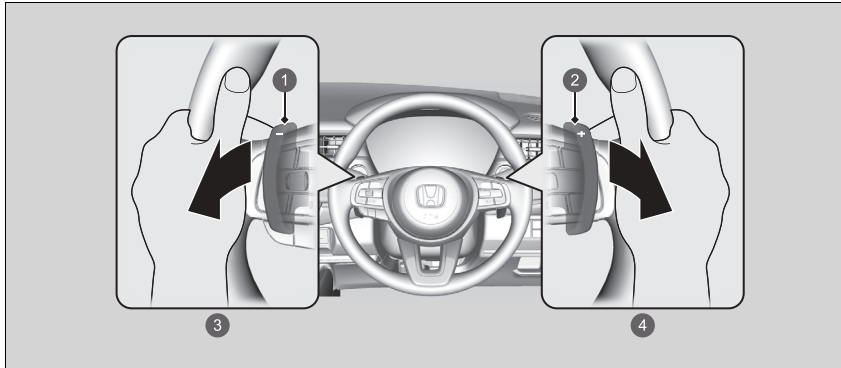
**Giảm Số:** Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số. Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trượt có thể làm lớp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số thường 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường **[D]**.



## ■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp



- ① Lẩy Sang Số (Giảm số)
- ② Lẩy Sang Số (Tăng số)
- ③ Giảm số khi kéo lẩy sang số (Về số thấp hơn)
- ④ Tăng số khi kéo lẩy sang số (Lên số cao hơn)

## ►► Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Mỗi lần vận hành lẩy sang số sẽ làm thay đổi một cấp tốc độ.

Để thay đổi liên tục, nhả lẩy sang số trước khi kéo lại để sang cấp tốc độ tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số để báo cho bạn biết không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.

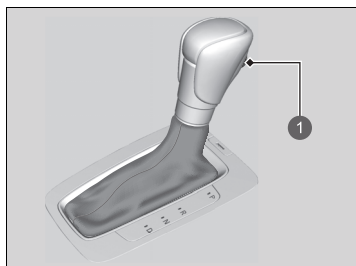
Tăng ga và giảm ga nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

Loại xe có công tắc chế độ lái

## Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

### ■ Vị trí cần số



1 Nút Nhả

#### **P** Số Đỗ

Dùng khi đỗ xe hoặc khởi động động cơ.

#### **R** Số Lùi

Dùng khi lùi xe.

#### **N** Số Không

Hộp số không bị khóa.

#### **D** Số Lái

Dùng:

- Dùng cho chế độ lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số thường 7 cấp.
- Khi lái ở chế độ sang số thường 7 cấp (khi lái ở chế độ SPORT).

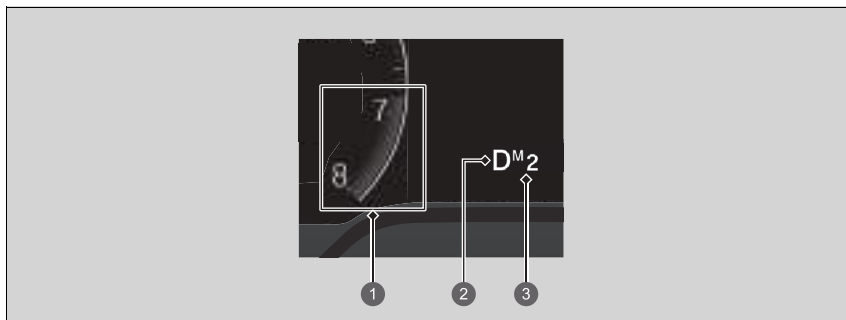
### ►► Vị trí cần số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi cần số ở **P**.

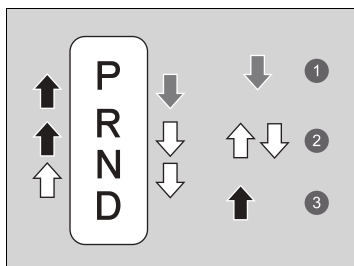
Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước nếu cần số ở **N** khi động cơ nguội.

Nhấn chắc bàn đạp phanh, khi cần, hãy giải phanh đỗ.

## ■ Vận Hành Cần Số



- ❶ Vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
- ❷ Đèn Báo Số (Đèn Báo Hệ Thống Hộp Số)
- ❸ Đèn Báo **M** (chế độ sang số thường 7 cấp)/Đèn Báo Số



- ❶ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà cần số để sang số.
- ❷ Sang số mà không ấn nút nhà cần số.
- ❸ Ấn nút nhà cần số và sang số.

## ►► Vận Hành Cần Số

### CHÚ Ý

Khi bạn gạt cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo số để kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống hộp số nhấp nháy khi lái xe ở số bất kỳ chứng tỏ hộp số có sự cố. Tránh tăng tốc đột ngột và hãy đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Không vận hành được cần số nếu vừa nhấn bàn đạp phanh vừa ấn nút nhà cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp ( $-30^{\circ}\text{C}$ ), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi số hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở số đúng trước khi lái.

## ■ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp nếu bạn kéo lẫy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

### ■ Khi cần số ở **[D]**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số thường 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ ổn định hoặc tăng tốc và số cấp trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số **[+]** trong vài giây. Chế độ sang số thường 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

### ■ Khi cần số ở **[D]** với chế độ SPORT:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp. Đèn báo **M** và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, hộp số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, hộp số sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe tăng và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Bạn chỉ có thể kéo lẫy sang số khi ở cấp số 1.

Nếu muốn hủy chế độ sang số thường 7 cấp, hãy sử dụng công tắc chế độ lái để chuyển từ chế độ SPORT sang chế độ khác hoặc kéo lẫy sang số **[+]** trong vài giây. Khi chế độ sang số thường 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

## » Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Ở chế độ sang số thường 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số khi đáp ứng các điều kiện sau:

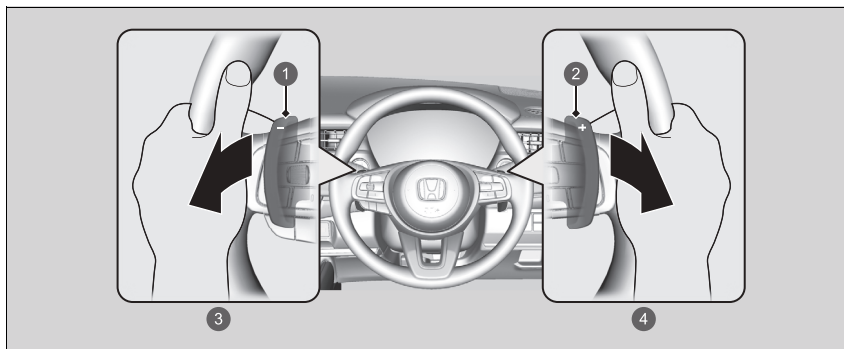
Tăng Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.

Giảm Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số. Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trơn trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số thường 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường **[D]**.

## ■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp



- ① Lẩy Sang Số  $\ominus$  (Giảm số)
- ② Lẩy Sang Số  $\oplus$  (Tăng số)
- ③ Giảm số khi kéo lẩy sang số  $\ominus$  (Về số thấp hơn)
- ④ Tăng số khi kéo lẩy sang số  $\oplus$  (Lên số cao hơn)

## ►► Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Mỗi lần vận hành lẩy sang số sẽ làm thay đổi một cấp tốc độ.

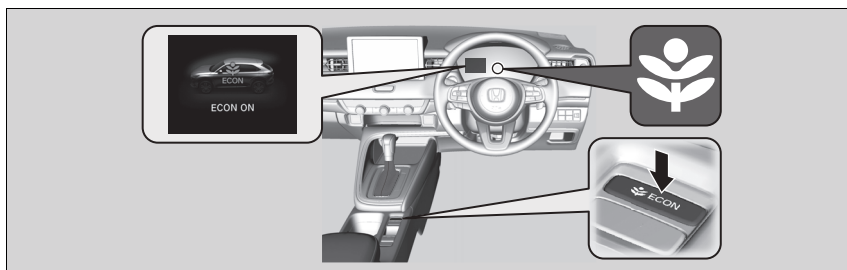
Để thay đổi liên tục, nhả lẩy sang số trước khi kéo lại để sang cấp tốc độ tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số để báo cho bạn biết không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.

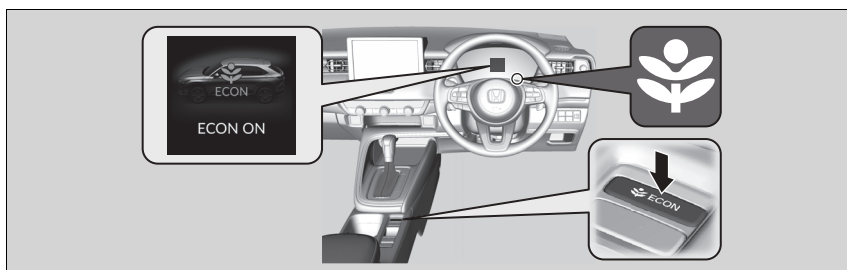
Tăng ga và giảm ga nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

## Chế Độ ECON\*

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Nút **ECON** dùng để bật và tắt chế độ ECON.

Chế độ ECON giúp tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ và hệ thống điều khiển khí hậu.

Để bật và tắt chế độ ECON, ấn nút **ECON** khi chế độ nguồn ở BẬT.

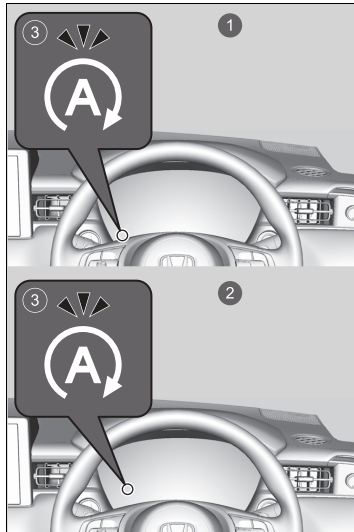
### ►► Chế Độ ECON\*

Khi ở chế độ ECON, mức độ dao động nhiệt độ của hệ thống điều khiển khí hậu sẽ lớn hơn.

Do vận hành phanh khẩn cấp hoặc điều kiện lái xe, có thể bạn sẽ không thay đổi được chế độ.

## Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời\*

Để giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa, động cơ sẽ tự động dừng khi xe chuẩn bị dừng tùy thuộc vào điều kiện môi trường và điều kiện vận hành của xe. Đèn báo (xanh lục) sẽ sáng vào thời điểm này.



- ① Loại xe Australia
- ② Ngoại trừ loại xe Australia
- ③ Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục)

Điều kiện xe và môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời rất đa dạng.

► **Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:** Tr. 410

Sau đó động cơ khởi động lại khi xe chuẩn bị di chuyển và đèn báo (xanh lục) sẽ tắt.

► **Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:** Tr. 412

### ►► Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời\*

Ắc quy 12 vôn lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Không sử dụng loại ắc quy 12 vôn theo quy định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc quy và khiến Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động. Nếu bạn cần thay ắc quy 12 vôn, đảm bảo chọn đúng loại quy định.

Hãy tham khảo ý kiến đại lý để biết chi tiết.

► **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 664

Thời gian hoạt động của Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời:

- Tăng lên khi ở chế độ ECON, so với khi chế độ ECON tắt và đang sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu.

► **Chế Độ ECON\*** Tr. 406

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



- ① Đèn Báo Tạm Dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

**Loại xe Australia**

Đèn báo tạm dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động.

➡ **Đèn Báo** Tr. 106

➡ **BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời** Tr. 409

**Tất cả các loại xe**

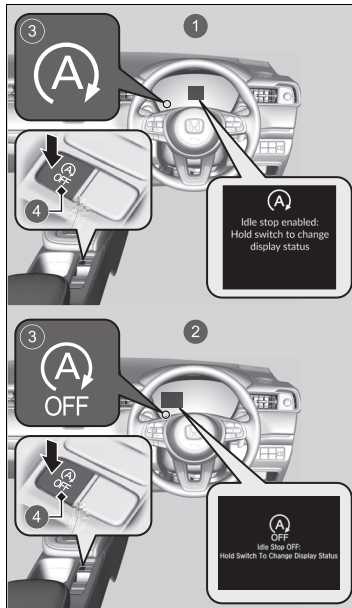
Nếu cửa người lái mở trong khi đèn báo (xanh lục) sáng, tiếng bíp sẽ vang lên để thông báo cho bạn biết chức năng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

Thông báo về Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➡ **Đèn Báo** Tr. 106



## ■ BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời



- 1 Ngoại trừ loại xe Australia
- 2 Loại xe Australia
- 3 Đèn Báo TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (hồ phách<sup>\*1</sup>/trắng<sup>\*2</sup>)
- 4 Nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ấn nút này để tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ ngừng hoạt động.

- Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ dừng và đèn báo (hồ phách<sup>\*1</sup>/trắng<sup>\*2</sup>) sẽ sáng.

Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống trong lần lái xe gần đây nhất.

\* 1: Ngoại trừ loại xe Australia

\* 2: Loại xe Australia

## ►► BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Nếu bạn tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời khi hệ thống đang hoạt động, động cơ sẽ khởi động lại.

### Loại xe Australia

Nếu bạn giữ nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, thông báo hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ tắt.

► Đèn Báo Tr. 106

### ■ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Xe dừng với cần số ở vị trí **[D]** và nhấn bàn đạp phanh. Khi bạn gạt cần số đến **[P]**, Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ tiếp tục hoạt động ngay cả khi đã nhả bàn đạp phanh.

► Nếu bạn nhấn bàn đạp phanh, động cơ sẽ tự động khởi động lại.

### ■ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ chưa đủ ấm hoặc nhiệt độ nước làm mát cao.
- Nhiệt độ dầu hộp số thấp hoặc cao.
- Xe lại chuẩn bị dừng trước khi tốc độ xe đạt tới 5 km/h sau khi động cơ khởi động.
- Dừng xe trên dốc cao.
- Cần số không ở **[D]**.
- Khởi động động cơ khi nắp ca-pô mở.
  - Tắt động cơ. Đóng nắp ca-pô trước khi khởi động lại động cơ để kích hoạt Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Ấc quy yếu.
- Nhiệt độ bên trong ắc quy là từ 5°C trở xuống.
- Hệ thống điều khiển khí hậu đang hoạt động và nhiệt độ ngoài trời dưới -20°C hoặc trên 40°C.
- Hệ thống điều khiển khí hậu đang hoạt động và nhiệt độ được đặt ở **Hi** hoặc **Lo**.
-  bật (đèn báo sáng).
- Nút **MAX COOL\*** ở **BẬT**.

### ►► Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động. Nếu nắp ca-pô mở, động cơ sẽ không tự động khởi động lại.

Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng nút **ENGINE START/STOP**.

#### ►► Khởi Động Động Cơ Tr. 389

Khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoạt động, xe sẽ dừng mà không cần nhấn bàn đạp phanh và Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ hoạt động. Trong trường hợp đó, động cơ sẽ khởi động lại khi bạn gạt cần số đến vị trí khác không phải số **[D]**.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** sẽ làm cho động cơ không tự động khởi động lại được nữa. Hãy thực hiện quy trình tiêu chuẩn để khởi động động cơ.

#### ►► Khởi Động Động Cơ Tr. 389

■ **Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động khi:**

- Dừng xe bằng cách phanh đột ngột.
- Xoay vô lăng.
- Xe ở nơi có độ cao lớn.
- Tăng ga và giảm ga liên tục khi xe chạy ở tốc độ thấp.
- Tốc độ quạt cao.
- Hệ thống điều khiển khí hậu đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Hệ thống điều khiển khí hậu đang hoạt động và độ ẩm bên trong xe cao.

### ■ Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:

- Nhả bàn đạp phanh (không kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).
- Nhấn bàn đạp ga (kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).

► **Giữ Phanh Tự Động** Tr. 506

- Gạt cần số đến **[P]** từ **[D]** hoặc **[N]** khi xe đang trên dốc.

### ■ Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh<sup>\*1</sup> khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Xoay vô lăng.
- Gạt cần số đến **[R]** hoặc **[S]**, hoặc khi gạt cần số từ **[N]** đến **[D]**.
  - Nếu gạt cần số đến **[P]** sau khi kích hoạt Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ tiếp tục hoạt động. Trong trường hợp này, động cơ sẽ khởi động lại khi bạn nhấn bàn đạp phanh.
- Áp lực lên bàn đạp phanh giảm và xe bắt đầu di chuyển khi đang dừng trên đường dốc.
- Bàn đạp phanh liên tục được nhấn và nhả nhẹ trong khi dừng.
- Áp quy yếu.
- Nhấn bàn đạp ga.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
-  **BẬT** (đèn báo sáng).
- Hệ thống điều khiển khí hậu đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Nút **MAX COOL\*** ở BẬT.
- Hệ thống điều khiển khí hậu đang được sử dụng để hút ẩm bên trong xe.
- Xe phía trước xe bạn khởi động lại khi xe bạn dừng tự động bằng ACC Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

### ►► Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:

Nếu bạn sử dụng thiết bị điện tử trong khi xe đang ở Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, thiết bị này có thể tạm thời bị tắt khi động cơ khởi động lại.

### ►► Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh<sup>\*1</sup> khi:

\* 1: Khi hệ thống giữ phanh tự động hoạt động, bạn có thể nhả bàn đạp phanh trong khi Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động.

Nếu hệ thống giữ phanh tự động tắt hoặc nếu hệ thống có sự cố, động cơ sẽ tự động khởi động lại khi bạn nhả bàn đạp phanh.

► **Giữ Phanh Tự Động** Tr. 506

### ■ Chức Năng Phanh Hỗ Trợ Khởi Động

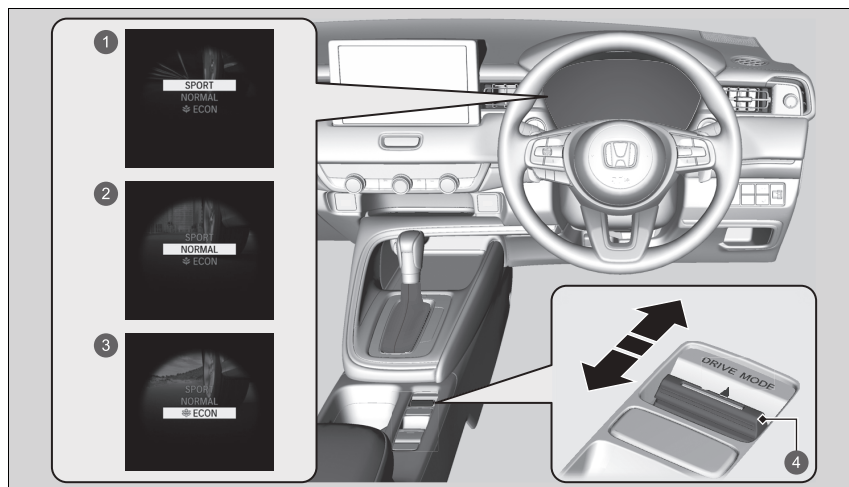
Phanh vẫn bám một lúc sau khi đã nhả bàn đạp phanh để khởi động lại động cơ. Điều này sẽ giữ cho xe của bạn không bị di chuyển bất ngờ khi đang dừng trên dốc.

## Công Tắc Chế Độ Lái\*

Liên tục kiểm soát hiệu suất lái xe của bạn theo chế độ bạn chọn. Bạn có thể chọn một trong ba chế độ, chế độ **SPORT**, chế độ **NORMAL** và chế độ **ECON** bằng cách gạt công tắc chế độ lái về phía trước hoặc về phía sau.

Chế độ đang sử dụng hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, và mỗi chế độ sẽ hiển thị khác nhau.

Chế độ **NORMAL** sẽ tự động được chọn khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT. Tuy nhiên, nếu ở lần lái xe gần nhất bạn chọn chế độ **ECON** thì chế độ **ECON** sẽ được chọn khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.



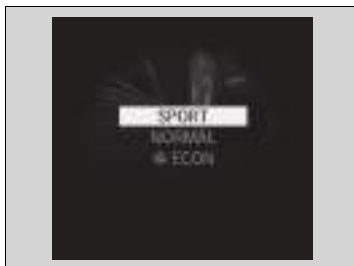
- ❶ Chế Độ **SPORT**
- ❷ Chế Độ **NORMAL**
- ❸ Chế Độ **ECON**
- ❹ Công Tắc Chế Độ Lái

### ►► Công Tắc Chế Độ Lái\*

Không thể thay đổi chế độ trong một số điều kiện lái xe.

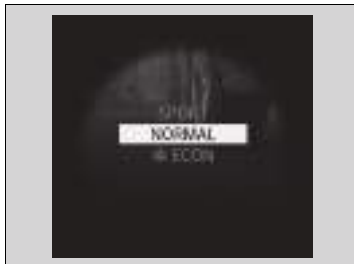
Nếu hệ thống xe có sự cố, thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, và bạn không thể chọn bất kỳ chế độ nào khác.

## ■ Chế Độ SPORT



Chế độ này tăng cường khả năng tăng tốc.

## ■ Chế Độ NORMAL



Chế độ này tối ưu hóa sự cân bằng giữa khả năng vận hành và sự thoải mái.

## ■ Chế Độ ECON



Chế độ này giúp lái xe tiết kiệm nhiên liệu.

## » Chế Độ ECON

Khi ở chế độ **ECON**, hệ thống điều khiển khí hậu sẽ kém hiệu quả hơn và xe tăng tốc chậm hơn.



## Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo

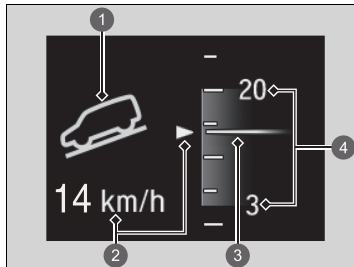
Khi lái xe xuống dốc mà phanh động cơ không đủ để giảm tốc xe, hệ thống này sẽ giúp duy trì tốc độ xe mà không cần nhấn bàn đạp phanh.

### ■ Điều Kiện Hoạt Động Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo

Hệ thống hoạt động trong các điều kiện sau.

- Lái xe với tốc độ khoảng 3-20 km/h.
- Lái xe xuống dốc.
- Không nhấn bàn đạp ga và bàn đạp phanh.

### ■ Màn hình giao diện thông tin cho người lái



- 1 Trạng thái hoạt động của hệ thống
  - Xanh lục: Hoạt động
  - Trắng: Chế độ chờ
- 2 Hiện thị tốc độ xe
  - Trắng: Thiết lập tốc độ
  - Xám: Tốc độ xe đang chạy
    - Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá tốc độ hoạt động.
- 3 Tốc độ xe đang chạy
- 4 Phạm vi hoạt động của tốc độ đã thiết lập

### ►► Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo

## ⚠ CẢNH BÁO

Hệ thống hỗ trợ đỗ đèo không thể duy trì tốc độ xe ổn định trong mọi tình huống.

Khi lái xe xuống dốc hoặc trên mặt đường trơn trượt, xe có thể không duy trì được tốc độ và có thể xảy ra va chạm dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.

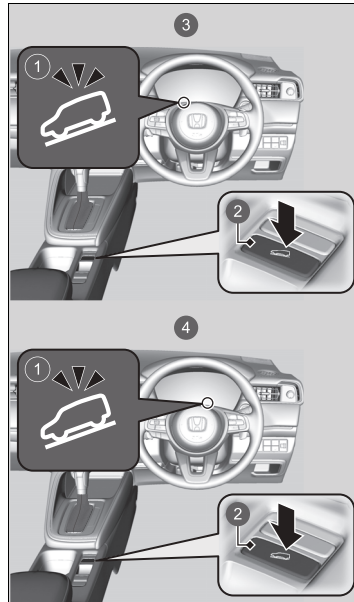
Vì Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo không có chức năng tăng giới hạn hoạt động của xe, nên người lái phải luôn lưu ý về tình trạng mặt đường để đảm bảo lái xe an toàn.

Đèn phanh tự động sáng khi hệ thống đang hoạt động.

Hệ thống có thể không hoạt động khi lái xe xuống dốc thấp. Hãy kiểm tra đèn báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo để xem hệ thống có hoạt động không.

Hệ thống có thể hoạt động ngay cả khi không lái xe xuống dốc, như khi xe bị nghiêng khi đi trên các bề mặt không bằng phẳng.

## ■ Cách Vận Hành Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo



- ① Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo
- ② Nút  (Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo)
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại B

### ■ Bật hệ thống

Khi tốc độ xe dưới 20 km/h, ấn nút  để bật hệ thống.

- Hệ thống chuyển sang chế độ chờ và đèn báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo (trắng) sáng.

Khi đáp ứng tất cả các điều kiện, hệ thống sẽ hoạt động và xe bắt đầu duy trì tốc độ xe khi xuống dốc.

- Đèn báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo (xanh lục) sáng khi hệ thống hoạt động.

### ■ Điều chỉnh tốc độ cài đặt

Nhấn bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh để điều chỉnh tốc độ xe trong phạm vi hoạt động. Tốc độ xe tại thời điểm bạn nhả bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh sẽ là tốc độ được thiết lập.

### ■ Tắt hệ thống

Ấn nút  để tắt hệ thống.

## ►►Cách Vận Hành Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo

Sử dụng liên tục hệ thống trong thời gian dài sẽ làm phanh bị nóng lên và làm cho hệ thống tạm thời chuyển sang chế độ chờ.

Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo sẽ tắt mỗi khi bạn tắt nguồn điện, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống này vào lần lái xe gần đây nhất.

Bàn đạp có thể rung hoặc bạn có thể nghe thấy tiếng hệ thống chạy khi hệ thống đang hoạt động.

## ►►Tắt hệ thống

Khi tốc độ xe từ 60 km/h trở lên, hệ thống sẽ tự động tắt.

## Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Hệ thống cũng hỗ trợ trong việc duy trì lực bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này có thể thực hiện như vậy bằng cách điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

### ■ Hoạt Động Của VSA



- ❶ Đèn Báo Hệ Thống VSA
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi VSA hoạt động, bạn có thể thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy âm thanh từ hệ thống phanh thủy lực và nhìn thấy đèn báo nhấp nháy.

### ►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích thước và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức tiêu chuẩn.

Nếu đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng suốt trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

VSA không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi tình huống và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp ở mọi điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA là Điều Khiển Ổn Định Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC)\* (hỗ phách), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), TẮT hỗ trợ ổn định xe (VSA), áp suất lốp thấp/TPMS\*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp\* và hỗ trợ an toàn (hỗ phách)\* có thể sáng sau khi lắp lại ắc quy.

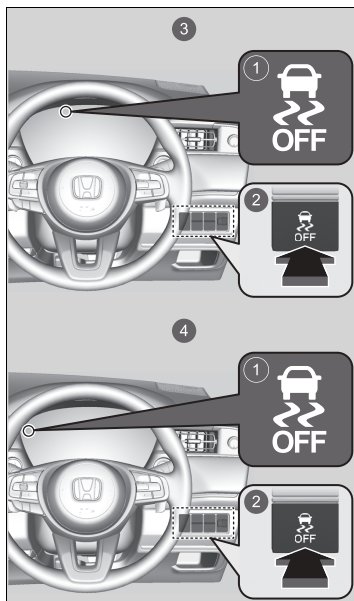
Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Lái Xe

## ■ Bật và Tắt VSA



- ① Đèn Báo **TẮT** VSA
- ② Nút
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nút này nằm ở trên bảng điều khiển phía người lái. Để tắt chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

Để bật lại chức năng/tính năng của VSA, ấn nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

VSA sẽ được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, cho dù bạn đã tắt tính năng này vào lần lái xe gần đây nhất.

## ►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

Ở một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt VSA tạm thời.

Khi ấn nút , khả năng bám đường sẽ giảm cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

## Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Khi cần, hãy phanh nhẹ các bánh xe trước khi bạn xoay vô lăng để giúp hỗ trợ ổn định và vận hành xe trong khi rẽ.

### ► Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi tình huống. Bạn vẫn cần lái và rẽ với tốc độ phù hợp trong mọi điều kiện và luôn giữ khoảng cách an toàn.

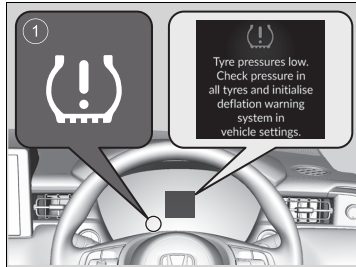
Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng suốt trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh hoạt động. Điều này là bình thường.

Loại xe Đài Loan

## Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống TPMS trên xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hay nhiều lốp bị non hơi.



Điều này sẽ làm cho đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

### ① Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/ TPMS

#### ■ Hiệu Chỉnh TPMS

Bạn phải hiệu chỉnh TPMS mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh TPMS:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

► **Kiểm Tra Lốp** Tr. 573

Đảm bảo:

- Xe dừng hoàn toàn.
- Cần số ở **P**.
- Chế độ nguồn ở BẬT.

#### ►►Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)

Hệ thống không theo dõi lốp khi lái ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm cho đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng.

Nếu kiểm tra và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ẩm hơn.

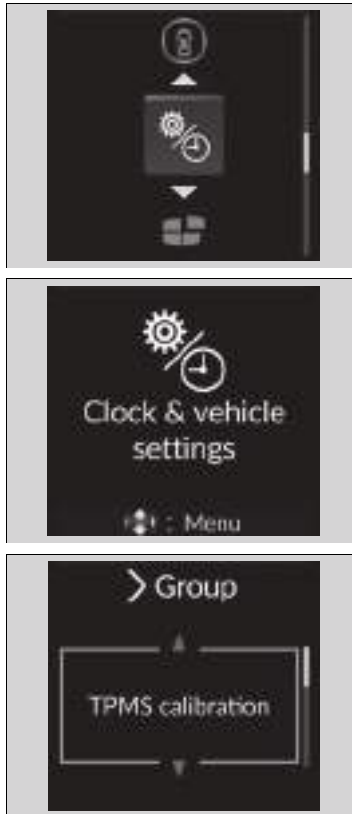
Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

TPMS sẽ không hoạt động hiệu quả nếu lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.

► **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 573

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp (hỗ phách), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), TẮT hỗ trợ ổn định xe (VSA), áp suất lốp thấp/TPMS và hỗ trợ an toàn (hỗ phách) sáng, đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút để chọn (Cài Đặt) sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock & vehicle settings** (Cài đặt đồng hồ và xe), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **TPMS calibration** (hiệu chỉnh TPMS) xuất hiện trên màn hình hiển thị.

4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.  
► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, bạn có thể chọn **Cancel** hoặc **Calibrate**.

#### ►► Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:

- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng đột ngột.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng trong các trường hợp sau:

- Có một lốp phải tải nặng hơn và các lốp tải không đều so với khi hiệu chỉnh.
- Sử dụng xích bọc lốp.

#### ►► Hiệu Chỉnh TPMS

Quy trình hiệu chỉnh phải mất khoảng 30 phút khi lái xe với tốc độ từ 40-100 km/h.

Trong thời gian hiệu chỉnh, nếu chế độ nguồn ở bật và xe không chạy trong vòng 45 giây, đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ sáng một lúc.

Điều này là bình thường và thể hiện rằng quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp, hãy tháo xích đó ra trước khi hiệu chỉnh TPMS.

Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng ngay cả khi dùng loại lốp thường được bơm đúng áp suất quy định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng chủng loại và cùng kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy tham khảo đại lý để biết chi tiết.



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **Calibrate**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình **Calibration started** (Bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị sẽ trở lại màn hình danh mục tùy chọn.

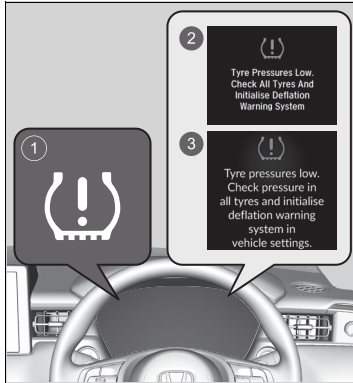
- Nếu thông báo **Calibration failed to start** (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.



Ngoại trừ loại xe Đà Loan

## Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp của xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hay nhiều lốp bị non hơn.



- ❶ Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Điều này sẽ làm cho đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

### ►► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm cho đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

Nếu kiểm tra và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ẩm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không hoạt động hiệu quả nếu lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.

#### ► Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 573

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp (hỗ phanh)\*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), TẮT hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp và hỗ trợ an toàn (hỗ phanh) sáng đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ■ Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

📖 **Kiểm Tra Lốp** Tr. 573

Đảm bảo:

- Xe dừng hoàn toàn.
- Cẩn ở số **P**.
- Chế độ nguồn ở BẬT.

## » Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp\*

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ sáng chậm hoặc không sáng khi bạn:

- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng đột ngột.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp\*.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ sáng trong các điều kiện sau:

- Có một lốp phải tải nặng hơn và các lốp tải không đều so với khi hiệu chỉnh.
- Sử dụng xích bọc lốp\*.

## » Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Quy trình hiệu chỉnh mất khoảng 30 phút khi lái xe với tốc độ từ 40-100 km/h.

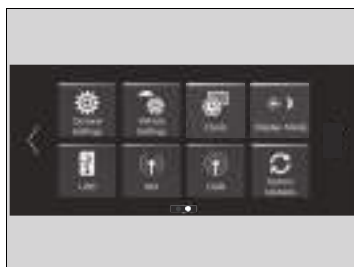
Trong thời gian hiệu chỉnh, nếu đặt chế độ nguồn ở bật và xe không chạy trong vòng 45 giây, đèn báo áp suất lốp thấp sẽ sáng một lúc. Điều này là bình thường và thể hiện rằng quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp\*, hãy tháo chúng ra trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng ngay cả khi dùng loại lốp thường được bơm đúng áp suất quy định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

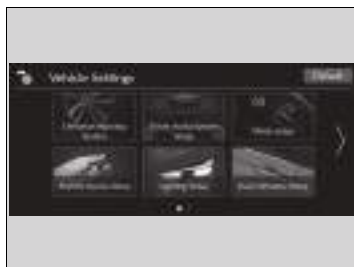
Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng chủng loại và cùng kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy tham khảo đại lý để biết chi tiết.

Loại xe Australia

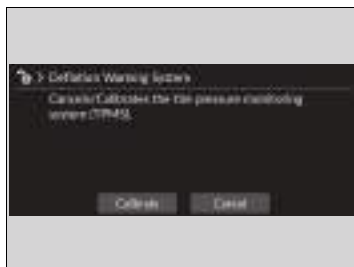


Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng tính năng tùy chọn trên màn hình âm thanh/thông tin.

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút .
3. Chọn **Vehicle Settings**.



4. Chọn **Deflation Warning System**.



5. Chọn **Calibrate** hoặc **Cancel**.
  - Nếu thông báo **Calibration Failed to Start**. (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, lặp lại bước 5.
  - Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Ngoại trừ loại xe Australia



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút  để chọn  (Cài Đặt), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock & vehicle settings**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Deflation warning system** (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp) xuất hiện trên màn hình hiển thị.

4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.  
► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, khi đó bạn có thể chọn **Cancel** hoặc **Initialise**.



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **Initialise**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình **Calibration started** (Bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị sẽ trở lại màn hình danh mục tùy chọn.

- Nếu thông báo **Failed** (Không thành công) xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

## Honda Sensing\*

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ người lái, sử dụng camera trước được gắn ở bên trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.

Honda Sensing có các chức năng sau.

### ■ Chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

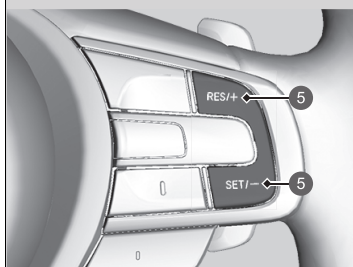
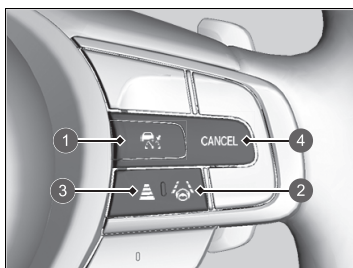
- Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) 📖 Tr. 433
- Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường 📖 Tr. 480
- Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước\* 📖 Tr. 489
- Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\* 📖 Tr. 494

### ■ Chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp 📖 Tr. 446
- Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) 📖 Tr. 467

Lái Xe

## ■ Công Tắc Vận Hành Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp/Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)



### ❶ Nút

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoặc ấn để hủy hệ thống.

### ❷ Nút LKAS

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS hoặc ấn để hủy hệ thống.

### ❸ Nút Khoảng Cách

Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

### ❹ Nút CANCEL

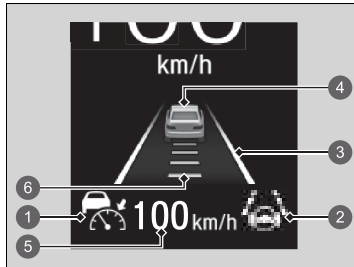
Ấn để hủy ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

### ❺ Nút RES/+ và SET/-

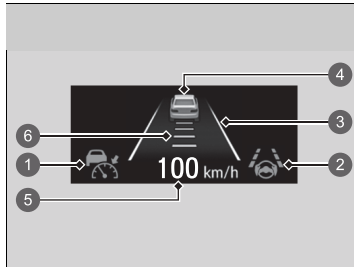
Ấn để thiết lập hoặc bật lại ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoặc điều chỉnh tốc độ xe.

## Nội Dung Hiện Thị Trên Đồng Hồ Đo

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Bạn có thể thấy được trạng thái của Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp và Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).

- 1 Biểu thị ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp đã sẵn sàng hoạt động.
  - Trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
  - Xanh lục: Hệ thống bật.
  - Hở phách: Hệ thống có sự cố.
- 2 Biểu thị LKAS đã sẵn sàng hoạt động.
  - Trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
  - Xanh lục: Hệ thống bật.
  - Hở phách: Hệ thống có sự cố.
- 3 Biểu thị LKAS hoạt động và phát hiện được các vạch báo làn đường hay không.
  - Vạch Báo Màu Trắng: Phát hiện vạch báo làn đường.
  - Vạch Báo Màu Xanh Lục: Hệ thống bật.
  - Vạch Báo Màu Hở Phách: Phát hiện làn đường.
- 4 Biểu thị ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có phát hiện xe phía trước hay không.
- 5 Biểu thị ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ thấp hiển thị tốc độ xe được thiết lập.
  - Trắng: Tốc Độ Xe Được Thiết Lập
  - Xám: Tốc Độ Xe Thiết Lập Trước Đó
- 6 Biểu thị ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hiển thị khoảng cách xe đã thiết lập.



## Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Hệ thống này có thể hỗ trợ bạn khi xe bạn có nguy cơ va chạm vào sau xe chạy phía trước (gồm cả xe máy), va chạm vào đầu xe đang đến gần, va chạm vào người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời giúp giảm tốc độ xe, giảm thiểu va chạm và giảm nguy cơ thương vong do va chạm.

### 📺Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

#### **Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn**

CMBS có chức năng làm giảm thương vong do va chạm không thể tránh khỏi. Hệ thống không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động. Bạn cần vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS không hoạt động hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:

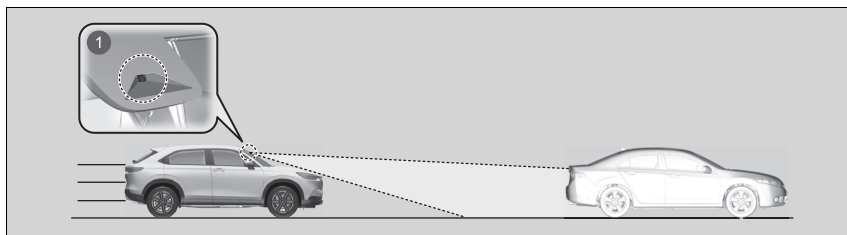
📺**Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 439

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trước trang bị cho hệ thống này.

📺**Camera Trước** Tr. 500

Sau khi được kích hoạt, CMBS sẽ vẫn hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga. Tuy nhiên, chức năng này sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

## ■ Cách hoạt động của hệ thống



❶ Camera trước được đặt sau gương chiếu hậu.

Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng từ 5 km/h trở lên và sẽ tìm kiếm xe khác, tìm kiếm người đi bộ hay xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

CMBS hoạt động khi:

- Phát hiện chênh lệch giữa tốc độ xe bạn và xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước khoảng 5 km/h và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe bạn khoảng 30 km/h trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với xe đang đến gần được phát hiện khi bạn rẽ trái<sup>\*1</sup>/rẽ phải<sup>\*2</sup> tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe bạn khoảng 100 km/h trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:
  - Xe phía trước đang đến gần hoặc không di chuyển.
  - Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

\* 1: Loại Vô Lãng Bên Trái

\* 2: Loại Vô Lãng Bên Phải

## » Cách hoạt động của hệ thống

Camera trước ở CMBS cũng có tính năng phát hiện người đi bộ.

Tuy nhiên, tính năng phát hiện người đi bộ này không hoạt động hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe bạn ở các điều kiện nhất định.

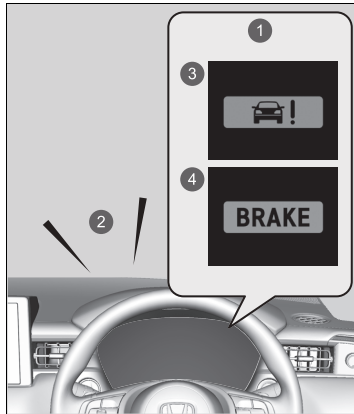
Tham khảo thông tin về hạn chế phát hiện người đi bộ.

► Điều Kiện và Hạn Chế Của CMBS Tr. 439

CMBS sẽ bị hủy khi xe bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn nguy cơ xảy ra va chạm.

CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái điều khiển vô lăng và sử dụng bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh bị va chạm.

### ■ Khi hệ thống hoạt động



Hệ thống phát cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng lại nếu tránh được va chạm.

► Thực hiện hành động phù hợp để tránh va chạm (gài phanh, chuyển làn, v.v.).

- ① Cảnh Báo Bằng Hình Ảnh
- ② Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
- ③ Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, Đài Loan và Mỹ La Tinh
- ④ Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, Đài Loan và Mỹ La Tinh

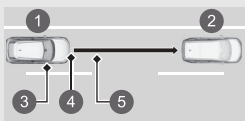
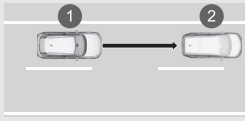
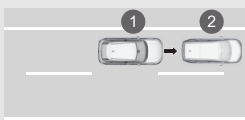
Ở giai đoạn cảnh báo va chạm sớm nhất của hệ thống, bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Far/Normal/Near**)\* (Xa/Trung Bình/Gần)\*, (**Long/Normal/Short**)\* (Dài/Trung Bình/Ngắn)\* giữa các xe thông qua tùy chọn cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

📺 **Cài Đặt\*** Tr. 142

📺 **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 341

### ■ Giai Đoạn Cảnh Báo Va Chạm

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

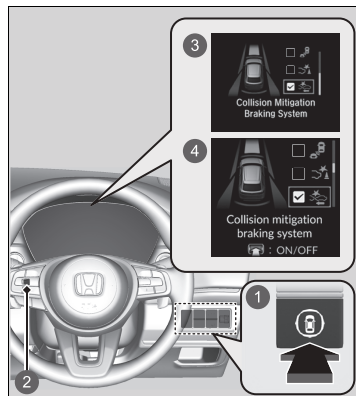
| Khoảng cách giữa các xe |                                                                                    | CMBS                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                         |                                                                                    | Cảm biến phát hiện xe                                      | CẢNH BÁO bằng Âm Thanh và Hình Ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phanh     |
| Giai đoạn một           |   | Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước.              | Khi cài đặt ở <b>Far*</b> (Xa*) hoặc <b>Long*</b> (Dài*), cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn từ xe phía trước so với cài đặt ở <b>Normal</b> (Trung Bình), và khi cài đặt ở <b>Near*</b> (Gần*) hoặc <b>Short*</b> (Ngắn*), khoảng cách sẽ gần hơn so với cài đặt ở <b>Normal</b> . | —         |
| Giai đoạn hai           |   | Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm. | Các cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhấn nhẹ  |
| Giai đoạn ba            |  | CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhấn mạnh |

- ① Xe Bạn
- ② Xe Phía Trước
- ③ Xa\* hoặc Dài\*
- ④ Trung Bình
- ⑤ Gần\* hoặc Ngắn\*

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Lái Xe

## ■ Bật và Tắt CMBS



- 1 Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
- 2 Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- 3 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 4 Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi bật và tắt CMBS, hãy làm như sau.

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến biểu tượng và ấn.
  - Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bật hoặc tắt hệ thống.
  - Dấu tích sẽ xuất hiện và màu của biểu tượng sẽ chuyển sang màu xanh lục khi bật hệ thống. Dấu tích sẽ biến mất và màu của biểu tượng sẽ chuyển sang màu xám khi tắt hệ thống.

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn bật nguồn ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống này ở lần lái xe gần đây nhất.

## ►►Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Không tắt được CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (hỗ phách) sẽ sáng và sáng suốt ở các điều kiện nhất định.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 439

CMBS không hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi bật nguồn.

Bạn có thể chọn thông tin hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)** Tr. 129

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp (hỗ phách), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), TẮT hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp\*, áp suất lốp thấp/TPMS\* và hỗ trợ an toàn (hỗ phách) sáng lên đồng thời thông báo xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu phát hiện hệ thống có gì bất thường (như thông báo cảnh báo xuất hiện liên tục).

## ■ Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Hệ thống có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (hỗ phách) sẽ sáng ở các điều kiện nhất định. Sau đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của CMBS.

📷 Camera Trước Tr. 500

### ■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác, người đi bộ hay xe đạp đang di chuyển).

### ■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hay có dốc.
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

#### ■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lắp xích bọc lốp\*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

Lái Xe



■ Ví dụ về các hạn chế phát hiện của camera trước do tình trạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước

- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước quá gần.
- Xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển bất ngờ cắt ngang phía trước mặt hoặc bất ngờ lao ra.
- Xe đạp đã dừng.
- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không nhận ra.
- Khi có nhóm người đi bộ hoặc xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước hoặc xe đang đến gần sáng ở một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi bộ phận trên cơ thể của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị hành lý che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hay ngồi xổm, hoặc khi họ giơ tay hay chạy.
- Khi người đi bộ cao dưới 1 mét hay cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.

▶▶Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Đảm bảo tất cả các lốp có cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu được chỉ định và mòn đều. Nếu bạn sử dụng lốp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động kém hiệu quả.

### ■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống

#### Loại xe Mỹ La Tinh

- Khi xe phía trước xe bạn là xe máy nhỏ, xe máy có thùng bên cạnh, xe lăn hoặc xe có hình dạng đặc biệt.

#### Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh

- Khi xe phía trước xe bạn là xe máy nhỏ, xe máy có thùng bên cạnh, xe lăn, xe ba bánh hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hàng lý, hoặc loại xe hẹp.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.
- Sự chênh lệch tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần hay người đi bộ phía trước quá lớn.
- Khi xe khác hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc đột ngột.
- Khi người lái điều khiển bàn đạp phanh và vô lăng để tránh va chạm.
- Khi xe bạn đến gần xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển thì xe bạn tăng tốc nhanh hoặc xoay vô lăng (trừ khi rẽ trái<sup>\*1</sup>/phải<sup>\*2</sup> tại đoạn đường giao nhau, v.v.)<sup>\*3</sup>.
- Khi xe đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các loại xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi camera trước không nhận diện đúng hình dạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ phía trước hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước rất cao.

\*1: Loại Vô Lăng Bên Phải

\*2: Loại Vô Lăng Bên Trái

\*3: Khi có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước với xe đang đến gần trong khi rẽ trái<sup>\*1</sup>/rẽ phải<sup>\*2</sup>, CMBS sẽ hoạt động. Tuy nhiên, hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn xoay vô lăng đột ngột.

### ■ Tự động tắt

CMBS có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (hỗ phách) sẽ sáng và sáng suốt khi:

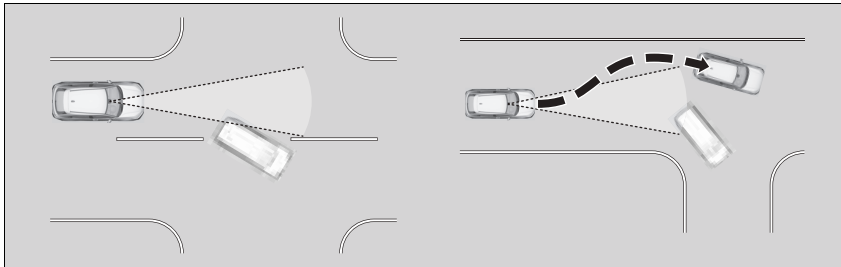
- Bạn lái xe trên đường gồ ghề, đường núi, hoặc quanh co và gặp ghềnh trong thời gian dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera trước quá cao.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (lốp không cùng kích cỡ, lốp bị xẹp, v.v.).

Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

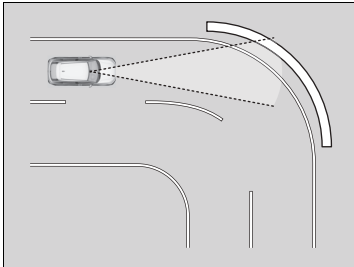
### ■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

Ngay cả khi ít khả năng xảy ra va chạm, CMBS có thể hoạt động trong các điều kiện sau:

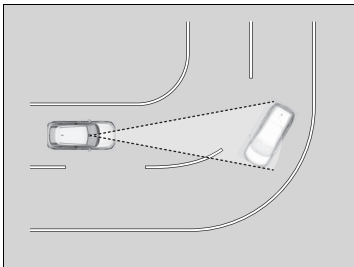
- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc phải.
- Xe của bạn tiến gần đến xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.
- Xe của bạn tiến gần đến xe khác ở đoạn đường giao nhau, v.v.



- Bạn lái xe qua cổng thấp hoặc hẹp vượt tốc độ giới hạn.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.



- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang tới ở ngay phía trước mặt bạn.

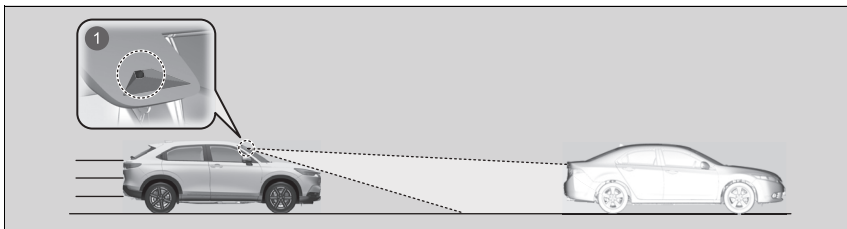


- Khi xe bạn đến gần xe khác đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

## Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.



① Camera trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

- Tốc độ xe cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp: **Phát hiện xe phía trước trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp** – ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoạt động ở tốc độ lên tới 180 km/h.  
**Không phát hiện xe nào trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp** – ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoạt động ở tốc độ từ 30 km/h trở lên.
- Vị trí số cho ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp: Ở **D**.

►►Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

### ⚠CẢNH BÁO

Sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện thời tiết tốt.

### ⚠CẢNH BÁO

ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có khả năng phanh hạn chế và không thể làm cho xe bạn dừng lại đúng lúc để tránh xảy ra va chạm với xe đột ngột dừng ngay trước xe bạn.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

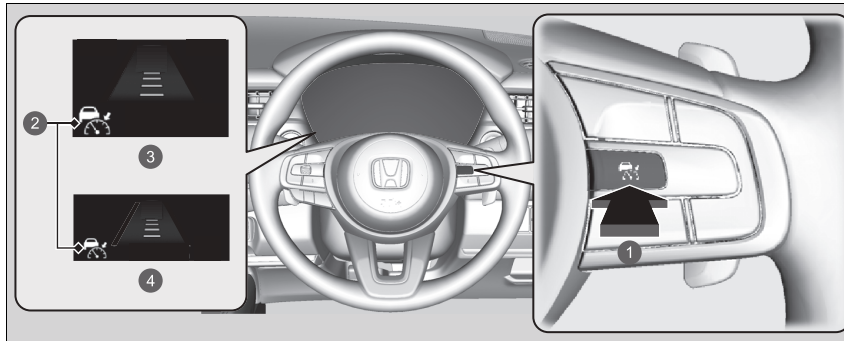
### Nhắc Nhớ Quan Trọng

Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần, và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trước được trang bị cho hệ thống này.

► Camera Trước Tr. 500

## ■ Cách kích hoạt hệ thống



- ❶ Nút .  
Ấn nút trên vô lăng.
- ❷ Đèn Báo (Trắng) sáng trên đồng hồ đo.  
ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẵn sàng để sử dụng.
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❹ Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ►►Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

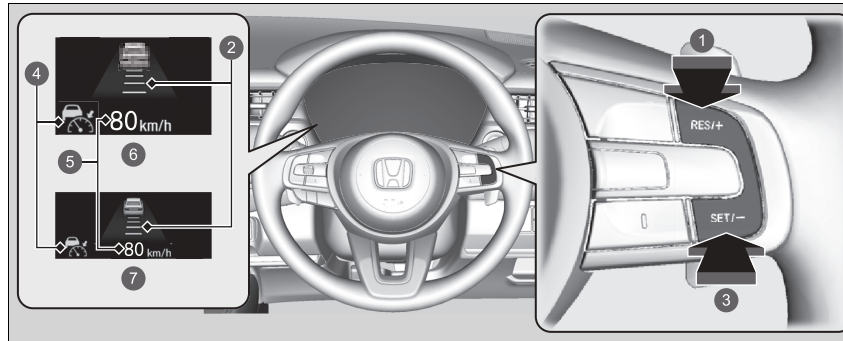
ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể không hoạt động tốt trong các điều kiện nhất định.

### ► Điều Khiển và Hạn Chế của ACC có Hỗ Trợ Chuyển Tốc Độ Thấp Tr. 456

Không sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp trong những điều kiện sau:

- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và đi liên tục. ACC không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hay các vật thể khác chắn giữa làn đường hay ở khu vực đỗ xe hoặc các thiết bị truy cập khi lái.
- Lái xe trong thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến hệ thống không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Đường trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể bị trượt và làm xe có thể bị mất lái.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

## ■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



- ① Nút **RES/+**  
Ấn và nhả
- ② Sáng khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bắt đầu hoạt động
- ③ Nút **SET/-**  
Ấn và nhả
- ④ Đèn Báo (Xanh Lục)
- ⑤ Tốc Độ Xe Đã Được Thiết Lập (Trắng)
- ⑥ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ⑦ Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ►►Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

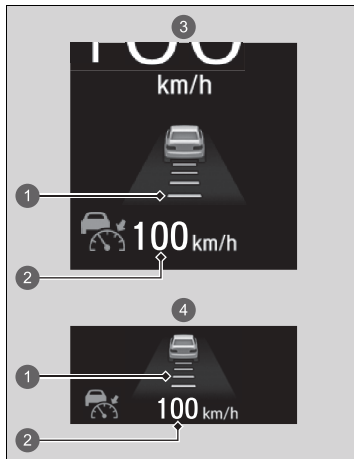
Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp (hỗ phách), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), TẮT hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp\*, áp suất lốp thấp/TPMS\* và hỗ trợ an toàn (hỗ phách) sáng lên sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng được ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



**Khi lái xe ở tốc độ từ 30 km/h trở lên:** Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn. Vào thời điểm bạn nhả nút, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định, và ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ bắt đầu hoạt động.

**Khi lái xe ở tốc độ dưới 30 km/h:** Nếu xe đang chạy và không nhấn bàn đạp phanh thì việc bạn ấn nút sẽ thiết lập tốc độ là khoảng 30 km/h cho dù tốc độ hiện tại là bao nhiêu.

Nếu xe đang đứng yên, bạn có thể thiết lập tốc độ xe ngay cả khi nhấn bàn đạp phanh.



Khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã được thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

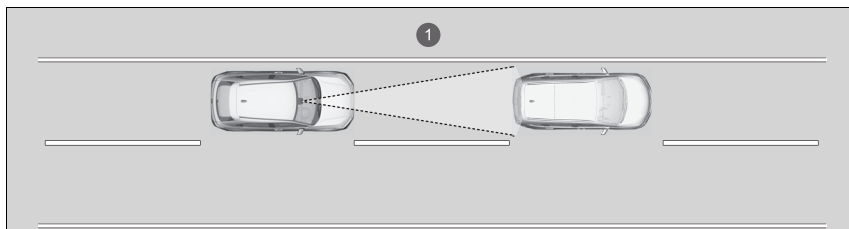
- ❶ Khoảng Cách Xe Được Thiết Lập
- ❷ Tốc Độ Xe Được Thiết Lập
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❹ Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ■ Khi Hoạt Động

### ■ Có xe phía trước

ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ giám sát nếu xe phía trước xe bạn đi vào phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Trong trường hợp này, hệ thống ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã được thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

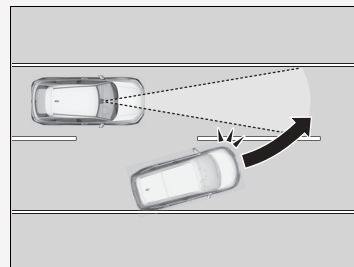
❏ **Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Giữa Các Xe Tr. 462**



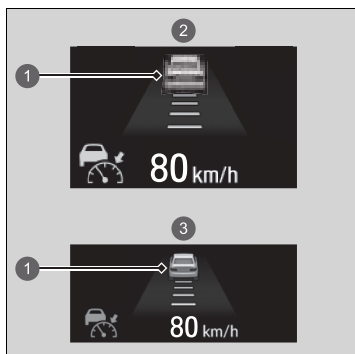
❶ Phạm Vi Của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp: 120 m

## » Khi Hoạt Động

Nếu xe phía trước giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang phía trước, tiếng bíp sẽ vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



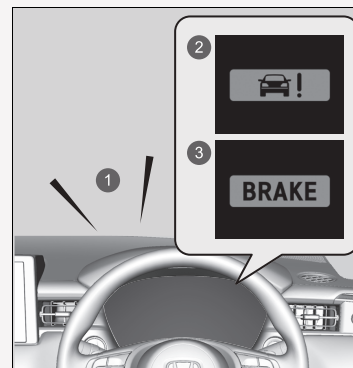
Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.



- ❶ Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo.
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

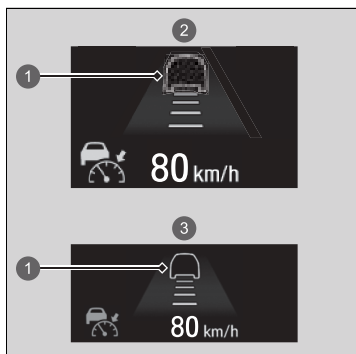
Khi có một xe khác chạy đến với tốc độ thấp hơn tốc độ xe bạn đã cài đặt và cắt ngang qua đầu xe bạn và camera trước phát hiện ra, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

#### ►►Khi Hoạt Động



- ❶ Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
- ❷ Ngoại trừ loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, Đài Loan và Mỹ La Tinh
- ❸ Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, Đài Loan và Mỹ La Tinh

## ■ Không có xe phía trước



- ❶ Biểu tượng xe dưới dạng nét đứt xuất hiện trên đồng hồ đo
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ■ Khi bạn nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn nếu có xe ở trong phạm vi của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ trở lại tốc độ phù hợp để giữ khoảng cách với xe khác trong khi xe phía trước ở trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

Xe của bạn duy trì tốc độ đã được thiết lập mà không phải giữ chân trên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga. Nếu trước đó phát hiện ra xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã được thiết lập, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

Khi xuống dốc cao trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp hoạt động, hệ thống sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập. Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

## ►►Khi Hoạt Động

Ngay cả khi phát hiện khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước gần, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước chạy với tốc độ gần bằng xe bạn hoặc nhanh hơn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy với tốc độ nhanh hơn xe bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát ra tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Chọn bật và tắt tiếng bíp phát hiện xe.

► Cài Đặt\* Tr. 142

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

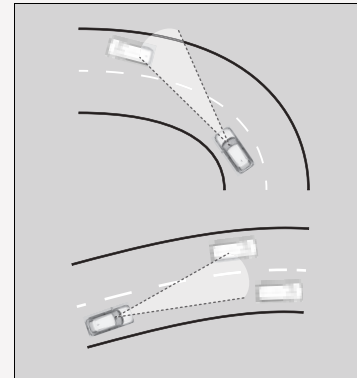
## Hạn chế

Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Bên cạnh đó, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể không hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định.

► Điều Kiện và Hạn Chế của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp Tr. 456

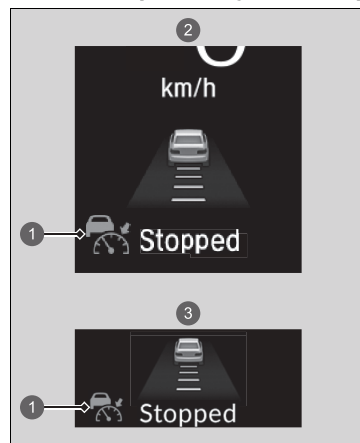
#### ►►Khi Hoạt Động

- ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc vùng xung quanh tùy thuộc vào điều kiện đường (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc tình trạng xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc thay đổi vị trí xe trong làn đường).



- Khi xe phía trước di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc khu vực trạm đỗ nghỉ, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

■ Giảm tốc độ và dừng khi phát hiện xe phía trước ở trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp



Xe của bạn cũng tự động dừng. Thông báo **Stopped** (Dừng) xuất hiện trên đồng hồ đo. Khi xe phía trước tiếp tục chạy, biểu tượng xe trên đồng hồ đo sẽ nhấp nháy. Nếu bạn ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, hoặc nhấn bàn đạp ga, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ tiếp tục hoạt động trong phạm vi tốc độ đã cài đặt trước đó.

- ① Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Xanh Lục)
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Giảm tốc độ và dừng khi phát hiện xe phía trước ở trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

**⚠ CẢNH BÁO**

Khi xe đã dừng xe và ra khỏi xe trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp vẫn đang hoạt động có thể làm xe di chuyển mà không kiểm soát được.

Xe di chuyển không có kiểm soát có thể dẫn đến va chạm, gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi xe dừng bằng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.



- ❶ Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Xanh Lục)
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nếu không có xe nào phía trước xe bạn trước khi bạn tiếp tục lái xe, hãy nhấn bàn đạp ga và ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ tiếp tục hoạt động trong phạm vi tốc độ đã cài đặt trước đó.

### ■ Điều Kiện và Hạn Chế của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

Hệ thống có thể tự động tắt trong những điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng ACC.

📷 Camera Trước Tr. 500

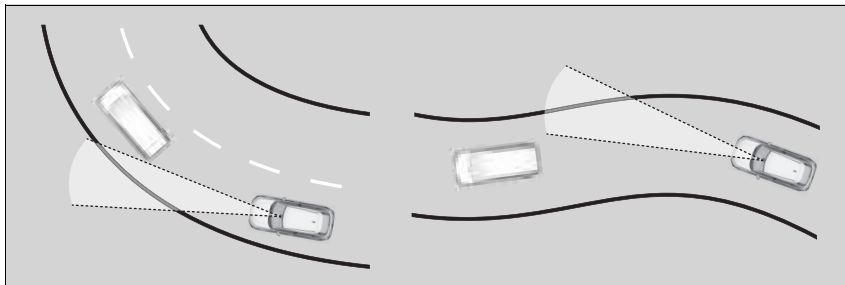
#### ■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).



### ■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hay có dốc.



- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

### ■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp\*.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc nơi tối (ví dụ: hầm) với đèn chiếu sáng bị tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Lái Xe

■ **Ví dụ về các điều kiện mà camera trước không phát hiện ra xe phía trước**

- Khi xe khác bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Khi xe phía trước hòa lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không thể nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước sáng một bên hoặc cả hai bên đều không sáng khi xe đi vào chỗ tối.

■ Ví dụ về các điều kiện khiến hệ thống có thể không hoạt động hiệu quả

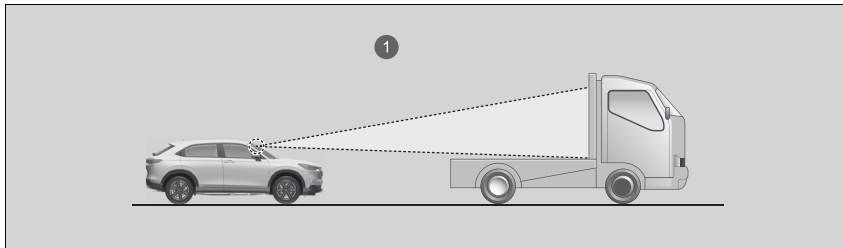
- Xe phía trước dừng và chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe phía trước quá lớn.
- Khi xe phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi xe phía trước có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hàng lý, hoặc loại xe hẹp.

Loại xe Mỹ La Tinh

- Khi xe phía trước xe bạn có hình dáng đặc biệt.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh

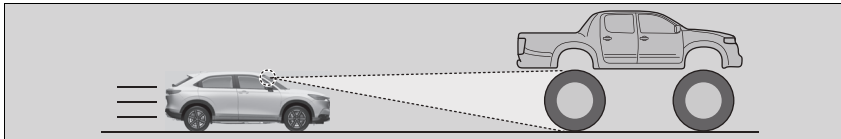
- Khi xe phía trước xe bạn là xe ba bánh hoặc xe có hình dáng đặc biệt.



- ① Camera trước phát hiện xe tải phía trước có thùng xe rỗng.

►►Honda Sensing►Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

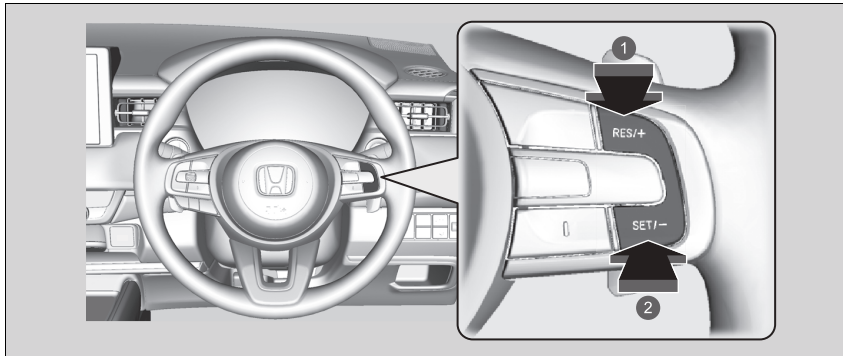
- Khi xe bạn hoặc xe phía trước đang lái ở rìa làn đường.
- Khi xe phía trước là xe kích cỡ nhỏ, chẳng hạn như xe gắn máy.
- Khi khoảng sáng tối thiểu gầm xe của xe phía trước là quá cao.



- Khi camera trước không xác định được chính xác hình dạng của xe phía trước.

## ■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



① Để tăng tốc độ

② Để giảm tốc độ

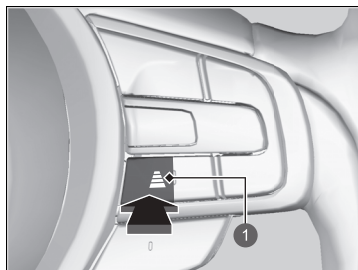
- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Nếu bạn ấn và giữ nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.

## ► Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp không thể tăng tốc độ xe của bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã cài đặt giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả nút **SET/-**, tốc độ xe khi đó sẽ được thiết lập.

### ■ Cài Đặt hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác



① Nút Khoảng Cách

Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp. Mỗi khi ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển giữa rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách lái với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo quy định của địa phương về khoảng cách lái.

Tốc độ xe bạn càng cao, khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa và rất xa càng trở lên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

| Khoảng cách xe |                                                                                   | Khi Tốc Độ Xe Được Thiết lập Là: |                      |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|
|                |                                                                                   | 80 km/h                          | 104 km/h             |
| Gần            |  | 26,6 mét<br>1,2 giây             | 33,7 mét<br>1,2 giây |
| Trung Bình     |  | 34,6 mét<br>1,6 giây             | 44,9 mét<br>1,6 giây |
| Xa             |  | 43,9 mét<br>2,0 giây             | 57,1 mét<br>2,0 giây |
| Rất Xa         |  | 53,6 mét<br>2,4 giây             | 70,0 mét<br>2,4 giây |

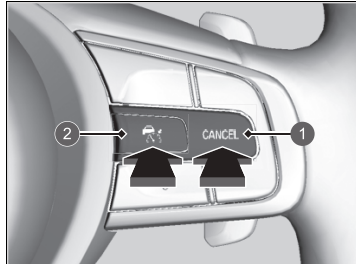
Khi xe bạn dừng tự động do phát hiện xe phía trước dừng, khoảng cách giữa hai xe sẽ thay đổi dựa vào cài đặt khoảng cách ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.

►Cài Đặt hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác

Người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước trong mọi trường hợp và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu và thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao Thông ở địa phương và trách nhiệm của người lái là phải tuân thủ luật.

Lái Xe

## ■ Hủy Chế Độ



① Nút **CANCEL** (Hủy)

② Nút

Để hủy ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
  - Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (trắng).
- Ấn nút .
  - Đèn báo (xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe di chuyển về phía trước.
  - Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (trắng).

## »Hủy Chế Độ

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó: Sau khi bạn đã hủy ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp, bạn có thể kích hoạt ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp với tốc độ đã cài đặt trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn nút **RES/+** ngay cả khi xe đã dừng.

Khi bạn tắt ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ cài đặt trước đó sẽ hiển thị trên đồng hồ đo có màu xám.

Khi ấn nút **RES/+** ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp sẽ hoạt động theo tốc độ đã hiển thị.

Nếu đèn báo (trắng) xuất hiện và bạn ấn nút **RES/+** nhưng tốc độ cài đặt trước đó (màu xám) không hiển thị, tốc độ xe đang chạy sẽ được thiết lập.

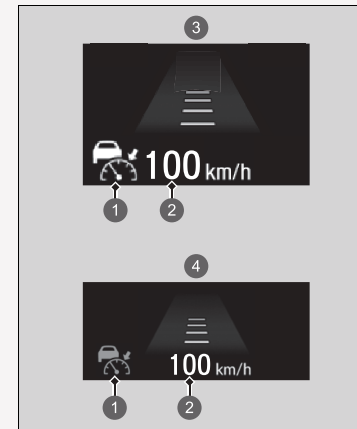


## ■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bị hủy tự động. Bất kỳ trường hợp nào sau đây có thể làm ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp tự động bị hủy:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v)
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường hoặc lốp bị trượt.
- Lái trên đường đồi núi, lái ở đường hiểm trở trong thời gian dài.
- Bề lái đột ngột.
- Khi kích hoạt ABS, VSA hoặc CMBS.
- Khi đèn báo hệ thống VSA sáng.
- Khi xe đang dừng trên dốc cao.
- Khi gài phanh đỗ bằng tay.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe khi ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ: vào lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Khi phát hiện xe khác trong phạm vi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Xe chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lái đi qua khu vực tối ví dụ như trong đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng.
- Nhấn phanh nhiều lần để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).

## »Hủy Chế Độ



- 1 Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (Trắng)
- 2 Tốc Độ Cài Đặt Trước Đó (Xám)
- 3 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 4 Loại xe có đồng hồ đo loại B

Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp bằng nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống sau đó cài đặt tốc độ mong muốn.

ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể bị hủy tự động do các nguyên nhân dưới đây. Trong những trường hợp này, phanh đỗ sẽ tự động được giải.

- Người lái không thắt dây đai an toàn khi xe đứng yên.
- Xe dừng trong hơn 10 phút.
- Tắt nguồn điện.

## Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

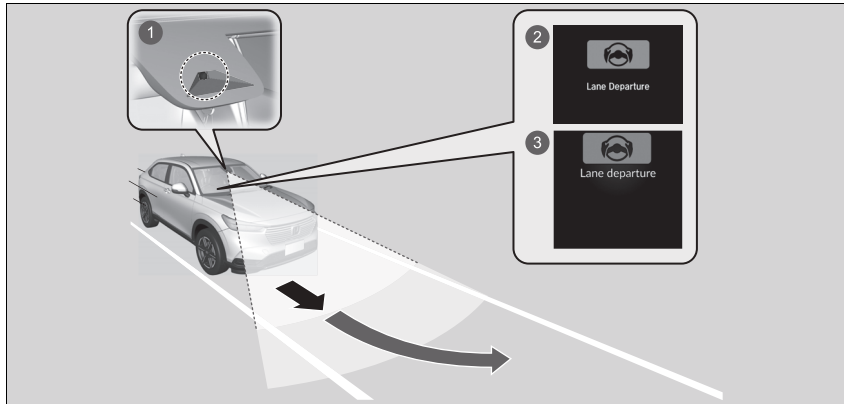
Hệ thống giúp điều khiển hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường đã phát hiện và cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và hình ảnh nếu xe chệch ra khỏi làn đường.

### ■ Hỗ trợ hệ thống lái

Hệ thống tác động mô-men lực lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải. Mô-men lực sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch phân cách làn đường.

### ■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và hình ảnh

Vô lăng rung liên tục và cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường đã được phát hiện.



- 1 Camera trước: Giám sát vạch phân cách làn đường
- 2 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 3 Loại xe có đồng hồ đo loại B

### ►► Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

#### Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện chứ không thể thay thế cho việc điều khiển xe của bạn. Hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển vì các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn đang đi chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ thống LKAS không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trước được trang bị cho hệ thống này.

► Camera Trước Tr. 500

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

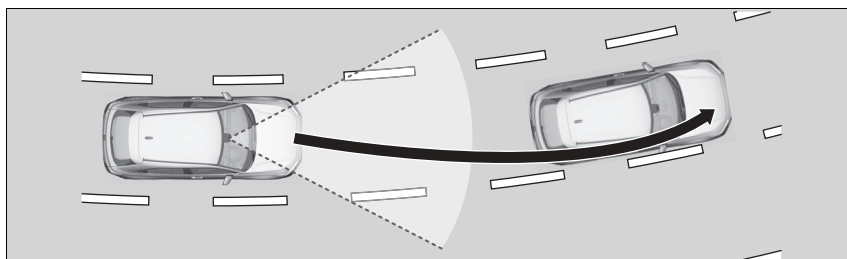
► Điều Kiện Hoạt Động và Hạn Chế của LKAS Tr. 476

Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.

Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và lực mô-men sẽ tác động vào hệ thống lái.

### ■ Chức Năng Hỗ Trợ Giữ Làn Đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống lái trợ lực điện sẽ tăng lên.



Lái Xe

### »»Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

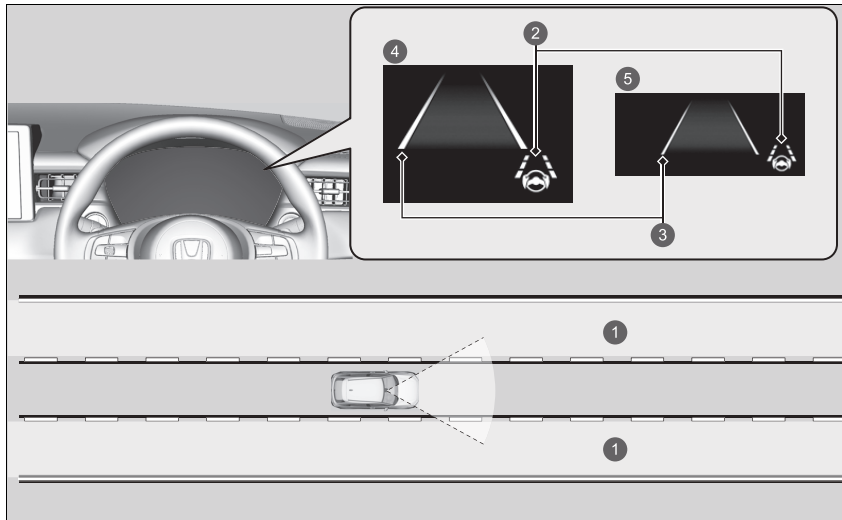
Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

### »»Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

LKAS không thể hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông đông đúc hay trên đường ngoằn ngoèo.

## ■ Chức Năng Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.



- ① Khu Vực Cảnh Báo
- ② Đèn Báo Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Xanh Lục)
- ③ Vạch Báo Làn Đường (Hỗ Phách)
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ⑤ Loại xe có đồng hồ đo loại B

### ■ Có thể Sử Dụng Hệ Thống Khi

Có thể sử dụng hệ thống khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Làn đường đang lái có các vạch báo làn đường để phát hiện ở cả hai bên đường, và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Tốc độ xe khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Lái trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

### ►►Có thể Sử Dụng Hệ Thống Khi

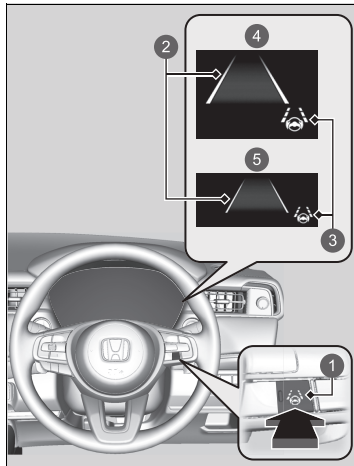
Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đảm bảo thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây để hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera trước luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, lưu ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera trước.
- Không dán nhãn vào khu vực xung quanh camera trước.

Nếu ấn nút LKAS khi có thể sử dụng hệ thống, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.

### ■ Cách kích hoạt hệ thống



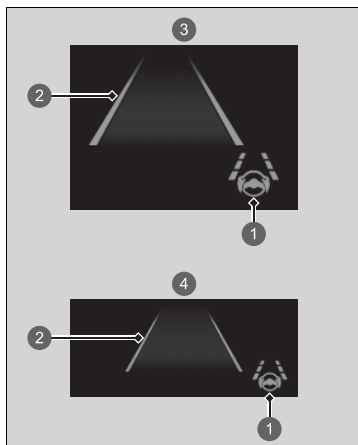
- ❶ Nút LKAS
- ❷ Vạch Báo Làn Đường (Trắng)
- ❸ Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (trắng)
- ❹ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❺ Loại xe có đồng hồ đo loại B

#### 1. Ấn nút LKAS.

► Đèn báo LKAS (trắng) sẽ sáng trên đồng hồ đo.

Hệ thống đang ở chế độ chờ.

► Nếu phát hiện vạch phân cách làn đường, vạch trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.



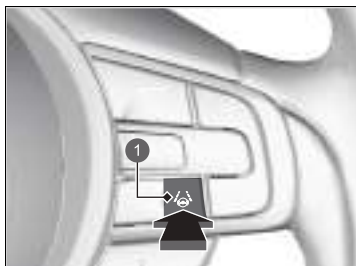
2. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

► Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang xanh lục và vạch trắng chuyển sang xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch báo làn đường bên trái và bên phải.

- ① Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Xanh Lục)
- ② Vạch Báo Làn Đường (Xanh Lục)
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại B



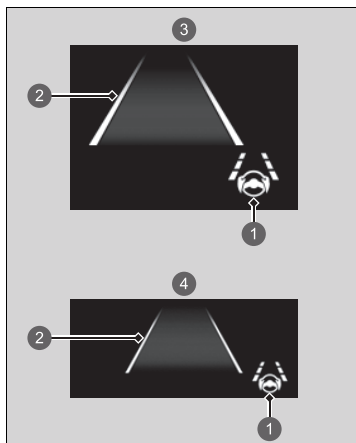
## ■ Hủy Chế Độ



① Nút LKAS

Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt nguồn, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống vào lần lái xe gần đây nhất.



- ❶ Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Trắng)
- ❷ Vạch Báo Làn Đường (Trắng)
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❹ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi LKAS tạm dừng, các vạch phân cách làn đường trên đồng hồ đo chuyển sang màu trắng và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).

#### ■ Hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:

- Nhấn bàn đạp phanh.  
► LKAS tiếp tục hoạt động và lại bắt đầu phát hiện vạch phân cách làn đường khi nhả bàn đạp phanh.
- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h trở xuống.  
► Tăng tốc độ xe lên khoảng 72 km/h trở lên, LKAS sẽ hoạt động trở lại.
- Bạn đang lái xe sang phải hoặc sang trái làn đường.

#### »»Hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho LKAS.  
Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.

► Cài Đặt\* Tr. 142

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

■ **LKAS có thể tự động tạm dừng khi:**

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng nhanh.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe trên đường có góc cua hẹp.
- Lái ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.

LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ **LKAS có thể tự động hủy khi:**

Trong những trường hợp sau, vạch phân cách làn đường kép có thể xuất hiện trên màn hình, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động hủy:

- Nhiệt độ camera trước quá cao.
- Camera trước ở phía sau gương chiếu hậu, hay khu vực quanh camera trước và kính chắn gió bị bẩn.
- Hệ thống ABS hoặc VSA được kích hoạt.

## ■ Điều Kiện và Hạn Chế Của LKAS

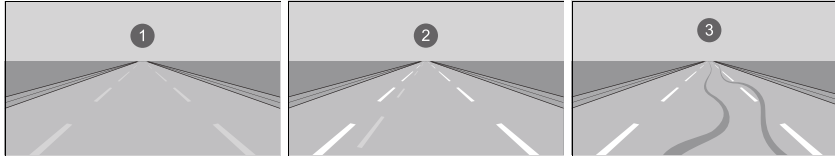
Hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

### ■ Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường là không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, hộ lan, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hay đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua hầm (do ánh sáng yếu, làn đường hoặc mặt đường có thể không được chiếu sáng).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần, không nhìn thấy vạch báo làn đường hoặc mặt đường.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

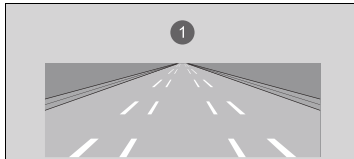
### ■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách làn đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường đã cũ.



- ① Vạch phân cách làn đường mờ  
② Vạch phân cách làn đường trùng lặp  
③ Vết lốp xe

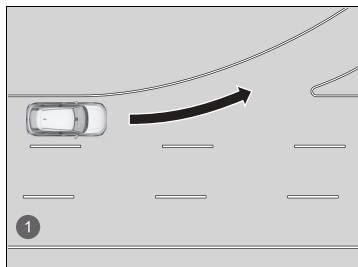
- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hay cắt nhau, ví dụ ở đoạn đường giao nhau hay đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.



- ① Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp

- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc lái gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, hộ lan, cột điện, v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hay màu vàng).
- Lái trên đường gồ ghề hay không lát đá, mặt đường mấp mô.

- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường dính nước hoặc có vũng nước.
- Không nhận diện được chính xác các vạch trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.



- ❶ Vạch phân cách làn đường  
biến mất khi ở ngã tư

#### ■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Lắp xích bọc lốp\*.

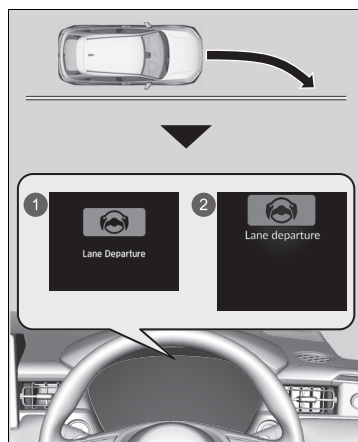
Lái Xe

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần.

### ■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống



- ① Loại xe có đồng hồ loại A
- ② Loại xe có đồng hồ loại B

Camera trước gắn ở phía trên kính chắn gió sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng hoặc màu vàng, giám sát ngoài lề đường (vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc giám sát xe đang đến gần. Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường, chạy ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc xe đang đến gần mà bạn không bật xi nhan thì hệ thống sẽ hoạt động.

- Nếu hệ thống không phát hiện vạch phân cách làn đường (màu trắng hoặc màu vàng) thì hệ thống không thể hỗ trợ việc tránh va chạm với xe đang đến gần. Ngoài việc cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và thông báo cho bạn biết bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

📖 **Cài Đặt\*** Tr. 142

📖 **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 341

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo  **Lane departure\*/Lane Departure\*** (Chệch làn đường) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

### ►► Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

#### ⚠️ Nhắc Nhớ Quan Trọng Về Sự An Toàn

Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cũng có hạn chế.

Quá phụ thuộc vào hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần giữ xe đi đúng làn đường.

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi), phát hiện có xe đang đến gần hoặc phát hiện xe bạn lấn sang làn đường khác mà không bật xi nhan.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc việc lấn làn.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể hỗ trợ bạn do các điều kiện về thời tiết, tốc độ và điều kiện đường xá.

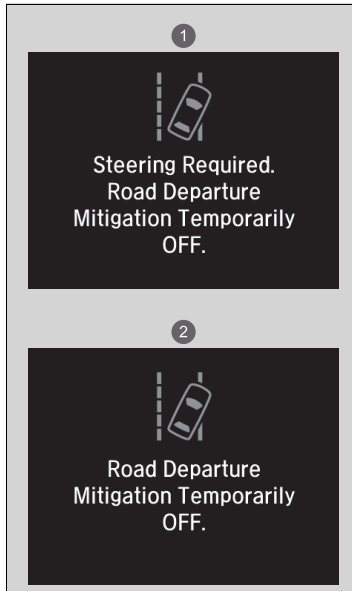
Không kích hoạt Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường trong khoảng 15 giây sau khi bật nguồn.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trước được trang bị cho hệ thống này.

📖 **Camera Trước** Tr. 500



Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc tránh đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc tránh va chạm với xe đang đến gần.



- ❶ Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar, Đài Loan và Mỹ La Tinh
- ❷ Ngoại trừ loại xe Philipin, Lào, Myanmar, Đài Loan và Mỹ La Tinh

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho người lái. Sau đó, tính năng hỗ trợ lái Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ tạm thời dừng và chỉ có âm thanh cảnh báo vang lên.

#### ►►Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể hoạt động tốt ở các điều kiện nhất định:

##### ► Điều Kiện và Hạn Chế của Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 485

Đôi khi bạn không nhận thấy được các chức năng của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

Nếu LKAS tắt và bạn đã chọn **Early\*/Narrow\*** (Sớm\*/Hẹp\*) hoặc **Normal** (Trung Bình) từ các tính năng tùy chọn trên màn hình âm thanh/thông tin, thông báo bên dưới sẽ xuất hiện nếu hệ thống phát hiện xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường, phát hiện xe sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần. Tuy nhiên, nếu bạn đã chọn **Delayed\*/Wide\*** (Muộn\*/Rộng\*) thì thông báo này chỉ xuất hiện nếu xe đi ra ngoài lề đường hoặc phát hiện ra có xe đang đến gần.

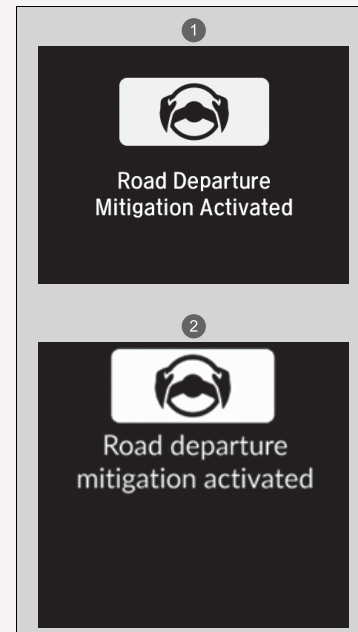
##### ► Cài Đặt\* Tr. 142

##### ► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341



Sau một vài phút, thông báo ở hình ảnh bên trái sẽ xuất hiện và hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ được khôi phục hoàn toàn.

#### ►►Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường



- ① Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Các vạch phân cách làn đường là màu trắng (hoặc màu vàng).  
Tốc độ của xe khoảng từ 72 đến 180 km/h.  
► Có xe đang đến gần.  
Tốc độ của xe khoảng từ 30 đến 180 km/h.
- Ngoài lề đường là cỏ hoặc sỏi.  
Tốc độ của xe khoảng từ 30 đến 180 km/h.
- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Hệ thống xác định được người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.

## »Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

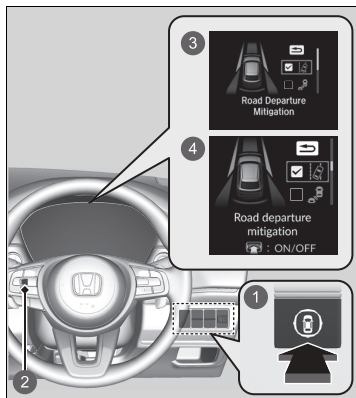
Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (hồ phách) sẽ sáng và sáng suốt.

► Đèn Báo Tr. 106

Chức năng hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở phía trong của đường vòng hoặc ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

## ■ Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường



- ❶ Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
- ❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❹ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Để bật và tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, hãy làm như sau.

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến biểu tượng  và ấn.
  - Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bật hoặc tắt hệ thống.
  - Dấu tích sẽ hiện lên và màu của biểu tượng  sẽ chuyển sang màu xanh lục khi bật hệ thống. Dấu tích sẽ biến mất và màu của biểu tượng  sẽ chuyển sang màu xám khi tắt hệ thống.

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ bật hoặc tắt tương ứng với lựa chọn trước đó của bạn là bật (tích) hoặc tắt (không tích) mỗi lần bạn bật nguồn.

## ►►Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Bạn có thể chọn các thông tin hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

### ► Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A) Tr. 129

Các đèn báo điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng (ACC) có hỗ trợ di chuyển tốc độ thấp (hỗ phách), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), TẮT hỗ trợ ổn định xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp\*, áp suất lốp thấp/TPMS\* và hỗ trợ an toàn (hỗ phách) sẽ sáng màu hỗ phách đồng thời thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

## ■ Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Hệ thống không thể phát hiện đúng vạch phân cách làn đường và vị trí của xe trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

### ■ Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đây (cây cối, tòa nhà, hộ lan, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hay đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua đường hầm (do ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường, mặt đường hoặc xe đang đến gần).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch báo làn đường và bề mặt đường.
- Ngoài lề đường có các đồ vật, vật liệu, v.v ... không phải là cỏ hoặc sỏi.

### ■ Điều kiện đường xá

- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ.
- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hay cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, hộ lan, cột điện v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hay không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) không được nhận dạng chính xác do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.

#### ■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái điều khiển bàn đạp phanh và vô lăng.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ hoặc cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lắp xích bọc lốp\*.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

#### ■ Ví dụ về các hạn chế của hệ thống trong việc phát hiện do điều kiện của xe đang đến gần

- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Xe đang đến gần đột ngột xuất hiện phía trước xe bạn.
- Khi xe đang đến gần lấn vào nền không gian khiến hệ thống không nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe đang đến gần sáng ở một bên hoặc không sáng cả hai bên khi xe đi vào chỗ tối.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe đang đến gần quá gần.
- Một phần của xe đang đến gần bị xe phía trước xe bạn che khuất.
- Phía trước có nhiều làn đường hoặc nhiều ngã rẽ.
- Xe ở làn bên cạnh đang đỗ hoặc di chuyển với tốc độ rất chậm.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Lái Xe

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống

- Khi xe đang đến gần có hình dạng đặc biệt.
- Khi camera trước không xác định được chính xác hình dạng của xe đang đến gần.

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

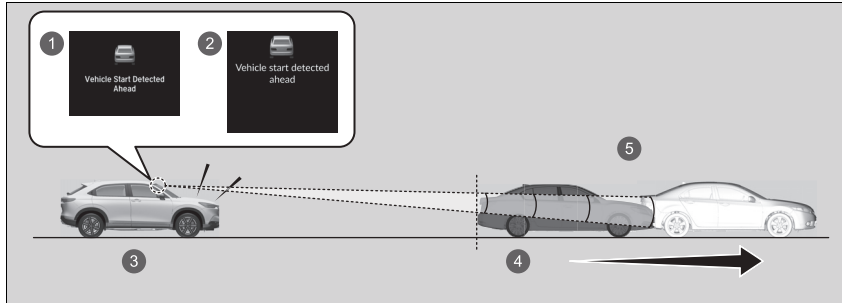
Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể hoạt động trong các điều kiện dưới đây.

- Khi lái xe qua các khúc cua, xe của bạn đang đi đến một điểm nơi có xe đang đến gần ở ngay phía trước xe bạn.



## Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước\*

Thông báo cho bạn bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại mặc dù xe phía trước bạn đã bắt đầu di chuyển.



- 1 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 2 Loại xe có đồng hồ đo loại B
- 3 Khi xe đã dừng
- 4 Xe phía trước dừng
- 5 Xe phía trước bắt đầu di chuyển

### Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe kia di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

#### Khi cần số ở **D** hoặc **S**\*

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh, chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động hoặc ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp làm xe dừng.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước\*

#### ⚠CẢNH BÁO

Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Phải quan sát kỹ xung quanh để đảm bảo an toàn trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn giữa các xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được lắp sau gương chiếu hậu.

📷 **Camera Trước** Tr. 500

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả do thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.

■ **Khi cần số ở [N]**

Hệ thống sẽ hoạt động khi xe dừng, nhấn bàn đạp phanh, phanh đổ đang hoạt động hoặc chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

Bạn có thể chọn một trong hai chế độ hoạt động hệ thống, **Normal** (Trung Bình) và **Early** (Sớm).

📖 **Cài Đặt\*** Tr. 142

Ở chế độ Trung Bình, hệ thống sẽ hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng khoảng 3m.

Ở chế độ Sớm, hệ thống sẽ hoạt động ngay khi phát hiện xe phía trước di chuyển.

Lái Xe

►► Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước\*

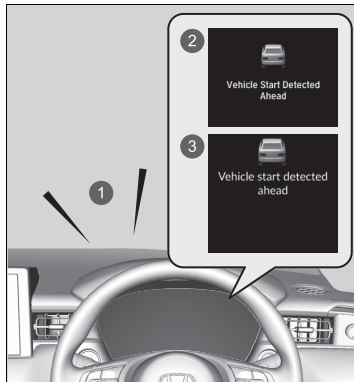
Bạn có thể tắt Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước.

📖 **Cài Đặt\*** Tr. 142

Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước sẽ không hoạt động trong khi Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (hỗ phách) sáng.

📖 **Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp** Tr. 446

## ■ Khi Hệ Thống Hoạt Động



Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

- ① Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại B

## ■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước

Ở các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

### ■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như trong đường hầm nơi có ánh sáng yếu không chiếu rõ toàn bộ xe.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng.

### ■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hay có dốc hoặc rẽ trái hoặc phải đột ngột.

### ■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Xe chỉ dừng trong thời gian ngắn.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lắp xích bọc lốp\*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ hoặc cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ\*, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Ví dụ về các điều kiện mà camera có thể không phát hiện ra xe phía trước

- Xe phía trước chỉ dừng lại một lúc.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước di chuyển quá chậm.
- Xe phía trước đột ngột quay đầu hoặc rẽ trái hoặc phải.
- Xe phía trước lẩn vào không gian và không thể phát hiện ra.
- Xe phía trước chỉ bật một đèn hậu hoặc cả hai đèn hậu đều không sáng.

■ Ví dụ về các hạn chế phát hiện khác

- Có người đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc các xe có hình dạng đặc biệt khác phía trước.
- Có xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đi giữa xe bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay phía trước xe bạn.

■ Ví dụ về các hạn chế khác về hoạt động của hệ thống

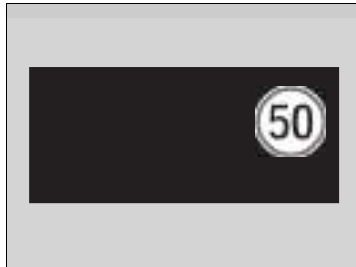
- Camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước.
- Xe phía trước có khoảng sáng gầm rất cao.
- Xe phía trước, ví dụ như xe tải không có rơ-moóc, có phía sau nhỏ hơn phía trước.

## Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*

Nhắc nhở bạn về thông tin biển báo đường bộ, chẳng hạn như xe của bạn đang vượt quá biển báo giới hạn tốc độ và cho hiển thị thông tin đó trên đồng hồ đo.

### ■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Khi camera trước lắp phía sau gương chiếu hậu ghi lại các biển báo giao thông trong khi lái xe, hệ thống sẽ hiển thị các biển báo mà xe bạn có thể nhận diện. Biểu tượng biển báo sẽ hiển thị cho đến khi xe đạt được thời gian và quãng đường định trước.



Lái Xe

Biểu tượng biển báo cũng có thể chuyển sang biểu tượng khác hoặc biến mất khi:

- Phát hiện hết giới hạn tốc độ hoặc chuyển sang giới hạn tốc độ khác.
- Bạn bật xi nhan và rẽ ở giao lộ.

### ►►Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*

Hệ thống có chức năng phát hiện các biển báo tuân theo các tiêu chuẩn của Công Ước Viên. Không phải tất cả các biển báo đều hiển thị, tuy nhiên bạn không nên bỏ qua bất kỳ biển báo nào được đặt bên lề đường. Hệ thống không thể nhận diện tất cả các biển báo giao thông ở các quốc gia bạn lái xe cũng như trong mọi tình huống.

Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống. Luôn lái xe ở tốc độ phù hợp với điều kiện đường xá.

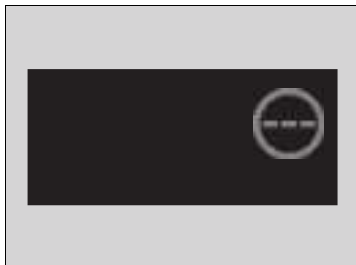
Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió để tránh làm cản tầm nhìn của camera trước và làm cho hệ thống hoạt động bất thường. Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera trước hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường. Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera trước. Cần hiệu chỉnh camera trước đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông không hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi bật nguồn.

Bạn có thể bật hoặc tắt hệ thống nhận diện biển báo giao thông.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341

Nếu hệ thống không phát hiện được bất kỳ biển báo giao thông nào khi bạn đang lái xe, hình ảnh dưới đây sẽ xuất hiện.



#### ►►Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*

Để tránh tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến camera trước tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm để đỗ xe hoặc che phía trước xe để ánh sáng mặt trời không chiếu vào. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không được để nó che phần vỏ camera để tránh tập trung hơi nóng ở đó.

Việc sử dụng tấm che để che camera trước có thể tập trung nhiệt vào camera.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera trước được trang bị cho hệ thống này.

► Camera Trước Tr. 500

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Lái Xe

#### »Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*

Nếu xe bạn vượt quá giới hạn tốc độ, biểu tượng biểu thị biển báo giới hạn tốc độ cho khu vực hiện tại sẽ nhấp nháy trên màn hình.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 341

Thông báo về giới hạn tốc độ của hệ thống có chính xác hay không phụ thuộc vào một số điều kiện nhất định như các đơn vị hiển thị trên biển báo giao thông cũng như tốc độ và hướng di chuyển của xe. Trong một số trường hợp, hệ thống có thể hiển thị cảnh báo sai hoặc thông tin không chính xác khác.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông** Tr. 497



## ■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có thể không nhận diện được biển báo giao thông trong các trường hợp sau.

### ■ Điều kiện môi trường

- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm, hoặc ở nơi tối như đường hầm dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hay đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.

### ■ Điều kiện đường xá

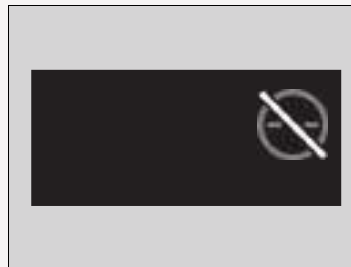
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

### ■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi xe đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Lắp xích bọc lốp.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà tắt đèn chiếu sáng.

## ►►Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông

Khi Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có sự cố,  xuất hiện trên đồng hồ đo. Nếu thông báo này không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



■ **Vị trí hoặc tình trạng của biển báo giao thông**

- Biển báo nằm ở vị trí khó nhìn thấy.
- Biển báo được đặt cách xa xe của bạn.
- Biển báo được đặt ở nơi đèn chiếu xa không chiếu tới.
- Biển báo nằm ở góc đường hoặc ở khúc cua.
- Biển báo bị mờ hoặc bị cong.
- Biển báo bị xoay hoặc biển báo bị hư hỏng.
- Biển báo bị bao phủ bởi bùn, tuyết hoặc sương giá.
- Một phần của biển báo bị cây cối che khuất hoặc ở trong bóng của một chiếc xe hoặc vật thể khác.
- Ánh sáng (chẳng hạn như đèn đường) phản chiếu lên bề mặt của biển báo hoặc biển báo bị khuất trong bóng tối.
- Biển báo quá sáng hoặc quá tối (biển báo điện).
- Các biển báo nhỏ (biển báo phụ, v.v.).

■ **Các điều kiện khác**

- Khi bạn lái xe với tốc độ cao.

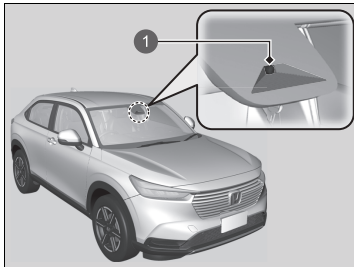
Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có thể hoạt động không hiệu quả, chẳng hạn như hiển thị các biển báo không phù hợp với các quy định thực tế về đường bộ hoặc hiển thị các biển báo hoàn toàn không giống như thực tế trong các trường hợp sau:

- ▶ Biển báo giới hạn tốc độ có thể hiển thị ở tốc độ cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ giới hạn thực tế.
- Có một biển báo phụ ghi thêm thông tin như thời tiết, thời gian, loại xe, v.v.
- Các số liệu trên biển báo khó đọc (biển báo điện, chữ số trên biển báo bị mờ, v.v.).
- Biển báo ở gần làn đường bạn đang lái xe, mặc dù biển báo đó không dành cho làn đường đó, chẳng hạn như biển báo giới hạn tốc độ nằm ở chỗ giao nhau giữa đường phụ và đường chính.
- Có những vật thể có màu sắc hoặc hình dạng tương tự với vật thể mà hệ thống nhận dạng được (biển báo nhìn giống nhau, biển báo điện, bảng quảng cáo, công trình kiến trúc, v.v.).

## Camera Trước

Camera trước được sử dụng ở các hệ thống như Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS), Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp, Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông\*, Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước\* và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) để giúp phát hiện vật thể làm cản trở hoạt động của các hệ thống này.

### ■ Lưu Ý Về Vị Trí và Việc Sử Dụng Camera



① Camera Trước

Camera trước này được gắn phía sau gương chiếu hậu.

Để tránh tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến camera trước tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm để đỗ xe hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không được để nó che phần vỏ camera trước để tránh tập trung hơi nóng ở đó. Che camera trước có thể làm tập trung nhiệt vào camera.

### ❗Camera Trước

Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera trước và làm cho hệ thống hoạt động bất thường.

Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera trước hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.

Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera trước. Cần hiệu chỉnh camera trước đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên bảng điều khiển để tránh làm phản chiếu lên kính chắn gió và làm hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

#### » Camera Trước

Nếu biểu tượng  cùng với thông báo **Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Camera Temperature Too High\*/Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high\*** (Một Số Hệ Thống Hỗ Trợ Người Lái Không Hoạt Động: Nhiệt Độ Camera Quá Cao\*) xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát bên trong xe, nếu cần, sử dụng cả chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera trước.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera trước.

Nếu biểu tượng  cùng thông báo **Some Driver Assist System Cannot Operate: Clean Front Windscreen Or Poor Viewing Condition./Some driver assist system cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition.\*** (Một Số Hệ Thống Hỗ Trợ Người Lái Không Hoạt Động: Lau Kính Chắn Gió Trước Hoặc Điều Kiện Quan Sát Kém\*) xuất hiện:

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lau sạch kính chắn gió. Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe đi một đoạn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

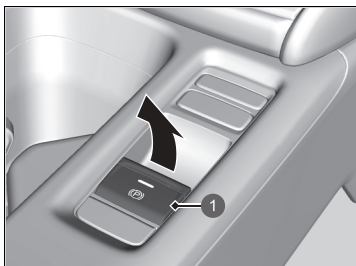
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Phanh

## Hệ Thống Phanh

### ■ Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ. Bạn có thể gài và nhả bằng tay, hoặc nhả tự động.



1 Công Tắc Phanh Đỗ Điện

#### ■ Gài Phanh

Bạn có thể gài phanh đỗ điện bất cứ khi nào xe có ắc quy, với bất kỳ chế độ nguồn nào.

Kéo công tắc phanh đỗ điện lên nhẹ nhàng và chắc chắn.

- ▶ Đèn báo trong công tắc sáng.
- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) sáng.

#### ■ Nhả Phanh

Chế độ nguồn phải ở BẬT mới nhả được phanh đỗ điện.

1. Nhấn bàn đạp phanh.
2. Ấn công tắc phanh đỗ điện.
  - ▶ Đèn báo trong công tắc tắt.
  - ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) tắt.

Sử dụng công tắc để nhả phanh đỗ sẽ giúp xe khởi động chậm và êm ái khi đỗ dèo trên đồi dốc.

### »Phanh Đỗ

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ hệ thống phanh đỗ điện từ khu vực bánh xe sau khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ. Điều này là bình thường.

Khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ, bàn đạp phanh sẽ di chuyển nhẹ do hệ thống phanh đỗ điện đang hoạt động. Điều này là bình thường.

Bạn không thể gài hoặc nhả phanh đỗ nếu ắc quy 12 vôn hết điện.

▶ Nếu Ắc Quy Chết Tr. 633

**Nếu bạn kéo lên và giữ công tắc phanh đỗ điện trong khi lái, bốn bánh xe sẽ được phanh bằng hệ thống VSA cho đến khi xe dừng. Sau đó gài phanh đỗ điện và nhả công tắc.**

## ■ Vận hành tính năng phanh đỗ tự động

Nếu tính năng phanh đỗ tự động đã được kích hoạt:

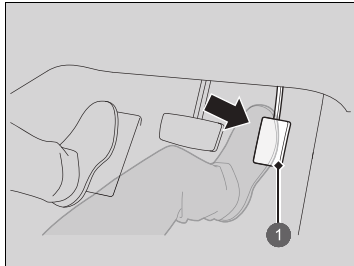
- Phanh đỗ sẽ được giải tự động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT.
- Để xác nhận phanh đỗ được giải, hãy kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) có sáng không.

► **Kích hoạt và ngừng kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động** Tr. 504

## ■ Nhả tự động

Nhấn bàn đạp ga sẽ làm nhả phanh đỗ.

Sử dụng bàn đạp ga để nhả phanh đỗ khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi bị tắc nghẽn giao thông.



Nhấn nhẹ bàn đạp ga. Khi ở trên dốc, cần nhấn ga mạnh hơn để nhả phanh.

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) tắt.

### ① Bàn Đạp Ga

Bạn có thể nhả phanh đỗ tự động khi:

- Bạn đang thắt dây đai an toàn:
- Bật nguồn.
- Không ở số **P** hoặc **N**.

## ►►Phanh Đỗ

Trong các tình huống sau, phanh đỗ sẽ tự động hoạt động.

- Khi xe dừng bằng hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt trong hơn 10 phút.
- Khi người lái không thắt dây đai an toàn trong khi xe dừng và giải giữ phanh.
- Khi động cơ tắt, ngoại trừ bằng hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời<sup>1</sup>, trong khi giải hệ thống giữ phanh.
- Khi đang giải giữ phanh mà Hệ Thống Giữ Phanh có sự cố.

### Loại xe có ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp

- Khi xe dừng hơn 10 phút trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp được kích hoạt.
- Khi người lái không thắt dây đai an toàn trong khi xe dừng tự động bằng ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp.
- Khi động cơ tắt, ngoại trừ bằng hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời<sup>1</sup>, trong khi ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp được kích hoạt.

Nếu phanh đỗ không thể nhả tự động, hãy nhả bằng tay.

Khi xe lên dốc, cần nhấn bàn đạp ga sâu hơn để phanh đỗ điện nhả tự động.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động

Khi chế độ nguồn ở BẬT, thực hiện các bước sau để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động.

1. Gạt cần số đến **P**.
2. Không nhấn bàn đạp phanh, kéo công tắc phanh đỗ điện.
  - Kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh có sáng không.
3. Kéo và giữ công tắc phanh đỗ. Khi bạn nghe thấy tiếng bip, hãy nhả công tắc và trong vòng 3 giây kéo lại công tắc và giữ nó tại vị trí đó.
4. Khi bạn nghe thấy âm thanh báo quy trình đã hoàn thành, hãy nhả công tắc.
  - Hai tiếng bip vang lên biểu thị tính năng đã được kích hoạt.
  - Một tiếng bip vang lên biểu thị tính năng đã được hủy kích hoạt.
  - Sau khi kích hoạt tính năng này, phanh đỗ vẫn được gài sau khi bạn tắt nguồn.
  - Để xác nhận phanh đỗ được gài, hãy kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỗ) có sáng không.

Nếu bạn cần hủy kích hoạt tạm thời tính năng này khi đưa xe đến trạm rửa xe kiểu băng chuyền hoặc khi kéo xe, bạn có thể làm theo quy trình dưới đây.

1. Nhấn bàn đạp phanh và dừng xe.
2. Đặt chế độ nguồn đến TẮT sau đó ấn công tắc phanh đỗ điện trong vòng 2 giây.
  - Việc cài đặt kích hoạt và hủy kích hoạt cho tính năng này sẽ không bị ảnh hưởng.
  - Trước khi tạm thời hủy kích hoạt tính năng này, trước tiên cần đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động.
  - Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỗ) có sáng không.

### ►►Phanh Đỗ

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo sự cố
- Đèn báo hệ thống hộp số

Phanh đỗ có thể không nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (hỗ phách)
- Đèn báo hệ thống VSA
- Đèn báo **ABS**
- Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ

### ►►Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động

Nếu gài phanh đỗ khi trời lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng tại chỗ.

Khi đỗ xe, hãy chèn các bánh xe và đảm bảo đã tắt tính năng phanh đỗ tự động.

Ngoài ra, khi đưa xe đến trạm rửa xe kiểu băng chuyền hoặc khi kéo xe, hãy tắt tính năng phanh đỗ tự động và nhả phanh đỗ.



## ■ Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe. Trợ lực chân không giúp giảm lực tác dụng cần thiết lên bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp sẽ làm tăng lực phanh khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

► **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 510

► **Hệ Thống Chống Bó Cống Phanh (ABS)** Tr. 509

## ►►Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp phanh vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do kim loại cọ sát khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

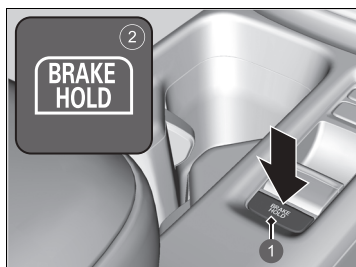
Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga để giảm tốc độ và về số thấp hơn.

Không đặt chân lên bàn đạp phanh khi đang lái, vì nó sẽ tác dụng nhẹ lên phanh và làm giảm hiệu quả phanh và giảm tuổi thọ má phanh. Nó cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

## ■ Giữ Phanh Tự Động

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bàn đạp ga được nhấn. Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi bạn dừng xe tại trạm đèn giao thông hoặc khi tắc đường.

### ■ Bật hệ thống



① Nút Giữ Phanh Tự Động

② Sáng

Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.

- Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống được bật.

Mỗi khi người lái thắt dây an toàn và khởi động động cơ, hệ thống sẽ bật hoặc tắt tương ứng với cài đặt trước đó là bật hay tắt.

## ►►Giữ Phanh Tự Động

### ⚠CẢNH BÁO

Kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt vẫn cho phép xe di chuyển nếu bạn bỏ chân ra khỏi bàn đạp phanh.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động hoặc sử dụng nó để giữ xe không di chuyển khi dừng xe trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt.

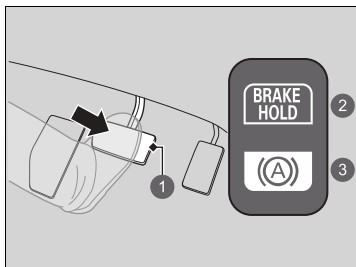
### ⚠CẢNH BÁO

Sử dụng hệ thống giữ phanh tự động để đỗ xe có thể làm cho xe di chuyển bất ngờ.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi đang phanh xe tạm thời bằng hệ thống giữ phanh tự động và luôn đỗ xe bằng cách gạt cần số đến **P** và gài phanh đỗ.

### ■ Kích hoạt hệ thống

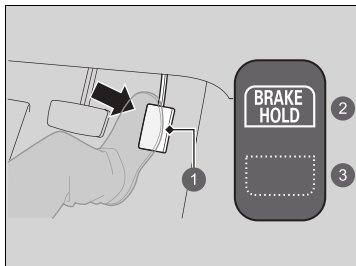


- ① Bàn Đạp Phanh
- ② Bật
- ③ Sáng

Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn. Cần số không được ở **P** hoặc **R**.

- Đèn báo giữ phanh tự động sẽ sáng. Phanh được giữ trong 10 phút.
- Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

### ■ Hủy hệ thống



- ① Bàn Đạp Ga
- ② Bật
- ③ Tắt

Nhấn bàn đạp ga trong khi cần số không ở **P** hoặc **N**. Hệ thống sẽ bị hủy và xe bắt đầu di chuyển.

- Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống nhả phanh tự động.

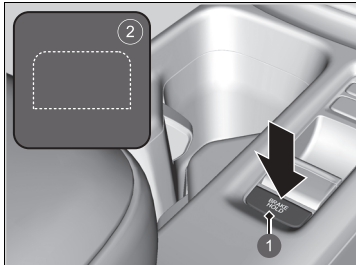
### ■ Hệ thống tự động hủy khi:

- Bạn giải phanh đỗ.
- Bạn nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số đến **[P]** hoặc **[R]**.

### ■ Hệ thống tự động hủy và phanh đỗ được giải khi:

- Giữ phanh trong hơn 10 phút.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ tắt.
- Hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.

### ■ Tắt hệ thống giữ phanh tự động



1 Nút Giữ Phanh Tự Động

2 Tắt

Trong khi hệ thống bật, ấn nút giữ phanh tự động thêm một lần nữa.

► Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động tắt.

Nếu bạn muốn tắt giữ phanh tự động trong khi hệ thống đang hoạt động, hãy ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh.

### »Giữ Phanh Tự Động

Khi hệ thống hoạt động, bạn có thể tắt nguồn hoặc đỗ xe theo quy trình như bạn vẫn làm thông thường.

► Khi Đã Dừng Tr. 512

Cho dù hệ thống bật, hoặc hoạt động hay không, hệ thống giữ phanh tự động sẽ tắt khi động cơ tắt.

### »Tắt hệ thống giữ phanh tự động

Đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động nếu xe di chuyển trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

Nếu bạn tắt nguồn hoặc người lái không thắt dây an toàn trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang bật, hệ thống giữ phanh tự động sẽ tự động tắt.

Trong trường hợp này, khi người lái thắt dây an toàn và bật lại nguồn, hệ thống giữ phanh tự động sẽ bật mà không cần ấn nút giữ phanh tự động.

## Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

### ■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

### ■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung động nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc chắn bàn đạp phanh. Khi lái xe trên đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay nếu bạn cố dừng xe trên đường có băng hoặc tuyết.

ABS có thể kích hoạt khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:

- Đường ướt hoặc tuyết phủ.
- Đường được lát bằng đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, chẳng hạn như ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►►Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

#### CHÚ Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại và kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố.

ABS có thể không hoạt động ngay cả khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

ABS không có chức năng làm giảm thời gian và khoảng cách dừng xe vì hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe cần có khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:

- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lấp xích bọc lốp\*.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau khi có hệ thống ABS:

- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động nguồn và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi kích hoạt ABS.

Những tiếng rung và âm thanh này là bình thường đối với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

## Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Được thiết kế để hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra một lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

### ■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

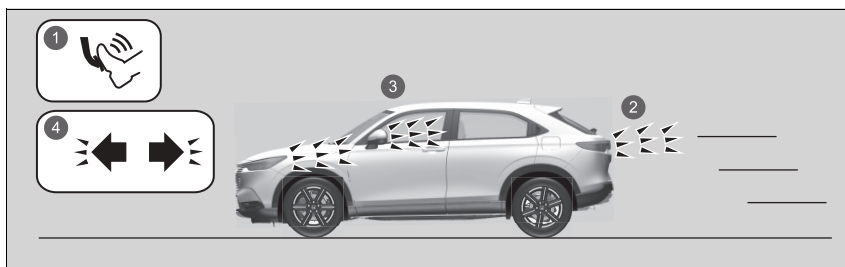
Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp hoạt động, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng ồn phát ra. Điều này là bình thường. Hãy nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.

## Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Kích hoạt khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái ở tốc độ 60 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh khẩn cấp bằng cách nhấp liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe của bạn.

### ■ Khi hệ thống hoạt động:



- ❶ Phanh Gấp
- ❷ Các Đèn Phanh Sáng
- ❸ Các Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm Nháy
- ❹ Các Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm Nhấp Nháy

Đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nhấp khi:

- Bạn nhả bàn đạp phanh.
- ABS bị vô hiệu hoá.
- Tốc độ giảm tốc xe của bạn trở nên vừa phải.
- Bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

### ►►Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nhấp khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không kích hoạt khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

## Đỗ Xe

### Khi Đã Dừng

1. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.
2. Khi nhấn bàn đạp phanh, kéo từ từ công tắc phanh đỗ điện nhưng không hết cỡ.
3. Gạt cần số sang **P**.
4. Tắt động cơ.
  - Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) tắt trong khoảng 30 giây.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

Lái Xe

#### »»Đỗ Xe

### ⚠CẢNH BÁO

Xe có thể bị trượt nếu không đảm bảo đã gài phanh Đỗ.

Xe bị trượt có thể gây ra va chạm dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.

Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận **P** hiển thị trên đèn báo số.

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.  
Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.



## »»Khi Đã Dừng

### CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

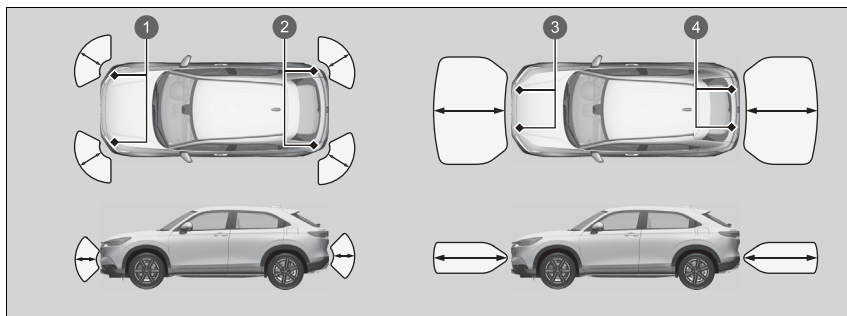
- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số đến [P] trước khi xe dừng hẳn.

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi đã gài. Nếu gặp phải tình trạng thời tiết như vậy, không gài phanh đỗ, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có nguy cơ lăn xuống, hoặc chèn các bánh xe để cho xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

## Hệ Thống Cảm Biến Đỗ\*

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản phía sau xe bạn, tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/thông tin\* giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

### ■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



- ❶ Cảm Biến Góc Trước\*
- ❷ Cảm Biến Góc Sau
- ❸ Cảm Biến Giữa Trước\*
- ❹ Cảm Biến Giữa Sau

### ►►Hệ Thống Cảm Biến Đỗ\*

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động tốt khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi che phủ.
- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Xe để bên ngoài trời nóng hoặc lạnh.
- Hệ thống bị ảnh hưởng từ các thiết bị phát ra sóng siêu âm.
- Lái xe trong thời tiết xấu.

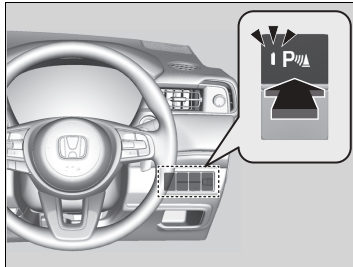
Hệ thống có thể không cảm nhận được:

- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc vật xốp.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Không đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, hệ thống sẽ ở trạng thái đã chọn trước đó.

## ■ Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ



Khi chế độ nguồn ở BẬT, hãy ấn nút hệ thống cảm biến đỗ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên nút sẽ sáng khi bật hệ thống.

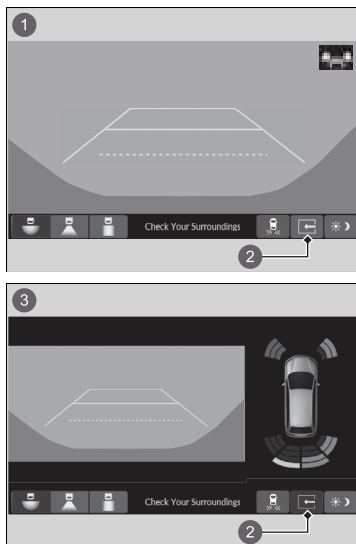
Cảm biến góc trước\*, cảm biến giữa sau và cảm biến góc sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở **[R]**, và tốc độ xe dưới 8 km/h.

Cảm biến góc trước\* và cảm biến giữa trước\* bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số không ở vị trí **[P]** hoặc **[R]**, và tốc độ xe dưới 8 km/h.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có camera lùi đa hướng

### ■ Vận Hành Màn Hình



Thanh công cụ chia đôi màn hình sẽ biến mất và chế độ xem song song hai màn hình trở lại chế độ xem ở lần gần đây nhất trong các điều kiện sau:

- Nếu tắt hệ thống cảm biến đỗ.
- Nếu hệ thống có sự cố.

- ❶ Tắt Song Song Hai Màn Hình
- ❷ Thanh Công Cụ Chia Đôi Màn Hình
- ❸ Bật Song Song Hai Màn Hình

■ Khi khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật ngắn hơn

| Độ dài tiếng bíp gián đoạn | Khoảng cách giữa Tầm Cản và Vật Cản |                                                  | Đèn Báo           | Màn hình giao diện thông tin cho người lái/Màn hình âm thanh/thông tin*              |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|                            | Cảm Biến Góc                        | Cảm Biến Giữa                                    |                   |                                                                                      |
| Trung bình                 | —                                   | Trước: Khoảng 100-60 cm<br>Sau: Khoảng 110-60 cm | Màu Vàng *1 Sáng  |  |
| Ngắn                       | Khoảng 60-45 cm                     | Khoảng 60-45 cm                                  | Màu Hở Phách Sáng |                                                                                      |
| Rất ngắn                   | Khoảng 45-35 cm                     | Khoảng 45-35 cm                                  | Màu Hở Phách Sáng |                                                                                      |
| Liên tục                   | Khoảng 35 cm trở xuống              | Khoảng 35 cm trở xuống                           | Màu Đỏ Sáng       |                                                                                      |

\* 1: Ở giai đoạn này, chỉ các cảm biến giữa phát hiện các vật cản.

① Đèn báo sáng ở nơi cảm biến phát hiện vật cản.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ■ Tắt Tắt Cả Cảm Biến Sau

1. Đảm bảo hệ thống cảm biến đỗ không kích hoạt. Cài đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).
2. Ấn và giữ nút hệ thống cảm biến đỗ, và đặt chế độ nguồn ở BẬT.
3. Ấn và giữ nút trong 10 giây. Nhả nút khi đèn báo trên nút nhấp nháy.
4. Ấn nút lần nữa. Đèn báo trên nút sẽ tắt.
  - Tiếng bíp vang lên hai lần. Lúc này, các cảm biến sau sẽ tắt.

Để bật lại cảm biến sau, làm theo quy trình trên. Tiếng bíp vang lên ba lần khi bật lại các cảm biến sau.

### ►►Tắt Tắt Cả Cảm Biến Sau

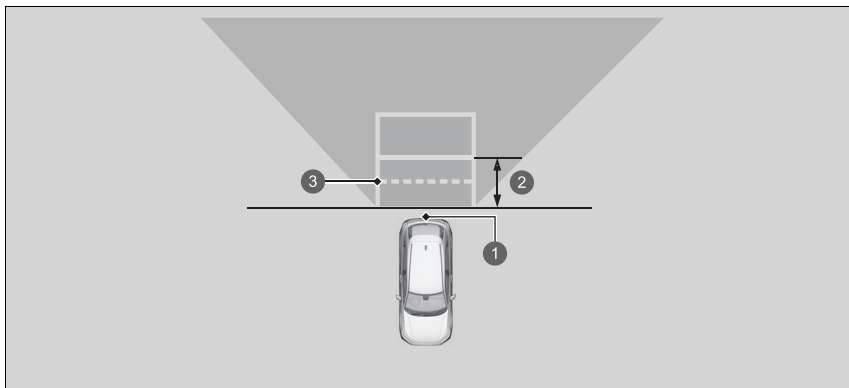
Khi bạn gạt cần số đến **R**, đèn báo trên nút hệ thống cảm biến đỗ sẽ nhấp nháy để nhắc nhở cảm biến sau đã tắt.

## Camera Lùi Đa Hướng\*

### Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị tầm nhìn sau xe bạn. Màn hình sẽ tự động chuyển sang tầm nhìn sau khi gạt cần số đến **R**.

#### Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng



- ① Camera
- ② Xấp xỉ 1 m
- ③ Phạm vi mở cửa hậu

#### Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Tầm nhìn camera quan sát sau bị hạn chế. Bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính của camera làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

Hãy xác nhận bằng mắt về độ an toàn trước khi lùi xe. Các điều kiện cụ thể (như thời tiết, ánh sáng, và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm nhìn sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình hiển thị tầm nhìn sau vì nó không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe của bạn.

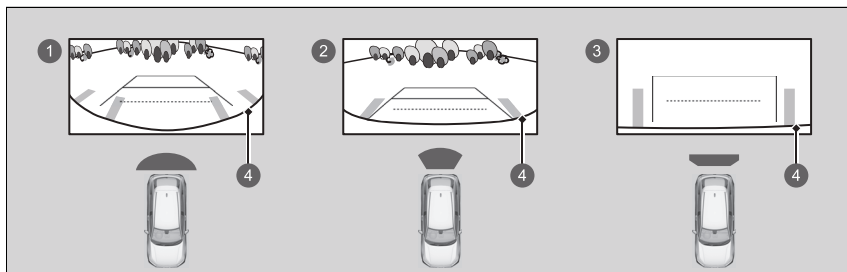
Nếu thấu kính bị bụi bẩn hoặc ẩm, hãy dùng vải mềm, ẩm để làm sạch.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Lái Xe

Bạn có thể quan sát ba chế độ camera khác nhau trên màn hình âm thanh/thông tin. Chạm vào đúng biểu tượng để chuyển chế độ.



- ① Chế Độ Quan Sát Rộng
- ② Chế Độ Quan Sát Thường
- ③ Chế Độ Quan Sát Từ Trên Xuống
- ④ Tầm Cản

- Nếu chế độ quan sát sử dụng lần gần đây nhất là Rộng hoặc Thường, thì chế độ đó sẽ được chọn ở lần tiếp theo khi gạt cần số đến **R**.
- Trước khi bạn tắt nguồn, nếu chế độ quan sát đang được sử dụng là Quan Sát Từ Trên Xuống, thì chế độ Quan Sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và gạt cần số đến **R**.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ Quan Sát Từ Trên Xuống trong hơn 10 giây sau khi bạn gạt cần số ra khỏi **R**, chế độ Quan Sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn gạt cần số đến **R**.

#### ►►Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Fixed Guideline** và **Dynamic Guideline**.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 341**

**Fixed Guideline** (Dẫn Hướng Cố Định)

**ON:** Dẫn hướng xuất hiện khi bạn gạt cần số đến **R**.

**OFF:** Dẫn hướng không xuất hiện.

**Dynamic Guideline** (Dẫn Hướng Động)

**ON:** Dẫn hướng di chuyển theo hướng xoay của vô lăng.

**OFF:** Dẫn hướng không di chuyển.



## Nạp Nhiên Liệu

### Thông Tin Nhiên Liệu

#### ■ Nhiên liệu khuyến dùng

Loại xe Indonesia không có tu-bô tăng áp

##### **Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên**

Sử dụng xăng không chì có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

Loại xe Đài Loan

##### **Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên**

Sử dụng xăng không chì có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

Loại xe Malaysia

##### **Xăng không chì cao cấp, chỉ số Octan 95 trở lên**

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn thỉnh thoảng sẽ gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ dẫn đến làm giảm hiệu suất động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn 91 có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe Pakistan

##### **Xăng không chì, mangan EURO V/5: tối đa 2mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên**

Xăng không chì EURO V/5 với chỉ số Octan 91 trở lên là loại xăng dành cho xe của bạn.

Sử dụng xăng không chì thông thường có thể gây tiếng gõ kim loại trong động cơ và sẽ làm giảm hiệu suất động cơ. Nếu sử dụng loại xăng này trong thời gian dài sẽ làm hỏng động cơ.

#### » Thông Tin Nhiên Liệu

##### CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những nguy hại sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Indonesia không có tu-bô tăng áp, loại xe Đài Loan và Pakistan

### **Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên**

Loại xe Indonesia có tu-bô tăng áp

Sử dụng xăng không chì có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại và làm giảm hiệu suất động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn 90 có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe khác

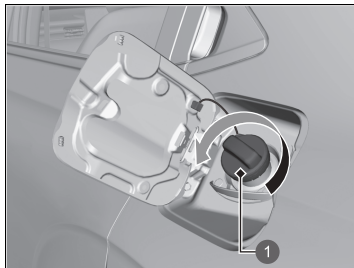
Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn, dai dẳng và có thể dẫn đến hỏng động cơ.

■ Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

## Cách Nạp Nhiên Liệu



❶ Lấy Nhả Cửa Nạp Nhiên Liệu



❶ Nắp

1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở phía sau, bên trái của xe.
2. Tắt động cơ.
3. Kéo lấy nhả cửa nạp nhiên liệu ở góc ngoài bên dưới bảng táp-lô phía người lái.  
► Cửa nạp nhiên liệu mở.

4. Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, đợi đến khi không còn tiếng xì, xoay núm từ từ để mở nắp bình nhiên liệu.

### ►► Cách Nạp Nhiên Liệu

#### ⚠ CẢNH BÁO

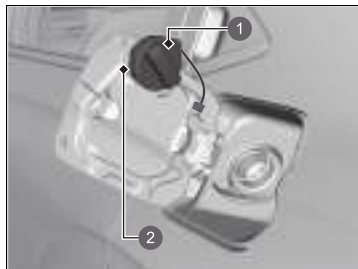
Nhiên liệu có nguy cơ cháy và nổ rất cao. Bạn có thể bị bỏng hoặc bị trọng thương khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ, để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay xăng tràn ra.

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu để phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động ngắt. Nếu cứ nạp thêm có thể làm tràn nhiên liệu.

Lái Xe



① Nắp

② Giá Đỡ

5. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.

6. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.

► Khi bình nhiên liệu đầy, vòi phun sẽ tự động ngắt và để lại khoảng trống trong bình phòng khi nhiên liệu nở ra do thay đổi về nhiệt độ.

7. Sau khi đổ đầy, đậy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.

► Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

## Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO<sub>2</sub>

### Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO<sub>2</sub>

Việc tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO<sub>2</sub> phụ thuộc vào một số điều kiện như điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng xe. Tùy theo các điều kiện này và một số điều kiện khác, có thể bạn không thể đạt được tiết kiệm nhiên liệu định mức cho xe.

#### Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Làm theo lịch bảo dưỡng trong sổ bảo hành kèm theo xe.

➤ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 537

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt phù hợp.  
➤ **Dầu Động Cơ Khuyến Dùng** Tr. 548
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không được tải quá trọng lượng cho phép.
- Vệ sinh xe sạch sẽ. Tuyết hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

#### ➤ Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO<sub>2</sub>

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

$$\frac{100}{\text{Kilomet đi được}} \times \frac{\text{Lít nhiên liệu}}{\text{Lít nhiên liệu}} \div \frac{\text{Kilomet đi được}}{\text{Kilomet trên Lít}} = \frac{\text{Lít trên 100 km}}{\text{Kilomet trên Lít}}$$

#### Loại xe các nước Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)

Bạn có thể cải thiện quãng đường đi được và giảm khí thải CO<sub>2</sub> cho xe bằng cách thực hiện theo các chỉ dẫn sau:

- Vận hành xe đúng cách.
- Bảo dưỡng xe định kỳ.
- Duy trì áp suất lốp tiêu chuẩn.
- Tránh chờ quá trọng tải.
- Tận dụng các kỹ thuật lái xe tiết kiệm nhiên liệu như: lái xe ở tốc độ thấp hơn, giảm thời gian không tải và tránh tăng tốc đột ngột.

#### MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Nhà sản xuất/Nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: XĂNG KHÔNG CHỈ

Chu trình thử: Phụ lục Q TCVN 6785 : 2015

| Số loại            | Chu trình tổ hợp | Chu trình đô thị cơ bản | Chu trình đô thị phụ |
|--------------------|------------------|-------------------------|----------------------|
| HR-V RS (RV389NEN) | 6,7              | 8,7                     | 5,5                  |
| HR-V L (RV387NLN)  | 6,67             | 8,7                     | 5,49                 |
| HR-V G (RV386NL)   | 6,74             | 8,82                    | 5,52                 |

Đơn vị: Lít/100km

**Ghi chú:** Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

## Xe Có Động Cơ Tăng Áp\*

### Lưu Ý Khi Xử Lý

Tu-bô tăng áp là thiết bị có độ chính xác cao. Thiết bị sử dụng tua-bin được điều khiển bởi áp suất khí xả của động cơ để cung cấp một lượng lớn khí nén vào động cơ nhằm đạt được công suất lớn hơn.

- Khi động cơ nguội ngay sau khi khởi động, tránh tăng tốc động cơ hoặc tăng ga đột ngột.
- Luôn thay dầu động cơ và lọc dầu động cơ theo lịch bảo dưỡng. Tua-bin quay ở tốc độ rất cao, trên 100.000 vòng/phút và nhiệt độ tua-bin trên 700°C. Nó được bôi trơn và làm mát bằng dầu động cơ. Nếu bạn không thay dầu động cơ và lọc dầu theo quãng đường hoặc thời gian trên lịch bảo dưỡng, dầu động cơ đã bị nhiễm bẩn có thể gây ra sự cố như làm kẹt hoặc có tiếng ồn bất thường ở vòng bi tua-bin.

#### »Xe Có Động Cơ Tăng Áp\*

Lịch bảo dưỡng để thay dầu động cơ và lọc dầu có trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy tuân theo lịch bảo dưỡng này.

🔧 **Hệ Thống Giám Sát Dầu\*** Tr. 531

🔧 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 537

🔧 **Dầu Động Cơ Khuyến dùng** Tr. 548

Đèn báo nhiệt độ cao có thể sáng lên khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe trong điều kiện tải cao như ở tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi. Điều này là bình thường. Đèn báo sẽ tắt sau khi bạn chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

# Bảo Dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.



## Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Kiểm Tra và Bảo Dưỡng .....    | 528 |
| An Toàn Khi Thực Hiện Bảo      |     |
| Dưỡng .....                    | 529 |
| Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo |     |
| Dưỡng .....                    | 530 |
| Hệ Thống Giám Sát Dầu* .....   | 531 |
| Lịch Bảo Dưỡng .....           | 537 |
| Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô       |     |
| Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp         |     |
| Ca pô .....                    | 544 |
| Mở Nắp Ca-pô .....             | 546 |
| Dầu Động Cơ Khuyến Dùng .....  | 548 |
| Kiểm Tra Dầu .....             | 550 |

|                             |     |
|-----------------------------|-----|
| Bổ Sung Dầu Động Cơ .....   | 552 |
| Nước Làm Mát Động Cơ .....  | 553 |
| Dầu Hộp Số .....            | 558 |
| Dầu Phanh .....             | 559 |
| Bổ Sung Nước Rửa Kính ..... | 561 |
| Lọc Dầu .....               | 561 |
| Thay Bóng Đèn .....         | 562 |
| Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt   |     |
| Nước .....                  | 568 |
| Kiểm Tra và Thay Lốp        |     |
| Kiểm Tra Lốp .....          | 573 |
| Vạch Báo Độ Mòn Lốp .....   | 574 |
| Tuổi Thọ Lốp .....          | 574 |

|                                    |     |
|------------------------------------|-----|
| Thay Lốp và Bánh Xe .....          | 575 |
| Đảo Lốp .....                      | 576 |
| Thiết Bị Bám Đường Tuyết .....     | 578 |
| Ắc Quy .....                       | 579 |
| Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa |     |
| Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ   |     |
| Xa .....                           | 583 |
| Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Khí  |     |
| Hậu .....                          | 585 |
| Vệ Sinh                            |     |
| Vệ Sinh Nội Thất .....             | 589 |
| Vệ Sinh Ngoại Thất .....           | 592 |
| Phụ Kiện và Điều Chỉnh .....       | 595 |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

### Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện ra bất kỳ sự cố nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, có cặn dầu trên đất, v.v.), hãy đưa xe đến đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo Sổ Bảo Dưỡng\* kèm theo xe/lich bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng\* kèm theo xe/lich bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 537

### Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

#### ■ Kiểm tra hàng ngày

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

#### ■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh hàng tháng.  
📖 **Dầu Phanh** Tr. 559
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra xem gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật gì không.  
📖 **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 573
- Kiểm tra các đèn ngoài xe hàng tháng.  
📖 **Thay Bóng Đèn** Tr. 562
- Kiểm tra tình trạng của các lưới gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.  
📖 **Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước** Tr. 568



## An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Phần này đề cập đến một số biện pháp an toàn quan trọng nhất khi bảo dưỡng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện các công việc bảo dưỡng cụ thể hay không.

### An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm khả năng cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy dưới nắp ca-pô.
  - Nhiệt nóng từ động cơ và khí xả có thể bắt lửa gây cháy.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng bình xịt hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa CO<sub>2</sub> rất độc hại và có thể gây chết người.
  - Chỉ vận hành động cơ ở khu vực có thông gió tốt.

### An Toàn Cho Xe

- Phải dừng xe.
  - Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
  - Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Lưu ý rằng các bộ phận di chuyển trên xe có thể khiến bạn bị thương.
  - Không khởi động động cơ trừ khi được chỉ dẫn và không chạm tay vào các bộ phận đang di chuyển.

Loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

- Không mở nắp ca-pô trong khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời hoạt động.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### ►► An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

#### ⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố xe trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ Bảo Dưỡng này.

#### ⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện đúng theo các chỉ dẫn và lưu ý bảo dưỡng có thể làm bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

## **Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng**

Hãy dùng các phụ tùng và các loại dầu chính hiệu Honda khi bảo dưỡng và bảo trì xe. Các phụ tùng chính hiệu Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng riêng cho các xe của Honda.

## Hệ Thống Giám Sát Dầu\*

Thông báo hệ thống giám sát dầu sẽ nhắc bạn khi cần thay dầu động cơ, hoặc khi cần đưa xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch.

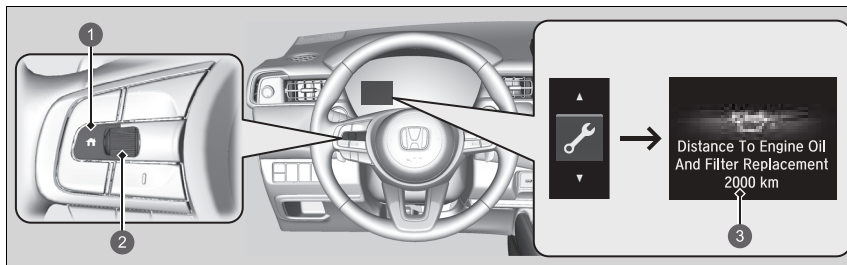
Bảo Dưỡng

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Các mục bảo dưỡng sắp đến hạn cùng với tuổi thọ dầu còn lại được ước tính sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bạn có thể nhìn thấy các thông tin này trên màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu bất cứ lúc nào.



- ❶ Nút (màn hình chính)
- ❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❸ Khoảng cách còn đi được cho đến lần bảo dưỡng dầu động cơ tiếp theo

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Xoay vòng lựa chọn bên trái đến khi xuất hiện.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu. (Các) mục bảo dưỡng và quãng đường còn đi được xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Đèn báo thông báo hệ thống () sáng suốt trên bảng điều khiển khi xe đến thời hạn bảo dưỡng. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để thực hiện bảo dưỡng.

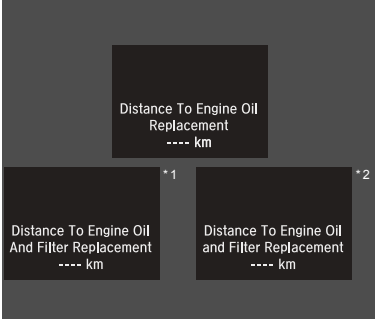
### ►► Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Dựa vào điều kiện hoạt động của động cơ và dầu động cơ, quãng đường xe còn đi được cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Không nên phụ thuộc vào thông tin hệ thống giám sát dầu, hãy thực hiện bảo dưỡng sau 1 năm kể từ lần thay dầu trước đó.

■ Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

| Thông Tin Cảnh Báo | Màn Hình Tuổi Thọ Dầu                                                               | Thông Tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BÌNH THƯỜNG        |   | Khi bạn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dãy dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình tuổi thọ dầu. Những dấu chấm này sẽ vẫn hiển thị cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo, hoặc lần thay dầu và lọc dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái. |
|                    |  | Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, trên màn hình sẽ hiển thị tuổi thọ dầu động cơ còn lại hoặc tuổi thọ dầu động cơ và lọc dầu còn lại.                                                                                                                                                                  |

\* 1: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanmar  
\* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanmar

| Thông Tin Cảnh Báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Màn Hình Tuổi Thọ Dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thông Tin                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>SẮP ĐẾN HẠN BẢO DƯỠNG</div> <div><br/>Engine Oil Replacement<br/>Due Soon</div> <div><div>*1<br/>Engine Oil And Filter<br/>Replacement Due Soon</div><div>*2<br/>Engine Oil and Filter<br/>Replacement Due Soon</div></div> | <div><br/>Distance To Engine Oil<br/>Replacement<br/>1490 km</div> <div><div>*1<br/>Distance To Engine Oil<br/>And Filter Replacement<br/>1490 km</div><div>*2<br/>Distance To Engine Oil<br/>and Filter Replacement<br/>1490 km</div></div> | Dầu động cơ hoặc lọc dầu và dầu động cơ sắp đến hạn.                                                        |
| <div>ĐẾN HẠN BẢO DƯỠNG</div> <div><br/>Engine Oil Replacement<br/>Due Now</div> <div><div>*1<br/>Engine Oil And Filter<br/>Replacement Due Now</div><div>*2<br/>Engine Oil and Filter<br/>Replacement Due Now</div></div>        | <div><br/>Distance To Engine Oil<br/>Replacement<br/>0 km</div> <div><div>*1<br/>Distance To Engine Oil<br/>And Filter Replacement<br/>0 km</div><div>*2<br/>Distance To Engine Oil<br/>and Filter Replacement<br/>0 km</div></div>          | Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã đến hạn bảo dưỡng. Phải kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt. |

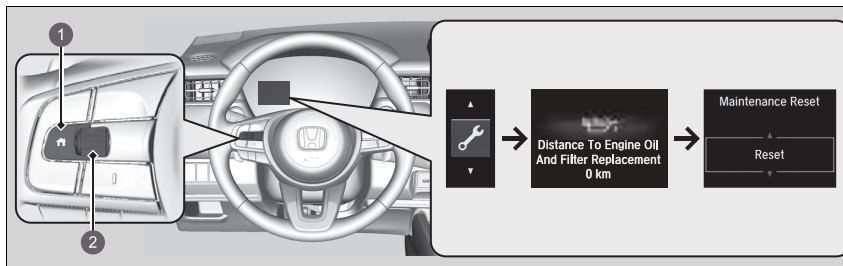
\* 1: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanmar  
\* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanmar

| Thông Tin Cảnh Báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Màn Hình Tuổi Thọ Dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thông tin                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>QUÁ HẠN BẢO DƯỠNG</div> <div><div><div>Engine Oil Replacement<br/>Past Due</div><div>*1</div></div><div><div>Engine Oil Replacement<br/>Overdue</div><div>*2</div></div><div><div>Engine Oil And Filter<br/>Replacement Past Due</div><div>*1</div></div><div><div>Engine Oil and Filter<br/>Replacement Overdue</div><div>*2</div></div></div> | <div><div>Distance To Engine Oil<br/>Replacement<br/>~10 km</div></div> <div><div><div>Distance To Engine Oil<br/>And Filter Replacement<br/>~10 km</div><div>*1</div></div><div><div>Distance To Engine Oil<br/>and Filter Replacement<br/>~10 km</div><div>*2</div></div></div> | Dầu động cơ hoặc lọc dầu động cơ và dầu động cơ đã quá hạn bảo dưỡng. Phải kiểm tra và bảo dưỡng ngay lập tức. |

\* 1: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanma  
\* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào và Myanma

## ■ Thiết Lập Lại Màn Hình

Thiết lập lại thông tin hệ thống giám sát dầu sau khi bạn thực hiện bảo dưỡng.



- ① Nút (màn hình chính)
- ② Vòng Lựa Chọn Bên Trái

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Xoay vòng lựa chọn bên trái đến khi xuất hiện.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển sang màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu.
5. Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái đến khi chế độ thiết lập lại hiển thị.
6. Xoay vòng lựa chọn bên trái để chọn **Reset** (Bạn cũng có thể chọn **Cancel** để kết thúc quy trình).
7. Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái để thiết lập lại mục đã chọn.

## »»Thiết Lập Lại Màn Hình

### CHÚ Ý

Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ học nghiêm trọng.

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành bảo dưỡng. Nếu đại lý không thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.



## Lịch Bảo Dưỡng

Nếu xe bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về khí hậu và vùng miền, cần bổ sung vài quy trình bảo trì. Hãy tham khảo sổ bảo hành để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý ủy quyền của bạn sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

►►Lịch Bảo Dưỡng►

**Loại xe các nước Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)**

| Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước. | km x 1.000<br>tháng | 20                            | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                                                               |                     | 12                            | 24 | 36 | 48 | 60  | 72  | 84  | 96  | 108 | 120 |
| Thay dầu động cơ                                                              | Bình Thường         | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm  |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                               | Khắc Nghiệt         | Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay lọc dầu động cơ                                                          | Bình Thường         | Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm  |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                               | Khắc Nghiệt         | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm  |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay màng lọc gió                                                             |                     | Sau mỗi 30.000 km             |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Kiểm tra khe hở xu-páp <sup>*1</sup>                                          |                     | Sau mỗi 120.000 km            |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay bu-gi                                                                    |                     | Sau mỗi 100.000 km            |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Kiểm tra dây đai truyền động                                                  |                     |                               | •  |    | •  |     | •   |     | •   |     | •   |

\* 1: Phương Pháp Cảm Quan  
Điều chỉnh các xu-páp khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu có tiếng ồn.

| Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước. | km x 1.000<br>tháng | 20                                                             | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                                                               |                     | 12                                                             | 24 | 36 | 48 | 60  | 72  | 84  | 96  | 108 | 120 |
| Thay nước làm mát động cơ                                                     |                     | Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay dầu hộp số                                                               |                     |                                                                | •  |    | •  |     | •   |     | •   |     | •   |
| Thay lọc gió điều hòa                                                         |                     | •                                                              | •  | •  | •  | •   | •   | •   | •   | •   | •   |
| Kiểm tra phanh trước và sau                                                   |                     | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm                                   |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay lọc nhiên liệu                                                           | Bình Thường         | Sau mỗi 120.000 km                                             |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                               | Khắc Nghiệt         | Sau mỗi 60.000 km <sup>*1</sup>                                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay dầu phanh                                                                |                     | Sau mỗi 3 năm                                                  |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Đảo lốp (Mỗi tháng kiểm tra lốp xẹp và điều kiện lốp ít nhất một lần)         |                     | Sau mỗi 10.000 km                                              |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Kiểm tra bằng mắt các mục sau:                                                |                     |                                                                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Chấn bụi trực truyền động                                                     |                     | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm                                   |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái và chấn bụi                         |                     |                                                                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thành phần hệ thống treo                                                      |                     |                                                                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Mức dung dịch điện phân trong bình ắc quy                                     |                     | Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng                                 |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA)                              |                     | •                                                              | •  | •  | •  | •   | •   | •   | •   | •   | •   |
| Hệ thống xả                                                                   |                     |                                                                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu                                     |                     |                                                                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu                                          |                     |                                                                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |

\* 1: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi, v.v ... vì lọc có thể nhanh bị tắc.

Ngoại trừ loại xe các nước Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)

| Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian -<br>tùy theo điều kiện nào đến trước. |                                   |             | km x 1.000                                                        | 20 | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                                                                  |                                   |             | tháng                                                             | 12 | 24 | 36 | 48 | 60  | 72  | 84  | 96  | 108 | 120 |
| Thay dầu động cơ                                                                 | Loại xe không có<br>tu-bô tăng áp | Bình Thường | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm                                      |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                                  |                                   | Khắc Nghiệt | Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng                                     |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                                  | Loại xe có tu-bô tăng áp          |             | Khi đèn báo sáng hoặc 1 năm                                       |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay lọc dầu động cơ                                                             | Loại xe không có<br>tu-bô tăng áp | Bình Thường | Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm                                      |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                                  |                                   | Khắc Nghiệt | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm                                      |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                                  | Loại xe có tu-bô tăng áp          |             | Khi đèn báo sáng hoặc 2 năm                                       |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay màng lọc gió                                                                |                                   |             | Sau mỗi 30.000 km                                                 |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Kiểm tra khe hở xu páp <sup>*1</sup>                                             |                                   |             | Sau mỗi 120.000 km                                                |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay bu-gi                                                                       |                                   |             | Sau mỗi 100.000 km                                                |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Kiểm tra dây đai truyền đr                                                       |                                   |             |                                                                   | •  |    | •  |    | •   |     | •   |     | •   |     |
| Thay nước làm mát động                                                           |                                   |             | Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau<br>mỗi 100.000 km hoặc 5 năm |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hiệu <sup>*2</sup>                      |                                   |             | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm                                      |    |    |    |    |     |     |     |     |     |     |

\* 1: Phương Pháp Cảm Nhận

Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.

\* 2: Sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun thông thường cho các loại xe Cayman, Honduras, Nicaragua, Nigeria, Guatemala và Haiti.

Cần sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun thông thường cho các loại xe của các quốc gia sau, nó phụ thuộc vào chất lượng nhiên liệu sử dụng. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết: Philippin, Việt Nam, Indonesia, Zambia, Seychelles, Mozambique, Mauritius, Kenya, Ghana, Benin, Botswana, Sri Lanka, Myanma, Nepal, Brunei, Campuchia, Bangladesh, Yemen, Lebanon, El Salvador, Costa Rica, Cộng Hòa Dominica, Bermuda, Jamaica và Ethiopia.

| Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.                                                                        |             | km x 1.000 tháng                | 20                           | 40 | 60 | 80 | 100 | 120 | 140 | 160 | 180 | 200 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|------------------------------|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                                                                                                                                      |             |                                 | 12                           | 24 | 36 | 48 | 60  | 72  | 84  | 96  | 108 | 120 |
| Thay dầu hộp số                                                                                                                                      |             |                                 |                              | •  |    | •  |     | •   |     | •   |     | •   |
| Thay lọc gió điều hoà                                                                                                                                |             |                                 | •                            | •  | •  | •  | •   | •   | •   | •   | •   | •   |
| Kiểm tra phanh trước và sau                                                                                                                          |             |                                 | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay lọc nhiên liệu* <sup>1</sup>                                                                                                                    | Bình Thường | Sau mỗi 140.000 km              |                              |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                                                                                                      | Khắc Nghiệt | Sau mỗi 90.000 km* <sup>3</sup> |                              |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay lọc nhiên liệu* <sup>2</sup>                                                                                                                    | Bình Thường | Sau mỗi 120.000 km              |                              |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
|                                                                                                                                                      | Khắc Nghiệt | Sau mỗi 60.000 km* <sup>3</sup> |                              |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Thay dầu phanh                                                                                                                                       |             |                                 | Sau mỗi 3 năm                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Kiểm tra hạn sử dụng của chai keo vá lốp xe (nếu được trang bị)                                                                                      |             |                                 | Sau mỗi 1 năm                |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Đảo lốp (Kiểm tra xẹp lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)                                                                               |             |                                 | Sau mỗi 10.000 km            |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Kiểm tra bằng mắt các mục sau:                                                                                                                       |             |                                 |                              |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Chấn bụi trực truyền động<br>Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi<br>Thành phần hệ thống treo                                         |             |                                 | Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm |    |    |    |     |     |     |     |     |     |
| Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA)<br>Hệ thống xả<br>Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu<br>Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu |             |                                 | •                            | •  | •  | •  | •   | •   | •   | •   | •   | •   |

\* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Nam Mỹ và Indonesia

\* 2: Loại xe Châu Phi, Nam Mỹ và Indonesia

\* 3: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu bị tắc.

**Tất cả các loại xe**

Nếu lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, phải bảo dưỡng các mục sau theo lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái Khắc Nghiệt.

| Mục                    | Điều kiện       |
|------------------------|-----------------|
| Dầu động cơ và lọc dầu | A, B, C, D và E |

**►►Lịch Bảo Dưỡng**

Các điều kiện sau được cho là điều kiện lái khắc nghiệt:

- A. Lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km cho mỗi chuyến đi trong nhiệt độ đóng băng.
- B. Nhiệt độ quá nóng trên 35°C.
- C. Chạy không tải quá lâu hoặc xe ở tình trạng đi và dừng trong thời gian dài.
- D. Kéo rơ-moóc\*, tải nặng trên nóc xe, hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

## Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Với Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

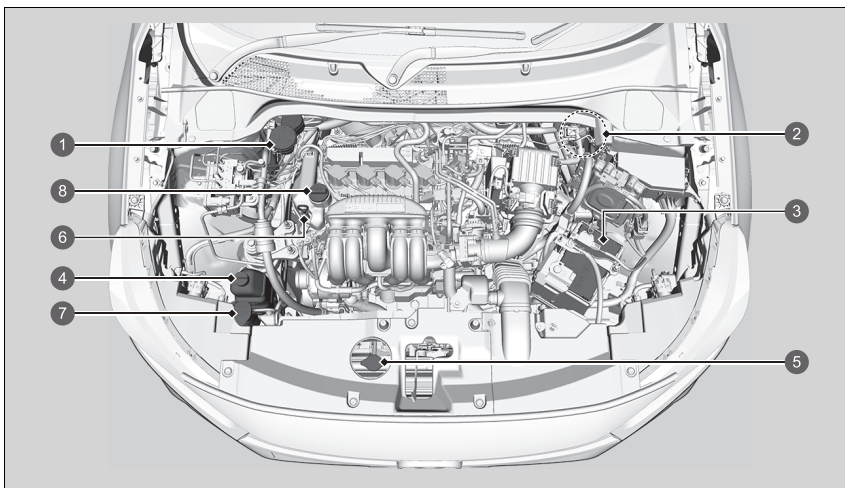
| Km hoặc Tháng                         | Ngày | Chữ Ký hoặc Đóng Dấu |
|---------------------------------------|------|----------------------|
| <b>20.000 km</b><br>(hoặc 12 tháng)   |      |                      |
| <b>40.000 km</b><br>(hoặc 24 tháng)   |      |                      |
| <b>60.000 km</b><br>(hoặc 36 tháng)   |      |                      |
| <b>80.000 km</b><br>(hoặc 48 tháng)   |      |                      |
| <b>100.000 km</b><br>(hoặc 60 tháng)  |      |                      |
| <b>120.000 km</b><br>(hoặc 72 tháng)  |      |                      |
| <b>140.000 km</b><br>(hoặc 84 tháng)  |      |                      |
| <b>160.000 km</b><br>(hoặc 96 tháng)  |      |                      |
| <b>180.000 km</b><br>(hoặc 108 tháng) |      |                      |
| <b>200.000 km</b><br>(hoặc 120 tháng) |      |                      |

Bảo Dưỡng

## Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

### Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Loại xe không có tu-bô tăng áp



❶ Dầu Phanh (Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lãng Bên Phải)

❷ Dầu Phanh (Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lãng Bên Trái)

❸ Ắc Quy

❹ Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ

❺ Nắp Két Nước

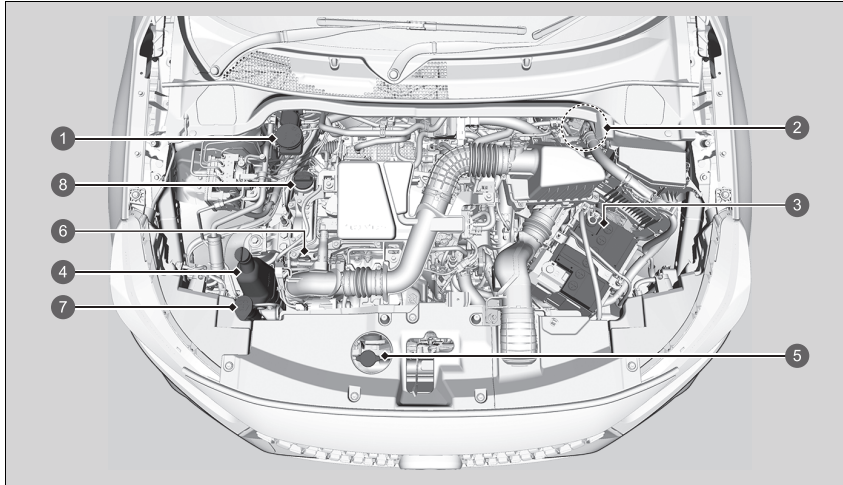
❻ Que Thăm Dầu Động Cơ (Màu Cam)

❼ Nước Rửa Kính (Nắp Màu Xanh Lam)

❽ Nắp Đổ Dầu Động Cơ



Loại xe có tu-bô tăng áp



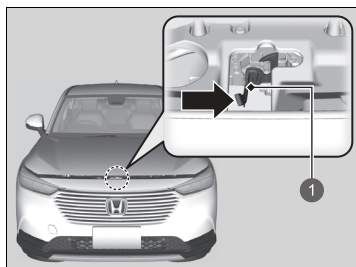
- |                                                   |                                    |
|---------------------------------------------------|------------------------------------|
| ❶ Dầu Phanh (Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lăng Bên Phải) | ❺ Nắp Két Nước                     |
| ❷ Dầu Phanh (Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lăng Bên Trái) | ❻ Que Thăm Dầu Động Cơ (Màu Cam)   |
| ❸ Ắc Quy                                          | ❼ Nước Rửa Kính (Nắp Màu Xanh Lam) |
| ❹ Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ                  | ❽ Nắp Đổ Dầu Động Cơ               |

## Mở Nắp Ca-pô



① Lấy Nhà Nắp Ca-pô

② Kéo



① Cản

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.
2. Kéo lấy nhà nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.  
► Nắp ca-pô sẽ nảy nhẹ lên.

3. Kéo cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của góc ca-pô ra giữa) và nâng nắp ca-pô. Sau khi bạn nâng nắp ca-pô, bạn có thể nhả lẫy.

### ►► Mở Nắp Ca-pô

Loại xe có tu-bô tăng áp

## ⚠ CẢNH BÁO

Thanh chống nắp ca-pô có thể rất nóng do nhiệt thoát ra từ động cơ.

Để không bị bỏng, không nắm vào phần kim loại của thanh chống: Hãy nắm vào tay cầm xấp.

Tất cả các loại xe

### CHÚ Ý

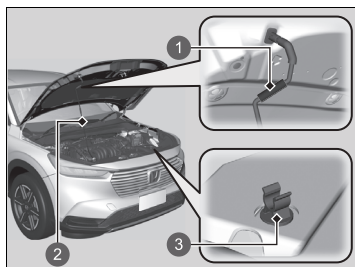
Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang được nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước, dẫn đến hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nâng cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Không mở nắp ca-pô trong khi hệ thống tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.



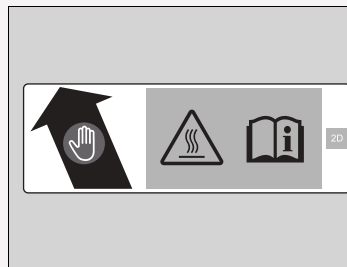
- ① Tay Cầm
- ② Thanh Chống
- ③ Kẹp

4. Dùng tay cầm để gạt thanh chống nắp ca-pô ra khỏi kẹp. Đặt thanh chống nắp ca-pô vào phía trong nắp ca-pô.

Khi đóng, bỏ thanh chống ra và xếp gọn vào kẹp, sau đó hạ nhẹ nắp ca-pô. Hạ nắp xuống thấp khoảng 30 cm, rồi thả tay ra để đóng nắp ca-pô.

#### ►►Mở Nắp Ca-pô

Loại xe có tu-bô tăng áp  
Đối với một số quốc gia



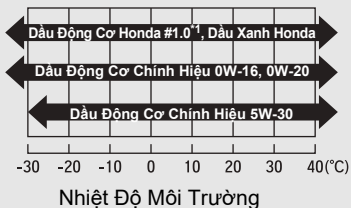
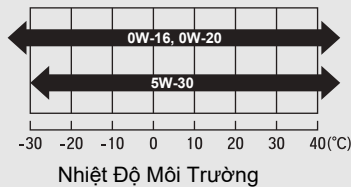
- Cầm vào tay nắm xóp.
- Thanh chống rất nóng.
- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.

## Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hiệu hoặc các loại dầu động cơ khác có trên thị trường có độ nhớt (phù hợp đối với nhiệt độ môi trường) như hình vẽ dưới đây.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp khi lái, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Loại xe không có tu-bô tăng áp

| Dầu Động Cơ Chính Hiệu                                                                                                                            | Dầu Động Cơ Trên Thị Trường                                                                                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu Động Cơ Honda #1.0<sup>*1</sup></li> <li>Dầu Xanh Honda</li> <li>Dầu Chính Hiệu Honda Motor</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn</li> <li>ACEA A5/B5</li> </ul> |
|  <p>Nhiệt Độ Môi Trường</p>                                      |  <p>Nhiệt Độ Môi Trường</p>                  |

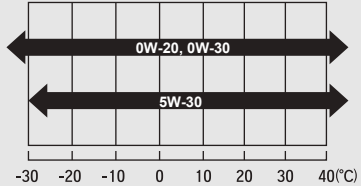
\* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

### ►►Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

#### Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ

Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia cho dầu động cơ. Trên thực tế, chất này có thể phản tác dụng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Loại xe có tu-bô tăng áp

| Dầu Động Cơ Chính Hiệu                                                                                                                                                                    | Dầu Động Cơ Trên Thị Trường                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu Chính Hiệu Honda Motor</li> </ul>  <p>Nhiệt Độ Môi Trường</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn</li> <li>ACEA A5/B5</li> </ul>  <p>Nhiệt Độ Môi Trường</p> |

\* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

## Kiểm Tra Dầu

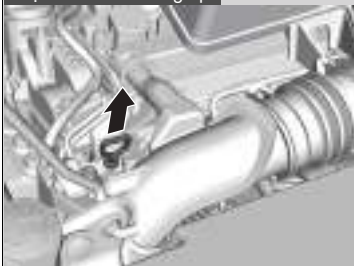
Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ bất cứ khi nào nạp nhiên liệu.  
Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

Loại xe không có tu-bô tăng áp



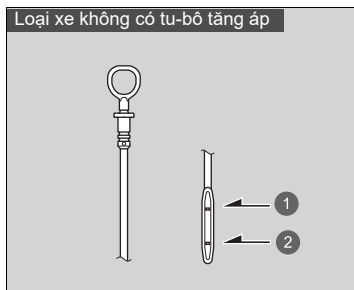
Loại xe có tu-bô tăng áp



1. Rút que thăm dầu ra (màu cam).
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu trở lại vị trí ban đầu, cắm hết cỡ vào đúng vị trí.

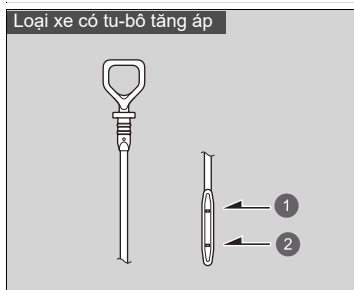
### ►► Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.



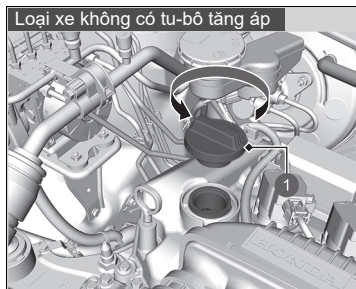
- ① Vạch Trên
- ② Vạch Dưới

**4.** Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Nó phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.



- ① Vạch Trên
- ② Vạch Dưới

## Bổ Sung Dầu Động Cơ



① Nắp Đổ Dầu Động Cơ



① Nắp Đổ Dầu Động Cơ

1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và siết thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

### ►► Bổ Sung Dầu Động Cơ

#### CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch giới hạn phía trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay lập tức. Dầu tràn có thể làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.



## Nước Làm Mát Động Cơ

**Nước làm mát chỉ định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda**

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không bổ sung chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

### ►► Nước Làm Mát Động Cơ

#### ⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

Luôn để động cơ nguội trước khi tháo nắp két nước.

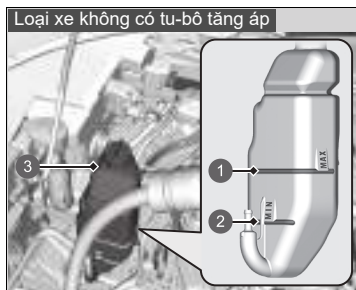
#### CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên thấp hơn  $-30^{\circ}\text{C}$ , thì nên thay đổi hỗn hợp làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra nó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hiệu Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

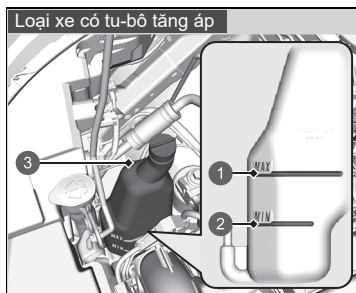
Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các các bộ phận của động cơ.

## Két Nước



- ① TỐI ĐA
- ② TỐI THIỂU
- ③ Bình Chứa

1. Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.
2. Kiểm tra lượng nước làm mát có trong bình chứa.
  - Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch **MIN**, hãy bổ sung nước làm mát được chỉ định cho đến khi đầy đến vạch **MAX**.



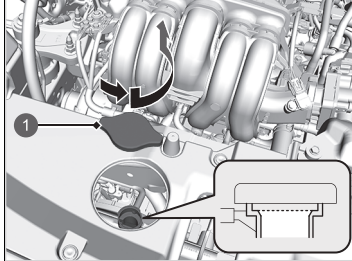
- ① TỐI ĐA
- ② TỐI THIỂU
- ③ Bình Chứa



3. Kiểm tra hệ thống nước làm mát có bị rò rỉ không.

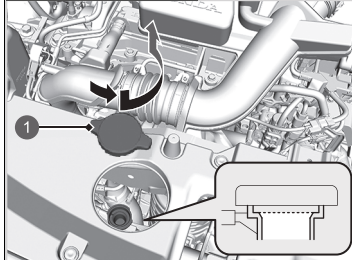
## Két Nước

Loại xe không có tu-bô tăng áp



1 Nắp Két Nước

Loại xe có tu-bô tăng áp



1 Nắp Két Nước

1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nó ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Nếu nó ở dưới mức đó, bổ sung nước làm mát.
5. Đậy nắp két nước và vặn nắp thật chặt.

## ►►Két Nước

### CHÚ Ý

Từ từ đổ dầu vào và cẩn thận không làm nó tràn ra. Lau sạch ngay dầu tràn để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Đối với một số quốc gia

### ■ Nắp Kết Nước



- Không mở kết nước khi còn nóng.
- Nước làm mát nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van giảm áp bắt đầu mở ở 108 kPa.

## Dầu Hộp Số

### ■ Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

**Dầu chỉ định: Honda HCF-2**

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.  
Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.  
📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 537

Không tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.

### »» Dầu Hộp Số

#### CHÚ Ý

**Không pha dầu Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.**

Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền hộp số của xe và gây hỏng hộp số.  
Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

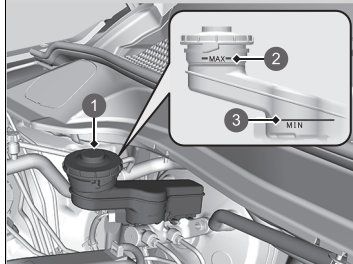
## Dầu Phanh

**Dầu chỉ định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4**

### Kiểm Tra Dầu Phanh

Loại Vô Lăng Bên Phải

Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời



- ① Bình Chứa
- ② TỐI ĐA
- ③ TỐI THIỂU

Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** được đánh dấu ở sườn bình chứa.

### »Dầu Phanh

#### CHÚ Ý

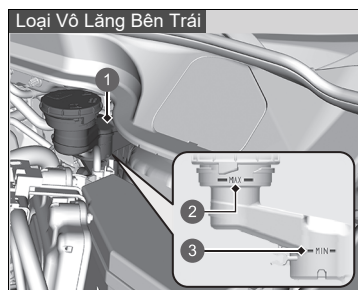
Dầu phanh loại DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng sản phẩm chính hiệu.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức MIN, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.



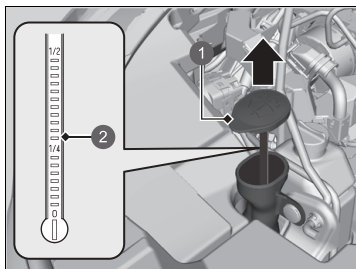
- ① Bình Chứa
- ② TỐI ĐA
- ③ TỐI THIỂU



- ① Bình Chứa
- ② TỐI ĐA
- ③ TỐI THIỂU



## Bổ Sung Nước Rửa Kính



① Nắp

② Thước Đo Mức Nước Rửa Kính

Sử dụng thước đo mức nước rửa kính ở trên nắp để kiểm tra lượng nước rửa kính còn trong bình.

Nếu nó ở mức thấp thì bổ sung thêm vào bình chứa.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để nó tràn ra ngoài bình chứa.

## Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên lành nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

### ►►Bổ Sung Nước Rửa Kính

#### CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giảm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn xe. Dung dịch giảm/nước có thể làm hỏng bơm rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

## Thay Bóng Đèn

### Bóng Đèn Chiếu Sáng

Đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

### Đèn Sương Mù Trước\*

Đèn sương mù trước là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

### Đèn Vị Trí/Ban Ngày

Đèn vị trí/ban ngày là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

### Đèn Xi Nhan Trước

Đèn xi nhan trước là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

### Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp

Đèn xi nhan bên là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

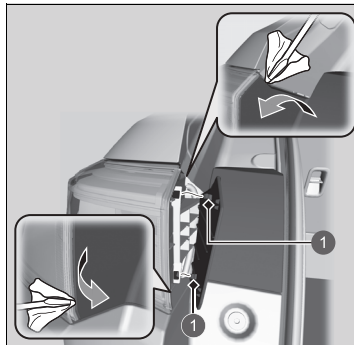
#### » Đèn Chiếu Sáng

Hướng đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở vật nặng trong khoang hành lý hãy đến đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

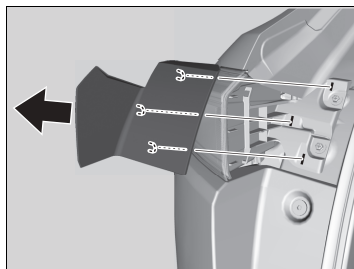
## Bóng Đèn Phanh/Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

Khi thay bóng đèn, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Phanh: Đèn LED**  
**Đèn Hậu: Đèn LED**  
**Đèn Xi Nhan Sau: 21 W (Hỗ Phách)**



❶ Chốt



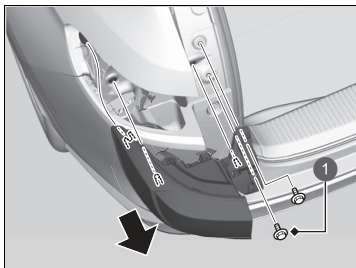
1. Chèn tua-vít đầu dẹt vào giữa đầu trên của nắp và thân xe, sau đó tháo chốt.  
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh làm trầy xước thân xe.
2. Chèn tua-vít đầu dẹt vào giữa đầu dưới của nắp và cụm bóng đèn sau đó tháo chốt ra.  
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh làm trầy xước cụm đèn.

3. Tháo vỏ bằng cách kéo nó ra theo hướng mũi tên trong hình.

### ►►Bóng Đèn Phanh/Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan sau

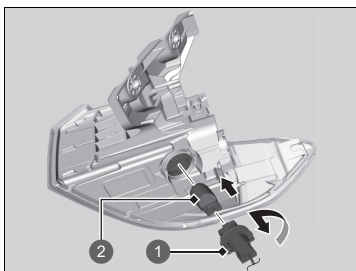
Đèn phanh/đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

►►Thay Bóng Đèn►Bóng Đèn Phanh/Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan sau



① Bu-lông

4. Tháo các bu-lông.
5. Tháo cụm đèn bằng cách kéo nó theo hướng mũi tên trong hình.



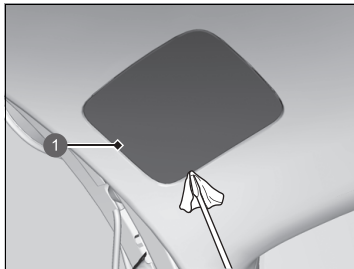
① Đui  
② Bóng Đèn

6. Xoay đui ngược chiều kim đồng hồ và tháo nó ra. Tháo bóng đèn cũ ra.
7. Lắp bóng đèn mới vào.

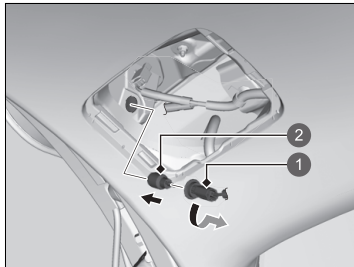
## Bóng Đèn Hậu, Đèn Sương Mù Sau\* và Đèn Lùi

Khi thay bóng đèn, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Hậu: Đèn LED**  
**Đèn Sương Mù Sau: Đèn LED\***  
**Đèn Lùi: 16W**



❶ Vỏ



❶ Đui

❷ Bóng Đèn

1. Dùng tua-vít đầu dẹt cạy mép để tháo vỏ.  
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

2. Xoay đui ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng ra. Tháo bóng đèn cũ ra.
3. Lắp bóng đèn mới vào.

### ►►Bóng Đèn Hậu, Đèn Sương Mù Sau\* và Đèn Lùi

Đèn hậu và đèn sương mù sau\* là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Đèn Biển Số Sau

---

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

## Đèn Phanh Cao

---

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

## Bóng Đèn Biển Khác

### ■ Đèn Gương Cá Nhân\*

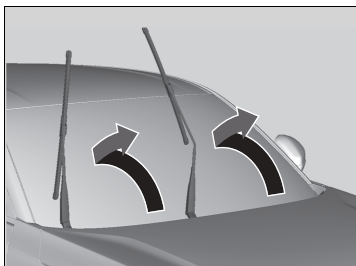
Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

## Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước

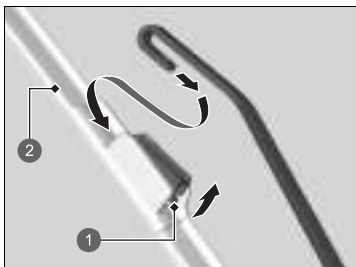
### Kiểm Tra Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su lưỡi gạt nước xuống cấp, nó sẽ để lại các vết bẩn, tạo ra tiếng ồn và bề mặt lưỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

### Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước



1. Nâng cần gạt phía người lái lên trước, sau đó nâng cần gạt phía hành khách.



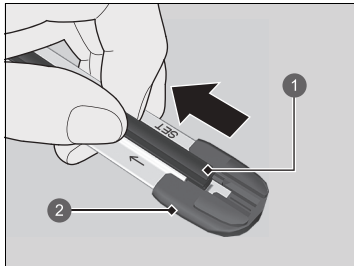
- 1 Vấu
- 2 Giá Đỡ

### Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước

#### CHÚ Ý

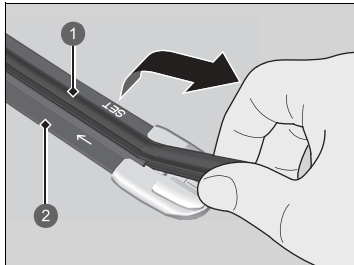
Không thả mạnh cần gạt nước vào kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.





- ① Lưới Gạt
- ② Nắp Đầu Giá Đỡ ở phía đáy

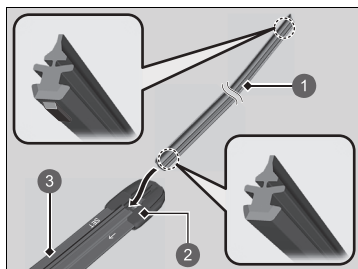
3. Kéo đầu lưới gạt theo hướng mũi tên như hình vẽ cho đến khi nó ra khỏi nắp đầu của giá đỡ.



- ① Lưới Gạt
- ② Giá Đỡ

4. Kéo lưới gạt theo hướng ngược lại để trượt nó ra khỏi giá đỡ.

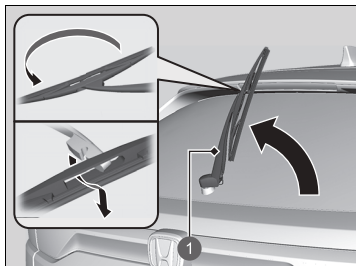
Bảo Dưỡng



- ① Lưới Gạt
- ② Nắp
- ③ Giá Đỡ

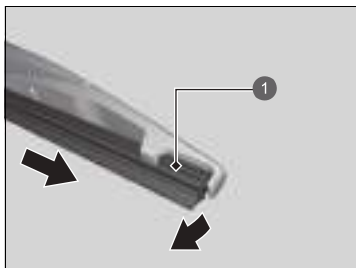
- 5. Trượt lưới gạt nước mới vào giá đỡ từ đầu dưới. Trượt lưới gạt vào hết cỡ.
- 6. Lắp đầu của lưới gạt nước vào nắp.
- 7. Trượt giá đỡ vào tay gạt nước cho đến khi nó khóa lại.
- 8. Hạ cần gạt nước phía hành khách trước, sau đó hạ cần gạt nước phía người lái.

## Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau



❶ Cản Gạt Nước

1. Nâng cản gạt nước lên.
2. Xoay đầu dưới của lưỡi gạt nước lên cho đến khi nó ra khỏi cản gạt nước.



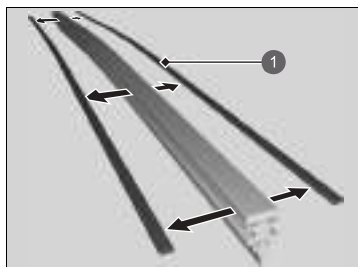
❶ Lưỡi Gạt

3. Trượt lưỡi gạt ra khỏi cản gạt nước.

### ►► Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau

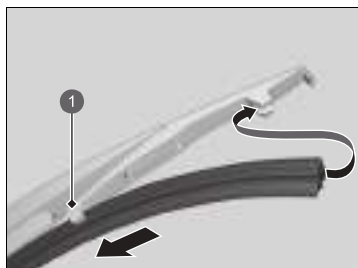
#### CHÚ Ý

Không thả mạnh cản gạt nước để tránh làm hỏng cửa kính sau.



① Thanh Giữ

4. Tháo thanh giữ ra khỏi lưới gạt nước và lắp cao su lưới gạt mới.



① Giá Đỡ

5. Trượt lưới gạt nước vào trong giá đỡ.  
► Đảm bảo chúng ăn khớp, sau đó lắp cụm lưới gạt nước vào cần gạt nước.

## Kiểm Tra và Thay Lốp

### Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

#### ■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp việc điều khiển xe dễ dàng, thuận tiện hơn và nâng cao tuổi thọ lốp. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp quy định.

Lốp quá non sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe, tiết kiệm nhiên liệu và lốp dễ bị hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng gây khó lái và dễ bị hư hỏng khi đụng phải chướng ngại vật trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một trong các lốp có vẻ không căng như các lốp kia, kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, hãy đo áp suất ở các lốp xe bao gồm cả lốp dự phòng bằng đồng hồ đo áp suất lốp. Ngay cả khi lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10-20 kPa (0,1 đến 0,2 bar, 1-2 psi) mỗi tháng.

#### ■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van.

Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình ở thành lốp hoặc trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp vải hoặc lớp thép.
- Để loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi lốp.
- Xem nếu độ mòn lốp không đều, hãy đưa xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.

🔧 **Vạch Báo Độ Mòn Lốp** Tr. 574

- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

#### 🔧 Kiểm Tra Lốp

### ⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về bơm lốp và thay lốp xe.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Tức là đo khi đã đỗ xe ít nhất được ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi trời nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra khi trời lạnh.

#### Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

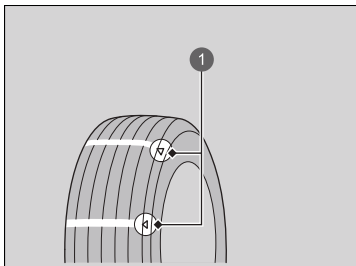
🔧 **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp**  
Tr. 426

#### Loại xe có TPMS

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

🔧 **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 422

## Vạch Báo Độ Mòn Lốp



❶ Minh Họa Vạch Báo Độ Mòn Lốp

Rãnh lốp là nơi có vạch báo độ mòn lốp. Rãnh thường nông hơn khoảng 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp xe. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.  
**Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.**

### ►►Kiểm Tra Lốp

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp xe nếu cảm nhận thấy độ rung khi lái xe. Mỗi khi thay lốp mới hoặc tháo lốp ra rồi lắp lại đều phải cân chỉnh lại bánh xe.

## Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thói quen lái xe, điều kiện mặt đường, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp, bạn nên kiểm tra lốp thường niên khi đã sử dụng lốp được 5 năm. Tất cả lốp xe, gồm cả lốp dự phòng\* cần phải được thay sau 10 năm kể từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó như thế nào.

## Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới cùng kích thước, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích thước, cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống của xe như hệ thống ABS và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể thay cả bốn lốp cùng một lúc, hãy thay hai lốp trước cùng lúc và hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

### ►►Thay Lốp và Bánh Xe

#### **⚠CẢNH BÁO**

Lắp lốp mới không cùng chủng loại và kích cỡ có thể gây ảnh hưởng đến điều khiển và ổn định xe dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

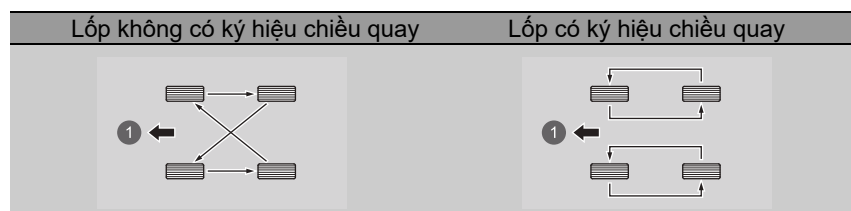
Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

## Đảo Lốp

Đảo lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mài mòn và gia tăng tuổi thọ cho lốp.

### Mô Hình Đảo Lốp Xe

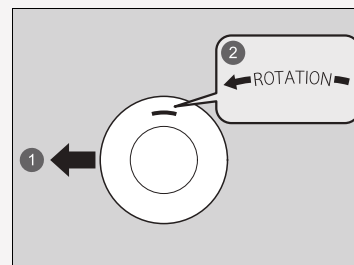
Đảo lốp như hình vẽ dưới đây.



① Trước

### ►►Đảo Lốp

Lốp xe loại gân lốp một chiều chỉ được đảo từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên kia). Hướng lắp của lốp phải giống với dấu hướng quay trên lốp như hình vẽ dưới đây.



① Trước

② Ký Hiệu Chiều Quay

Khi đảo lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

**Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp**

Mỗi khi đảo lốp, hãy hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp**  
Tr. 426

**Loại xe có TPMS**

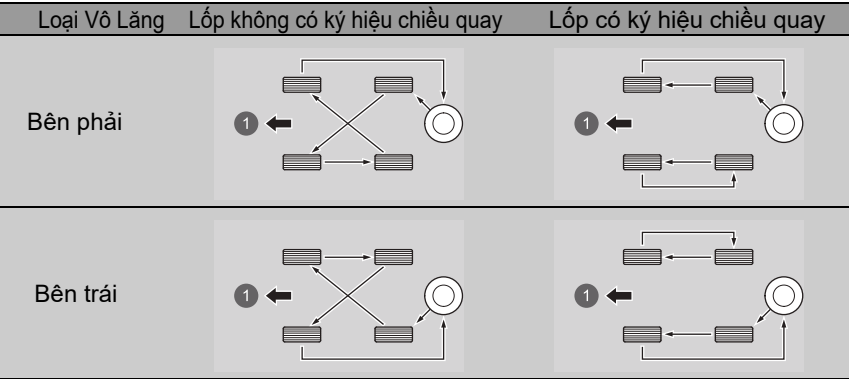
Mỗi khi đảo lốp, hãy hiệu chỉnh TPMS.

► **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 422



Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

Đảo lốp, bao gồm cả lốp dự phòng như hình minh họa dưới đây.



1 Trước

## Thiết Bị Bám Đường Tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ và duy trì khoảng cách với xe khác khi lái.

Chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp các mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích thước và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Đối với xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý trước khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì khoảng sáng gầm xe của xe bạn hạn chế, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Loại xe Australia

| Kích Thước Lốp Ban Đầu*1 | Loại Xích                         |
|--------------------------|-----------------------------------|
| <b>225/50R18</b>         | <b>RUD innove8 HYBRID 4718376</b> |

\* 1: Kích thước lốp ban đầu có ở nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

Tất cả các loại xe

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp xích bọc lốp. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh hoặc hệ thống treo.
- Lái xe chậm.

### ►►Thiết Bị Bám Đường Tuyết

## ⚠CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này ở phần lựa chọn và sử dụng xích bọc lốp.

### CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn hoạt động của xe.

Chỉ sử dụng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định pháp luật.

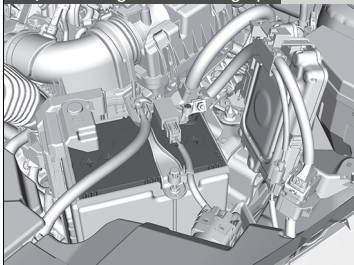
Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

Nếu xe của bạn được trang bị lốp chạy trong điều kiện thời tiết mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý.

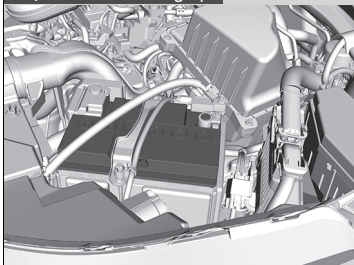
## Ắc Quy

### Kiểm Tra Ắc Quy

Loại xe không có tu-bô tăng áp



Loại xe có tu-bô tăng áp



Nếu ắc quy xe của bạn bị mất kết nối hoặc bị chết:

- Cài đặt lại đồng hồ.
  - ➡ Đồng Hồ Tr. 182
  - ➡ Cài Đặt Đồng Hồ Tr. 304

Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra mòn cực ắc quy hàng tháng.

#### »Ắc Quy

### ⚠CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc trọng thương.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

### ⚠CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn và độc hại cao.

Chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Hãy mặc quần áo bảo hộ và đeo kính bảo hộ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Bạn có thể bị tử vong nếu nuốt phải chất điện phân và không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM

#### ►Ắc Quy

##### **Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp**

**Mắt:** Lấy nước ở cốc hoặc bình nước để rửa mắt trong ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi bác sĩ ngay.

**Da:** Thay quần áo bị dính axit. Dùng nhiều nước để rửa sạch. Gọi bác sĩ ngay.

**Nuốt phải:** Uống nước hoặc sữa. Gọi bác sĩ ngay.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, hãy lau sạch các cực ắc quy bằng dung dịch bột nở và nước. Dùng khăn ẩm để lau sạch các cực. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

**Loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời**

Ắc quy lắp cho xe là dành cho loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.

Sử dụng ắc quy không đúng loại quy định có thể làm giảm tuổi thọ ắc quy và làm Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động. Nếu cần phải thay ắc quy, đảm bảo chọn đúng loại và kích cỡ quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

**► Thông Số Kỹ Thuật Tr. 664**

## Nạp Ác Quy

Tháo cả hai cáp ác quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp âm (-) trước và nối lại cáp này sau cùng.

### » Ác Quy

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp\*, hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Hỗ Trợ An Toàn (Hỗ Phách)\*, Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp\*, và Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS\* có thể sáng, đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ác quy.

Lái xe quãng đường ngắn với vận tốc trên 20km/h Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## NhãnẮc Quy\*



### »»NhãnẮc Quy\*

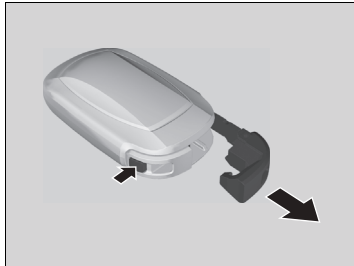
#### CẢNH BÁO NGUY HIỂM

- Để ắc quy tránh xa ngọn lửa và tia lửa. Ắc quy sinh ra khí dễ nổ và có thể gây nổ.
- Đeo kính bảo hộ và đeo găng tay cao su khi xử lý ắc quy để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc mù mắt nếu bị dính dung dịch điện phân ắc quy.
- Trong bất kỳ trường hợp nào, không để trẻ sờ vào ắc quy. Đảm bảo rằng bất kỳ ai khi xử lý ắc quy đều phải có sự hiểu biết đúng về sự nguy hiểm và phải thực hiện đúng quy trình xử lý ắc quy.
- Chú ý khi xử lý ắc quy vì nó chứa axit sunphuric loãng. Dính vào mắt hoặc da có thể gây bỏng hoặc mù mắt.
- Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn này và phải hiểu rõ trước khi xử lý ắc quy. Không thực hiện đúng có thể gây thương tích cho bản thân và làm hư hỏng xe.
- Không sử dụng ắc quy nếu mức dung dịch bằng hoặc thấp hơn mức khuyến nghị. Sử dụng ắc quy có mức dung dịch điện phân thấp có thể gây nổ và trọng thương.

## Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

### Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin điều khiển.



Loại pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận mép vỏ bằng miếng kim loại mỏng.

- ▶ Bọc kẹp chìa khóa bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.
- ▶ Tháo cẩn thận để tránh mất các nút.

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

### ⚠ CẢNH BÁO

#### NGUY HIỂM BÔNG HÓA CHẤT

Nếu nuốt phải pin cấp điện cho bộ truyền tín hiệu từ xa có thể gây bỏng nặng và thậm chí có thể gây tử vong. Để pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em.

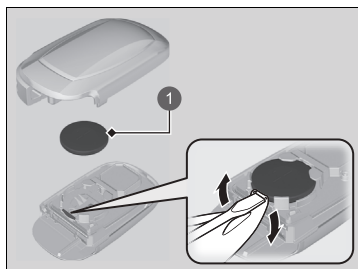
Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

**LƯU Ý:** Nếu thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng chủng loại hoặc loại tương đương.

**LƯU Ý:** Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

**LƯU Ý:** Không vứt pin vào lửa hoặc lò đang nóng, hoặc nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc, vì những việc này sẽ dẫn đến cháy nổ.

**LƯU Ý:** Không để pin ở độ cao với áp suất không khí cực thấp để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.



1 Pin

3. Tháo pin bằng cách dùng tua-vít đầu dẹt cạy vào mép pin. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.

► Bọc đầu tua-vít bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

#### ►► Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

##### CHÚ Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.

Thay pin có bán trên thị trường hoặc thay tại đại lý.

Theo Tiêu Chuẩn của Australia;

##### CẢNH BÁO

- Pin cấp nguồn cho chìa khóa điều khiển từ xa rất nguy hiểm - để pin mới và đã qua sử dụng tránh xa trẻ em.
- Nếu nuốt phải hoặc nhét pin cúc áo/đồng xu Lithium vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể đều có thể khiến người đó bị trọng thương hoặc tử vong trong vòng từ 2 giờ trở xuống.
- Đến ngay cơ sở y tế nếu nghi ngờ đã nuốt phải hoặc nhét pin vào bên trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể.



## Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Khí Hệu

### Điều Hòa Không Khí\*

Để hệ thống điều khiển khí hệu hoạt động tốt và an toàn, nên để kỹ thuật viên có tay nghề kiểm tra hệ thống ga lạnh.

Không được tháo giàn lạnh hệ thống điều hòa không khí (lỗi làm mát) của một chiếc xe cũ hoặc xe phế thải để sửa chữa hoặc thay sang cho chiếc xe này.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

#### »Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Khí Hệu

##### CHÚ Ý

Ga lạnh thoát ra ngoài sẽ gây hại cho môi trường. Để tránh ga lạnh thoát ra, không được tháo giàn lạnh của một xe cũ hoặc xe phế thải để thay sang cho chiếc xe này.

Ga lạnh của hệ thống điều hòa không khí trên xe bạn là chất dễ cháy và gây cháy nổ trong quá trình sửa chữa-bảo dưỡng nếu như không thực hiện đúng quy trình.

Nhân điều hòa không khí nằm ở dưới nắp ca-pô:

➤ **Nhãn An Toàn** Tr. 104

➤ **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 664

##### Loại xe Australia

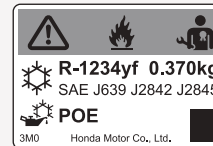


⚠ : Lưu Ý

🔥 : Ga Lạnh Dễ Cháy

👤 : Yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề sửa chữa-bảo dưỡng

##### Loại xe Singapo



☀ : Hệ Thống Điều Hòa Không Khí

👤 : Loại Chất Bôi Trơn Hệ Thống Điều Hòa Không Khí

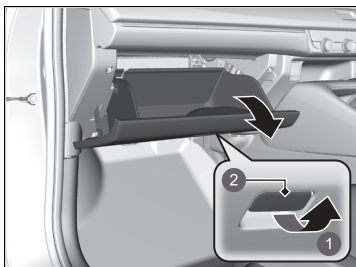
## Lọc Gió Điều Hoà

### ■ Thời Điểm Nên Thay Lọc Gió Điều Hoà

Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng khuyến nghị. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 537

### ■ Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



❶ Kéo

❷ Tay Cầm

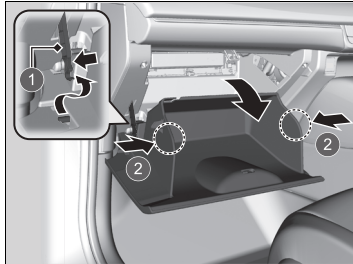
1. Mở hộp đựng đồ.

### »»Lọc Gió Điều Hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống điều khiển khí hậu bị giảm đáng kể, và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

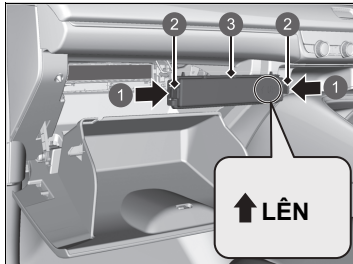
Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và mảnh vụn nhỏ trong không khí.

Nếu bạn không biết cách thay lọc gió điều hoà, hãy đến đại lý để thay.



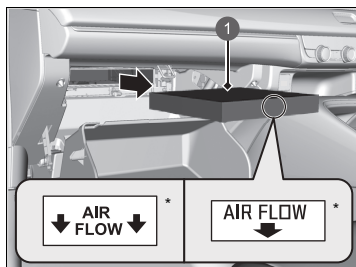
- ❶ Nút Chặn
- ❷ Vấu

- 2. Ấn nút chặn ở phía bên của hộp đựng đồ phía hành khách vào để tách nó ra khỏi hộp đựng đồ.
- 3. Tháo hai vấu bằng cách ấn lên hai cạnh tấm ốp.
- 4. Tháo hộp đựng đồ.



- ❶ Ấn
- ❷ Vấu
- ❸ Vỏ

- 5. Ấn vào vấu ở các góc của vỏ lọc gió điều hoà để tháo lọc gió ra.



❶ Lọc Gió Điều Hoà

6. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.

7. Lắp lọc gió mới vào hộp.

► Để mũi tên **AIR FLOW** (LUỒNG KHÍ) hướng xuống dưới.

## Vệ Sinh

### Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau sạch.

Dùng vải ướt thấm dung dịch trung tính và nước ấm để lau sạch bụi.

Dùng vải sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

### Vệ Sinh Dây Đai An Toàn

Dùng khăn mềm, xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn.

Để dây đai an toàn tự khô. Dùng vải sạch lau sạch móc luồn dây đai an toàn.



❶ Móc Luồn Dây Đai

### Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng ra xe. Thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc. Làm như vậy có thể khiến thiết bị hỏng hoặc gây cháy bên trong xe. Nếu không may để chất thơm có silicon rây vào thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần hóa học, chất thơm có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt.

Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.

Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

Chú ý không làm đổ chất thơm ra xe.

## ■ Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

### ■ Kính Chống Tia Siêu UV/Kính Chống Tia Hồng Ngoại\*

Các cửa kính phía trước được dán phim chống tia UV và/hoặc tia IR. Khi lau mặt trong của cửa kính, hãy đảm bảo sử dụng khăn ẩm mềm.

### ■ Kính cửa sổ trời toàn cảnh\*

Mặt trong của kính có lớp phủ cách nhiệt. Lau sạch bằng khăn mềm ẩm với nước lạnh hoặc ẩm.

## ►► Vệ Sinh Cửa Kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước rửa kính lên trên hoặc xung quanh nắp của camera trước\* và cảm biến mưa/ánh sáng\*.

► Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí Tr. 227

► Cản Gạt Nước Gián Đoạn Tự Động\* Tr. 239

► Camera Trước Tr. 500

### Loại xe có Kính Chống Tia Siêu UV/Tia IR

Để đảm bảo tuổi thọ của phim chống tia UV và/hoặc tia IR, hãy tránh:

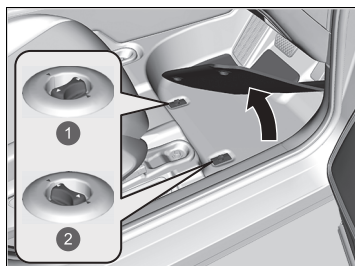
- Mở và đóng cửa kính khi chúng bị bám đầy bụi bẩn và các mảnh vụn khác.
- Sử dụng nước rửa kính có chứa các hợp chất đánh bóng, sáp hoặc chất tẩy rửa.

### Loại xe có cửa sổ trời toàn cảnh

Để đảm bảo tuổi thọ của lớp phủ cách nhiệt, hãy tránh:

- Sử dụng nước rửa kính, sáp hoặc chất tẩy rửa có chứa bột hoặc hợp chất đánh bóng.

## ■ Thảm Lót Sàn\*



- ❶ Mở Khóa
- ❷ Khóa

Thảm lót sàn phía người lái và hành khách trước\* được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt về phía trước. Khi lắp lại thảm sau khi vệ sinh xong, xoay núm móc neo đến vị trí khóa.

**Không lắp thêm thảm lên đầu móc neo thảm lót sàn.**

## ■ Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu\*

Để làm sạch đồ da đúng cách:

1. Trước tiên dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi hoặc vết bẩn.
2. Làm sạch đồ da bằng vải mềm ướt với tỷ lệ 90% nước và 10% xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ướt lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn đọng lại và để đồ da vào chỗ khô, thoáng mát.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## ►►Thảm Lót Sàn\*

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn dành riêng cho loại xe của bạn, đảm bảo phải sử dụng loại thảm dành cho loại xe cụ thể, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe. Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu cố định không đúng, thảm sàn có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

## ►►Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu\*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn hoặc bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Chất bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo màu tối có thể chà xát vào ghế da sẽ làm thay đổi màu hoặc làm ố da.

## Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xe và các vết xước trên bề mặt sơn. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

### Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên. Hơn nữa, hãy rửa xe thường xuyên hơn khi lái trong các điều kiện sau:

- Lái trên đường có muối.
- Lái trên đường bờ biển.
- Lái trên đường nhựa, có muội than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

### Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự động

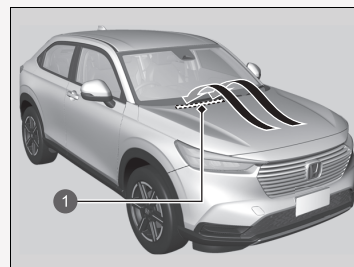
- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cụp gương cửa lại.
- Đối với những loại xe được trang bị cần gạt nước tự động ngắt quãng, hãy tắt cần gạt nước.

### Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đừng quá gần cửa kính có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.

### » Rửa Xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi để tránh xảy ra sự cố.



❶ Lỗ Thông Hơi



## ■ Phủ Sáp

Một lớp sáp phủ tốt sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Qua thời gian, sáp sẽ bị mòn và làm lộ ra các bộ phận xe dưới lớp sơn, vì vậy hãy phủ lại sáp ngay khi cần thiết.

## ■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận tráng nhựa, chúng có thể bị mất màu hoặc bị bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

## ■ Vệ Sinh Cửa Kính

Lau bằng nước rửa kính.

## ■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm

Vành nhôm dễ bị hỏng nếu mặt đường có muối hoặc các chất nhiễm bẩn khác. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và các chất tẩy rửa trung tính để lau vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tùy vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

## ►► Phủ Sáp

### CHÚ Ý

Chất dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, lớp kim loại và nhựa trên xe. Nếu để tràn ra xe, hãy lau ngay lập tức.

## ►► Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý để có vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận tráng nhựa.

### ■ Chóa Đèn Ngoài Xe Bị Mờ

Các chóa bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi xe chạy qua máy rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là tình trạng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.

Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể làm tích tụ hơi ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Điều này cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

## Phụ Kiện và Điều Chỉnh

### Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp các phụ kiện lên kính chắn gió vì việc này sẽ làm sẽ cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
- Không lắp phụ kiện lên các khu vực đánh dấu SRS Airbag (Túi Khí SRS), lên cạnh hoặc lưng ghế trước, lên các trụ trước hoặc trụ bên, hoặc gần các cửa kính bên.  
Lắp các phụ kiện ở những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.
- Đảm bảo các phụ kiện điện không vượt quá tải các mạch điện hoặc không gây cản trở đến hoạt động của xe.  
**⚠ Cầu Chì Tr. 647**
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

#### Phụ Kiện và Điều Chỉnh

### ⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định, hiệu suất của xe và gây va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các chỉ dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này liên quan đến phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo động, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng phụ kiện Chính Hiệu Honda để đảm bảo cho xe hoạt động tốt.

## Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hiệu Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự như vậy.

Thậm chí điều chỉnh một phần hệ thống xe cũng có thể gây ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của toàn bộ xe. Luôn đảm bảo lắp và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị xe. Không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, hoặc làm hệ thống gặp sự cố như mất điện, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện nào.

# Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

Chương này giải thích cách xử lý các tình huống bất ngờ.

|                                    |     |
|------------------------------------|-----|
| <b>Dụng cụ</b>                     |     |
| Loại Dụng Cụ .....                 | 598 |
| <b>Nếu Lốp Bị Xẹp</b>              |     |
| Thay Lốp Xẹp .....                 | 600 |
| Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp.....           | 611 |
| <b>Khi Nâng Xe Bằng Kịch.....</b>  | 625 |
| <b>Động Cơ Không Khởi Động</b>     |     |
| Kiểm Tra Động Cơ .....             | 629 |
| Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa |     |
| Yếu .....                          | 630 |
| Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp.....    | 631 |
| Dừng Động Cơ Khẩn Cấp.....         | 632 |
| <b>Nếu Ác Quy Chết .....</b>       | 633 |
| <b>Không Gặt Được Cỏ Sỏi.....</b>  | 636 |

|                                  |     |
|----------------------------------|-----|
| <b>Quá Nhiệt</b>                 |     |
| Cách Xử Lý Quá Nhiệt.....        | 637 |
| <b>Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy</b>    |     |
| Nếu Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ |     |
| Thấp Xuất Hiện .....             | 640 |
| Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện    |     |
| Sáng .....                       | 640 |
| Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp |     |
| Nháy .....                       | 641 |
| Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ)  |     |
| Sáng hoặc Nhấp Nháy .....        | 642 |
| Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực |     |
| Điện (EPS) Sáng .....            | 643 |

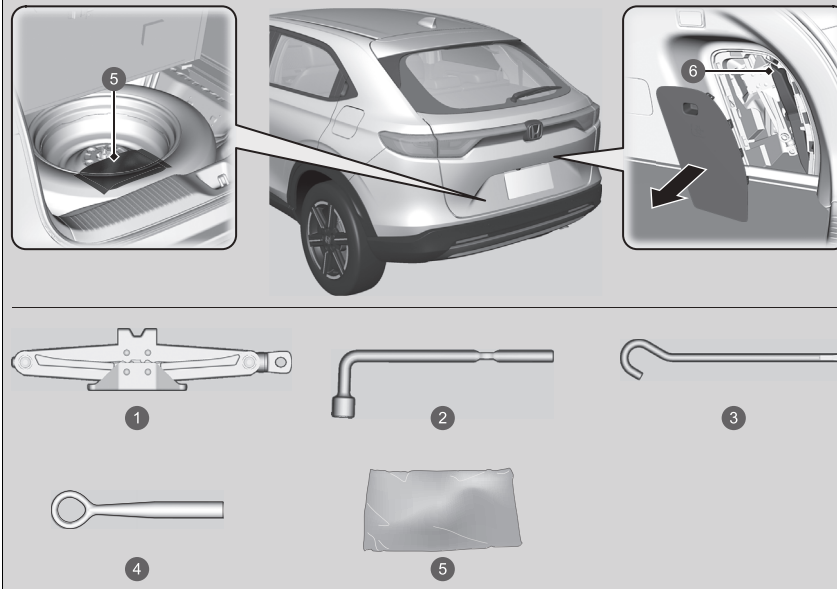
|                                         |     |
|-----------------------------------------|-----|
| Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ)         |     |
| Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời           |     |
| Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách)       |     |
| Sáng .....                              | 644 |
| Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp        |     |
| Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc         |     |
| Nhấp Nháy .....                         | 645 |
| Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS       |     |
| Sáng hoặc Nhấp Nháy .....               | 646 |
| <b>Cầu Chì</b>                          |     |
| Vị Trí Cầu Chì .....                    | 647 |
| Kiểm Tra và Thay Cầu Chì.....           | 653 |
| <b>Kéo Xe Khẩn Cấp.....</b>             | 654 |
| <b>Nếu Bạn Không Mở Được Cửa</b>        |     |
| Hậu .....                               | 655 |
| <b>Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)* .....</b> | 657 |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Dụng Cụ

### Loại Dụng Cụ

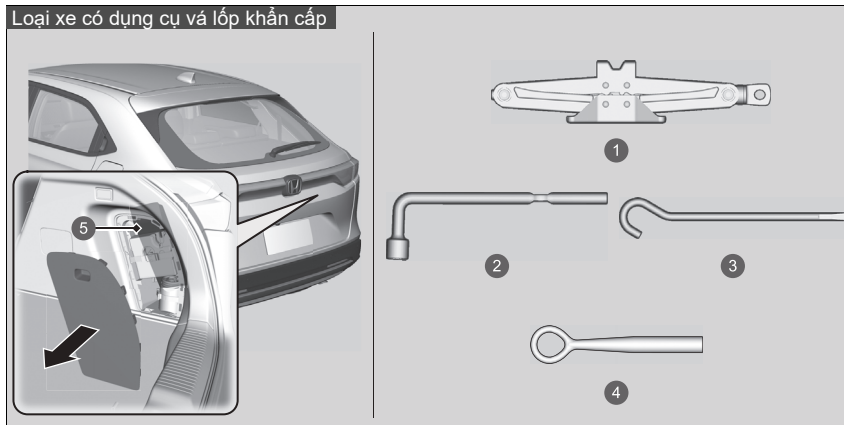
Loại xe có lớp dự phòng



- ① Kịch
- ② Cờ-lê Vận Đai Ốc/Tay Kịch
- ③ Thanh Nối Tay Kịch
- ④ Móc Kéo Có Thể Tháo
- ⑤ Túi Để Đồ\*
- ⑥ Túi Dụng Cụ

### Loại Dụng Cụ

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý.



- ① Kịch\*
- ② Cờ-lê Vặn Đai Ốc/Tay Kịch\*
- ③ Thanh Nối Tay Kịch\*
- ④ Móc Kéo Có Thẻ Tháo
- ⑤ Túi Dụng Cụ

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Nếu Lốp Xe Bị Xẹp

Loại xe có lốp dự phòng

### Thay Lốp Xẹp

Nếu lốp bị xẹp khi đang lái, giữ chắc vô lăng và phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, đỗ xe ở nơi an toàn.

Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng cùng kích cỡ\*. Đưa xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa hoặc thay lốp bị xẹp.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
2. Gạt cần số đến **P**.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).

### Thay Lốp Xẹp

Tuân theo các lưu ý sau đối với lốp dự phòng loại nhỏ:

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng loại nhỏ. Áp suất lốp phải đạt mức quy định.  
Áp Suất Quy Định: 420 kPa (4.2 bar, 60 psi).

Khi lắp lốp dự phòng loại nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h (50 mph). Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

Lốp dự phòng loại nhỏ và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng chúng cho xe khác cũng như không sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ hoặc bánh xe khác cho xe bạn.

Không gắn xích bọc lốp cho lốp dự phòng loại nhỏ. Nếu lốp trước có gắn xích bị xẹp, hãy tháo một trong các lốp cùng kích cỡ phía sau để thay cho lốp xẹp đó và lấy lốp dự phòng loại nhỏ thay cho chiếc lốp sau vừa tháo. Sau đó, gắn xích bọc lốp vào lốp trước.

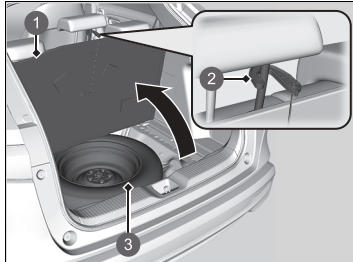
Dùng lốp dự phòng loại nhỏ sẽ làm xe đi gằn hơn và độ bám đường kém đi. Bạn cần lái xe cẩn thận hơn.

Không dùng quá một lốp dự phòng loại nhỏ cùng một lúc.

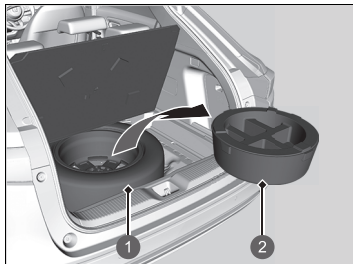
Lốp dự phòng loại nhỏ nhỏ hơn lốp thông thường. Vì vậy, khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn thông thường khi bạn lắp lốp dự phòng loại nhỏ. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có vật cản có thể làm hư hỏng gầm xe.



## ■ Chuẩn Bị Thay Lốp Xe



- ① Nắp Sàn Xe
- ② Móc Treo
- ③ Lốp Dự Phòng



- ① Lốp Dự Phòng
- ② Đệm Côn\*

### 1. Mở nắp sàn khoang hành lý.

- Để giữ cho nắp sàn mở, hãy gài móc treo vào chân tựa đầu ghế giữa phía sau.

### Loại xe có đệm côn

### 2. Lấy đệm côn ra khỏi khoang hành lý.

### Tất cả các loại xe

### 3. Vặn bu-lông tại và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.

## ► Thay Lốp Xe

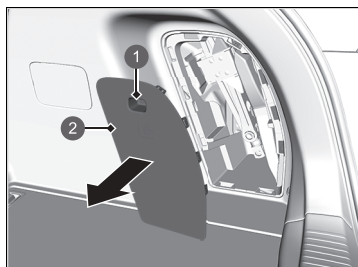
**CẢNH BÁO:** Chỉ sử dụng kích để hỗ trợ những trường hợp xe bị hư hỏng bất ngờ, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

### CHÚ Ý

Không dùng kích nếu nó không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc đội dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

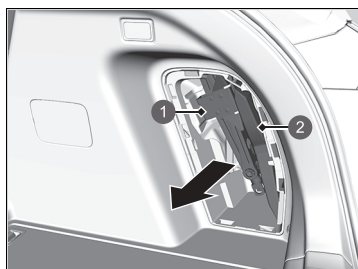
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



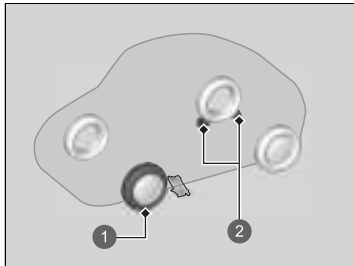
- ① Vấu
- ② Nắp

4. Kéo vấu để mở nắp ngăn chứa dụng cụ nằm ở phía bên phải của khoang hành lý.



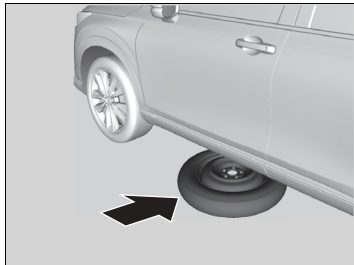
- ① Kích
- ② Túi Dụng Cụ

5. Lấy kích và túi dụng cụ ra khỏi ngăn chứa dụng cụ.  
6. Lấy cờ lê vặn đai ốc và thanh nổi tay kích ra khỏi túi dụng cụ.



❶ Lốp cần thay.

❷ Khối Chèn Bánh Xe



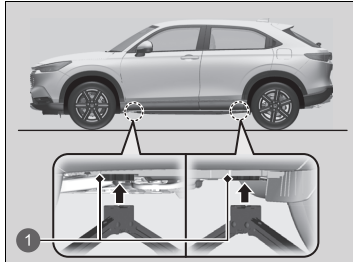
7. Chèn khối chèn bánh xe hoặc hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh xe chéo với bánh xe cần thay.

8. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, ở gần lốp cần được thay.

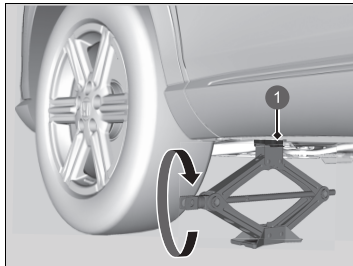


**9.** Dùng cờ lê vặn đai ốc bánh xe xoay một vòng để nới lỏng đai ốc bánh xe.

## ■ Cách Lắp Kịch



### ① Điểm Kê



### ① Điểm Kê

1. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.

2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kịch chạm vào điểm kê.

► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kịch.

## ► Cách Lắp Kịch

### ⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kịch, gây trọng thương cho người đang làm việc dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn khi thay lốp, không được để ai lại gần hoặc ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

#### Đối với một số quốc gia

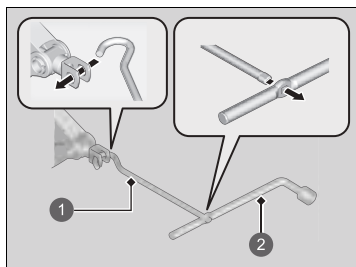
Kịch được trang bị kèm theo xe của bạn có nhãn như sau.

| 1. | 2. | 3. |
|----|----|----|
|    |    |    |

1. Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng.
2. Không được chui vào gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.
3. Đặt kịch ở khu vực chắc chắn.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa



- ① Thanh Nối Tay Kịch
- ② Cờ lê Vặn Đai Ốc như Tay Kịch

3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

#### ► Cách Lắp Kịch

**CẢNH BÁO:** Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn bằng với bề mặt đang đỡ xe.

Không dùng kịch khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

Dùng kịch dành riêng cho xe bạn. Các kịch khác có thể không phù hợp với trọng lượng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kịch.

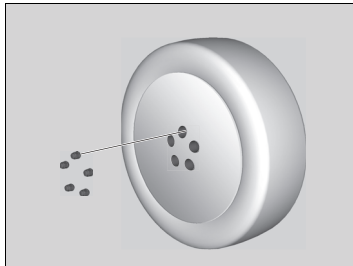
Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kịch an toàn:

- Không dùng kịch khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kịch trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kịch tại điểm kê.
- Không được vào xe khi xe đang dùng kịch.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kịch.

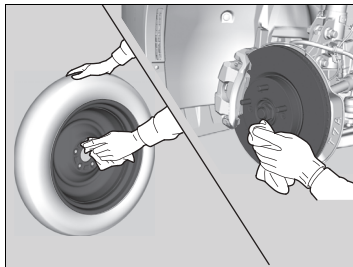
Vật dụng không được để chắc chắn có thể vướng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.

Cất bánh xe, kịch và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

## ■ Thay Lốp Xẹp



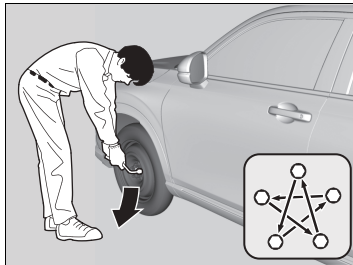
1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.



2. Lau sạch bề mặt lắp ghép bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng vào.

4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi nó chạm vào miệng xung quanh lỗ gắn, sau đó ngừng vặn.



5. Hạ thấp xe và tháo kích ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình vẽ. Siết lần lượt mỗi ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

**Lực siết đai ốc bánh xe:**

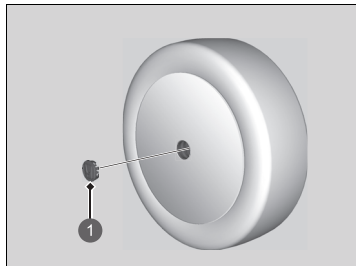
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

## ► Thay Lốp Xẹp

Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng chân hay ống nối.

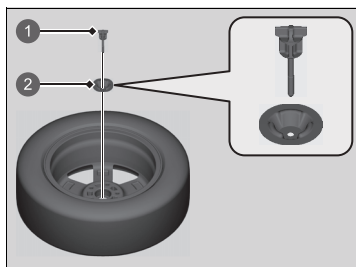
Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

## ■ Cất Giữ Lốp Xẹp



1. Tháo chụp giữa.

### ① Chụp Giữa



① Bu lông Tai

② Đệm Cỡn

2. Đặt úp lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.
3. Siết chặt lốp xẹp bằng bu lông tai.
4. Cất kích vào khoang chứa đồ nằm bên phải khoang hành lý.
5. Cất thanh nổi tay kích và cờ lê vặn đai ốc vào trong túi dụng cụ. Cất túi dụng cụ vào khoang chứa đồ nằm bên phải khoang hành lý.

## ►► Cất Giữ Lốp Xẹp

### ⚠ CẢNH BÁO

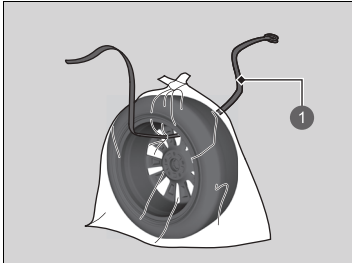
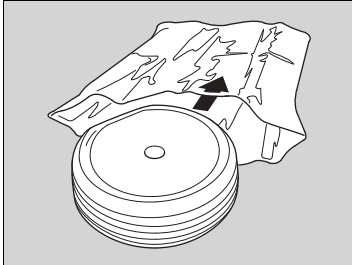
Vật dụng không được để chắc chắn có thể văng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.

Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.



Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

## ■ Cất Giữ Lốp Xẹp



① Dây Đai

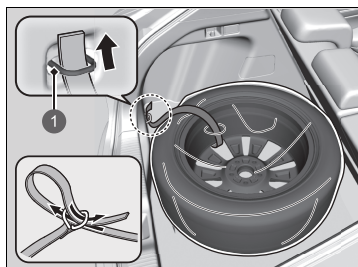
1. Đặt lốp bị xẹp vào túi đựng lốp được trang bị theo xe của bạn.  
► Túi đựng lốp nằm bên trong lốp dự phòng.
2. Thắt chặt miệng túi đựng lốp.
3. Cất kích vào ngăn bên phải trong khoang hành lý.
4. Cất thanh nối tay kích và cờ lê vặn đai ốc bánh xe vào túi dụng cụ. Cất túi dụng cụ vào ngăn bên phải trong khoang hành lý.
5. Đục thủng túi đựng lốp và luồn dây đai như hình minh họa.

## ►Cất Giữ Lốp Xẹp

### ⚠CẢNH BÁO

Vật dụng không được cất giữ cẩn thận có thể văng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.

Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.



① Móc Neo Phía Sau

6. Đặt lốp bị xẹp vào khoang hành lý và luồn dây đai qua móc neo phía sau như hình minh họa.

7. Luồn dây đai qua móc neo và thắt chặt dây đai để cố định lốp xẹp vào đúng vị trí.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

### ■ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp và Lốp Dự Phòng

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp bằng lốp dự phòng cùng kích cỡ.

▣ **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 426

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

## Vá Lốp Xe Khẩn Cấp

Nếu lốp xe có một lỗ thủng lớn hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng, bạn cần phải gọi dịch vụ kéo xe. Nếu lốp bị lỗ thủng nhỏ, ví dụ như đinh, bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trước khi bạn lái xe đến trạm sửa chữa xe gần nhất.

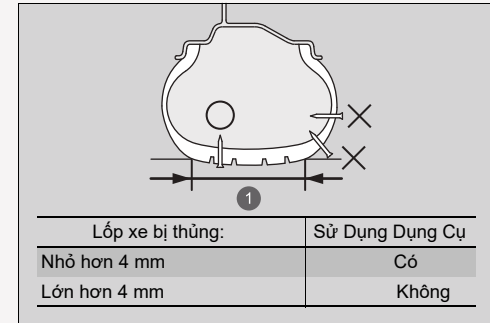
Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, giữ vô lăng chắc chắn và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó dừng xe ở nơi an toàn.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
2. Gạt cần số đến **P**.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở **TẮT MÁY (KHÓA)**.

### ► Vá Lốp Xe Khẩn Cấp

Trong các tình huống sau không nên sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp mà hãy liên hệ với đại lý hoặc nhờ người hỗ trợ ở lề đường để kéo xe.

- Keo vá lốp hết hạn.
- Nhiều lốp bị thủng cùng lúc.
- Vết thủng hoặc vết cắt lớn hơn 4 mm.
- Thành lốp bị hư hỏng hoặc có vết thủng bên ngoài khu vực tiếp xúc.



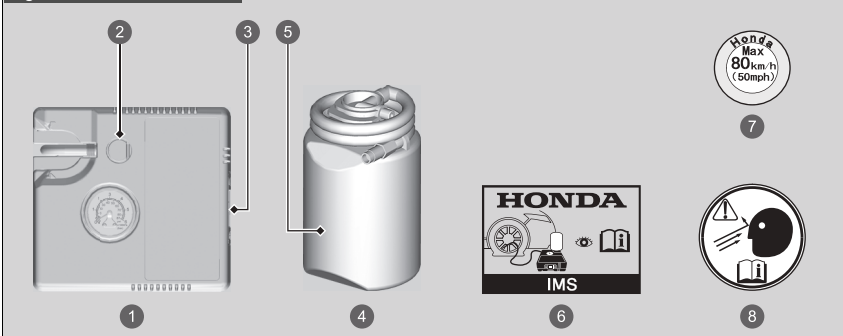
#### ① Khu Vực Tiếp Xúc

- Có thể xảy ra hư hỏng nếu lái xe với lốp quá non hơi.
- Mép lốp không lắp khít.
- Vành bánh xe bị hỏng.

Không rút đinh hoặc vít đã đâm vào lốp. Bởi nếu rút ra bạn sẽ không thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

## ■ Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

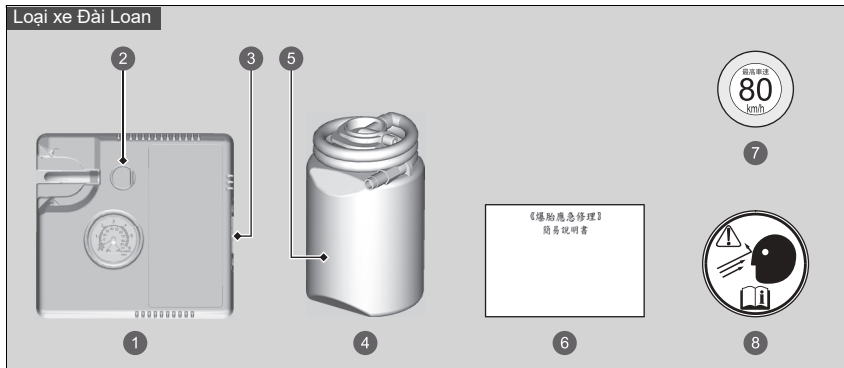
Ngoại trừ loại xe Đai Loan



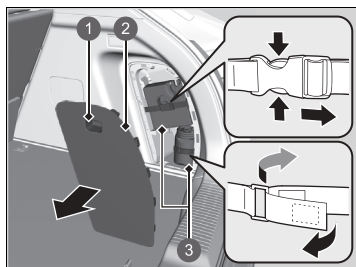
- ❶ Bơm Nén Khí
- ❷ Núť Xả Khí
- ❸ Công Tắc Bơm Nén Khí
- ❹ Keo Vá Lốp
- ❺ Hạn Sử Dụng
- ❻ Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng
- ❼ Nhãn Giới Hạn Tốc Độ
- ❽ Nhãn Bánh Xe

## » Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Khi thực hiện vá lốp khẩn cấp, đọc kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm với dụng cụ vá lốp khẩn cấp.



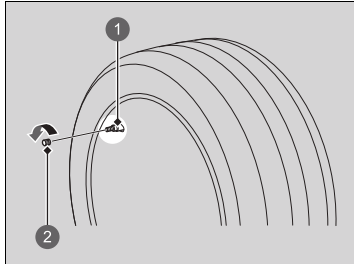
- ① Bơm Nén Khí
- ② Nút Xả Khí
- ③ Công Tắc Bơm Nén Khí
- ④ Keo Vá Lốp
- ⑤ Hạng Sử Dụng
- ⑥ Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng
- ⑦ Nhãn Giới Hạn Tốc Độ
- ⑧ Nhãn Bánh Xe



- ❶ Vấu
- ❷ Nắp
- ❸ Dụng Cụ Vá Lốp

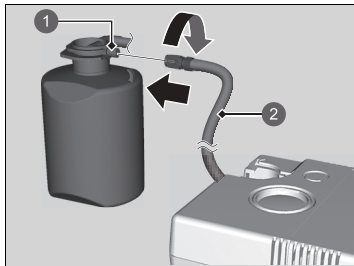
1. Mở cửa hậu.
2. Kéo vấu để mở nắp ngăn chứa dụng cụ nằm ở phía bên phải của khoang hành lý.
3. Lấy dụng cụ vá lốp ra khỏi ngăn chứa dụng cụ.
4. Đặt dụng cụ vá lốp ngửa lên, trên mặt đất bằng phẳng gần lốp xẹp và cách xa phương tiện giao thông. Không đặt dụng cụ vá lốp nằm nghiêng.

## ■ Bơm Keo Vá Lớp và Hơi



- ① Thân Van Lớp
- ② Nắp Van

1. Tháo nắp van khỏi thân van lớp.



- ① Van Bình Keo Vá Lớp
- ② Ống Mềm Bơm Nén Khí

- 2. Lắc đều lọ keo vá lớp.
- 3. Gắn ống mềm bơm nén khí vào van bình keo vá lớp. Vặn thật chặt.

## ►► Bơm Keo Vá Lớp và Hơi

### ⚠ CẢNH BÁO

Keo vá lớp có chứa chất độc và có thể gây tử vong nếu nuốt phải.

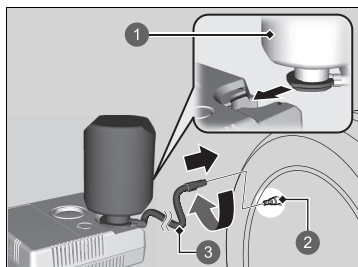
Nếu không may nuốt phải, không được cố ép để nôn ra. Hãy uống nhiều nước và đến ngay cơ sở y tế.

Nếu keo vá lớp dính vào da và mắt, dùng nước mát rửa vùng da đó và đến ngay cơ sở y tế.

Để lọ keo vá lớp tránh xa tầm tay của trẻ.

Ở nhiệt độ thấp, keo vá lớp có thể không dễ chảy. Trong tình huống này, hãy làm ấm nó khoảng năm phút trước khi sử dụng.

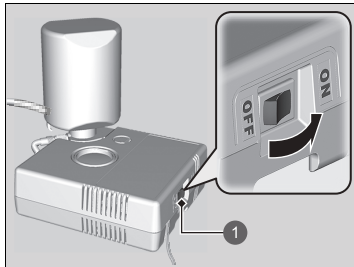
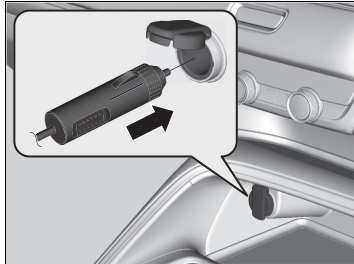
Keo vá lớp có thể làm đổi màu quần áo và các chất liệu khác. Hãy cẩn thận trong quá trình xử lý và lau sạch ngay nếu keo tràn ra.



- ❶ Lọ Keo Vá Lốp
- ❷ Thân van Lốp
- ❸ Ống Mềm Dẫn Keo/Khí

- 4. Lật ngược lọ keo vá lốp, sau đó gắn lọ vào phần miệng hở của máy nén khí.
- 5. Gắn ống dẫn keo vá lốp/ống dẫn khí vào thân van lốp. Vặn thật chặt.





❶ Công Tắc Bơm Nén Khí

6. Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.

► Cần thận không để dây điện bị kẹp vào cửa hoặc cửa kính.

► **Ổ Cắm Điện Phụ Kiện** Tr. 272

7. Khởi động động cơ.

► **Khí CO** Tr. 103

8. Bật bơm nén khí để bơm lốp xe.

► Bơm nén khí bắt đầu bơm keo vá lốp và hơi vào lốp xe.

9. Sau khi áp suất lốp đạt mức quy định, tắt bơm nén khí.

► Kiểm tra đồng hồ đo áp suất trên bơm nén khí.

► Tham khảo nhãn dán trên thanh đọc cửa người lái để biết thông tin về áp suất lốp quy định.

#### ►► Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

### ⚠ CẢNH BÁO

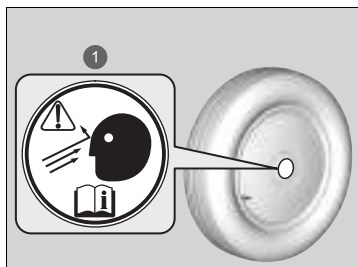
Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ với bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

#### CHÚ Ý

Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể quá nhiệt và bị hư hỏng.

Khi đang bơm keo, áp suất hiển thị trên đồng hồ đo áp suất sẽ cao hơn thực tế. Sau khi bơm keo và lốp xong, áp suất sẽ giảm và sau đó bắt đầu tăng trở lại do lốp được bơm hơi. Điều này là bình thường. Để đo chính xác áp suất lốp bằng đồng hồ đo áp suất lốp, chỉ tắt bơm nén khí sau khi bơm keo và lốp xong.



① Nhãn Bánh Xe

10. Rút bơm nén khí ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
11. Rút ống dẫn keo vá lốp/ống dẫn khí khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.
12. Tháo lọ keo vá lốp ra khỏi bơm nén khí.
13. Ấn nút xì hơi cho đến khi máy đo trở về 0 kPa (0 bar, 0 psi).
14. Dán nhãn bánh xe lên bề mặt phẳng của bánh xe.  
► Bề mặt bánh xe phải sạch để đảm bảo nhãn dán bám chắc.
15. Cất dụng cụ vá lốp vào khoang hành lý.

#### ►► Bơm Keo Vá Lốp và Hơi

Nếu trong vòng 10 phút bơm mà không đạt được mức áp suất lốp cần thiết, có thể lốp xe của bạn bị hư hỏng nghiêm trọng, xe của bạn cần phải được kéo đi.

Hãy đến đại lý Honda để mua lọ keo vá lốp khác và xử lý đúng cách lọ keo đã hết.

Hãy thông báo cho đại lý Honda hoặc dịch vụ sửa chữa biết việc bạn đã sử dụng keo vá lốp khi bạn đưa xe đến đó để thay hoặc vá lốp xẹp.

Bơm nén khí này dùng cho lốp ô tô. Kiểm tra các vấn đề sau:

- Dòng điện cấp nguồn bơm nén khí cho ổ cắm điện phụ kiện của xe bạn là 12 vôn DC.
- Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng.  
Đề bơm nguội bớt khi cần sử dụng liên tục.

## ■ Phân Bỏ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe

Ngoại trừ loại xe Đài Loan



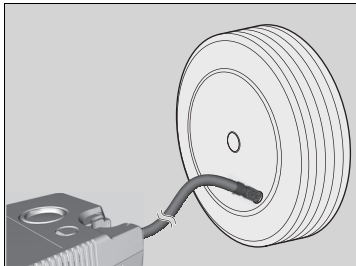
1. Dán nhãn giới hạn tốc độ vào vị trí như hình vẽ.
2. Lái xe trong khoảng 10 phút.
  - Không vượt quá 80 km/h.
3. Dừng xe nơi an toàn.

### ① Nhãn Giới Hạn Tốc Độ

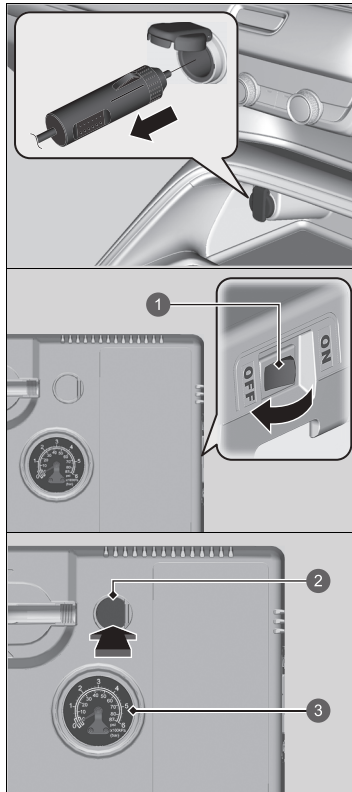
Loại xe Đài Loan



### ① Nhãn Giới Hạn Tốc Độ



4. Sử dụng đồng hồ đo áp suất để kiểm tra lại áp suất lốp trên bơm nén khí.
  - Không bật bơm nén khí khi kiểm tra áp suất lốp.
5. Nếu áp suất lốp:
  - Dưới 130 kPa (1,3 bar, 19 psi): Không bơm thêm hơi và tiếp tục lái xe. Lốp bị thủng nặng. Gọi dịch vụ kéo xe.
    - **Kéo Xe Khẩn Cấp** Tr. 654
  - Áp suất lốp quy định (Xem trên nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.) hoặc hơn:
    - Tiếp tục lái xe thêm 10 phút hoặc cho đến khi bạn tìm thấy trạm dịch vụ sửa chữa gần nhất. Không lái xe vượt quá 80 km/h.
  - Nếu áp suất lốp không giảm sau 10 phút lái xe, bạn không cần kiểm tra áp suất nữa.



- ❶ Công Tắc Bơm Nén Khí
- ❷ Nút Xả Khí
- ❸ Đồng Hồ Đo Áp Suất Lốp

- Trên 130 kPa (1,3 bar, 19 psi), nhưng thấp hơn áp suất quy định (Xem nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.):  
Bật bơm nén khí, bơm lốp đến khi đạt được áp suất lốp quy định.

► **Bơm Keo Vá Lốp và Hơi** Tr. 615

Tiếp tục lái xe thêm 10 phút hoặc cho đến khi bạn tìm thấy trạm dịch vụ sửa chữa gần nhất.  
Không lái xe vượt quá 80 km/h.

- Bạn nên lặp lại quy trình này miễn là áp suất lốp nằm trong phạm vi này.

6. Rút dụng cụ vá lốp ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
7. Rút ống dẫn keo vá lốp/khí ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.
8. Ấn nút xì hơi cho đến khi đồng hồ đo trở về 0 kPa (0 bar, 0 psi).
9. Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp.

►► **Phân Bỏ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe**

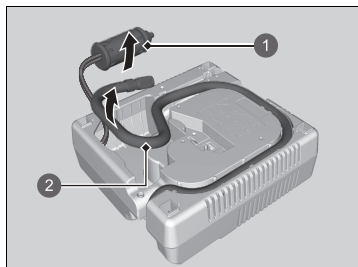
**⚠ CẢNH BÁO**

Chạy động cơ xe trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

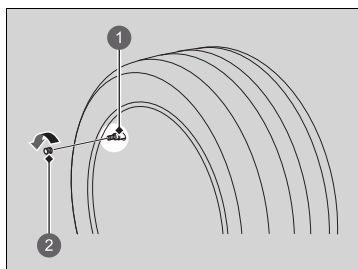
Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ với bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

## ■ Bơm Lốp Bị Xẹp

Bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp để bơm lốp bị xẹp.



- ❶ Giắc Cắm Điện
- ❷ Ống Mềm Dẫn Khí



- ❶ Thân Van Lốp
- ❷ Nắp Van

1. Lấy dụng cụ vá lốp ra khỏi khoang hành lý.

### ☑ Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Tr. 612

2. Đặt dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp xe bị xẹp, và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng dụng cụ.
3. Tháo ống mềm dẫn khí khỏi dụng cụ vá lốp.

4. Tháo nắp van ra khỏi thân van lốp.

## » Bơm Lốp Bị Xẹp

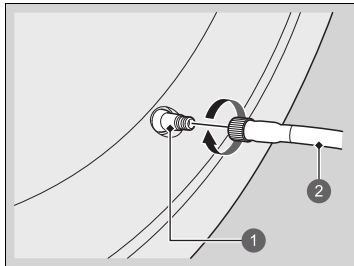
### ⚠ CẢNH BÁO

Chạy động cơ xe trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

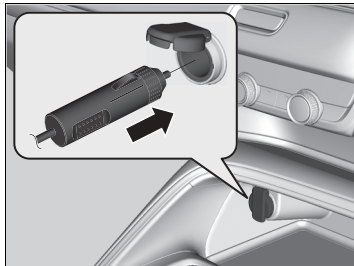
Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí bị tử vong. Chỉ chạy động cơ với bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

### CHÚ Ý

Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể quá nhiệt và bị hư hỏng.



- ❶ Thân Van Lốp
- ❷ Ống Mềm Dẫn Khí



5. Cắm đầu ống mềm dẫn khí vào thân van lốp. Cắm thật chặt.

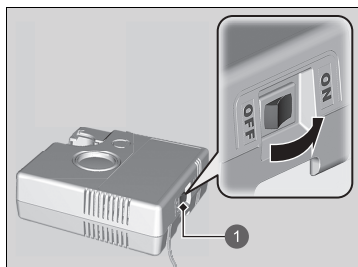
6. Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.

► Cần thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.

➤ **Ổ Cắm Điện Phụ Kiện** Tr. 272

7. Khởi động động cơ

➤ **Khí CO** Tr. 103



① Công Tắc Bơm Nén Khí

8. Bật công tắc bơm nén khí để bơm lốp.
  - Bơm nén khí bắt đầu bơm hơi vào lốp.
  - Nếu bạn đã khởi động động cơ, hãy để động cơ chạy trong khi bơm hơi.
9. Bơm hơi lốp đến áp suất lốp quy định.
10. Tắt bơm.
  - Kiểm tra đồng hồ áp suất trên bơm nén khí.
  - Nếu lốp quá căng, ấn nút xả khí.
11. Rút giắc cắm của dụng cụ vá lốp ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
12. Tháo ống mềm bơm nén khí ra khỏi thân van. Lắp lại nắp van.
13. Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp khẩn cấp.



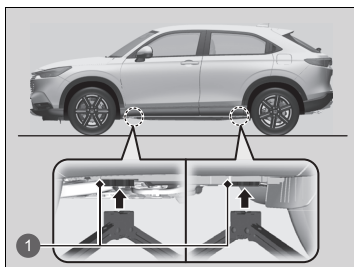
## Khi Nâng Xe Bằng Kịch

Loại xe có dụng cụ và lốp khẩn cấp

Loại xe không có kịch

Xe của bạn có các điểm kê kịch như hình vẽ.

Hãy tham khảo đại lý khi thay lốp xe.

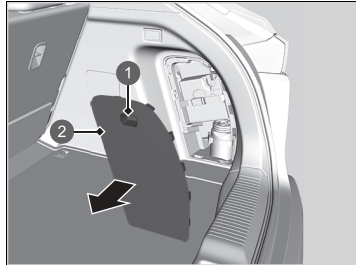


❶ Điểm Kê

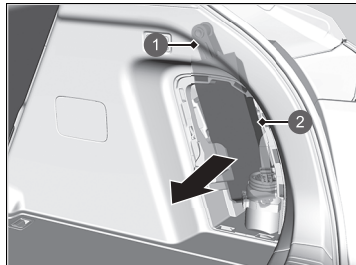
Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

Loại xe có kịch

## Cách Lắp Kịch



- 1 Vấu
- 2 Nắp



- 1 Kịch
- 2 Túi Dụng Cụ

1. Đỗ xe trên bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
2. Gạt cần số đến **P**.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và **TẮT MÁY**.
4. Kéo vấu để mở nắp ngăn chứa dụng cụ nằm phía bên phải của khoang hành lý.

5. Lấy kịch và túi dụng cụ ra khỏi ngăn chứa dụng cụ.
6. Lấy cờ lê đai ốc và thanh nối tay kịch ra khỏi túi dụng cụ.

## ►►Cách Lắp Kịch

### ⚠CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng bị trượt ra khỏi kịch, gây trọng thương cho người ở dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn để thay lốp, không được để ai lại gần hoặc ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

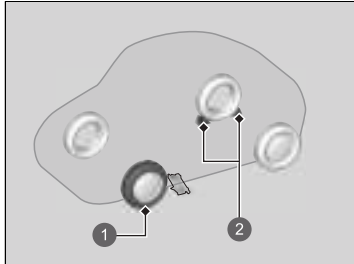
**CẢNH BÁO:** Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn bằng với bề mặt đang đỡ xe.

### Đối với một số quốc gia

Kịch được trang bị kèm theo xe của bạn có nhãn như sau.

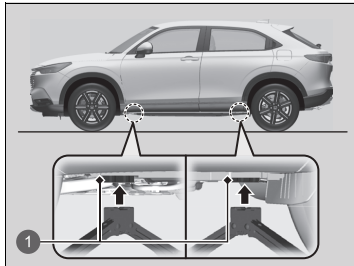
| 1. | 2. | 3. |
|----|----|----|
|    |    |    |

1. Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng.
2. Không ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.
3. Đặt kịch ở nơi có bề mặt chắc chắn.



- ❶ Lốp cần thay.
- ❷ Khối Chèn Bánh Xe

7. Chèn khối chèn bánh xe hoặc hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh chéo với bánh xe cần thay.



- ❶ Điểm Kê

8. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.

#### ►► Cách Lắp Kịch

**CẢNH BÁO:** Chỉ sử dụng kịch để hỗ trợ xe bị xẹp lốp khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc không dùng trong bảo dưỡng và sửa chữa thông thường.

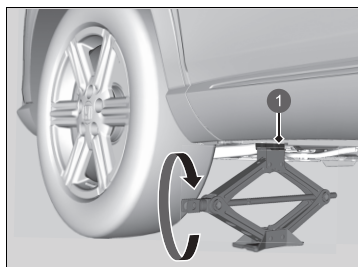
Không dùng kịch nếu kịch không hoạt động tốt. Liên hệ với đại lý hoặc gọi dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Không dùng kịch khi có người hoặc hành lý trên xe.

Dùng kịch đi kèm với xe của bạn. Các kịch khác có thể không phù hợp với trọng lượng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kịch.

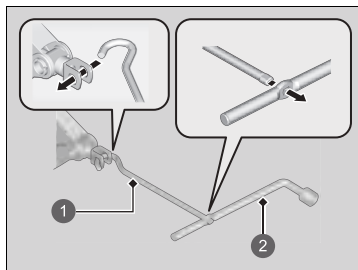
Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kịch an toàn:

- Không dùng kịch khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kịch trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kịch tại điểm kịch.
- Không được vào xe khi xe đang dùng kịch.
- Không đặt bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kịch.



- 9.** Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kích chạm vào điểm kê.  
 ► Đảm bảo rằng vấu điểm kê tỳ vào rãnh kích.

**① Điểm Kê**



- 10.** Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

- ① Thanh Nối Tay Kích**  
**② Cờ-lê Vận Đai Ốc như Tay Kích**

## Động Cơ Không Khởi Động

### Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, kiểm tra bộ khởi động.

#### ❏Kiểm Tra Động cơ

Nếu cần khởi động xe ngay, dùng xe khác hỗ trợ hoặc ắc quy nối ngoài để khởi động động cơ.

❏ **Nếu Ắc Quy Chết** Tr. 633

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

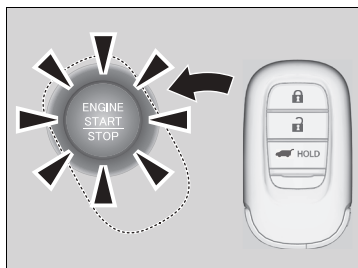
Tùy vào tình huống, có thể tạm thời khởi động động cơ bằng quy trình khởi động khẩn cấp.

❏ **Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp** Tr. 631

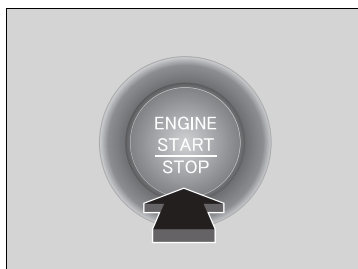
| Tình trạng bộ khởi động                                                                                                          | Danh mục kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động quá chậm.</b><br>Có thể ắc quy chết. Kiểm tra từng mục bên phải.                  | <b>Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Nếu thông báo  <b>To Start, Hold Remote Near Start Button</b> (Để Khởi Động, Hãy Giữ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Gần Nút Khởi Động) xuất hiện.<br/>❏ <b>Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Mở Cửa Từ Xa Yếu</b> Tr. 630</li></ul>                                                                                                                                                          |
| <b>Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động.</b><br>Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục bên phải. | <b>Xem lại quy trình khởi động động cơ.</b><br>Làm theo các hướng dẫn, và thử khởi động lại động cơ. ❏ <b>Khởi Động Động Cơ</b> Tr. 389<br><b>Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy.</b><br>Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ.<br>❏ <b>Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy</b> Tr. 118<br><b>Kiểm tra mức nhiên liệu.</b><br>Cần có đủ nhiên liệu trong bình chứa. ❏ <b>Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu</b> Tr. 126<br><b>Kiểm tra cầu chì.</b><br>❏ <b>Kiểm Tra và Thay Cầu Chì</b> Tr. 653<br><b>Nếu sự cố vẫn còn:</b><br>❏ <b>Kéo Xe Khẩn Cấp</b> Tr. 654 |

## Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

Nếu tiếng bíp vang lên, thông báo **To Start, Hold Remote Near Start Button** (Để Khởi Động, Hãy Giữ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Gần Nút Khởi Động) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy, và động cơ không khởi động. Hãy khởi động động cơ như sau:



1. Áp logo chữ **H** trên chìa khóa điều khiển từ xa vào giữa nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Mặt có các nút bấm phải quay về phía bạn.  
► Nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy trong khoảng 30 giây.



2. Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong 10 giây sau khi hệ thống cảnh báo phát ra tiếng bíp và nút **ENGINE START/STOP** thay đổi từ nhấp nháy sang sáng hẳn.  
► Nếu bạn không nhấn bàn đạp phanh, chế độ sẽ chuyển sang PHỤ KIỆN.

## Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp

Nếu động cơ không khởi động theo quy trình khởi động động cơ thông thường, bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình khởi động khẩn cấp dưới đây. Không sử dụng quy trình này nếu không phải là trường hợp khẩn cấp.

1. Kiểm tra có gài phanh đỗ không.
2. Kiểm tra có đang ở số **[P]** không, sau đó đặt chế độ nguồn đến PHỤ KIỆN.
3. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong ít nhất 15 giây.

Ngay cả khi bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình trên thì đây vẫn được coi là sự cố hệ thống.

Hãy đưa ngay xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.

### ►► Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp

Tham khảo mục sau nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi **[P]**.

► **Không Gạt Được Cần Số Tr. 636**

## Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm tắt nguồn điện giúp động cơ cung cấp cho hệ thống lái và phanh, trong trường hợp này sẽ cần nhiều lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe và ngay lập tức dừng ở nơi an toàn.

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ tắt.

Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, gạt cần số đến **[P]** sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

### » Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu bạn ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

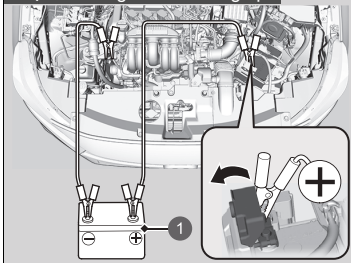


## NếuẮc Quy Chết

### Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

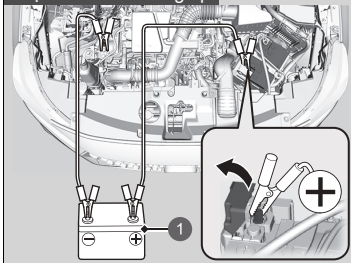
Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.

Loại xe không có tu-bô tăng áp



1 Ắc Quy Hỗ Trợ

Loại xe có tu-bô tăng áp



1 Ắc Quy Hỗ Trợ

1. Mở nắp ở cực dương (+) ắc quy của xe.
2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực (+) của ắc quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ nhất vào cực (+) của ắc quy hỗ trợ.
  - Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 vôn.
  - Khi sử dụng bộ nạp ắc quy ô tô để hỗ trợ ắc quy của xe bạn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để cài đặt cho phù hợp.
4. Nối đầu dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực (-) ắc quy hỗ trợ.

#### Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

### ⚠ CẢNH BÁO

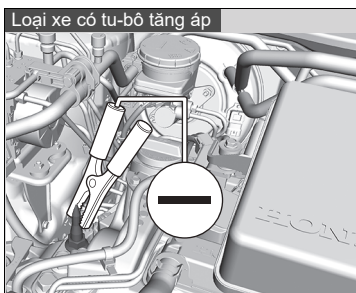
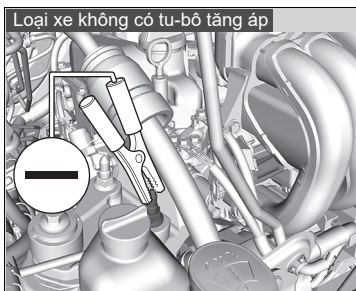
Ắc quy có thể nổ nếu không làm đúng theo quy trình, gây trọng thương cho bất kỳ ai ở gần ắc quy.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

#### CHÚ Ý

Nếu để ắc quy trong điều kiện nhiệt độ cực lạnh, chất điện phân có thể bị đông lại. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài bị đông có thể gây đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để nó không tuột khi động cơ rung. Chú ý không để lộn xộn cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi đang gắn hoặc tháo rời các cáp nối ngoài.



5. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ hai vào bu lông hai đầu ren động cơ như hình vẽ. Không nối dây cáp nối ngoài vào bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe bạn được nối với xe khác, hãy khởi động động cơ xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng chưa.

#### »Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Ắc quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.

## ■ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo dây cáp nối ngoài ra theo trình tự sau.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi bu lông hai đầu ren của xe bạn.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực  $\ominus$  của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực  $\oplus$  của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực  $\oplus$  của ắc quy hỗ trợ.

Đưa xe đến gara gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

## ▣ Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp\*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT VSA, Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp\*, Áp Suất Lốp Thấp/TPMS\*, và Hỗ Trợ An Toàn (Hỗ Phách)\* sáng đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở bật sau khi lắp lại ắc quy.

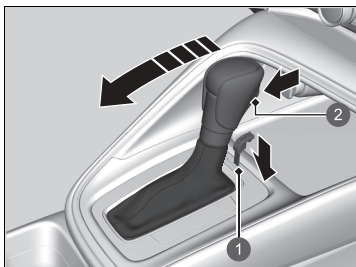
Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

## Không Gạt Được Cần Số

Làm theo quy trình dưới đây nếu không thể gạt được cần số ra khỏi vị trí **P**.

### ■ Nhả Khóa



- ① Khe Nhả Khóa Sang Số
- ② Nút Nhả

1. Gài phanh đỗ.
2. Đặt chế độ nguồn đến TẮT MÁY.
3. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.
4. Cắm chìa khóa tích hợp vào khe nhả khóa sang số.
5. Trong khi ấn chìa khóa xuống, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến **N**.
  - Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

## Quá Nhiệt

### Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Thông báo  **Engine Temperature Too Hot. Do not drive. Allow Engine To Cool.**<sup>\*1/</sup>  **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**<sup>\*2</sup> (Động Cơ Quá Nhiệt. Không lái xe. Hãy Để Động Cơ Nguội Bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

#### ■ Bước đầu tiên

1. Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.
2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
  - ▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.
  - ▶ **Hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi hoặc tia nước không còn bắn ra. Sau đó mở nắp ca-pô.

\* 1: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

\* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

#### » Cách Xử Lý Quá Nhiệt

### ⚠ CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra do động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

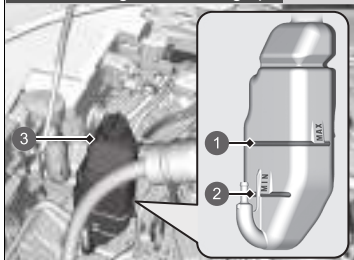
Không mở nắp ca-pô khi đang có hơi nước bắn ra.

#### CHÚ Ý

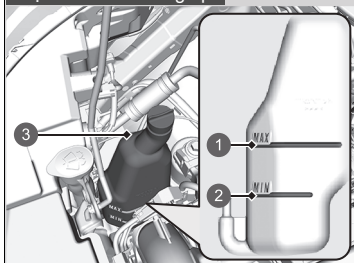
Tiếp tục lái xe khi thông báo  **Engine Temperature Too Hot. Do not drive. Allow Engine To Cool.**<sup>\*1/</sup>  **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**<sup>\*2</sup> (Động Cơ Đang Quá Nhiệt. Không lái xe. Hãy Để Động Cơ Nguội Bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

## ■ Bước tiếp theo

Loại xe không có tu-bô tăng áp



Loại xe có tu-bô tăng áp



- ❶ TỐI ĐA
- ❷ TỐI THIỂU
- ❸ Bình Chứa

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy và động cơ có dừng khi thông báo **Engine Temperature Too Hot. Do not drive. Allow Engine To Cool.**<sup>\*1/</sup> **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**<sup>\*2</sup> (Động Cơ Quá Nhiệt. Không lái xe. Hãy Để Động Cơ Nguội Bớt) biến mất khỏi màn hình giao diện thông tin cho người lái không.

► Nếu quạt làm mát không chạy, phải tắt động cơ ngay.

2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.

► Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, bổ sung nước làm mát đến vạch **MAX**.

► Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két nước có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cổ lọc và đóng nắp lại.

\* 1: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

\* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

## ►►Cách Xử Lý Quá Nhiệt

### ⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.

### ■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại động cơ và kiểm tra màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nếu thông báo  **Engine Temperature Too Hot. Do not drive. Allow Engine To Cool.**<sup>\*1/</sup>  **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**<sup>\*2</sup> (Động Cơ Quá Nhiệt. Không lái xe. Hãy Để Động Cơ Nguội Bớt) không xuất hiện nữa, tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

\* 1: Loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

\* 2: Ngoại trừ loại xe Philippin, Campuchia, Lào, Myanmar và Đài Loan

## Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy

### Nếu Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp Xuất Hiện



#### ■ Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

#### ■ Làm gì ngay khi cảnh báo xuất hiện

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

#### ■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.
  - Bổ sung dầu nếu cần.
3. Khởi động động cơ và kiểm tra cảnh báo **Engine Oil Pressure Low** (Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp).
  - Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.
  - Cảnh báo không biến mất trong 10 giây: Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

► **Kiểm Tra Dầu** Tr. 550

### Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



#### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng nếu hệ thống nạp điện có sự cố.

#### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Dừng xe ở nơi an toàn và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

### »Nếu Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp Xuất Hiện

#### CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

### »Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu bạn cần dừng xe tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm nhanh hết điện ắc quy.



## Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

### ■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy ở gần, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng cho đến khi nguội.

### ►►Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy

#### CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí thải và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h trở xuống để kiểm tra xe.

## Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Mức dầu phanh thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng trong khi đang lái

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số bằng phanh động cơ để giảm tốc độ xe.

### ■ Nguyên nhân đèn báo nhấp nháy

- Hệ thống phanh điện tử có sự cố.

### ■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

- Tránh sử dụng phanh đỗ và đưa ngay xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.

### ►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy

Đưa ngay xe đi sửa chữa.

Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm. Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp.

Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động. Tránh dùng phanh đỗ và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) Sáng Tr. 644

## Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

- Dừng xe ở nơi an toàn và bật lại nguồn.  
Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
- Nếu thông báo **Do not drive** (Không lái xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe vào nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

## Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) Sáng



(Đỏ)

■ **Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) sáng, hãy nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động**

► **Phanh Đỗ** Tr. 502



(Hỗ Phách)

- Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) tiếp tục sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) cũng sáng, hãy dừng xe nơi an toàn và đưa ngay xe đến đại lý kiểm tra.
  - Không để xe di chuyển, gạt cần số đến **[P]**.
- Nếu chỉ có Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) tắt, tránh dùng phanh đỗ và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

### »Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) Sáng

Nếu bạn gài phanh đỗ, có thể sẽ không nhả được phanh.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) và đèn báo hệ thống phanh (hỗ phách) sáng cùng một lúc chứng tỏ phanh đỗ đang hoạt động.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (hỗ phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động bởi vì nó đang kiểm tra hệ thống.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

## Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh. Nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút và sau đó sáng hẳn.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

☑ **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 426

### ■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt.

### ►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy

#### CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt. Lốp quá nhiệt có thể bị hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức quy định.

Loại xe có TPMS

## Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy



### ■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc TPMS không được hiệu chỉnh. Nếu TPMS có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút và sau đó sáng hẳn.

### ■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

►Hiệu chỉnh TPMS sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

►**Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 422

### ■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt.

## ►►Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy

### CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt. Lốp quá nhiệt có thể bị hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức quy định.

# Cầu Chì

## Vị Trí Cầu Chì

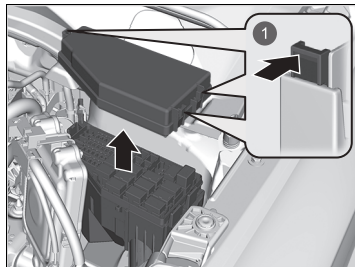
Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA) và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

### Hộp Cầu Chì Khoang Động Cơ

#### Hộp cầu chì A

Được đặt gần ắc quy. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số vỏ hộp.



1 Vấu

### Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

|    | Mạch Được Bảo Vệ                        | Cường Độ |
|----|-----------------------------------------|----------|
| 1  | Cần Gạt Nước                            | 30 A     |
| 2  | LCM Trái                                | 15 A     |
| 3  | Nguy Hiểm                               | 10 A     |
| 4  | Đèn Dừng                                | 10 A     |
| 5  | EOP <sup>*1</sup><br>EVP <sup>*2</sup>  | (20 A)   |
| 6  | Kim Phun <sup>*</sup>                   | (20 A)   |
| 7  | TCU                                     | 10 A     |
| 8  | IGP                                     | 15 A     |
| 9  | Cuộn IG                                 | 15 A     |
| 10 | DBW <sup>*1</sup><br>IGP2 <sup>*2</sup> | 15 A     |
| 11 | ABS/VSA MTR                             | 40 A     |
| 12 | Quạt Chính                              | 30 A     |
| 13 | ST MAGNETIC SW                          | 30 A     |
| 14 | Truy Cập Từ Xa                          | 10 A     |
| 15 | Cảm Biến Ắc Quy                         | 7,5 A    |
| 16 | LCM Phải                                | 15 A     |
| 17 | FI-ECU Dự Phòng                         | 10 A     |
| 18 | Còi                                     | 10 A     |
| 19 | —                                       | (7,5 A)  |
| 20 | Đèn Sương Mù Trước <sup>*</sup>         | (10 A)   |

|    | Mạch Được Bảo Vệ                                    | Cường Độ |
|----|-----------------------------------------------------|----------|
| 21 | Âm Thanh <sup>*</sup>                               | (15 A)   |
| 22 | Đèn Lùi                                             | 15 A     |
| 23 | Quạt Phụ                                            | 30 A     |
| 24 | ABS/VSA FSR                                         | 40 A     |
| 25 | IGP2 Phụ                                            | 7,5 A    |
| 26 | LAF                                                 | 10 A     |
| 27 | — <sup>*1</sup><br>VBACT <sup>*2</sup>              | (10 A)   |
| 28 | —                                                   | —        |
| 29 | Âm Thanh VST Chính <sup>*1</sup><br>— <sup>*2</sup> | (30 A)   |
| 30 | Đèn Lùi 2 Chính <sup>*1</sup><br>— <sup>*2</sup>    | (30 A)   |
| 31 | KHỞI ĐỘNG DIAG <sup>*</sup>                         | 7,5 A    |
| 32 | —                                                   | —        |
| 33 | —                                                   | —        |

\* 1: Loại xe không có tu-bô tăng áp

\* 2: Loại xe có tu-bô tăng áp

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

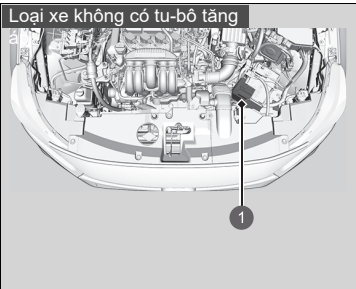
\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

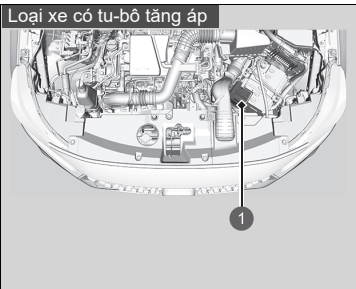
647

■ **Hộp cầu chì B**

Nằm gần cực  $\oplus$  ắc quy. Hãy đến đại lý để kiểm tra và thay cầu chì.



1 Hộp Cầu Chì



1 Hộp Cầu Chì

■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

|   | Mạch Được Bảo Vệ                                                                                      | Cường Độ                                   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| a |  Ắc Quy Chính        | 125 A <sup>*1</sup><br>100 A <sup>*2</sup> |
| b |  Ắc Quy Chính (QUẠT) | 70 A                                       |
| c |  Ắc Quy Chính (ENG)  | 80 A                                       |
| d |  EPS                 | 70 A                                       |

\* 1: Loại xe không có tu-bô tăng áp

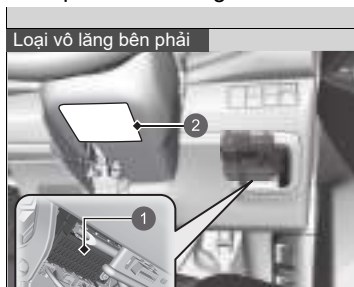
\* 2: Loại xe có tu-bô tăng áp



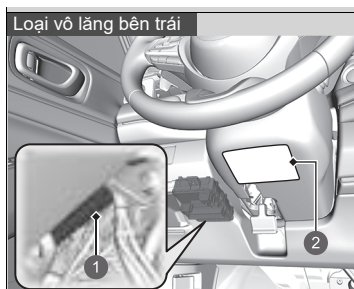
## Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Người Lái

### Loại A

Nằm phía dưới bảng điều khiển.



- ❶ Hộp Cầu Chì
- ❷ Nút cầu Chì



- ❶ Hộp Cầu Chì
- ❷ Nút cầu Chì

Các vị trí cầu chì có ở trên nhãn cầu chì phía dưới trụ lái.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

### Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

|    | Mạch Được Bảo Vệ               | Cường Độ |
|----|--------------------------------|----------|
| 1  | Phụ kiện                       | 7,5 A    |
| 2  | Khóa Chìa Khóa ACC             | 7,5 A    |
| 3  | –                              | (10 A)   |
| 4  | LCM*                           | (5 A)    |
| 5  | Tùy Chọn                       | 10 A     |
| 6  | Tùy Chọn 2                     | 10 A     |
| 7  | Đồng Hồ Đo                     | 10 A     |
| 8  | Bơm Nhiên Liệu                 | 15 A     |
| 9  | AIRCON                         | 10 A     |
| 10 | –                              | (20 A)   |
| 11 | MON                            | 5 A      |
| 12 | Khóa Cửa Bên Phải              | 10 A     |
| 13 | Mở Khóa Cửa Bên Trái           | 10 A     |
| 14 | Cửa Kính Điện Phía Sau Trái    | 20 A     |
| 15 | Cửa Kính Điện Hành Khách Trước | 20 A     |
| 16 | Khóa Cửa                       | 20 A     |
| 17 | Hộp Số                         | 10 A     |
| 18 | Bộ Nạp USB*                    | (10 A)   |
| 19 | –                              | (20 A)   |

|    | Mạch Được Bảo Vệ             | Cường Độ |
|----|------------------------------|----------|
| 20 | Rơ-le Ngắt Bộ Khởi Động      | 7,5 A    |
| 21 | ACG                          | 10 A     |
| 22 | Đèn Ban Ngày                 | 7,5 A    |
| 23 | Đèn Sương Mù Sau*            | (10 A)   |
| 24 | Tùy Chọn                     | 10 A     |
| 25 | Khóa Cửa Người Lái*          | (10 A)   |
| 26 | Mở Khóa Cửa Bên Phải         | 10 A     |
| 27 | Cửa Kính Điện Phía Sau Phải  | 20 A     |
| 28 | Cửa Kính Điện Phía Người Lái | 20 A     |
| 29 | Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước    | (20 A)   |
| 30 | –                            | (10 A)   |
| 31 | Trượt Ghế Điện Người Lái*    | (20 A)   |
| 32 | –                            | (20 A)   |
| 33 | Ngả Ghế Điện Người Lái*      | 20 A     |
| 34 | VSA/ABS                      | 10 A     |
| 35 | SRS                          | 10 A     |
| 36 | –                            | (20 A)   |
| 37 | –                            | (15 A)   |
| 38 | Khóa Cửa Bên Trái            | 10 A     |
| 39 | Mở Khóa Cửa Người Lái*       | (10 A)   |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

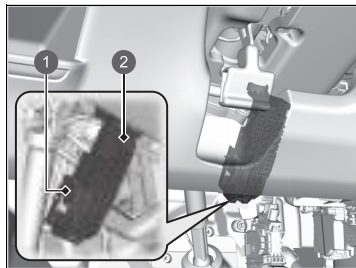
Loại vỏ lằng bên trái

### ■ Loại B

Nằm phía dưới bảng điều khiển.

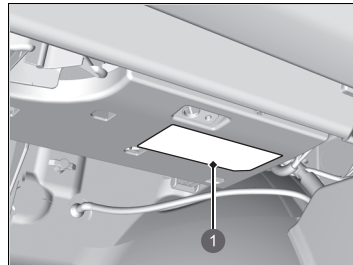
Chỉ có cầu chì số 1 nằm bên ngoài hộp cầu chì.

Hãy đến đại lý khi cần thay cầu chì này.



① Cầu Chì Số 1

② Cầu Chì Số 2-25



### ① Nhãn Cầu Chì

Các vị trí cầu chì có ở trên nhãn cầu chì bên dưới hộp đựng đồ.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

### ■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

|    |   | Mạch Được Bảo Vệ     | Cường Độ |
|----|---|----------------------|----------|
| 1  |   | Hộp Cầu Chì Chính    | 60 A     |
| 2  |   | IG Chính             | 30 A     |
| 3  |   | IG Chính 2           | 30 A     |
| 4  |   | Mô-đun Rơ-le 1       | 30 A     |
| 5  |   | Mô-đun Rơ-le 2       | 30 A     |
| 6  |   | Hộp Cầu Chì Chính 2  | 40 A     |
| 7  |   | Hộp Cầu Chì Tùy Chọn | (40 A)   |
| 8  |   | Mô-tơ Bộ Sưởi        | 30 A     |
| 9  |   | Mô-tơ Cửa Hậu Điện*  | (40 A)   |
| 10 |   | Sấy Kính Sau         | 30 A     |
| 11 |   | DC/DC1*              | (30 A)   |
| 12 |   | VST2*                | (30 A)   |
| 13 | - | -                    | -        |
| 14 |   | SRS                  | 10 A     |
| 15 | - | -                    | -        |
| 16 |   | Ly Hợp MG            | (7,5 A)  |
| 17 |   | IMG                  | 10 A     |
| 18 |   | -                    | (20 A)   |
| 19 | - | -                    | -        |
| 20 | - | -                    | -        |
| 21 |   | Đóng Cửa Hậu Điện*   | (20 A)   |
| 22 | - | -                    | -        |
| 23 |   | Rửa Kính             | (15 A)   |
| 24 |   | -                    | (10 A)   |
| 25 | - | -                    | -        |

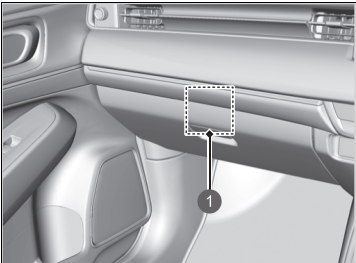
Hộp Cầu Chì Trong Xe  
Phía hành Khách

Loại vô lăng bên phải

Loại A

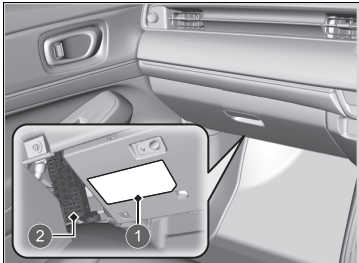
Nằm phía dưới bảng táp-lô.

Chỉ có cầu chì số 1 nằm bên ngoài hộp cầu chì. Hãy đến đại lý khi cần thay cầu chì này.



1 Cầu Chì Số 1

Các cầu chì khác ngoại trừ cầu chì số 1 đều nằm dưới bảng táp-lô.



1 Nhãn Cầu Chì

2 Cầu Chì Số 2-25

Các vị trí cầu chì có ở trên nhãn cầu chì. Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

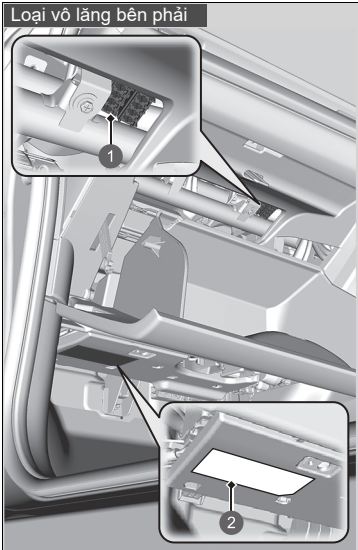
Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

|    |   | Mạch Được Bảo Vệ     | Cường Độ |
|----|---|----------------------|----------|
| 1  |   | Hộp Cầu Chì Chính    | 60 A     |
| 2  |   | IG Chính             | 30 A     |
| 3  |   | IG Chính 2           | 30 A     |
| 4  |   | Mô-đun Rơ-le 1       | 30 A     |
| 5  |   | Mô-đun Rơ-le 2       | 30 A     |
| 6  |   | Hộp Cầu Chì Chính 2  | 40 A     |
| 7  |   | Hộp Cầu Chì Tùy Chọn | (40 A)   |
| 8  |   | Mô-tơ Bộ Sưởi        | 30 A     |
| 9  |   | Mô-tơ Cửa Hậu Điện*  | (40 A)   |
| 10 |   | Sấy Kính Sau         | 30 A     |
| 11 |   | DC/DC1*              | (30 A)   |
| 12 |   | VST2*                | (30 A)   |
| 13 | - | -                    | -        |
| 14 |   | SRS                  | 10 A     |
| 15 | - | -                    | -        |
| 16 |   | Ly Hợp MG            | (7,5 A)  |
| 17 |   | IMG                  | 10 A     |
| 18 |   | -                    | (20 A)   |
| 19 | - | -                    | -        |
| 20 | - | -                    | -        |
| 21 |   | Đóng Cửa Hậu Điện*   | (20 A)   |
| 22 | - | -                    | -        |
| 23 |   | Rửa Kính             | (15 A)   |
| 24 |   | -                    | (10 A)   |
| 25 | - | -                    | -        |

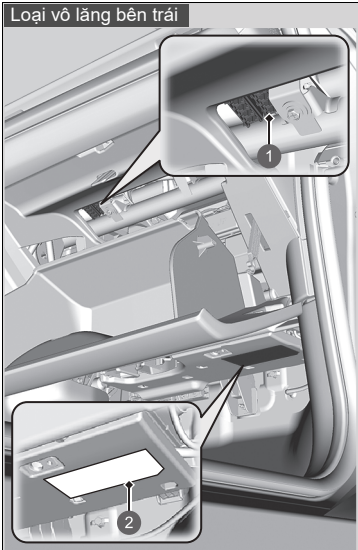
Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ **Loại B\***  
Nằm gần lọc gió điều hòa.  
► **Lọc Gió Điều Hòa Tr. 586**



- ❶ Hộp Cầu Chì
- ❷ Nhãn Cầu Chì



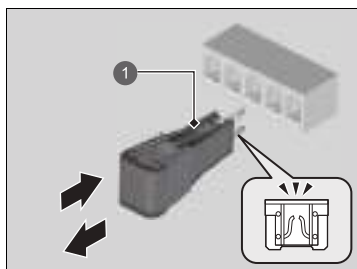
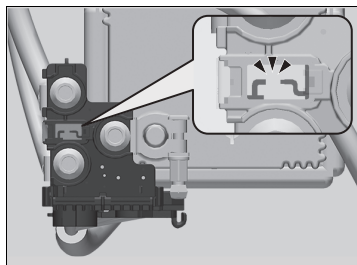
- ❶ Hộp Cầu Chì
- ❷ Nhãn Cầu Chì

Các vị trí cầu chì có ở trên nhãn cầu chì. Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

|   | Mạch Được Bảo Vệ |                    | Cường Độ |
|---|------------------|--------------------|----------|
| 1 | –                | –                  | –        |
| 2 | –                | –                  | –        |
| 3 |                  | Âm Thanh Phụ VST*  | (7,5 A)  |
| 4 |                  | Đèn Lùi 2 Chính    | (15 A)   |
| 5 |                  | VST IG1 1          | (7,5 A)  |
| 6 |                  | VST IG1 2          | (10 A)   |
| 7 |                  | VST ACC            | (7,5 A)  |
| 8 |                  | Âm Thanh VST Chính | (15 A)   |

## Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



❶ Kẹp Cầu Chì

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA). Tắt đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện.
2. Tháo vỏ ở cực ⊕.
3. Kiểm tra các cầu chì trên ắc quy trong khoang động cơ.  
► Nếu cầu chì nổ, hãy đến đại lý để thay.
4. Tháo vỏ hộp cầu chì.
5. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.  
► Nếu có cầu chì bị nổ, hãy dùng kẹp tháo cầu chì để tháo và thay cái mới.

### ►► Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

#### CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng hơn.

Sử dụng bảng để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định ở nhãn cầu chì.

#### ► Vị Trí Cầu Chì Tr. 647

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

Có một kẹp tháo cầu chì ở phía sau vỏ hộp cầu chì A trong khoang động cơ.

## Kéo Xe Khẩn Cấp

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

### ■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

**Đây là cách tốt nhất để di chuyển xe của bạn.**

### ■ Thiết bị nhắc bánh xe

Xe kéo chuyên dụng sử dụng hai tay nâng để nâng hai lốp trước lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

### » Kéo Xe Khẩn Cấp

#### CHÚ Ý

Cố nâng hoặc kéo xe bằng tấm cản sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cản không được thiết kế để nâng đỡ trọng lượng của xe.

Đảm bảo đã nhả phanh đỗ. Nếu bạn không thể nhả phanh đỗ, xe của bạn phải được vận chuyển bằng thiết bị kéo sàn phẳng.

➡ **Phanh Đỗ Tr. 502**

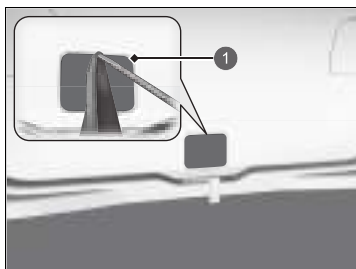
Kéo xe không đúng cách như kéo bằng nhà di động hoặc bằng xe khác có thể làm hỏng hộp số.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Điều này rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể lắt từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

## Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

### ■ Làm Gì Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

Nếu bạn không mở được cửa hậu, hãy làm theo quy trình sau:



① Miếng Ốp

1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo miếng ốp nằm ở phía sau cửa hậu.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

### ▣ Làm Gì Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

Bước tiếp theo:

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

Khi bạn mở cửa hậu từ bên trong, đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh cửa hậu và cẩn thận để không va vào ai hoặc vật gì.

►►Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu►



1 Cần

2. Để mở cửa hậu, ấn cửa hậu đồng thời dùng tua-vít đầu dẹt để đẩy cần sang bên phải.

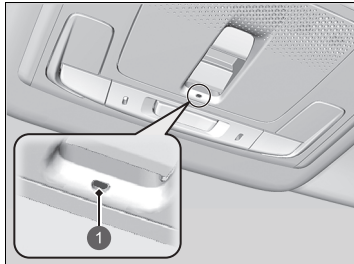


1 Cần



## Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)\*

### Cuộc gọi khẩn cấp tự động



#### 1 Đèn Báo eCall

- Số nhận dạng xe (VIN)
- Loại xe (xe chở khách hoặc xe tải loại nhỏ)
- Loại nhiên liệu xe sử dụng (xăng/đi-ê-zen/CNG/LPG/điện/hydro)
- Ba điểm đến gần đây nhất của xe
- Hướng xe chạy
- Chế độ khởi động (tự động hoặc bằng tay)
- Mốc thời gian

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của nhân viên tổng đài.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục trong 1 giây, sau đó chuyển sang màu đỏ trong 1 giây.

Nếu xe xảy ra va chạm, hệ thống của xe sẽ kết nối với tổng đài Điểm Trả Lỗi An Toàn Công Cộng (PSAP). Khi kết nối thành công, một số thông tin về xe sẽ được gửi đến tổng đài PSAP. Những thông tin đó bao gồm:

#### ☒ Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)\*

Xe của bạn được trang bị hệ thống dịch vụ eCall 999.

Dịch vụ eCall 999 là dịch vụ công cộng mà mọi người đều có quyền lợi chung và miễn phí truy cập.

Hệ thống eCall 999 trên xe hoạt động khi chế độ nguồn được đặt ở BẬT. Khi xảy ra va chạm, hệ thống sẽ xác định mức độ va chạm dựa vào thông tin thu được từ các cảm biến trên bảng điều khiển, sau đó kích hoạt chức năng gọi khẩn cấp tùy thuộc vào mức độ va chạm đó.

Nếu cần, có thể kích hoạt hệ thống eCall 999 trên xe bằng cách ấn nút.

☒ **Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút Tr. 659**

Khi xử lý bất kỳ dữ liệu cá nhân nào thông qua hệ thống eCall 999 trên xe phải tuân thủ theo luật bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Chỉ Thị số 95/46/EC (thay cho chỉ thị số 2016/679/EC) và 2002/58/EC. Đặc biệt, phải tuân theo Điều 7(d) của Chỉ Thị số 95/46/EC (thay cho chỉ thị số 2016/679/EC) để bảo vệ các quyền lợi quan trọng của cá nhân.

Việc xử lý dữ liệu như vậy được giới hạn nghiêm ngặt theo quy định của dịch vụ cuộc gọi khẩn cấp 999.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)\* ► Cuộc gọi khẩn cấp tự động

Nếu hệ thống eCall hoạt động bình thường, đèn báo sẽ sáng màu xanh lục.

- Màu xanh lục: Hệ thống eCall đã sẵn sàng.
- Nhấp nháy màu xanh lục: Hệ thống eCall được kết nối và đang thực hiện cuộc gọi eCall với tổng đài PSAP.
- Nhấp nháy màu đỏ ngắt quãng liên tục: Lỗi kết nối hệ thống eCall với tổng đài. Đèn báo eCall sẽ tiếp tục nhấp nháy như vậy trong 30 giây, sau đó sẽ sáng màu xanh lục.

Nếu hệ thống eCall 999 dừng hoạt động khi hệ thống bị lỗi nghiêm trọng, sẽ có các cảnh báo dưới đây để báo cho người ngồi trên xe:

- Đèn báo sáng đỏ hoặc không sáng: Hệ thống eCall có sự cố. Nếu đèn báo tiếp tục sáng đỏ hoặc tắt lịm ngay cả khi bạn đã khởi động lại xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
- Đèn báo nhấp nháy đỏ: Điện áp ắc quy dự phòng ở mức cực thấp. Khi nguồn ở BẬT, ắc quy sẽ tiến hành nạp điện. Khi ắc quy được nạp đến một mức nhất định, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục.

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)\*

Các điểm trả lời an toàn công cộng là nơi nhận dữ liệu được xử lý bởi hệ thống eCall 999 trên xe. Các điểm này được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền tương ứng của các quốc gia nơi họ đặt trụ sở, là nơi đầu tiên nhận dữ liệu và chỉ dùng cho dịch vụ cuộc gọi khẩn cấp 999.

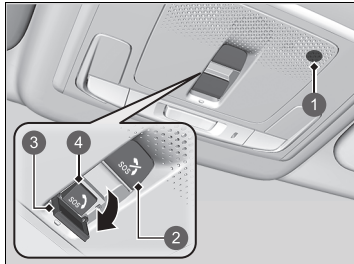
Xe của bạn **KHÔNG** thể kết nối với tổng đài PSAP nếu:

- cả ắc quy 12V và ắc quy dự phòng đều yếu.
- xe của bạn nằm ngoài vùng phủ sóng di động.
- hệ thống eCall hoặc thiết bị ngoại vi của hệ thống như micro hoặc loa có sự cố.

Ắc quy dự phòng không có sẵn trên thị trường. Hãy đến đại lý để thay thế.

Không thể sử dụng chức năng này ở những vùng không có dịch vụ eCall.

## Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút



- ❶ Micro
- ❷ Nút Hủy **SOS**
- ❸ Nắp Che
- ❹ Nút **SOS**

Nút **SOS** có nắp bảo vệ. Mở nắp ra để ấn nút.

Khi thực hiện gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của nhân viên tổng đài.

Nếu cần gọi khẩn cấp, bạn có thể kết nối bằng cách thủ công: ấn nút **SOS** và giữ nút này trong hơn 0,5 giây.

Để hủy cuộc gọi, ấn nút hủy **SSS** trong hơn 0,5 giây, trong vòng 5 giây tính từ khi ấn nút **SOS**.

### ►► Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút

**KHÔNG** ấn nút khi bạn đang lái xe. Nếu bạn cần liên hệ với tổng đài, hãy đỗ xe ở nơi an toàn trước khi thực hiện cuộc gọi.

Nếu hệ thống eCall báo lỗi kết nối với tổng đài PSAP ở lần gọi đầu tiên, hãy gọi lại cho đến khi kết nối thành công. Tuy nhiên, nếu sau 2 phút từ lần gọi thứ nhất, hệ thống sẽ không thể kết nối được nữa.

Khi hệ thống đã kết nối thành công với tổng đài, bạn không thể hủy cuộc gọi bằng nút hủy **SOS**.

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)\* ► Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)\*

**Bảo mật dữ liệu**

Hệ thống eCall 999 trên xe được thiết kế để đảm bảo:

- Dữ liệu có trong bộ nhớ hệ thống không được sao lưu ra bên ngoài hệ thống trước khi eCall hoạt động.
- Không thể theo dõi hoặc theo dõi liên tục hệ thống khi hệ thống đang hoạt động.
- Dữ liệu trong bộ nhớ trong của hệ thống được xóa tự động và liên tục.

Để hệ thống hoạt động bình thường, dữ liệu vị trí của xe liên tục được ghi đè vào bộ nhớ hệ thống, vì vậy ba điểm đến gần đây nhất của xe được cập nhật liên tục.

Nhập ký dữ liệu hoạt động trong hệ thống eCall 999 trên xe chỉ cần được lưu giữ trong khoảng thời gian cần thiết nhằm mục đích xử lý eCall khẩn cấp và thường thì được lưu không quá 13 giờ kể từ thời điểm bắt đầu thực hiện cuộc gọi eCall khẩn cấp.

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)\*

**Quyền của chủ xe**

Chủ thể dữ liệu (chủ xe) có quyền truy cập dữ liệu và có quyền yêu cầu sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu liên quan đến họ, việc xử lý dữ liệu đó không nằm trong quy định của Chỉ Thị số 95/46/EC (thay thế cho chỉ thị số 2016/679/EC).

Bất kỳ bên thứ ba nào được tiết lộ về dữ liệu phải được thông báo về việc sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu tuân thủ theo đúng Chỉ Thị này, trừ khi chứng minh được việc thông báo là không thể hoặc không cần thiết.

Chủ thể dữ liệu có quyền khiếu nại với cơ quan bảo vệ dữ liệu có thẩm quyền nếu chủ thể thấy rằng quyền của họ bị xâm phạm trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân của họ.

Thông Tin Dịch Vụ eCall của Honda:  
Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào về eCall, hãy liên hệ với văn phòng dịch vụ tại quốc gia bạn cư trú.  
Hãy xem sổ bảo dưỡng để biết danh sách các văn phòng đó.

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



# Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng và các thông tin khác theo quy định.

|                                           |     |
|-------------------------------------------|-----|
| <b>Thông Số Kỹ Thuật</b> .....            | 664 |
| <b>Số Nhận Dạng Xe</b>                    |     |
| Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và          |     |
| Số Hộp Số .....                           | 670 |
| <b>Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*</b> ..... | 672 |
| <b>Tuân Thủ Quy Định*</b>                 |     |
| Quy Định Bảo Vệ Môi Trường .....          | 677 |

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

# Thông Số Kỹ Thuật

Loại xe không có tu-bô tăng áp

## ■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

| Loại Xe                                           | HR-V                                                                                                                              |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trọng Lượng Xe                                    | 1.267 kg <sup>*1</sup>                                                                                                            |
|                                                   | 1.251 kg <sup>*2</sup>                                                                                                            |
|                                                   | 1.273 - 1.319 kg <sup>*3</sup>                                                                                                    |
|                                                   | 1.262 kg <sup>*4</sup>                                                                                                            |
|                                                   | 1.281 - 1.310 kg <sup>*5</sup>                                                                                                    |
|                                                   | 1.271 - 1.302 kg <sup>*6</sup>                                                                                                    |
|                                                   | 1.275 - 1.315 kg <sup>*7</sup>                                                                                                    |
|                                                   | 1.273 - 1.294 kg <sup>*9</sup>                                                                                                    |
|                                                   | 1.272 - 1.274 kg <sup>*10</sup>                                                                                                   |
|                                                   | 1.271 - 1.297 kg <sup>*11</sup>                                                                                                   |
|                                                   | 1.267 - 1.284 kg <sup>*12</sup>                                                                                                   |
|                                                   | 1.273 kg <sup>*13</sup>                                                                                                           |
|                                                   | 1.267 - 1.271 kg <sup>*14</sup>                                                                                                   |
|                                                   | Xem ở nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa người lái <sup>17</sup> Xem ở nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách <sup>3</sup> |
| Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép Trên Cầu              | 1.740 kg <sup>8</sup>                                                                                                             |
| Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép Trên Cầu              | Xem ở nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa người lái <sup>17</sup> Xem ở nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách <sup>3</sup> |
|                                                   |                                                                                                                                   |
| Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép Trên Cầu <sup>8</sup> | Trước 920 kg                                                                                                                      |
|                                                   | Sau 820 kg                                                                                                                        |

- \*1: Loại xe Australia
- \*2: Loại xe Singapo
- \*3: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải
- \*4: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam
- \*5: Loại xe Trung Đông
- \*6: Loại xe Indonesia
- \*7: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái
- \*8: Ngoại trừ loại xe Châu Phi
- \*9: Loại xe Ghana
- \*10: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải
- \*11: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái
- \*12: Loại xe Brunei, Bangladesh, Sri Lanka, Bhutan và Nepal
- \*13: Loại xe Malaysia
- \*14: Loại xe Đài Loan

## ■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

|                                |                                             |
|--------------------------------|---------------------------------------------|
| Loại                           | DOHC 4 xy lanh thẳng hàng làm mát bằng nước |
| Đường Kính x Hành Trình        | 73,0 x 89,5 mm                              |
| Dung Tích                      | 1.498 cm <sup>3</sup>                       |
| Tỷ Số Nén                      | 10,6 : 1                                    |
| Công Suất Tối Đa <sup>*1</sup> | 89 kW (119 HP)/6.600 rpm                    |
| Mô Men Tối Đa <sup>*1</sup>    | 145 N·m (14,8 kgf·m)/4.300 rpm              |
| Tốc Độ Tối Đa <sup>*1</sup>    | 187 km/h <sup>*2</sup>                      |
|                                | 186 km/h <sup>*3</sup>                      |
| Bugi                           | NGK DILZKAR7C11H                            |
|                                | DENSO DXE22HCR11H                           |

- \*1: Quốc gia thuộc Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)
- \*2: Loại xe không có lấy sang số
- \*3: Loại xe có lấy sang số

## ■ Nhiên Liệu

|                           |                                                                          |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Loại                      | Loại xe Indonesia                                                        |
|                           | Xăng không chì, Chỉ số Octan 90 trở lên                                  |
|                           | Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia, Pakistan và Đài Loan              |
|                           | Xăng không chì, Chỉ số Octan 91 trở lên                                  |
|                           | Loại xe Đài Loan                                                         |
|                           | Xăng không chì, Chỉ số Octan 92 trở lên                                  |
| Loại                      | Loại xe Malaysia                                                         |
|                           | Xăng không chì, Chỉ số Octan 95 trở lên                                  |
|                           | Loại xe Pakistan                                                         |
| Loại                      | Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên |
|                           |                                                                          |
| Dung Tích Bình Nhiên Liệu | 40 L                                                                     |

## ■ Ấc Quy

|           |                                |
|-----------|--------------------------------|
| Dung Tích | 27AH(5)/30AH(20) <sup>*1</sup> |
|           | 40AH(5)/50AH(20) <sup>*2</sup> |
|           | 48AH(5)/60AH(20) <sup>*3</sup> |

- \*1: Ngoại trừ loại xe Singapo, Australia và Đài Loan
- \*2: Loại xe Singapo và Australia
- \*3: Loại xe Đài Loan

Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời:  
 Ấc quy lắp trên xe được thiết kế đặc biệt cho loại xe có hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Nếu cần thay ắc quy, hãy chọn loại ắc quy đúng quy định (N-65<sup>2</sup>/LN2<sup>3</sup>). Hỏi đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

## ■ Nước Rửa Kính

|                |       |
|----------------|-------|
| Dung Tích Bình | 2,5 L |
|----------------|-------|



### ■ Bóng Đèn

|                                  |                |
|----------------------------------|----------------|
| Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)       | LED            |
| Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)        | LED            |
| Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày          | LED            |
| Đèn Xi Nhan Trước                | LED            |
| Đèn Sương Mù Trước*              | LED            |
| Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa) | LED            |
| Đèn Phanh                        | LED            |
| Đèn Hậu                          | LED            |
| Đèn Xi Nhan Sau                  | 21W (Hỗ Phách) |
| Đèn Lùi                          | 16 W           |
| Đèn Sương Mù Sau*                | LED            |
| Đèn Biển Số Sau                  | LED            |
| Đèn Phanh Cao                    | LED            |
| Đèn Trong Xe                     |                |
| Đèn Đọc Sách Trước               | LED            |
| Đèn Trần*                        | LED            |
| Đèn Đọc Sách Sau*                | LED            |
| Đèn Gương Cá Nhân*               | 2,3 W          |
| Đèn Khoang Hành Lý               | LED            |

### ■ Dầu Phanh

|          |                             |
|----------|-----------------------------|
| Quy Định | Dầu Phanh có DOT3 hoặc DOT4 |
|----------|-----------------------------|

### ■ Điều Hoà Không Khí

|                |                                                                        |
|----------------|------------------------------------------------------------------------|
| Loại Ga Lạnh   | HFC-134a (R-134a)* <sup>1</sup><br>HFO-1234yf (R-1234yf)* <sup>2</sup> |
| Khối Lượng Nạp | 395 - 445 g* <sup>1</sup><br>345 - 395 g* <sup>2</sup>                 |

\*1: Ngoại trừ loại xe Singapo và Australia

\*2: Loại xe Singapo và Australia

### ■ Dầu Hộp Số Vô Cấp

|           |             |
|-----------|-------------|
| Quy Định  | Honda HCF-2 |
| Dung Tích | Thay 2,8 L  |

### ■ Dầu Động Cơ

|             |                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khuyến Nghị | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu Động Cơ Honda #1.0</li> <li>Dầu Xanh Honda</li> <li>Dầu Chính Hiệu Honda Motor 0W-16, 0W-20, 5W-30</li> <li>API cấp SM hoặc cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-16, 0W-20, 5W-30</li> </ul> |
|             | Thay 3,1 L                                                                                                                                                                                                                    |
| Dung Tích   | Thay cả lọc 3,3 L                                                                                                                                                                                                             |

### ■ Nước Làm Mát Động Cơ

|          |                                                                                                                  |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quy Định | Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2                                                                |
| Tỷ Lệ    | 50/50 với nước cất                                                                                               |
|          | 3,79 L* <sup>1</sup><br>3,90 L* <sup>2</sup><br>4,04 L* <sup>3</sup><br>(thay cả 0,45 L còn lại trong bình chứa) |

\*1: Loại xe Indonesia và Malaysia

\*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Brunei, Bangladesh, Sri Lanka, Bhutan, Nepal, Pakistan, Australia và Singapo

\*3: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái, loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, Ghana, Việt Nam Nigeria, Đài Loan và Trung Đông

\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Lốp Xe

|                                             |                          |                                                                  |
|---------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------|
| Thường                                      | Kích Thước* <sup>1</sup> | 215/60R16 95H                                                    |
|                                             |                          | 215/60R17 96H                                                    |
|                                             |                          | 225/50R18 95V                                                    |
| Dự Phòng<br>Loại Nhỏ* <sup>2</sup>          | Áp Suất                  | Xem ở nhãn trên thanh<br>đọc cửa người lái                       |
|                                             |                          |                                                                  |
|                                             |                          |                                                                  |
| Dự Phòng* <sup>3</sup><br>(Cùng kích<br>cỡ) | Kích Thước* <sup>1</sup> | T135/90D17 104M                                                  |
|                                             |                          | 215/60R17 96H                                                    |
|                                             |                          | 225/50R18 95V                                                    |
| Kích<br>Thước<br>Bánh Xe                    | Áp Suất                  | Giống lốp thường. Xem<br>ở nhãn trên thanh đọc<br>cửa người lái. |
|                                             |                          | 16 x 7J* <sup>4</sup>                                            |
|                                             |                          | 17 x 7J* <sup>5</sup>                                            |
| Dự Phòng<br>Loại Nhỏ* <sup>2</sup>          | Thường                   | 18 x 7 1/2J* <sup>6</sup>                                        |
|                                             |                          |                                                                  |
|                                             |                          |                                                                  |
| Dự phòng cùng<br>kích cỡ* <sup>3</sup>      | Dự Phòng                 | 17 x 4T                                                          |
|                                             |                          |                                                                  |
|                                             |                          |                                                                  |
| Dự phòng cùng<br>kích cỡ* <sup>3</sup>      | Loại Nhỏ* <sup>2</sup>   | 17 x 7J* <sup>5</sup>                                            |
|                                             |                          | 18 x 7 1/2J* <sup>6</sup>                                        |
|                                             |                          |                                                                  |

- \*1: Kích thước lốp ban đầu có ở nhãn thông tin lốp xe trên thanh đọc cửa người lái.  
\*2: Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ  
\*3: Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ  
\*4: Loại xe có bánh xe 16 in-sơ  
\*5: Loại xe có bánh xe 17 in-sơ  
\*6: Loại xe có bánh xe 18 in-sơ

■ Phanh

|       |               |
|-------|---------------|
| Loại  | Trợ lực       |
| Trước | Đĩa thông gió |
| Sau   | Đĩa đặc       |
| Đỗ    | Phanh Đỗ Điện |

■ Kích Thước Xe

|                 |                         |
|-----------------|-------------------------|
| Chiều Dài       | 4.335 mm* <sup>1</sup>  |
|                 | 4.340 mm* <sup>2</sup>  |
|                 | 4.345 mm* <sup>3</sup>  |
|                 | 4.330 mm* <sup>4</sup>  |
|                 | 4.385 mm* <sup>5</sup>  |
| Chiều Rộng      | 1.790 mm                |
| Chiều Cao       | 1.580 mm* <sup>2</sup>  |
|                 | 1.590 mm* <sup>6</sup>  |
| Chiều Dài Cơ Sở | 2.610 mm                |
| Vệt Bánh Xe     | 1.545 mm* <sup>7</sup>  |
|                 | Trước                   |
|                 | 1.548 mm* <sup>8</sup>  |
|                 | 1.535 mm* <sup>9</sup>  |
|                 | 1.537 mm* <sup>10</sup> |
|                 | Sau                     |
|                 | 1.540 mm* <sup>9</sup>  |
|                 | 1.543 mm* <sup>10</sup> |
|                 | 1.550 mm* <sup>11</sup> |
|                 | 1.553 mm* <sup>12</sup> |

- \*1: Loại xe Australia  
\*2: Loại xe Singapo  
\*3: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe Mỹ La  
Tinh có vô lăng bên phải, Brunei, Bangladesh, Sri  
Lanka, Bhutan và Nepal  
\*4: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái, loại xe  
Philipin, Campuchia, Lào, Myanma, Việt Nam,  
Indonesia và Malaysia  
\*5: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe Ghana  
và Trung Đông  
\*6: Ngoại trừ loại xe Châu Phi  
\*7: Loại xe Singapo có bánh xe 16 in-sơ, loại xe Châu  
Phi có vô lăng bên trái, loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng  
bên trái, loại xe Ghana, Philipin, Campuchia, Lào,  
Myanma, Việt Nam, Trung Đông, Indonesia,  
Malaysia và Đài Loan có bánh xe 17 in-sơ  
\*8: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe Mỹ La  
Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Brunei, Bangladesh,  
Sri Lanka, Bhutan và Nepal có bánh xe 17 in-sơ  
\*9: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe Mỹ La  
Tinh có vô lăng bên trái, loại xe Australia, Ghana và  
Indonesia có bánh xe 18 in-sơ

- \*10: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe  
Brunei, Bangladesh, Sri Lanka, Bhutan và Nepal  
có bánh xe 18 in-sơ  
\*11: Loại xe Singapo có bánh xe 16 inch, loại xe Châu  
Phi có vô lăng bên trái, loại xe Mỹ La Tinh có vô  
lăng bên trái, loại xe Ghana, Việt Nam, Trung Đông,  
Indonesia và Malaysia có bánh xe 17 in-sơ  
\*12: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe Mỹ La  
Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Filipin,  
Campuchia, Lào, Myanma, Brunei, Bangladesh,  
Sri Lanka, Bhutan và Nepal có bánh xe 17 in-sơ

Loại xe có tu-bô tăng áp

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

|                                      |                                |          |
|--------------------------------------|--------------------------------|----------|
| Loại Xe                              | HR-V                           |          |
| Trọng Lượng Xe                       | 1.363 - 1.379 kg <sup>*1</sup> |          |
|                                      | 1.410 kg <sup>*2</sup>         |          |
|                                      | 1.380 - 1.403 kg <sup>*3</sup> |          |
| Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép          | 1.830 kg                       |          |
| Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép Trên Cầu | Trước                          | 1.030 kg |
|                                      | Sau                            | 865 kg   |

\*1: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào, Myanma và Việt Nam

\*2: Loại xe Indonesia

\*3: Loại xe Malaysia

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

|                         |                                             |             |
|-------------------------|---------------------------------------------|-------------|
| Loại                    | DOHC 4 xy lạnh thẳng hàng làm mát bằng nước |             |
| Đường Kính x Hành Trình | 73,0 x 89,5 mm                              |             |
| Dung Tích               | 1.498 cm <sup>3</sup>                       |             |
| Tỷ Số Nén               | 10,3 : 1                                    |             |
| Bugì                    | NGK                                         | DILKAR8P8SY |

■ Nhiên Liệu

|                |                                         |  |
|----------------|-----------------------------------------|--|
| Loại           | Ngoại trừ loại xe Malaysia              |  |
|                | Xăng không chì, Chỉ số Octan 91 trở lên |  |
|                | Loại xe Malaysia                        |  |
| Dung Tích Bình | Xăng không chì, Chỉ số Octan 95 trở lên |  |
|                | 40 L                                    |  |

■Ắc Quy

|           |                  |
|-----------|------------------|
| Dung Tích | 48AH(5)/60AH(20) |
|-----------|------------------|

■ Nước Rửa Kính

|                |       |
|----------------|-------|
| Dung Tích Bình | 2,5 L |
|----------------|-------|

### ■ Bóng Đèn

|                                  |                 |
|----------------------------------|-----------------|
| Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)       | LED             |
| Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)        | LED             |
| Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày          | LED             |
| Đèn Xi Nhan Trước                | LED             |
| Đèn Sương Mù Trước               | LED             |
| Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa) | LED             |
| Đèn Phanh                        | LED             |
| Đèn Hậu                          | LED             |
| Đèn Xi Nhan Sau                  | 21 W (Hỗ Phách) |
| Đèn Lùi                          | 16 W            |
| Đèn Biển Số Sau                  | LED             |
| Đèn Phanh Cao                    | LED             |
| Đèn Trong Xe                     |                 |
| Đèn Đọc Sách Trước               | LED             |
| Đèn Trần*                        | LED             |
| Đèn Đọc Sách Sau*                | LED             |
| Đèn Gương Cá Nhân*               | 2,3 W           |
| Đèn Khoang Hành Lý               | LED             |

### ■ Dầu Phanh

|          |                             |
|----------|-----------------------------|
| Quy Định | Dầu Phanh có DOT3 hoặc DOT4 |
|----------|-----------------------------|

### ■ Điều Hoà Không Khí

|                |                   |
|----------------|-------------------|
| Loại Ga Lạnh   | HFC-134a (R-134a) |
| Khối Lượng Nạp | 415 - 465 g       |

### ■ Dầu Hộp Số Vô Cấp

|           |             |
|-----------|-------------|
| Quy Định  | Honda HCF-2 |
| Dung Tích | Thay 3,7 L  |

### ■ Dầu Động Cơ

|             |                                                                                                                                                                       |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khuyến Nghị | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dầu Chính Hiệu Honda Motor 0W-20, 0W-30, 5W-30</li> <li>API cấp SM hoặc cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-20, 0W-30, 5W-30</li> </ul> |
| Dung Tích   | Thay 3,2 L                                                                                                                                                            |
|             | Thay cả lọc 3,5 L                                                                                                                                                     |

### ■ Nước Làm Mát Động Cơ

|           |                                                                                          |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quy Định  | Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2                                        |
| Tỷ Lệ     | 50/50 với nước cất                                                                       |
| Dung Tích | 5,63 L <sup>*1</sup><br>5,48 L <sup>*2</sup><br>(thay cả 0,64 L còn lại trong bình chứa) |

\*1: Loại vô lăng bên trái

\*2: Loại vô lăng bên phải

### ■ Lớp Xe

|                                          |                                     |                                                            |
|------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Thường                                   | Kích Thước <sup>*1</sup>            | 215/60R17 96H<br>225/50R18 95V                             |
|                                          | Áp Suất                             | Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái                    |
| Dự Phòng Loại Nhỏ <sup>*2</sup>          | Kích Thước                          | T135/90D17 104M                                            |
|                                          | Áp Suất                             | Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái                    |
| Dự Phòng <sup>*3</sup><br>(Cùng kích cỡ) | Kích Thước <sup>*1</sup>            | 215/60R17 96H<br>225/50R18 95V                             |
|                                          | Áp Suất                             | Giống lớp thường. Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái. |
| Kích Thước Bánh Xe                       | Thường                              | 17 x 7J <sup>*4</sup><br>18 x 7 1/2J <sup>*5</sup>         |
|                                          | Dự Phòng Loại Nhỏ <sup>*2</sup>     | 17 x 4T                                                    |
|                                          | Dự phòng cùng kích cỡ <sup>*3</sup> | 17 x 7J <sup>*4</sup><br>18 x 7 1/2J <sup>*5</sup>         |
|                                          |                                     |                                                            |

\*1: Kích thước lốp ban đầu có ở nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

\*2: Loại xe có lớp dự phòng loại nhỏ

\*3: Loại xe có lớp dự phòng cùng kích cỡ

\*4: Loại xe có bánh xe 17 in-sơ

\*5: Loại xe có bánh xe 18 in-sơ

### ■ Phanh

|       |               |
|-------|---------------|
| Loại  | Trợ lực       |
| Trước | Đĩa thông gió |
| Sau   | Đĩa đặc       |
| Đồ    | Phanh Đổ Điện |

### ■ Kích Thước Xe

|                 |          |                        |
|-----------------|----------|------------------------|
| Chiều Dài       | 4.385 mm |                        |
| Chiều Rộng      | 1.790 mm |                        |
| Chiều Cao       | 1.590 mm |                        |
| Chiều Dài Cơ Sở | 2.610 mm |                        |
| Vệt Bánh Xe     | Trước    | 1.545 mm <sup>*1</sup> |
|                 |          | 1.535 mm <sup>*2</sup> |
|                 | Sau      | 1.550 mm <sup>*3</sup> |
|                 |          | 1.540 mm <sup>*4</sup> |
|                 |          | 1.553 mm <sup>*5</sup> |
|                 |          | 1.543 mm <sup>*6</sup> |

\*1: Loại xe có bánh xe 17 in-sơ

\*2: Loại xe có bánh xe 18 in-sơ

\*3: Loại xe Việt Nam, Indonesia và Malaysia có bánh xe 17 in-sơ

\*4: Loại xe Việt Nam, Indonesia và Malaysia có bánh xe 18 in-sơ

\*5: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào và Myanmar có bánh xe 17 in-sơ

\*6: Loại xe Philipin, Campuchia, Lào và Myanmar có bánh xe 18 in-sơ

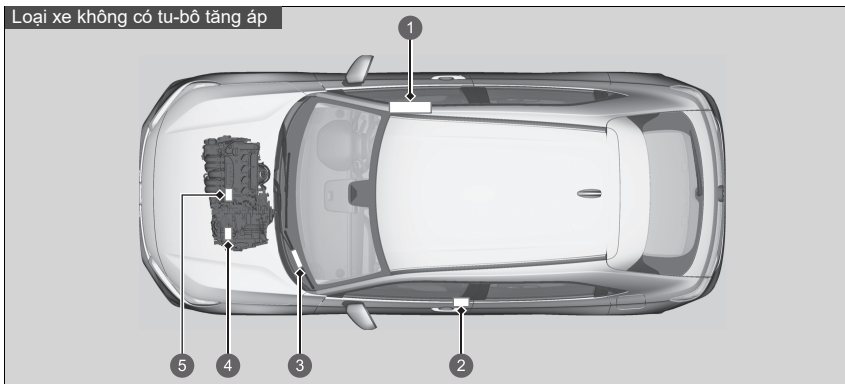
## Số Nhận Dạng

### Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Xe bạn có số nhận dạng 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm.

Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.

Loại xe không có tu-bô tăng áp



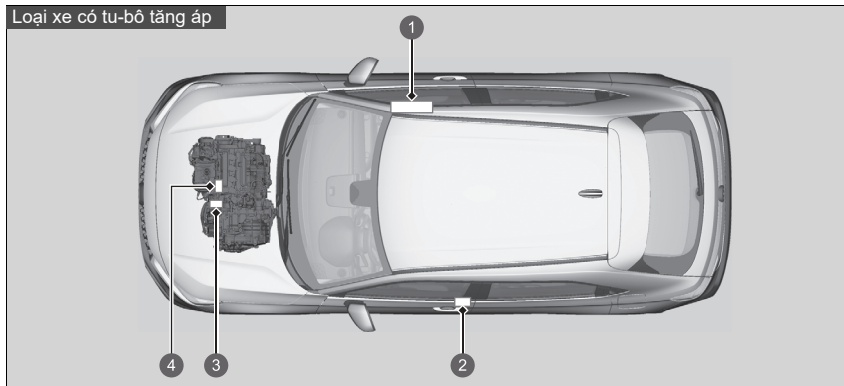
- ❶ Số Nhận Dạng Xe
- ❷ Nhãn Chứng Nhận/Bảng Chứng Nhận/Số Nhận Dạng Xe/Số Máy/Số Khung\*
- ❸ Số Nhận Dạng Xe\*
- ❹ Số Hộp Số Vô Cấp
- ❺ Số Máy

#### ❷ Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Số nhận dạng xe (VIN) nằm ở bên dưới nắp che.



❶ Nắp che



- ❶ Số Nhận Dạng Xe
- ❷ Nhân Chứng Nhận/Bảng Chứng Nhận/Số Máy/Số Khung\*
- ❸ Số Hộp Số Vô Cấp
- ❹ Số Máy

## Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio\*

Các thiết bị và hệ thống trên xe dưới đây sẽ phát ra sóng radio khi hoạt động.

### Loại xe áp dụng quy định của FCC

Mỗi thiết bị vô tuyến được lắp đặt trên xe đều phải tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn của quy định dưới đây:

Quy định của FCC:

Thiết bị này phải tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.

Người dùng có thể mất quyền sử dụng nếu thay đổi hoặc chỉnh sửa thiết bị mà không có sự phê duyệt của bên chịu trách nhiệm.



| Hệ Thống Truy Cập Từ Xa |                                                                                   |                                                                                     |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|                         | BCM                                                                               | FOB                                                                                 |
| Loại xe Botswana        | BOCRA<br>BOCRA/TA/2020/5766                                                       | BOCRA<br>BOCRA/TA/2020/5502                                                         |
| Loại xe Jamaica         | Sản phẩm này đã được Jamaica Phê Duyệt Loại:<br>SMA - “41580430”                  | Sản phẩm này đã được Jamaica Phê Duyệt Loại:<br>SMA – “TP_4”                        |
| Loại xe Maroc           | AGREE PAR L’ANRT MAROC<br>MR00025015ANRT2020<br>23/07/2020                        | AGREE PAR L’ANRT MAROC<br>MR 24116 ANRT 2020<br>26/05/2020                          |
| Loại xe Nigeria         | Ủy Ban Truyền Thông Nigeria cho phép kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này     | Ủy Ban Truyền Thông Nigeria cho phép kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này       |
| Loại xe Philipin        | Số ESD-RCE-2023291                                                                | Số ESD-RCE-2022596C                                                                 |
|                         |  |  |
| Loại xe Singapo         |  |  |

| Hệ Thống Truy Cập Từ Xa                            |                                                                                                                                             |                                                                                                                                               |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                    | BCM                                                                                                                                         | FOB                                                                                                                                           |
| Loại xe<br>các Tiểu Vương Quốc<br>Ả Rập Thống Nhất | <div>TRA<br/>REGISTERED No:<br/>ER88345/20<br/>DEALER No:<br/>DA36975/14</div>                                                              | <div>TRA<br/>REGISTERED No:<br/>ER81325/20<br/>DEALER No:<br/>DA36975/14</div>                                                                |
| Loại xe<br>Việt Nam                                | <div> <div>HONDAYN<br/>A8092011</div> <div>  </div> </div> | <div> <div>HONDAYN<br/>A8092011</div> <div>  </div> </div> |
| Loại xe<br>Zambia                                  | <div>  <b>ZICTA</b><br/> ZMB/ZICTA/TA/2020/7/127 </div>    | <div>  <b>ZICTA</b><br/> ZMB/ZICTA/TA/2020/6/39 </div>     |

Loại xe Bermuda, Curacao, Grand Cayman, New Caledonia và Saint Martin

| Hệ Thống Truy Cập Từ Xa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BCM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | FOB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <p><a href="http://continental-homologation.com/honda">http://continental-homologation.com/honda</a></p> <p></p> <p>Bằng văn bản này, Continental Automotive GmbH tuyên bố rằng sản phẩm này [41580430] tuân thủ các yêu cầu quan trọng và các quy định liên quan khác của Chỉ Thị 2014/53/EU. Toàn văn tuyên bố tuân thủ tiêu chuẩn của Liên Minh Châu Âu hiện có trên trang web: <a href="https://continental-homologation.com/honda">https://continental-homologation.com/honda</a></p> <p>Hướng dẫn và thông tin an toàn:<br/>Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa<br/>Địa chỉ bưu điện:<br/>Siemensstrasse 12<br/>D-93055 Regensburg<br/>Đức<br/>Tên nhà sản xuất:<br/>Continental Automotive GmbH<br/>Băng tần:125KHz<br/>Đầu ra truyền tối đa:10mW<br/>Tên nhà nhập khẩu:<br/>Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst<br/>Địa chỉ bưu điện:<br/>Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300 Aalst - Bỉ</p> | <p><a href="http://continental-homologation.com/honda">http://continental-homologation.com/honda</a></p> <p></p> <p>Bằng văn bản này, Continental Automotive GmbH tuyên bố rằng sản phẩm này [TP_4] tuân thủ các yêu cầu quan trọng và các quy định liên quan khác của Chỉ Thị 2014/53/EU. Toàn văn tuyên bố tuân thủ tiêu chuẩn của Liên Minh Châu Âu hiện có trên trang web: <a href="https://continental-homologation.com/honda">https://continental-homologation.com/honda</a></p> <p>Hướng dẫn và thông tin an toàn:<br/>Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa<br/>Địa chỉ bưu điện:<br/>Siemensstrasse 12<br/>D-93055 Regensburg<br/>Đức<br/>Tên nhà sản xuất:<br/>Continental Automotive GmbH<br/>Băng tần: 433.92MHz<br/>Đầu ra truyền tối đa 1mW<br/>Tên nhà nhập khẩu:<br/>Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst<br/>Địa chỉ bưu điện:<br/>Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300 Aalst - Bỉ</p> |

►►Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio►

| Bộ Điều Khiển Viễn Thông* |                                                                                   | Sạc Không Dây                                          |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Loại xe<br>Việt Nam       |  | —                                                      |
| Loại xe<br>Bahama         | —                                                                                 | Thiết Bị Điện Tử LG<br>WC500HOC121<br>URCA_TA_2020_151 |

Thông Tin

## Tuân Thủ Quy Định\*

### Quy Định Bảo Vệ Môi Trường

Loại xe Đài Loan

CHÚ Ý

Ác quy đã qua sử dụng cần phải được thu gom để xử lý phù hợp với các quy định của Cục Quản Lý Môi Trường.



\* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

### »Tuân Thủ Quy Định\*

Loại xe Đài Loan

Những quy định của Bộ Giao Thông Vận Tải về Điều khiển Thiết Bị Công Suất Thấp:

Quy định tại Điều 12:

Nếu không có giấy phép do DGT cấp, bất cứ công ty, doanh nghiệp, hoặc chủ sở nào cũng không được phép thay đổi tần suất, nâng cao lực truyền tín hiệu hoặc thay đổi các đặc tính và hiệu suất ban đầu của các thiết bị tần số radio thấp.

Quy định tại Điều 14:

Các thiết bị có tần số radio thấp phải là các thiết bị không làm ảnh hưởng đến an ninh hàng không hoặc làm gián đoạn các phương tiện liên lạc hợp pháp. Nếu phát hiện có ảnh hưởng, chủ sở hữu phải dừng vận hành ngay đến khi không còn làm gián đoạn nữa. Các phương tiện liên lạc hợp pháp nói trên là các phương tiện liên lạc radio được vận hành phù hợp với Điều Khoản Viễn Thông. Các thiết bị tần số radio thấp phải nhạy với sự nhiễu sóng từ các phương tiện liên lạc hợp pháp hoặc các thiết bị phát ra sóng radio ISM.

# Mục Lục

## A

|                                                 |          |
|-------------------------------------------------|----------|
| <b>ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)</b> ..... | 509      |
| <b>An Toàn Cho Trẻ</b> .....                    | 69       |
| Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em .....                    | 203      |
| <b>Áp Suất Khí</b> .....                        | 666, 669 |

## Ă

|                                          |          |
|------------------------------------------|----------|
| <b>Ăc Quy</b> .....                      | 579      |
| Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ăc Quy 12 Vôn) ..... | 579      |
| Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện .....          | 111, 640 |
| Nếu Ăc Quy Chết .....                    | 633      |
| <b>Ăc Quy Chết</b> .....                 | 633      |

## Â

|                                  |     |
|----------------------------------|-----|
| <b>Âm Thanh</b> .....            | 135 |
| <b>Âm Thanh Bluetooth®</b> ..... | 329 |

## B

|                                                   |          |
|---------------------------------------------------|----------|
| <b>Bảng Điều Khiển</b> .....                      | 105      |
| Điều Chỉnh Độ Sáng.....                           | 242      |
| <b>Bảng Thông Số Kỹ Thuật Chất Bôi Trơn</b> ..... | 665, 668 |
| <b>Bảo Dưỡng</b> .....                            | 139, 527 |
| An Toàn .....                                     | 529      |
| Ăc Quy .....                                      | 579      |
| Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa .....                    | 583      |
| Dầu .....                                         | 550      |
| Dầu Hộp Số.....                                   | 558      |

|                           |     |
|---------------------------|-----|
| Dầu Phanh.....            | 559 |
| Dưới Nắp Ca-pô .....      | 544 |
| Điều Khiển Khí Hậu.....   | 585 |
| Két Nước .....            | 556 |
| Lốp Xe .....              | 573 |
| Lưu Ý .....               | 528 |
| Nước Làm Mát Động Cơ..... | 553 |
| Thay Bóng Đèn .....       | 562 |
| Vệ Sinh .....             | 589 |

## Bổ Sung

|                                       |          |
|---------------------------------------|----------|
| Dầu Động Cơ.....                      | 552      |
| Nước Làm Mát.....                     | 553      |
| Nước Rửa Kính .....                   | 561      |
| <b>Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa</b> ..... | 196      |
| <b>Bu-gi</b> .....                    | 664, 667 |

## C

|                                                |          |
|------------------------------------------------|----------|
| <b>Cài Đặt</b> .....                           | 142, 164 |
| <b>Cài Đặt Đồng Hồ</b> .....                   | 182      |
| <b>Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành Trình</b> ..... | 133, 159 |
| <b>Cài Đặt Màn Hình Hiện Thị</b> .....         | 308      |
| <b>Camera Lùi Đa Hướng</b> .....               | 500      |
| <b>Camera Trước</b> .....                      | 519      |
| <b>Cảm Biến Nhiệt Độ</b> .....                 | 127      |
| <b>Cảnh Báo Chệch Làn Đường</b> .....          | 480      |
| Bật và Tắt.....                                | 484      |
| <b>Cảnh Báo Tốc Độ</b> .....                   | 137      |
| <b>Cần Gạt Nước và Rửa Kính</b> .....          | 238      |
| Gạt Tự Động Ngắt Quăng .....                   | 239      |
| Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt .....                | 568      |
| Nước .....                                     | 240      |
| Sau .....                                      | 238      |
| Trước.....                                     | 25       |
| <b>Cần Số</b> .....                            | 636      |
| Không Gạt Được.....                            | 636      |

|                                                                 |               |
|-----------------------------------------------------------------|---------------|
| Nhà .....                                                       | 636           |
| Vận Hành .....                                                  | 25            |
| <b>Cập Nhật Hệ Thống</b> .....                                  | 309           |
| <b>Cầu Chì</b> .....                                            | 647           |
| Kiểm Tra và Thay .....                                          | 653           |
| Vị Trí.....                                                     | 647, 649, 651 |
| <b>Chất Phụ Gia, Dầu Động Cơ</b> .....                          | 548           |
| <b>Chế Độ ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp và LKAS</b> ..... | 128           |
| <b>Chế Độ ECON</b> .....                                        | 406, 416      |
| <b>Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quăng</b> .....                      | 239           |
| <b>Chế Độ NORMAL</b> .....                                      | 119           |
| Đèn Báo .....                                                   | 119           |
| <b>Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp</b> .....                        | 400, 404      |
| <b>Chế Độ SPORT</b> .....                                       | 119           |
| Đèn Báo .....                                                   | 119           |
| <b>Chế Độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời</b> .....               | 407           |
| <b>Chìa Khóa</b> .....                                          | 186           |
| Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa .....                                  | 196           |
| Chống Mở Khóa .....                                             | 199           |
| Không Mở Được Cửa Hậu.....                                      | 203           |
| Loại và Chức Năng.....                                          | 186           |
| Nhấn Mã Số .....                                                | 187           |
| <b>Chiều Xa Tự Động</b> .....                                   | 235           |
| <b>Chọn Cửa Thoát Khí Theo Ý Muốn</b> .....                     | 284           |
| <b>Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em</b> .....                      | 75            |
| <b>Chống Mở Khóa Từ Xa</b> .....                                | 199           |
| <b>Chở Hành Lý</b> .....                                        | 383, 385      |
| <b>Chuyển Đổi Màn Hình Hiện Thị</b> .....                       | 129, 156      |
| <b>Chuyển Động Từ Từ</b> .....                                  | 397           |
| <b>Chức Năng Phanh Hỗ Trợ Khởi Động</b> .....                   | 413           |

|                                                 |          |
|-------------------------------------------------|----------|
| <b>Chức Năng Tự Động Cup Gương</b>              |          |
| Cửa.....                                        | 247      |
| <b>CMBS (Hệ Thống Phanh Giãm Va Chạm)</b> ..... | 433      |
| <b>Công Tác (Quanh Vô Lăng)</b> . 6, 7, 8, 224  |          |
| <b>Công Tác Chế Độ Lái</b> .....                | 414      |
| <b>Công Tác Đèn Đọc Sách</b> .....              | 262      |
| <b>Cổng USB</b> .....                           | 289, 293 |
| <b>Cờ-lê Đai Ốc Bánh Xe (Tay Kịch)</b> .....    | 606, 628 |
| <b>Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)</b> .....          | 657      |
| <b>Cửa</b> .....                                | 186      |
| Chìa Khóa.....                                  | 186      |
| Hệ Thống Chống Khóa Cửa.....                    | 199      |
| Khóa Cửa Tự Động.....                           | 204      |
| Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài.....              | 189      |
| Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong.....              | 200      |
| Mở Khóa Cửa Tự Động.....                        | 204      |
| Thông Báo Cửa và Cửa Hậu Mở.....                | 42       |
| <b>Cửa Hậu</b> .....                            | 205      |
| <b>Cửa Kính Điện</b> .....                      | 220      |
| <b>Cửa Kính (Mở và Đóng)</b> .....              | 220      |
| <b>Cửa Kính (Vệ Sinh)</b> .....                 | 590, 593 |
| <b>Cửa Nạp Nhiên Liệu</b> .....                 | 28, 523  |
| <b>Cửa Thoát Khí</b> .....                      | 284      |

## D

|                                        |     |
|----------------------------------------|-----|
| <b>DAB</b> .....                       | 319 |
| <b>Dầu</b>                             |     |
| Dầu Phanh.....                         | 559 |
| Nước Làm Mát Động Cơ.....              | 553 |
| Nước Rửa Kính Chắn Gió.....            | 561 |
| <b>Dầu (Động Cơ)</b> .....             | 548 |
| Bổ Sung.....                           | 552 |
| Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp..... | 640 |

|                                                         |               |
|---------------------------------------------------------|---------------|
| Dầu Động Cơ Khuyến Dùng.....                            | 548, 665, 668 |
| Độ Nhớt.....                                            | 548           |
| Hệ Thống Giám Sát Dầu.....                              | 531           |
| Kiểm Tra.....                                           | 550           |
| <b>Dây Đai An Toàn</b> .....                            | 43, 139, 161  |
| Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động.....                    | 48            |
| Đèn Cảnh Báo.....                                       | 45, 115       |
| Điều Chỉnh Móc Neo Vai.....                             | 51            |
| Kiểm Tra.....                                           | 55            |
| Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai Hồng/Vai..... | 96            |
| Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn.....                          | 45            |
| Phụ Nữ Mang Thai.....                                   | 54            |
| Thắt.....                                               | 49            |
| <b>Dây Đai (Ghế)</b> .....                              | 43            |
| <b>Dụng Cụ</b> .....                                    | 598           |
| <b>Dụng Cụ và Lớp Khẩn Cấp (TRK)</b> .....              | 611           |
| <b>Dừng Xe</b> .....                                    | 512           |

## Đ

|                                         |          |
|-----------------------------------------|----------|
| <b>Đài AM/FM</b> .....                  | 314      |
| <b>Đèn</b> .....                        | 227, 562 |
| Công Tác Đèn.....                       | 227      |
| Đèn Ban Ngày.....                       | 233      |
| Đèn Báo Chiều Xa.....                   | 117      |
| Đèn Báo Đèn Bật.....                    | 117      |
| Đèn Khoang Hành Lý.....                 | 263      |
| Đèn Sương Mù.....                       | 231      |
| Đèn Sương Mù Trước.....                 | 231      |
| Đèn Vị Trí.....                         | 227      |
| Thay Bóng Đèn.....                      | 562      |
| Trong Xe.....                           | 261      |
| <b>Đèn Ban Ngày</b> .....               | 233      |
| <b>Đèn Báo</b> .....                    | 106      |
| ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)..... | 115      |

|                                                                                     |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>Đèn Báo</b> .....                                                                | 106      |
| ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh).....                                             | 115      |
| Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp.....                                              | 640      |
| Cảnh Báo Tốc Độ.....                                                                | 111      |
| Chế Độ ECON.....                                                                    | 119      |
| Chế Độ NORMAL.....                                                                  | 119      |
| Chế Độ SPORT.....                                                                   | 119      |
| Chiều Xa.....                                                                       | 117      |
| Chiều Xa Tự Động.....                                                               | 118      |
| Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS.....                                                  | 119, 646 |
| Đèn Báo M (Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp)/Số.....                                     | 111      |
| Đèn Báo Sự Cố.....                                                                  | 110, 641 |
| Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống.....                                                     | 121      |
| Đèn Bật.....                                                                        | 117      |
| Đèn Sương Mù Sau.....                                                               | 118      |
| Đèn Sương Mù Trước.....                                                             | 117      |
| Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp..... | 122, 446 |
| Giữ Phanh Tự Động.....                                                              | 110, 507 |
| Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ.....                                                        | 66, 116  |
| Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh.....                                                      | 118      |
| Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp.....                                     | 120, 645 |
| Hệ Thống Chống Nổ Máy.....                                                          | 118      |
| Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động.....                                                     | 110, 506 |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo (Trắng/ Xanh Lục).....                                       | 112      |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).....                                           | 122, 123 |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA).....                                               | 116, 419 |

|                                                                 |               |
|-----------------------------------------------------------------|---------------|
| Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) .....                           | 117, 643      |
| Hệ Thống Nạp Điện .....                                         | 111, 640      |
| Hệ Thống Số .....                                               | 111           |
| Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Hỗ Phách).....          | 113           |
| Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Xanh Lục).....          | 113           |
| Hỗ Trợ An Toàn (Hỗ Phách).....                                  | 123           |
| Hỗ Trợ An Toàn (Xanh Lục/ Xám) .....                            | 125           |
| Nhắc Thắt Dây đai An Toàn ....                                  | 45, 115       |
| Nhiên Liệu Thấp .....                                           | 115           |
| Nhiệt Độ Thấp .....                                             | 112           |
| Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đổ).....                            | 108, 642, 644 |
| Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) .....                     | 110, 644      |
| Số .....                                                        | 112           |
| Tạm Dừng Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời .....           | 114           |
| TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) .....                      | 116, 420      |
| TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời .....                | 113           |
| Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm ...                               | 117           |
| <b>Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/ TPMS</b> .....                     | 119, 646      |
| <b>Đèn Cảnh Báo Tốc Độ</b> .....                                | 111           |
| <b>Đèn Báo Chiếu Xa</b> .....                                   | 117           |
| <b>Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động</b> .....                           | 118           |
| <b>Đèn Báo Đèn Sương Mù</b> .....                               | 117           |
| <b>Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp</b> ..... | 120, 645      |
| <b>Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo (Trắng/Xanh Lục)</b> .....    | 112           |
| <b>Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện</b> ...                            | 111, 640      |
| <b>Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Hỗ Phách)</b> .....                 | 115           |

|                                                                                             |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| <b>Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp</b> .....                                                          | 112           |
| <b>Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đổ)</b> .....                                        | 108, 642, 644 |
| <b>Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách)</b> .....                                  | 110, 644      |
| <b>Đèn Báo Sự Cố</b> .....                                                                  | 110, 641      |
| <b>Đèn Báo Vị Số</b> .....                                                                  | 112, 399, 403 |
| <b>Đèn Báo Vượt</b> .....                                                                   | 227           |
| <b>Đèn Cảnh Báo Sáng/Nhấp Nháy</b> ....                                                     | 640           |
| <b>Đèn Chiếu Sáng</b> .....                                                                 | 227           |
| Chiếu Xa Tự Động .....                                                                      | 235           |
| Chỉnh Hướng Đèn .....                                                                       | 562           |
| Điều Chỉnh .....                                                                            | 234           |
| Làm Mờ .....                                                                                | 227           |
| Vận Hành .....                                                                              | 227           |
| <b>Đèn Trong Xe</b> .....                                                                   | 261           |
| <b>Đèn Vị Trí</b> .....                                                                     | 227           |
| <b>Điểm Kê</b> .....                                                                        | 605, 625, 627 |
| <b>Điện Thoại</b> .....                                                                     | 135           |
| <b>Điều Chỉnh</b> .....                                                                     |               |
| Đèn Chiếu Sáng .....                                                                        | 234           |
| Ghế Trước .....                                                                             | 249           |
| Gương .....                                                                                 | 244           |
| Tựa Đầu .....                                                                               | 257           |
| Tựa Tay .....                                                                               | 260           |
| Vô Lăng .....                                                                               | 243           |
| <b>Điều Chỉnh Âm Thanh</b> .....                                                            | 307           |
| <b>Điều Chỉnh Độ Sáng (Bảng Điều Khiển)</b> .....                                           | 242           |
| <b>Điều Chỉnh (và Phụ Kiện)</b> .....                                                       | 595           |
| <b>Điều Khiển</b> .....                                                                     | 181           |
| <b>Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa</b> .....                                                      | 294           |
| <b>Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp</b> ..... | 446           |
| Đèn Báo (Hỗ Phách).....                                                                     | 122           |
| Đèn Báo (Trắng/Xanh Lục) .....                                                              | 122           |

|                                        |                    |
|----------------------------------------|--------------------|
| <b>Định Vị</b> .....                   | 136                |
| <b>Động Cơ</b> .....                   |                    |
| Bộ Phát Tiếng Bíp Công Tác ..          | 225, 226           |
| Dầu Động Cơ .....                      | 548                |
| Nếu Ấc Quy Chết .....                  | 633                |
| Số Máy .....                           | 670                |
| <b>Đồng Hồ</b> .....                   | 128, 182           |
| <b>Đồng Hồ Đo</b> .....                | 126                |
| <b>Đồng Hồ Đo Hành Trình</b> .....     | 133, 135, 159, 161 |
| <b>Đồng Hồ Đo Quãng Đường</b> .....    | 127                |
| <b>Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ</b> ..... | 131                |
| <b>Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe</b> .....      | 126                |
| <b>Độ Nhớt (Dầu)</b> .....             | 548, 665, 668      |

## E

|                                        |     |
|----------------------------------------|-----|
| <b>eCall (Cuộc Gọi Khẩn Cấp)</b> ..... | 657 |
|----------------------------------------|-----|

## G

|                                    |          |
|------------------------------------|----------|
| <b>Gập Ghế Sau</b> .....           | 252      |
| <b>Ghế Ngồi</b> .....              | 248      |
| Điều Chỉnh .....                   | 248      |
| Ghế Sau .....                      | 252      |
| Ghế Trước .....                    | 248      |
| Điều Chỉnh .....                   | 249      |
| <b>Giấy Phép Mã Nguồn Mở</b> ..... | 377      |
| <b>Giới Hạn Tải</b> .....          | 385      |
| <b>Giữ Phanh Tự Động</b> .....     | 506      |
| Đèn Báo .....                      | 110, 506 |
| <b>Gương</b> .....                 | 244      |
| Cửa .....                          | 245      |



|                                       |     |
|---------------------------------------|-----|
| Chiếu Hậu Trong Xe.....               | 244 |
| Điều Chỉnh.....                       | 244 |
| <b>Gương Bên Ngoài</b> .....          | 245 |
| <b>Gương Cá Nhân</b> .....            | 11  |
| <b>Gương Chiếu Hậu</b> .....          | 244 |
| <b>Gương Chiếu Hậu Trong Xe</b> ..... | 244 |
| <b>Gương Cửa</b> .....                | 245 |

## H

|                                                        |          |
|--------------------------------------------------------|----------|
| <b>Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong</b> .....               | 261      |
| <b>Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khắc</b> .....          | 271      |
| <b>Hành Lý (Giới Hạn Tải)</b> .....                    | 385      |
| <b>Hệ Thống An Ninh</b> .....                          | 217      |
| Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh .....                | 118      |
| Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy .....                    | 118      |
| <b>Hệ Thống Âm Thanh</b> .....                         | 288      |
| Âm Thanh Bluetooth® .....                              | 329      |
| Cài Đặt Cập Nhật Hệ Thống .....                        | 310      |
| Cài Đặt Đồng Hồ .....                                  | 304      |
| Cài Đặt Hình Nền .....                                 | 305      |
| Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị .....                        | 308      |
| Cập Nhật Bảng Mạng Không Dây .....                     | 312      |
| Cập Nhật Bảng USB .....                                | 313      |
| Cập Nhật Hệ Thống.....                                 | 309      |
| Chọn Nguồn Âm Thanh.....                               | 302      |
| Chức Năng Hệ Thống Âm Thanh .....                      | 291      |
| Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh .....                | 297      |
| Cổng USB .....                                         | 289, 293 |
| DAB .....                                              | 319      |
| Đài AM/FM .....                                        | 314      |
| Điều Chỉnh Âm Thanh.....                               | 307      |
| Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa.....                         | 294      |
| FLAC/PCM/WAVE/MP4/AVI/MKV/ASF/WMV .....                | 325      |
| Hạn Chế Khi Vận Hành Bằng Tay .....                    | 303      |
| Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS).....                      | 317      |
| iPod .....                                             | 322      |
| Khởi Động.....                                         | 290      |
| Kết Nối Wi-Fi.....                                     | 332      |
| Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin.....                       | 296      |
| MP3/WMA/AAC .....                                      | 325      |
| Thông Báo Lỗi.....                                     | 373      |
| Thông Tin Chung.....                                   | 374      |
| USB .....                                              | 325, 374 |
| Ứng Dụng Android Auto .....                            | 337      |
| Ứng Dụng Apple CarPlay .....                           | 333      |
| Vận Hành Cơ Bản.....                                   | 291      |
| Vùng Trạng Thái.....                                   | 302      |
| <b>Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)</b> .....             | 59       |
| <b>Hệ Thống Cảm Biến Đổ</b> .....                      | 514      |
| <b>Hệ Thống Cảnh Báo Khởi Hành Xe Phía Trước</b> ..... | 489      |
| <b>Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp</b> .....                 | 425      |
| Đèn Báo.....                                           | 120, 645 |
| Hiệu Chỉnh.....                                        | 426      |
| <b>Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)</b> .....        | 509      |
| Đèn Báo.....                                           | 115      |
| <b>Hệ Thống Chống Khóa Cửa</b> .....                   | 199      |
| <b>Hệ Thống Chống Nổ Máy</b> .....                     | 217      |
| Đèn Báo.....                                           | 118      |
| <b>Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)</b> .....              | 317      |
| <b>Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay</b> .....              | 354      |
| Cài Đặt Điện Thoại .....                               | 361      |
| Danh Mục HFT .....                                     | 358      |
| Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay...                       | 357      |

|                                                                        |          |
|------------------------------------------------------------------------|----------|
| Liên Hệ Yêu Thích.....                                                 | 366      |
| Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại.....                                       | 360      |
| Màn Hình Trạng Thái HFT .....                                          | 356      |
| Nhạc Chuông .....                                                      | 365      |
| Nhận Cuộc Gọi.....                                                     | 371      |
| Nút HFT.....                                                           | 354      |
| Tạo Cuộc Gọi .....                                                     | 369      |
| Tuỳ Chọn Khi Đang Gọi.....                                             | 372      |
| Tự Động Chuyển Cuộc Gọi.....                                           | 365      |
| Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi .....               | 364      |
| <b>Hệ Thống Điều Hoà Không Khí (Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu)</b> ..... | 278      |
| Cảm Biến .....                                                         | 285      |
| Cửa Thoát Khí.....                                                     | 284      |
| Chế Độ Đồng Bộ.....                                                    | 283      |
| Chế Độ Lấy Gió Trong/Giỏ Ngoài .....                                   | 280      |
| Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính .....                          | 281      |
| Lọc Gió Điều Hoà.....                                                  | 586      |
| Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động .....                               | 278      |
| Thay Đổi Chế Độ.....                                                   | 280      |
| <b>Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện)</b> .....                           | 117, 643 |
| <b>Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em</b> .....                                  | 69       |
| Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.....                                     | 75       |
| Ghế Lót Đặc Biệt.....                                                  | 101      |
| Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Nhỏ .....                                    | 74       |
| Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Sơ Sinh .....                                | 73       |
| Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Quay Mặt Về Phía Sau .....                    | 73       |
| Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai .....       | 96       |

|                                                     |                         |
|-----------------------------------------------------|-------------------------|
| Sử Dụng Dây Thắt .....                              | 98                      |
| Trẻ Lớn .....                                       | 100                     |
| <b>Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) .....</b>   | <b>422</b>              |
| Hiệu Chỉnh .....                                    | 422                     |
| Đèn Báo .....                                       | 119, 646                |
| <b>Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) .....</b>   | <b>467</b>              |
| Đèn Báo (Hỗ Phách) .....                            | 122                     |
| Đèn Báo (Trắng/Xanh Lục) .....                      | 123                     |
| <b>Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo .....</b>                 | <b>417</b>              |
| <b>Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Đốc .....</b>    | <b>394</b>              |
| <b>Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) .....</b>        | <b>117, 643</b>         |
| Đèn Báo .....                                       | 117, 643                |
| <b>Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông .....</b> | <b>128, 494</b>         |
| <b>Hệ Thống Phanh .....</b>                         | <b>502</b>              |
| Dầu Phanh .....                                     | 559                     |
| Đèn Báo .....                                       | 108, 109, 110, 642, 644 |
| Giữ Phanh Tự Động .....                             | 506                     |
| Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) .....            | 509                     |
| Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp .....                | 510                     |
| Phanh Chân .....                                    | 505                     |
| Phanh Đỗ .....                                      | 502                     |
| <b>Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) .....</b>     | <b>433</b>              |
| <b>HFT (Điện Thoại Rảnh Tay) .....</b>              | <b>354</b>              |
| <b>Hình Nền .....</b>                               | <b>305</b>              |
| <b>Honda Sensing .....</b>                          | <b>29, 430</b>          |
| <b>Hỗ Trợ An Toàn .....</b>                         | <b>140, 162</b>         |
| Đèn Báo (Hỗ Phách) .....                            | 123, 124                |
| Đèn Báo (Xanh Lục/Xám) .....                        | 125                     |

|                                                         |                      |
|---------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) .....</b>                    | <b>419</b>           |
| Đèn Báo Hệ Thống .....                                  | 116                  |
| Đèn Báo TẮT .....                                       | 116                  |
| Nút TẮT .....                                           | 420                  |
| <b>Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh .....</b>                         | <b>421</b>           |
| <b>Hộp Đựng Đồ .....</b>                                | <b>264</b>           |
| <b>Hộp Đựng Đồ Trung Tâm .....</b>                      | <b>264</b>           |
| <b>Hộp Số .....</b>                                     | <b>397, 398, 402</b> |
| Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp .....                       | 400, 404             |
| Chuyển Động Từ Từ .....                                 | 397                  |
| Dầu .....                                               | 558                  |
| Đèn Báo Số .....                                        | 112, 399, 403        |
| Không Gạt Được Cần Số .....                             | 636                  |
| Nhảy Về Số .....                                        | 397                  |
| Số .....                                                | 670                  |
| <b>Hộp Số Vô Cấp .....</b>                              | <b>402</b>           |
| Sang Số .....                                           | 25, 26, 399, 403     |
| Vận Hành Cần Số .....                                   | 25, 26, 399, 403     |
| <b>Hướng Dẫn Lái đối với Xe Có Nhiều Tiện Ích .....</b> | <b>395</b>           |
| <b>Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trờ .....</b>       | <b>387</b>           |

|                     |                 |
|---------------------|-----------------|
| <b>I</b>            |                 |
| <b>iPhone .....</b> | <b>374</b>      |
| <b>iPod .....</b>   | <b>322, 374</b> |

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| <b>K</b>                 |            |
| <b>Kéo Rơ-moóc .....</b> | <b>386</b> |
| <b>Kéo Xe .....</b>      | <b>654</b> |
| Khẩn Cấp .....           | 654        |

|                                                            |                 |
|------------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>Két Nước .....</b>                                      | <b>556</b>      |
| <b>Kết Nối Wi-Fi .....</b>                                 | <b>332</b>      |
| <b>Khi Bạn Không Mở Được Cửa Hậu .....</b>                 | <b>655</b>      |
| <b>Khí CO .....</b>                                        | <b>103</b>      |
| <b>Khí Xả Nguy Hiểm (Khí CO) .....</b>                     | <b>103</b>      |
| <b>Khóa/Mở Khóa .....</b>                                  | <b>186</b>      |
| Chìa Khóa .....                                            | 186             |
| Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động .....                             | 204             |
| Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em .....                               | 203             |
| Sử Dụng Chìa Khóa .....                                    | 198             |
| Từ Bên Ngoài .....                                         | 189             |
| Từ Bên Trong .....                                         | 200             |
| <b>Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài .....</b>                 | <b>189</b>      |
| <b>Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động .....</b>                      | <b>204</b>      |
| <b>Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em .....</b>                        | <b>203</b>      |
| <b>Khoảng Cách .....</b>                                   | <b>133, 159</b> |
| <b>Khoảng Cách/Nhiên Liệu/ Đồng Hồ Đo Hành Trình .....</b> | <b>132, 158</b> |
| <b>Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài .....</b>               | <b>633</b>      |
| <b>Khởi Động Động Cơ .....</b>                             | <b>389</b>      |
| Không Khởi Động .....                                      | 629             |
| Nếu Ác Quy Chết .....                                      | 633             |
| <b>Kích (Cờ-lê Đai Ốc Bánh Xe) ...</b>                     | <b>606, 628</b> |
| <b>Kính Chắn Gió .....</b>                                 | <b>238</b>      |
| Cần Gạt Nước và Rửa Kính .....                             | 238             |
| Làm Tan Sương/Sấy .....                                    | 241, 281        |
| Lưỡi Gạt Nước .....                                        | 568             |
| Nước Rửa Kính .....                                        | 561             |
| Vệ Sinh .....                                              | 590, 593        |
| <b>Kính Chống Tia IR .....</b>                             | <b>590</b>      |
| <b>Kính Chống Tia Siêu UV .....</b>                        | <b>590</b>      |

**L**

|                                                        |          |
|--------------------------------------------------------|----------|
| <b>Lái Xe</b> .....                                    | 381      |
| Hộp Số .....                                           | 397      |
| Phanh .....                                            | 502      |
| Sang Số .....                                          | 398, 402 |
| Vị Trí Cần Số .....                                    | 398, 402 |
| <b>Lái Xe An Toàn</b> .....                            | 37       |
| <b>Làm Mờ</b> .....                                    |          |
| Đèn Chiếu Sáng .....                                   | 227      |
| Gương Chiếu Hậu .....                                  | 244      |
| <b>Làm Tan Sương Kính Chấn Gió và Cửa Kính</b> .....   | 281      |
| <b>Lấy Sang Số (Chế Độ Sang Số Thường 7 cấp)</b> ..... | 400, 404 |
| <b>Lọc</b> .....                                       |          |
| Lọc Gió Điều Hòa .....                                 | 586      |
| <b>Lọc Gió Điều Hòa</b> .....                          | 586      |
| <b>Lốp Bị Mòn</b> .....                                | 573      |
| <b>Lốp Dự Phòng</b> .....                              | 600      |
| <b>Lốp Dự Phòng Loại Nhỏ</b> .....                     | 600      |
| <b>Lốp Mùa Đông</b> .....                              | 578      |
| Xích Bọc Lốp .....                                     | 578      |
| <b>Lốp Xe</b> .....                                    | 573      |
| Áp Suất Lốp .....                                      | 666, 669 |
| Đào Lốp .....                                          | 576      |
| Kiểm Tra .....                                         | 573      |
| Kiểm Tra và Thay .....                                 | 573      |
| Lốp Dự Phòng .....                                     | 600      |
| Lốp Mùa Đông .....                                     | 578      |
| Thùng (Xẹp Lốp) .....                                  | 600      |
| Vạch Báo Độ Mòn .....                                  | 574      |
| Xích Bọc Lốp .....                                     | 578      |
| <b>Lốp Xẹp</b> .....                                   | 600      |
| <b>Lưu Ý Khi Lái Xe</b> .....                          | 395      |
| Trời Mưa .....                                         | 396      |

**M**

|                                                                                        |          |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>Màn Hình Âm Thanh</b> .....                                                         | 290      |
| <b>Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin</b> .....                                               | 296      |
| <b>Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái</b> .....                                |          |
| Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị .....                                                     | 129, 156 |
| <b>Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)</b> ..... | 129      |
| <b>Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)</b> ..... | 156      |
| <b>Màn Hình Hiển Thị Nhiệt Độ Ngoài Trời</b> .....                                     | 127      |
| <b>Mặc Định Tất Cả Cài Đặt</b> .....                                                   | 353      |
| <b>Móc Neo Giữ Đồ</b> .....                                                            | 267      |
| <b>Móc Neo Phía Dưới</b> .....                                                         | 92       |
| <b>Móc Neo Vai</b> .....                                                               | 51       |
| <b>Móc Treo Áo</b> .....                                                               | 266      |
| <b>Móc Treo Đồ</b> .....                                                               | 267      |
| <b>Mở/Đóng</b> .....                                                                   |          |
| Cửa Hậu .....                                                                          | 205      |
| Cửa Kính Điện .....                                                                    | 220      |
| Nắp Ca-pô .....                                                                        | 546      |
| <b>Mở Khóa Cửa</b> .....                                                               | 189      |
| <b>MP3/WMA/AAC</b> .....                                                               | 325      |

**N**

|                                          |     |
|------------------------------------------|-----|
| <b>Nạp Điện Ắc Quy Yếu</b> .....         | 640 |
| <b>Nạp Nhiên Liệu</b> .....              | 521 |
| Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Hồ Phách) ..... | 115 |

|                                                             |               |
|-------------------------------------------------------------|---------------|
| Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu .....                                 | 126           |
| Xăng .....                                                  | 521, 664, 667 |
| <b>Nắp Bình Nhiên Liệu</b> .....                            | 28, 523       |
| <b>Ngăn Đỡ Cốc</b> .....                                    | 265           |
| <b>Ngăn Đỡ Đồ</b> .....                                     | 264           |
| <b>Nhãn An Toàn</b> .....                                   | 104           |
| <b>Nhãn Cảnh Báo</b> .....                                  | 104           |
| <b>Nhãn Chứng Nhận</b> .....                                | 670           |
| <b>Nhãn Mã Số Chìa Khóa</b> .....                           | 187           |
| <b>Nhảy Về Số</b> .....                                     | 397           |
| <b>Nhắc Ghế Sau</b> .....                                   | 255           |
| <b>Nhắc Nạp Nhiên Liệu</b> .....                            | 380           |
| <b>Nhiên Liệu</b> .....                                     | 28, 521       |
| Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Hồ Phách) .....                    | 115           |
| Đồng Hồ Đo .....                                            | 126           |
| Khoảng Cách .....                                           | 133, 159      |
| Khuyến Dừng .....                                           | 521           |
| Nạp Nhiên Liệu .....                                        | 521           |
| Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO <sub>2</sub> .....      | 525           |
| Tiết Kiệm Nhiên Liệu Tức Thời .....                         | 133, 159      |
| <b>Nhiên Liệu Quy Định</b> .....                            | 521, 664, 667 |
| <b>Nhiệt Độ</b> .....                                       |               |
| Màn Hình Hiển Thị Nhiệt Độ Ngoài Trời .....                 | 127           |
| <b>Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm</b> .....                         | 6, 7          |
| <b>Nút ENGINE START/STOP</b> .....                          | 224           |
| <b>Nút TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời</b> ..... | 409           |
| <b>Nước Làm Mát (Động Cơ)</b> .....                         | 553           |
| Bổ Sung vào Bình Chứa .....                                 | 554           |
| Quá Nhiệt .....                                             | 637           |

**O**

Oát ..... 665, 668

**Ô**

Ô Cắm Điện Phụ Kiện ..... 272

**P**

Phanh Chân ..... 505

Phanh Đỗ ..... 502

Phát Nhạc Trên *Bluetooth®* ..... 329

Phụ Kiện và Điều Chỉnh ..... 595

Phụ Nữ Mang Thai ..... 54

**Q**

Quá Nhiệt ..... 637

Que Thăm Dầu (Dầu Động Cơ) ..... 550

**R**

RDS (Hệ Thống Dữ Liệu Radio) ..... 317

Rửa Cửa Kính ..... 238

Bổ Sung/Nạp Nước Rửa Kính ..... 561

Công Tác ..... 238

**S**

Sạc Không Dây ..... 273

Sang Số (Hộp Số) ..... 398, 402

Sắp Xếp Nội Dung ..... 141, 163

Sấy Kính ..... 241

Sấy Kính Sau ..... 241

Số Nhận Dạng ..... 670

Số Máy và Số Hộp Số ..... 670

Số Nhận Dạng Xe ..... 670

Số Nhận Dạng Xe ..... 670

**T**

Tắm Che Khoang Hành Lý ..... 269

Tắm Che Nắng ..... 271

**Thay**

Bóng Đèn ..... 562

Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau ..... 571

Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước ..... 568

Cầu Chì ..... 647, 649, 651

Lốp Xe ..... 600

Thay Bóng Đèn ..... 562

Bóng Đèn Gương Cá Nhân ..... 567

Đèn Ban Ngày ..... 562

Đèn Báo Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn

Cấp ..... 562

Đèn Biển Số Sau ..... 566

Đèn Chiếu Sáng ..... 562

Đèn Hậu ..... 563

Đèn Lùi ..... 565

Đèn Phanh ..... 563

Đèn Phanh Cao ..... 566

Đèn Sương Mù Sau ..... 565

Đèn Sương Mù Trước ..... 562

Đèn Vị Trí ..... 562

Đèn Xi Nhan Sau ..... 563

Đèn Xi Nhan Trước ..... 562

Thời Gian (Cài Đặt) ..... 182

Thời Gian Chạy ..... 135, 161

Thông Số Kỹ Thuật ..... 664

Thông Số Kỹ Thuật Bóng

Đèn ..... 665, 668

Thông Tin ..... 141, 163, 663

Thông Tin An Toàn ..... 0

**Thông Tin Pháp Lý và Ứng Dụng**

Apple CarPlay/Android Auto ..... 378

Thùng (Lốp) ..... 600

**Tiết Kiệm Nhiên Liệu Tức**

Thời ..... 133, 159

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải

CO<sub>2</sub> ..... 525

Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung

Bình ..... 133, 159

Tín Hiệu Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa

Yếu ..... 188

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp ..... 511

Tính Năng ..... 287

Tính Năng Tùy Chọn ..... 341, 348

Tốc Độ Trung Bình ..... 135, 161

Tốc Độ và Thời Gian ..... 134, 160

TRK (Dụng Cụ vá Lốp Khẩn

Cấp ..... 611

Trọng Lượng Tối Đa Cho

Phép ..... 385, 664, 667

Túi Khí ..... 57

Cảm Biến ..... 57

Đèn Báo ..... 66, 116

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí ..... 68

Sau Khi Xảy Ra Va Chạm ..... 59

Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố ..... 1

Túi Khí Bên ..... 62

Túi Khí Rèm ..... 64

Túi Khí Trước (SRS) ..... 59

Túi Khí Bên ..... 62

Túi Khí Rèm ..... 64

Túi Khí SRS (Túi Khí) ..... 59

Túi Khí Trước (SRS) ..... 59

|                                          |          |
|------------------------------------------|----------|
| <b>Tùy Chọn Màn Hình Hiển</b>            |          |
| Thị.....                                 | 141, 163 |
| <b>Tự Nghiêng Gương Khi Lùi Xe</b> ..... | 246      |
| <b>Tựa Đầu</b> .....                     | 257      |
| <b>Tựa Tay</b> .....                     | 260      |

|                  |          |
|------------------|----------|
| <b>U</b>         |          |
| <b>USB</b> ..... | 325, 374 |

|                                     |     |
|-------------------------------------|-----|
| <b>U'</b>                           |     |
| <b>Ứng Dụng Android Auto</b> .....  | 337 |
| <b>Ứng Dụng Apple CarPlay</b> ..... | 333 |

|                                      |     |
|--------------------------------------|-----|
| <b>V</b>                             |     |
| <b>Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp</b> .....     | 611 |
| <b>Vạch Báo Mòn (Lốp)</b> .....      | 574 |
| <b>Vệ Sinh Ngoại Thất</b> .....      | 592 |
| <b>Vệ Sinh Nội Thất</b> .....        | 589 |
| <b>Vô Lãng</b> .....                 | 243 |
| Điều Chỉnh.....                      | 243 |
| <b>VSA (Hỗ Trợ Ổn Định Xe)</b> ..... | 419 |

|                  |     |
|------------------|-----|
| <b>W</b>         |     |
| <b>WMA</b> ..... | 325 |

|                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| <b>X</b>                                |         |
| <b>Xăng</b> .....                       | 28, 521 |
| Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Hỗ Phách)..... | 115     |

|                                                        |               |
|--------------------------------------------------------|---------------|
| Đồng Hồ Đo.....                                        | 126           |
| Nạp Nhiên Liệu.....                                    | 521           |
| Thông Tin.....                                         | 521           |
| Tiết Kiệm Nhiên Liệu Tức Thời.....                     | 133, 159      |
| Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO <sub>2</sub> ..... | 525           |
| <b>Xe Có Động Cơ Tăng Áp</b> .....                     | 526           |
| <b>Xi Nhan</b>                                         |               |
| Đèn Báo (Bảng Điều Khiển).....                         | 117           |
| <b>Xử Lý Sự Cố</b> .....                               | 597           |
| Bàn Đạp Phanh Rung.....                                | 32            |
| Cầu Chì Nổ.....                                        | 647, 649, 651 |
| Đèn Cảnh Báo.....                                      | 106           |
| Động Cơ Không Khởi Động.....                           | 629           |
| Kéo Xe Khẩn Cấp.....                                   | 654           |
| Không Gạt Được Cản Sổ.....                             | 636           |
| Không Mở Được Cửa Sau.....                             | 203           |
| Lốp Thủng/Xẹp.....                                     | 600           |
| Ôn Khi Phanh.....                                      | 34            |
| Quá Nhiệt.....                                         | 637           |
| Tiếng Bíp Vang Lên Khi Mở Cửa.....                     | 33            |

